

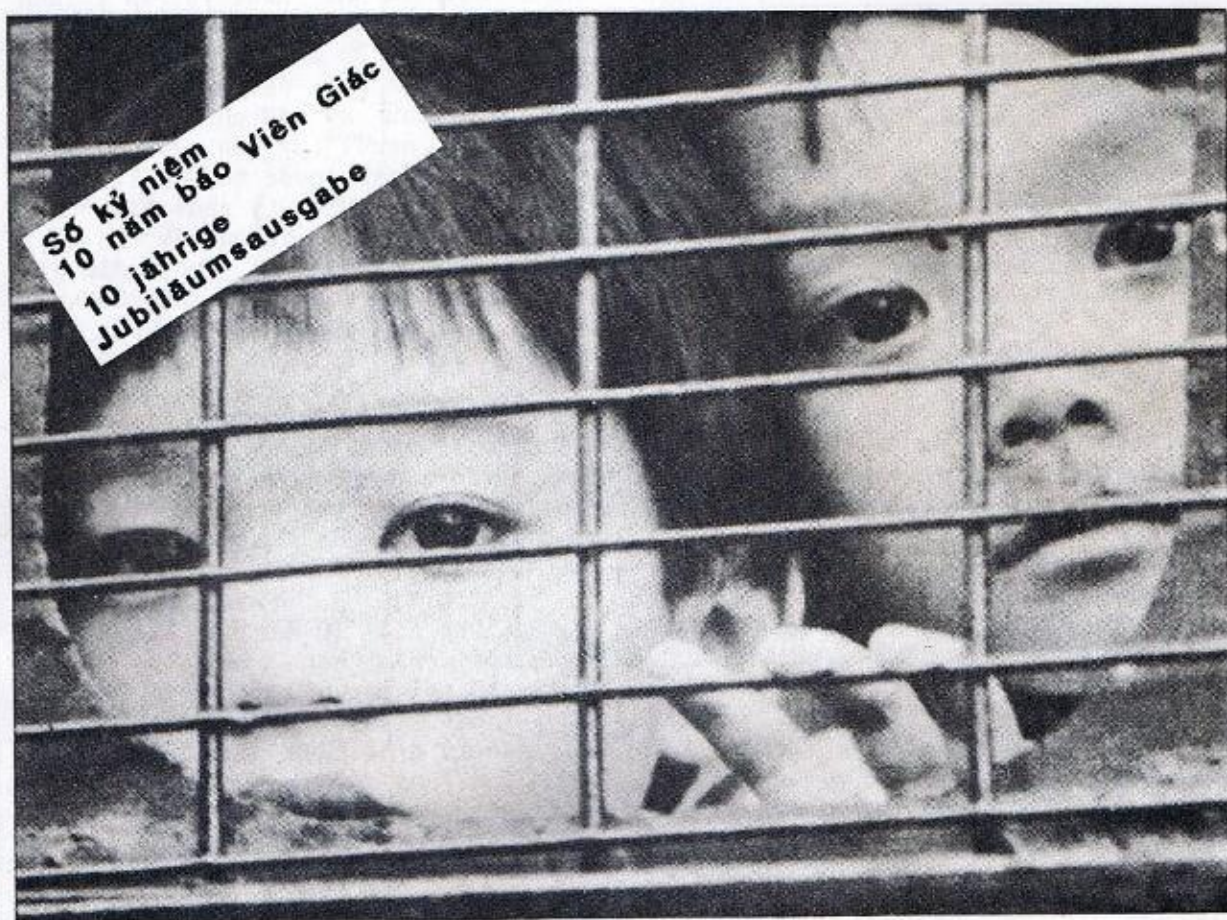
VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC • ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDH.
VIETNAM-FLÜCHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND



51 THÁNG SÁU 1989
JUNI 1989

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



Số kỷ niệm
10 năm báo Viên Giác
10 jährige
Jubiläumsausgabe

Sie müssen in Arrest

Mit einem Polizeilastwagen ins Gefängnis werden diese beiden vietnamesischen Mädchen abtransportiert. Sie gehören zu über 1200 Flüchtlingen, die auf Booten vor Hongkong auf Aufnahme warten. Jetzt kamen sie trotz des Verbots der Behörden an Land, weil die Wetterverhältnisse für sie lebensgefährlich wurden. Foto: AP

Trẻ thơ tội tình gì mà phải ở tù ?

(Vì thời tiết xấu và đe dọa tính mạng nên khoảng 1200 thuyền nhân, trên các ghe đậu trước cảng Hongkong, chờ được chấp thuận lên bờ, đã bất chấp lệnh cấm lên đất liền. Xe cảnh sát đã chở hai bé gái này nhốt tù.)

(Zeitung AZ - München am Mo. 22.6.89)

Thư Tòa Soạn

Trong khi quý độc giả cầm trên tay báo Viên Giác số 51 -số kỷ niệm 10 năm- thì số phận của hàng trăm ngàn đồng hương tỵ nạn tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á hiện đang bị đe dọa trầm trọng. Họ bị cưỡng bách trả về Việt Nam, và trong chiêu bài "cởi mở" của CS họ là những người bị thế giới tự do dành đoạn bỏ quên không mở rộng vòng tay tiếp thu nhận định cư nữa.

Chúng ta, những người đã được may mắn hưởng được nhiều tự do nơi xứ người, bàng hoàng trước những nguồn tin về việc cưỡng bách người Việt tỵ nạn hồi hương. Tựu chung cũng không ngoài quyền lợi riêng của các quốc gia đó cũng như những biến chuyển chính trị chung của thế giới.

Đó là chuyện của người khác chủng tộc, còn vấn đề của chúng ta là có làm được gì để giúp và cứu trợ được những đồng hương kém may mắn này hay không mới là chuyện đáng nói.

Thật ra cho tới nay có rất nhiều tổ chức, hội đoàn đã thực hiện việc cứu trợ đồng bào tỵ nạn tại Đông Nam Á bằng nhiều hình thức như ủy lạo, bảo lãnh, vận động các nước Tây phương tiếp tục thu nhận người tỵ nạn,...Như thế không phải là đến bây giờ mới đặt vấn đề cứu trợ người tỵ nạn. Nhưng vấn đề ngày hôm nay có tính cách cấp bách và quyết liệt hơn, vì thế việc cứu nguy đồng bào tỵ nạn CSVN tại Đông Nam Á, bên cạnh việc ủy lạo tài chánh, đòi hỏi toàn khối người Việt tỵ nạn ở hải ngoại phải nỗ lực nhiều và có tính cách quyết liệt hơn nữa. Những nỗ lực chính trong hiện tại để cứu nguy đồng hương tỵ nạn CSVN hiện sống tại Đông Nam Á gồm những điểm sau:

A. Đối nội:

1. Thuyết phục đồng hương đừng vinhững quyền lợi, tình cảm riêng tư mà đánh mất lương tâm để du lịch Việt Nam,
2. Kết đoàn mạnh mẽ đấu tranh cứu nguy người vượt biên.

B. Đối ngoại:

1. Vạch trần những đòn phép chính trị của bạo quyền CSVN và CS quốc tế qua chiêu bài "cởi mở",
2. Đòi hỏi quốc tế không có việc cưỡng bách trao trả người tỵ nạn về nước.
3. Kêu gọi các nước tự do mở rộng lòng nhân đạo tiếp tục thu nhận người Việt tỵ nạn CSVN định cư.

Trong chiều hướng đó, Chi Bộ GHPGVN Thống Nhất và Hội Phật Tử VN tỵ nạn tại Tây Đức trong dịp lễ Phật Đản 2533, từ ngày 20 đến 21.5.89 tại Chùa Viên Giác Hannover, đã phát động chiến dịch xin chữ ký để phản kháng việc cưỡng bách người tỵ nạn về nước cũng như kêu gọi các nước tự do tiếp tục thu nhận người Việt tỵ nạn. Đồng thời thực hiện cuộc lạc quyền yểm trợ trại tỵ nạn tại Đông Nam Á trong đêm văn nghệ cúng dường Phật Đản. Cụ thể hơn nữa là Chi Bộ GHPGVN Thống Nhất cũng như Hội PTVN Tỵ Nạn tại Tây Đức đã tham gia cuộc biểu tình và tuyệt thực trước trụ sở Liên Hiệp Quốc tại Genève vào ngày 13 và 14 tháng 6 năm 1989 vừa qua để yêu cầu LHQ nhận thêm người tỵ nạn và không trao trả đồng bào hiện còn sống trong các trại tỵ nạn ở Đông Nam Á về lại VN.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm báo Viên Giác, chúng tôi chân thành cảm tạ và tri ân sự ủng hộ mọi mặt của quý độc giả cùng Văn, Thi hữu Viên Giác. Chúng tôi nguyện cải tiến từ hình thức đến nội dung hầu không phụ lòng quý vị.

Cũng nhân dịp này, chúng tôi nguyện cầu cho tất cả đồng hương tỵ nạn tại Đông Nam Á sớm được qua cơn hiểm nạn và sớm được định cư. Và nguyện cầu cho Việt Nam sớm thoát khỏi ngục tù CS, thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc.

Nam Mô A Di Đà Phật.

VIÊN GIÁC

VIÊN GIÁC



Tap Chí của Kiều Bào và Phật Tử
Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland.

Chủ Trương: T.T. Thích Như Điển
Herausgeber

Chủ Bút và Kỹ Thuật: Thị Chơn
Redakteur und Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung von
Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistischen
Vietnam-Flüchtlinge i.d. BRD e.V

Tòa Soạn và Ấn Quán
Redaktion und Verlag
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội
Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i.d. BRD

c/o Viên Giác Pagode
Eichelkampstr.35A, 3000 Hannover81
Tel.: 0511-864638

● Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng,
vào tháng chẵn, nhằm mục đích phục
vụ lợi ích cho cộng đồng người
Việt tỵ nạn tại Tây Đức.

● Viên Giác bảo tồn và phát huy
truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và
Dân Tộc Việt, cùng những sinh hoạt
Tôn Giáo, Xã Hội.

● Viên Giác hoàn toàn không có
tính cách thương mại, tuy nhiên mọi
ủng hộ qua hình thức cúng dường,
Viên Giác xin chân thành cảm tạ.

● Ủng hộ Viên Giác, quý vị sẽ nhận
được biên nhận để khai làm đơn xin
quản binh thuế cuối năm.

TRONG SỐ NÀY

Trang

Thư Tòa Soạn

Tôn Giáo

| | | |
|------------------------------|------------------|----|
| Tương Lai Thiên Học Việt Nam | Thích Nhất Hạnh | 2 |
| Sự Phục Hưng PG Tại Ấn Độ | Thích Trí Chơn | 6 |
| Tin Có Luân Hồi | Lưu Hoảng Nguyễn | 8 |
| Đạo Phật Đi Vào Cuộc Đời | Tâm Như | 14 |

Đức Ngũ - Ins Deutsch

| | | |
|------------------------------|----------------|----|
| Die Lehre Buddhas | B.Dendo Kyokai | 15 |
| Das Leben E. Budd. Moenches | Thích Bảo Lạc | 18 |
| Die Vajradhatu Sonne | Thích Mãn Giác | 21 |
| "... Habt Erbarmen Mit Uns!" | IGFM | 23 |
| Buddhistische Aktivitäten | Thị Chơn | 23 |

Văn Hóa

| | | |
|-----------------------------------|-----------------|----|
| Lời Nguyễn Cửu Của Con Muối | Lê Thị Bạch Nga | 25 |
| Anh Năm Thọ Hờ và Anh Sáu Thọ Mọc | Lưu Nhơn Nghĩa | 29 |
| Quỳnh Châu | Nguyễn Hữu Huân | 33 |
| Biển Mặn | Phạm Hồng Sáu | 37 |
| Đường Sang Thiên Trúc | Trần Phong Lưu | 41 |
| Vườn Thơ Viên Giác | Tùy Anh (1 kỳ) | 43 |

Văn Nghệ

| | | |
|-----------|-------------------|----|
| Dứt Khoát | TrầnThị ThừaThiên | 46 |
|-----------|-------------------|----|

Chú Đề

| | | |
|----------------------------|----------------|----|
| Mười Năm Làm Báo Viên Giác | Thích Như Điển | 49 |
| Báo Đạo - Báo Đời | Phù Vân | 52 |

Giáo Dục

| | | |
|------------------------|----------------|----|
| Lá Thư Trang Thiếu Nhi | Tâm Bạch | 56 |
| Sứ: Nhà Hậu Lý | Thiện Hạnh | 56 |
| Cuộc Đời Đức Phật | Chùa Khánh Anh | 58 |

Thời Sự Thế Giới

| | | |
|--------------|--------------|----|
| Tin Thế Giới | Vũ Ngọc Long | 59 |
|--------------|--------------|----|

Cộng Đồng - Tin Tức

| | | |
|-----------------------------------|----------------|----|
| Thuyến Nhân | Vũ Ngọc Long | 68 |
| Hãy Thương Hại Chúng Tôi | Đốm Lửa | 70 |
| Trẻ Mồ Côi Tại Các Trại Tỵ Nạn | Nguyễn Ang Ca | 72 |
| Nghĩ Gì Về Cộng Sản | Phan Tiến Anh | 74 |
| Tìm Hiểu Thế Giới Ngày Nay | Thị Tâm | 75 |
| Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng | Thị Chơn | 79 |
| Tin Kã Hội | Thiện Dũng | 81 |
| Tin Phật Sự | Thị Chơn | 83 |
| Diễn Tiến Việc Xây Chùa Viên Giác | Thích Như Điển | 88 |

Thơ

Của các Thi Hữu: Đỗ Cao, Đan Hà, Thanh Nguyên, Tùy Anh

| | | |
|------------------------|-----------|----|
| Hộp Thơ Viên Giác | Thị Chơn | 90 |
| Phương Danh Cúng Dường | Viên Giác | 90 |

tương lai thiền học Việt Nam

Thích Nhất Hạnh

(tiếp theo)

Tôi nhớ hồi tôi mới gặp am chủ lần đầu tại chùa Ấn Quang, khi thấy ở Trà Ôn mới lên, vào khoảng 1953 hay 1954 gì đó. Hồi ấy thấy Nhật Liên nhớ tôi phụ trách giảng môn Phật giáo Sử tại Phật học đường Nam Việt. Tôi bắt đầu không phải bằng lịch sử Phật giáo Ấn Độ mà bằng lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tôi có đưa cho thầy xem một số thi kệ của các thiền sư Lý Trần mà tôi đã dịch ra tiếng Việt. Thấy tỏ vẻ rất ưa thích, và chúng ta thường nói chuyện về cách thức phục hưng lại thiền học Việt Nam. Trong tầng giới hồi đó có phong trào luyện ngoại ngữ để du học ở quốc ngoại. Trong khi các thầy Huyền Dung, Trí Không, Minh Châu, Quảng Minh, Huyền Vi, Thiện Châu v.v.. hướng về nẻo ấy thì thầy nói với tôi là thầy chỉ muốn đi theo con đường đã vạch và nhất định không chịu theo "thời thượng". Năm 1957 Phương Bối am mới thấy lên tịnh cư một thời gian, thấy vui vẻ nhân lời. Thiền Duyệt thất của thầy được cất trên đồi Thượng. Đó là một trong những giai đoạn hạ thủ công phu của thầy. Thấy ở Thiền Duyệt thất cho đến khi tình trạng chính trị và quân sự địa phương buộc thầy phải rời khỏi rừng Đại Lão. Sau cách mạng ngày 1.11.63 thầy về chủ trương Phật học viện Huệ Nghiêm. Tuy phải trông coi vừa Cao Đẳng Phật



học Saigon, vừa báo Hải Triều Âm vừa trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội, tôi vẫn tìm ra được thì giờ về giảng dạy hàng tuần cho học tăng thể theo lối yêu cầu của thầy. Thấy cũng nể lời tôi, nhận giảng kinh A Hàm tại Viện Cao Đẳng Phật Học. Mỗi lần về Huệ Nghiêm, tôi ưa ra thăm vườn rau cải của thầy. Môn tôi nhận giảng tại Huệ Nghiêm là "lý tưởng xã hội của người học tăng mới".

Sau đó, giao Phật học viện Huệ Nghiêm lại cho các đồngliêu am chủ ra mở thiền viện Chơn Không và Thường Chiếu. Phương

Bối, quê hương tinh thần ngày xưa chìm trong khói lửa, các tác viên của trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội hướng về Chơn Không và Thường Chiếu như quê hương tinh thần thứ hai của họ. Cuộc chiến đã đi đến giai đoạn thảm khốc; tôi phải bốn ba ra ngoài tìm kiếm giải pháp chấm dứt chiến tranh, và tiếng nói của tôi đã khiến cho tôi trở thành kẻ lưu vong ở hải ngoại. Tuy vậy tôi vẫn không cảm thấy xa đất nước quê hương một mảy may gang tấc nào. Ở cách xa các bạn cả một bán cầu, tôi vẫn được làm việc chung với các bạn. Các thiền

sinh của thầy có người đã bắt đầu dịch kinh điển và thư tịch về thiên. Tiếp theo những bản dịch Toạ Thiên Tam Muội, Lục Diệu Pháp Môn, Đốn Ngộ Nhập Đạo Yêu Môn, Toạ Thiên Dung Tâm Kỳ mà thầy thực hiện ở Phương Bối am, bao nhiêu tác phẩm khác đã được phiên dịch, sáng tác và xuất bản ở tu viện Chơn Không. Trong các tác phẩm này, tôi có ghi nhận cuốn Thiên Sư Việt Nam do thầy biên tập và cuốn Pháp Hoa Đế Vương của thiền sư Minh Chính do một cao đệ của thầy là pháp sư Nhật Quang phiên dịch. Đó là những tài liệu có thể bổ trợ cho nền thiền học Việt Nam. Tủ sách thiền của Chơn Không đã trở nên rất đáng kể, và trung tâm thiền do thầy tạo dựng và hướng dẫn đã tạo được niềm tin cho người trong nước. Thời đại chúng ta là thời đại băng nhựa, và tiếng giảng kinh của thầy ở Chơn Không đã vọng đi rang rang khắp nước. Ở hải ngoại các cuốn băng nhựa giảng kinh của thầy cũng đang được lưu hành, càng lúc càng rộng. Tại Phương Vân, tôi có nghề đóng sách để sinh sống nên nhiều người đặt tên cho tôi là ông đạo đóng sách. Còn thầy thì đã được người ta bắt đầu gọi là ông đạo cassette, thầy đã biết chưa?

Con đường tuy vậy còn xa. Tôi muốn bàn với am chủ về một số vấn đề liên quan đến thiền học Việt Nam mà hồi 1953-1954 ta chưa có dịp bàn tới. Trước hết là vấn đề giáo điển. Chắc thầy cũng nhận thấy nội dung 2 buổi công phu ở chùa không phải là thiền mà là mật giáo và tịnh độ giáo. Cổ nhiên đứng về phương diện lịch sử và hành trì, mật và tịnh có liên hệ với thiền. Song lẽ, từ thế kỷ thứ mười bốn trở đi, mật và tịnh đã lấn áp thiền, và chính vì lẽ đó mà chúng ta đã quyết định chấn hưng lại thiền học. Vào cuối đời Lý, thiền đã được pha trộn với mật cho nên các mối mê tín dị đoan xuất hiện khá nhiều. Các thiền sư như Đại Đăng, Đạo Viên, Thái Tông, Tiêu Diệu, Tuệ Trung v.v. đã thanh lọc lại thiền, vì vậy vào đầu đời Trần, Phật giáo thiền đã bắt đầu thuận tụy trở lại. Nhưng sau khi quân Mông Cổ diệt nhà Tống, dựng lên nhà Nguyên và đem Mật giáo ở Tây Tang qua truyền bá, thì Phật giáo ở Đại Việt bắt đầu bị ảnh hưởng rất lớn. Thiền sư Huyền Quang, tổ thứ ba của phái Trúc Lâm đã trì chú trong các buổi công phu. Nghi thức công phu sáng mà bây giờ các chùa còn đang sử dụng có lẽ đã được dựng nên từ thuở ấy ở nhà Nguyên. Toàn là đà la ni. Từ Lăng Nghiêm, qua Đại Bi tới Thập Chú, toàn là đà la ni.

Tâm kinh cũng mang màu sắc đà la ni: "thị đại thân chủ, thị đại minh chủ, thị vô thường chủ, thị vô đẳng đẳng chủ...".

Công phu chiếu, tuy là công phu tịnh độ, vẫn mang màu sắc Mật giáo. Nghi thức Mông Sơn thì thực là một nghi thức Mật giáo. Kinh A Di Đà chấm dứt bằng một đà la ni, "vãng sinh quyết định chân ngôn". Tôi biết Mật giáo và Tịnh Độ giáo đáp lại những nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng: cầu an, cầu siêu, quy túc tịnh độ... nhưng trong những thiền viện mà xử dụng 2 buổi công phu với nội dung Mật và Tịnh như thế tôi thấy không ổn. Hơn một ngàn năm nay, các thiền viện Trung Hoa Nhật Bản, Cao Ly và Việt Nam đã làm theo như vậy rồi, bây giờ tôi đề nghị thay đổi chắc trong giới sơn môn nhiều người không chịu. Tuy nhiên đạo pháp phải là một thực thể sống động, nếu đạo pháp không chuyển mình biến đổi thì sinh khí sẽ mất dần, và như một cây cổ thụ khô cằn, sẽ không thể mọc lên tươi tốt. Một ngàn năm mà chưa thay đổi, như thế đã là quá lâu rồi. Tôi xin đề nghị thầy đứng ra chọn lọc trong các kinh điển để tạo dựng ra một nghi thức công phu mới, trong đó có các kinh văn căn bản về thiền. Những kinh văn này phải được chọn lọc rất kỹ; sự tụng đọc các kinh văn này phải có ảnh hưởng đến công phu thiền tập hàng ngày và cũng sẽ có tác dụng nuôi dưỡng ấp ủ của thiền quán. Ngoài những kệ kinh do Phật trực tiếp chỉ dạy ta có thể trích thêm những văn kiện có giá trị của các thiền tổ. Ví dụ để thay chú Lăng Nghiêm, ta có thể trích một đoạn trong kinh Lăng Nghiêm Tam Muội, hoặc một đoạn trong kinh Lăng Già, hoặc một đoạn trong kinh Đại Bát Nhã. Cổ nhiên trong nghi thức Thiền Môn Nhật Tụng có những mục nên giữ lại, như Bát Nhã Tâm Kinh và đoạn kệ trích trong Hoa Nghiêm thuộc phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Chọn lựa kinh văn xong xuôi, còn phải ra công dịch cho có nghệ thuật, nhất là những bài kệ tụng và phát nguyện. Lời phải sâu, phải đẹp và có nhạc tính, tụng mới hay. Có những thi sĩ như Vũ Hoàng Chương, Trụ Vũ và Phạm Thiên Thư cộng tác thì quý. Tiếc thay thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã tạ thế rồi. Ông là một trong những người dùng chữ rất khéo. Công việc soạn thảo Thiền Môn Nhật Tụng này cần có sự hợp tác của nhiều người. Nghi thức sẽ được áp dụng trước hết trong các thiền viện; nếu Nghi thức soạn thảo công phu có giá trị về nội dung cũng như về nghệ thuật thì tôi tin chỉ trong vòng năm

năm là các chùa trong toàn quốc sẽ đem ra áp dụng.

Nhân nói đến kinh Lăng Nghiêm Tam Muội, tôi nhớ lại một điều muốn nhắc với am chủ đã lâu mà chưa có dịp. Đó là vấn đề nguồn gốc của kinh Lăng Nghiêm. Lăng Nghiêm Tam Muội (Suramgama-samadhi) là kinh có nguồn gốc Phạn ngữ, đã được dịch nhiều lần ra Hán văn. Kinh cũng đã được dịch ra Tang văn. Bản Hán dịch đầu được thực hiện vào thế kỷ thứ hai Tây lịch. Bản lưu truyền hiện nay là bản của Cưu Ma La Thập dịch vào cuối thế kỷ thứ 4 tức là kinh thứ 642 trong Đại Tang Tân Tu. Còn kinh Lăng Nghiêm thường được lưu truyền rộng rãi ở xứ ta là một thứ Lăng Nghiêm không có nguyên bản Phạn ngữ. Kinh này tên là Đại Phật Đỉnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chú Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm. Đó là một kinh được biên soạn tại Trung Hoa vào đời Đường, đầu thế kỷ thứ tám. Kinh này là kinh thứ 945 trong Đại Tang. Điều này đã được các học giả có uy tín về Phật giáo thừa nhận. Nói để biết vậy thôi chứ tôi không nghĩ rằng kinh biên tập ở Trung Hoa ít giá trị hơn kinh biên tập ở Ấn Độ. Ai cũng có quyền nghĩ rằng mình hiểu được tư tưởng của Phật hơn những người khác.

Vấn đề thứ hai mà tôi muốn bàn với thầy là vấn đề gốc rễ. Thiền có nhiều hệ phái, nhưng hệ phái nào cũng có gốc rễ ở Phật giáo nguyên thủy. Những tư tưởng đại thừa trong các kinh điển đại thừa đều có hạt mầm trong Phật giáo nguyên thủy. Ta có thể phân biệt tinh thần của Phật giáo đại thừa gắn với tinh thần Phật giáo nguyên thủy, nhưng ta phải công nhận là đúng về phương diện hình thức và lịch sử, các kinh bản Nam Tông gắn với các kinh bản của Phật giáo nguyên thủy hơn. Nếu các tư tưởng không, trùng trùng duyên khởi, duy thức và viên giác đều có mầm mống trong Phật giáo nguyên thủy thì thiền cũng vậy. Địa vị thiền rất lớn trong Phật giáo nguyên thủy và vì vậy người hành thiền phải luôn luôn trở về với các kinh bản thiền của Phật giáo nguyên thủy để nhận ra nguồn gốc của mình. Thiền Đông Độ đi kiếm căn nguyên của mình trong Lăng Già, Hoa Nghiêm và Bát Nhã mà ít khi tìm về được quê hương của mình trong A Hàm. Tôi muốn nói tới Niệm Xứ Kinh và An Ban Thủ Ý Kinh. Vào thời Phật tại thế, hai kinh này là những kinh "gối đầu giường" của thiền giả. Tại các thiền viện xứ ta, những kinh này không được đem ra dạy, thật là đáng tiếc

biết chừng nào. Tôi đã so sánh Kinh Niệm Xứ trong Hán tạng (Trung A Hàm, kinh thứ 98) và kinh Satipatthana của tạng Pali (Majjhima-Nikaya, kinh thứ 10) và nhận thấy nội dung hai kinh đại khái là tương đồng. Tuy nhiên phải nói ngay là kinh văn trong tạng Pali đơn giản và gọn gàng hơn nhiều. Theo tôi, đây là kinh căn bản nhất của người tập thiền sự kiện mà thiền sinh xử ta cả ngàn năm nay không được học kinh này là một sự kiện đáng tiếc vô cùng. Những lời chỉ dạy của Phật trong kinh này rất đơn giản và thực tế, không hề có tính cách lý thuyết. Điều mà tôi chú ý nhất trong những khi trì tụng là Phật chỉ dạy ta quán sát về thân thể, cảm thọ, tâm thức và đối tượng tâm thức mà không hề muốn nhồi sọ ta hoặc bắt ta học thuộc lòng cái công thức "thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã". Công thức này là do người đời sau thiết lập, nghĩ rằng phù hợp với giáo lý, ngờ đâu đã trở thành một loại giáo dục nhồi sọ và tự kỷ ám thị. Theo tinh thần của kinh, thiền là sự thức tỉnh, quán sát thường trực các hiện tượng thân thể, cảm thọ, tâm ý và đối tượng tâm ý; nếu thiền giả trong khi quán niệm mà phát kiến ra là thân bất tịnh, thọ thị khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã" thì đó là một trong những cái thấy do công phu quán niệm đưa tới, chứ không phải mục đích của thiền quán là để thấy và chỉ để thấy những đặc tính đó của thực hữu. Nếu quán niệm chỉ là để thấy những cái đó thì làm sao hành giả trực nhận được cái thấy khác như không, vô tướng, vô tác v.v...? Chính những cái thấy như thế mới mở tung được cánh cửa giải thoát cho người hành giả. Thiền là một pháp pháp thông minh chứ đâu phải là một lối nhồi sọ. Suốt cả quãng đời niên thiếu tu học, tôi đã bị cái công thức "thân bất tịnh, thọ thị khổ..." ám ảnh và điều đó gây trở ngại không ít cho tôi. Trong trí óc tôi hồi đó từ niệm xứ quán chỉ là để chứng minh tính cách bất tịnh, khổ, vô thường và vô ngã. Một công thức đạo đức luân lý hơn là một phương pháp thiền quán. Thiền quán, theo tinh thần kinh Niệm Xứ là quán sát chứ không phải là để tự nhồi sọ, để tự ám thị và để dần thành một thể trạng trong nội tâm mà đánh phá với chính mình.

Tôi đã có dịp dịch kinh Satipatthana ra quốc văn. Nếu có thêm bản dịch của thấy về Kinh Niệm Xứ trong Hán tạng, thì các thiền sinh sẽ có dịp so sánh, và từ sự so sánh ấy sẽ có nhiều

nhận định rất có ích về lịch sử hành thiền.

Kinh thứ hai là kinh Đại An Ban Thủ Ý, kinh thứ 602 trong Đại tạng Tân Tu. Tôi cũng đã so sánh kinh này với kinh Anapanasati trong tạng Pali (Majjhima Nikaya, kinh thứ 118). Bản Pali rất đơn giản và dễ hiểu giống như kinh Satipatthana vậy. Còn bản Hán dịch lại quá phức tạp. Tôi không tìm thấy kinh An Ban Thủ Ý mà chỉ thấy kinh Đại An Ban Thủ Ý. Có lẽ nếu kinh An Ban Thủ Ý còn thì văn sẽ ngắn gọn và văn tốt hơn. Đầu kinh Đại An Ban Thủ Ý có một bài tựa do thiền sư Tăng Hội để. Như thấy đã biết, Tăng Hội là người Giao Châu, gốc Khương Cư, sinh ở Giao Châu và tu học ở Giao Châu trước khi qua Ngô để hoằng pháp. Kinh do An Thế Cao dịch, và do Tăng Hội chú giải, nhưng lời chú lẫn vào với lời kinh; có nhiều nơi không thể phân ra được đâu là kinh đâu là chú nữa. So với kinh bản Pali thì khác xa nhau quá chừng. Kinh văn khá phiền mắt. So với bản Pali thì không tiện dùng cho người thiền tập bằng. Trong Hán bản tôi nhận ra được nhiều sự thêm thắt về sau, vì vậy tôi mới chỉ dịch được văn bản Pali. Có một điều rất đáng chú ý là ở kinh bản Pali ta không thấy nói đến phép đếm hơi thở mà chỉ thấy có phép theo dõi hơi thở và hướng dẫn hơi thở đi song song với quán niệm về tứ niệm xứ và thất giác chi. Ta biết phép đếm hơi thở được lập ra sau đó không lâu trong Nam Tông cũng như ở Bắc Tông. Kinh bản do An Thế Cao dịch có nhắc nhiều lần tới danh từ số tức, và bài tựa của Tăng Hội cũng vậy. Trong cuốn Ý Thức Em Mặt Trời Tô Rạng (sau tái bản ở Pháp dưới tên là Pháp Lạ của Sự Tỉnh Thức) tôi có cho in bản dịch kinh Satipatthana và bản tóm tắt của kinh Anapanasati. Cách đây ba hay bốn năm, tôi có gửi về thấy một cuốn Pháp Lạ của Sự Tỉnh Thức, không biết sách có tới ay thấy không. Tôi nghe nói năm 1977 tại Saigon một nhóm tăng ni có in lại đoạn sau của Pháp Lạ, lấy tên là Hàm Tiểu Thiền.

Thiền pháp mà tôi theo dõi và thực tập gần hai mươi năm nay đã được tôi phối hợp từ 2 nguồn tuệ giác Nguyên thủy và Đại thừa nếu thấy có đọc các cuốn Nền Vào Thiền Học, Pháp Lạ của Sự Tỉnh Thức và Trái Tim Mặt Trời thấy đã nhận thấy điều đó. Cuốn Pháp Lạ rất được phổ biến tại các trung tâm thiền học ở Âu Châu, Úc Châu và Mỹ Châu, một phần có lẽ cũng là vì đặc điểm đó. Tôi chưa dịch Trái Tim Mặt Trời nhưng tôi có cảm tưởng cuốn này

cũng sẽ rất được thiện giới Tây phương yêu chuộng. Tôi đã đưa thiền Đông Độ về ngâm mình tắm mát ở dòng suối nguyên thủy, và từ đó một sinh lực mới đã được phát hiện. Am chủ đã từng giảng A Hàm tại các Vạn Hạnh, đã từng dịch A Hàm, chắc đã nhận thấy việc đưa thiền về nguồn là việc quan trọng. Lâu nay nói đến thiền các thiền sinh chỉ nghĩ đến công án, tứ thiền, tứ vô sắc định mà không nghĩ đến niệm xứ như là nguồn gốc của cả các dòng thiền Niệm Xứ kinh không nói tới tứ thiền và tứ vô sắc định, vậy mà Niệm Xứ kinh là một kinh căn bản của thiền. Ta phải nói rõ cho thiền sinh biết bản chất của thiền nằm trong quán niệm chứ không phải trong những trạng thái xuất thân. Điều này tôi thấy rất quan trọng.

Vấn đề thứ ba mà tôi muốn đề cập tới là bản sắc thiền học nước ta. Thiền học Việt Nam xưa nay vẫn có truyền thống đi vào cuộc đời. Các thiền sư Định Không La Quý An và Vạn Hạnh của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã khởi mở truyền thống đẹp đó. Từ ấy đến nay chẳng có thời đại nào mà trong đó đạo Phật không đi vào cuộc đời. Có điều đạo Phật đi vào cuộc đời mà không sa lầy trong cuộc đời. Vạn Hạnh xuống núi cho đến khi tình trạng nguy nan của nước nhà chấm dứt, và trở về cương vị xuất thế của mình. Các thiền sư phái Yên Tử cũng vậy. Phật giáo Trúc Lâm đời Trần là một nền Phật giáo nhập thế: thiền học đã là nền tảng của một nền văn hóa và chính trị độc lập của nước nhà. Ngay trong những thời đại Phật Giáo suy đồi, thiền giả vẫn không tách rời khỏi xã hội. Năm ngoài tôi có dịp tìm hiểu về thiền sư Chí Thành, và tìm thấy nơi ông hình ảnh rất thực của các thiền sư nhập thế. Thiền sư Chí Thành là con của Hộ Quốc Công Nguyễn Công Thành, sinh năm 1861 tại Quảng Nam. Ông tham gia phong trào Văn Thân khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông vào tu ở chùa Giác Viên ở Chợ Lớn, ba năm tròn lo việc công quả: gánh nước, bừa cùi giã gạo. Sau đó ông nhập thất và tịnh khẩu trong ba năm. Năm 1892 ông đi cứu trợ bão lụt tại Gò Công và năm 1895 ông lại đi cứu trợ bão lụt ở Châu Đốc. Một mình ông đốc suất cứu vớt được hơn 500 người đem về chùa nuôi cho đến khi nước rút. Ông thu thập, tần liệm, mai táng không biết bao nhiêu là thi hài không thừa nhận. Ông lại còn bị mật thám Pháp bắt giam gần một năm trời vì những hoạt động xã hội. Những người như thiền sư Chí Thành

thời nào mà không có. Người đi ra làm việc cứu thế độ dân phải có sức mạnh tâm linh của thiên mới không bị nản lòng thời chí hoặc sa vào vòng danh lợi. Thiên sư xuống núi cứu đời không phải là bằng phép thần thông. Thiên sư cũng phải nhần nhục, chịu đựng có khi cũng bị giam cầm và tàn sát như bất cứ ai. Nhưng có sức mạnh tinh thần thiên sư trở thành vô úy và bất thời chuyển. Trong công phu sáng có một bài văn phát nguyện mà những người như thầy và tôi đã từng đọc hàng vạn lần. Đó là bài sám Quy Mạng. Chúng ta hãy đọc lại vài câu :

"hòa hoach băng hà chi địa, biến tác hương lâm,
âm đồng thực thiết chi đồ, hóa sinh tịnh độ,
phi mao đới giác, phụ trái hàm oan,
tận bãi tân toan, hàm triêm lợi lạc,
tật dịch thế, nhi hiện vi dược thảo, cứu liệu trầm kha,
cơ căn thời, nhi hóa tác đạo lương, tế chư bản nổi".

Tôi tạm dịch :

"những miền tù ngục đôn đau, tôi nguyện chuyển đổi thành những khu rừng thơm,
những kẻ đang chịu đựng cực hình tôi nguyện đưa về đất giải thoát,
những loài mang lông đội sừng, những kẻ oan ức nợ nần, tôi nguyện giúp họ sớm chấm dứt được mọi khổ đau cay đắng và sẽ cùng được thấm nhuần an lạc,
gặp thời buổi bệnh tật dịch lệ, tôi nguyện sản xuất ra thuốc men để cứu cho mọi kẻ trầm kha,
gặp giai đoạn đói kém, tôi nguyện tìm ra thóc gạo lương thực để tế độ cơ hàn".

Đó, lời nguyện không thể là một lời nguyện suông mà là một lời thể cần phải thực hiện. Bài Sám Nguyện này là một trong những bài có thể và cần giữ lại trong nghi thức công phu buổi sáng. Nó nhắc nhở cho ta biết đạo Phật có vi thể gian và tồn tại vì thế gian; giải thoát và từ bi không phải là những gì có thể biệt lập với cuộc đời. Thiên không phải là để dành cho một số người may mắn có cơm ăn áo mặc. Thiên là của chung của tất cả chúng ta. Thiên không phải chỉ có cư trú nơi am thanh cảnh vắng; thiên còn hiện hữu ngay những chốn bùn lầy nước đọng, những chốn tù ngục âm u. Chính trong những cảnh huống hoạn lạc đói khổ và áp bức mà thiên biểu lộ được ánh sáng của mình.

Ngày Trần Nhân Tông đi tu, ông bỏ hết mọi tiện nghi của một vị thượng hoàng. Ông tu theo hạnh đầu đà. Ông đi chân đất, mặc

áo vá, từ chối đi kiệu, đi vòng đi ngựa và cả đi thuyền nữa. Ở trên núi Yên Tử, ông cư trú trong những chiếc am bằng lá như am Ngọa Vân, và ông tắm ngay ở dưới suối. Biết trước đời sống này sẽ rất khác với đời sống trong cung điện, ông đã chuẩn bị tập sự xuất gia nhiều năm ở hành cung Vũ Lâm. Vậy mà đến khi thành sơn tăng, ông vẫn không quên dân quên nước. Không cần quyền bính, ông vẫn đi du hóa ở miền quê, khuyên dân bỏ ác làm lành, phá trừ hủ tục. Để có hòa bình với láng bang miền Nam, ông còn tác thành cho cuộc nhân duyên giữa con gái ông, công chúa Huyền Trân, và vua Chế Mân của nước Chiêm Thành. Ông cố xây dựng cho Giáo Hội Trúc Lâm độc lập với chính quyền và buộc chính quyền phải tôn trọng uy quyền riêng của Giáo Hội. Cho đến trước khi chết mà ông còn làm chúc thư để các vị thị giả làm lễ trà tỳ cho ông mà không cho phép triều đình động tới tang lễ, nghĩa là không cho phép triều đình làm lễ quốc táng theo kiểu quốc táng cho một thượng hoàng. Tính cách xuất thế của thiên gia không vì hành động nhập thế của người mà bị suy tổn. Nghĩ cho kỹ thì ta không thấy có ranh giới giữa xuất thế và nhập thế, giữa vô hành và hữu hành. Một vị thiên sư ngồi trên đỉnh non cao nhưng đạo đức vẫn soi sáng được cho văn hóa và chính trị thì tuy ông vô hành mà là hữu hành. Đạo đức ấy làm phát khởi một niềm tin, bởi vì đạo đức ấy có dính líu đến sự sống trong khi soi sáng được cho đường

đi nước bước của xã hội. Nếu vị thiên sư nói: "Tôi không biết và không dính líu tới việc đời; chuyện đó là chuyện của các ông thì đạo đức của ông ta không soi sáng được cho ai cả. Cũng như khi đứng trong lòng cuộc đời để hành động mà không có sức mạnh của tuệ giác và của tâm linh thì con người hành động dù có mang danh hiệu hay áo mũ nhà tu cũng không dính líu gì tới chuyện xuất thế và nhập thế của đạo Phật cả. Những bậc bồ tát như Quan Âm, Phổ Hiền, Địa Tạng và Thường Bất Khinh thời nào cũng có mặt trong cuộc đời, như vì họ không mang áo mũ như trong các tranh tượng đang được thờ cúng nên ít ai nhận diện được họ. Chỉ có một Phổ Hiền mới nhận diện được một Quan Âm, để dàng như ta nhận diện một người bạn. Bồ Tát Quan Âm có thể đang ngồi ở núi Phổ Đà, ta lên đó sẽ gặp; nhưng nếu ta đi vào chốn bùn lầy nước đọng ta sẽ có cơ hội gặp ngài nhiều hơn. Nhưng muốn gặp thì phải có khả năng nhận

diện, nghĩa là phải có một ít bản chất Quan Âm trong người.

Năm xưa tôi viết Ý Thức Em Mặt Trời Tò Ràng là để cho những người trẻ vào đời có thể đem theo chút ít sức mạnh tâm linh và thiên quán cần thiết cho công cuộc phụng sự. Người trẻ nào thể hiện được trong lòng mình một ít vô úy và từ bi đều có thể được coi như một cánh tay của đức Bồ Tát gửi vào cuộc đời. Cũng bởi lẽ đó cho nên ngày xưa tôi thường khuyên các em hướng về Thường Chiếu để thiết lập một sự cảm thông có thể nuôi dưỡng chất liệu phụng sự trong lòng họ. Và những người đứng ra thí nghiệm Dòng tu Tiếp Hiện đã phát nguyện có ít ra là bốn mươi ngày tĩnh tu trong một năm để nuôi dưỡng chất liệu tuệ giác và từ bi. Trường Xã Hội hay dòng Tiếp Hiện chỉ là những hình thái diễn bày cụ thể tinh thần nhập thế của đạo Phật. Từ những ngày nào xa xôi, tôi đã nghĩ rằng chúng ta không nên lưu trú trong lĩnh vực tư tưởng và lý thuyết không dính đến sự sống cụ thể của con người "Phật tại thế gian, bất ly thế gian giác". So với các truyền thống Thiên tại Trung Hoa và Nhật Bản, thiên học Việt không có tính cách nhà giàu và quyền quý, trái lại còn đi sâu vào đời sống dân dã. Ở nước ta, chỉ có một thiên phái mang tính cách quyền quý, đó là thiên phái Thảo Đường. Thiên phái này vì vậy đã không có ảnh hưởng sâu rộng và bền bỉ trong đời sống nước Việt.

Những điều trên đây tôi nhận thấy là tối yếu cho sự xây dựng tương lai thiên học Việt Nam. Tôi viết những dòng trên cho thấy để góp ý, nhưng cũng mong rằng các thiên sinh trẻ tuổi trong nước có dịp suy nghĩ về con đường trước mặt của Phật giáo Việt Nam. Thế hệ Phật tử sau này có muốn làm cách mạng giáo lý và giáo chế cũng phải suy xét cho kỹ càng về những điểm căn bản đó. Phật Giáo Việt Nam có một truyền thống và những gì tốt đẹp của truyền thống đó sẽ được bảo tồn. Những giá sắc mới của tương lai sẽ hòa hợp dễ dàng với những tinh hoa ấy. Những gì khô cứng không còn sinh khí cần phải được đập bỏ để cho sức sống trào lên và tiếp tục. Sự thay đổi ở đây không làm hại đến những gì tốt đẹp của truyền thống mà còn giúp cho những tinh hoa ấy phát triển và trường tồn.

(còn tiếp)

SỰ PHỤC HƯNG PHẬT GIÁO TẠI ẤN ĐỘ

Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

Phật Giáo đã ảnh hưởng mạnh mẽ trong hàng học giả Ấn Giáo, những người sinh ra không phải Phật tử và cũng chưa bao giờ quy y Phật, tuy nhiên họ đã chấp nhận sống theo giáo lý và giới luật Phật Giáo. Hình thức ảnh hưởng này, bằng sự đồng hóa của những yếu tố Phật Giáo đã đặc biệt hiện rõ trong nền nghệ thuật Ấn Độ hiện đại. Nghệ thuật Phật Giáo ở Ajanta(60) đã gây ảnh hưởng lớn lao trong nền nghệ thuật hội họa và điêu khắc Ấn Độ. Nhất là hai đại họa sĩ phái Bengal, Abanindranath Tagore (61) và Nandalal Bose, đã phỏng theo một số lớn mẫu họa và chọn đề tài từ những bức tranh vẽ trên tường ở hang động Phật Giáo Ajanta. Tuy nhiên, đây chúng ta sẽ giới hạn việc thảo luận trong phạm vi văn chương và đối với hai văn hào các độc giả Âu Châu đều biết đến : đó là đại thi hào Rabindranath Tagore(62) và thánh Gandhi (63). Thật là ý nghĩa khi cả hai tư tưởng gia này đều là những nhà diễn đạt lại lời dạy của đức Phật. Họ đã cải tác bức thông điệp của Ngài qua giáo lý căn bản của Áo Nghĩa Thư - Upanishads (64). Nói khác, họ đã mang sự chỉ trích, phê bình Ấn Độ Giáo lùi lại với nguồn gốc của truyền thống tinh thần Ấn Giáo. Trên hết, cả hai đã diễn đạt lại lý thuyết "Không Tính" siêu việt của Phật Giáo trong ý nghĩa về một khái niệm nhân cách của đấng Tối Cao.

Điều này không mấy ai ngạc nhiên đối với R.Tagore, một thanh niên trẻ đã từng hợp tác chặt chẽ với phong trào tôn giáo gọi là Brahma Samaj (65) do thân sinh ông lãnh đạo. Phong trào này chống đối mạnh mẽ đa thần giáo của Ấn Độ Giáo (Hinduism). Thay vào đó, họ chủ trương học thuyết

Giới thiệu Tác giả:

Ernst Benz, giáo sư môn "Lịch Sử Giáo Hội và Giáo Điều" (Church and Dogmatic History), nguyên Giám Đốc trưởng Toàn Thể Giáo Hội (Ecumenical Institute) thuộc Đại Học Marburg, Tây Đức. Năm 1957-1958, ông được mời qua dạy tại Đại Học Doshisha ở Kyoto (Nhật Bản). Giáo sư Ernst Benz, nhiều năm nghiên cứu Phật Giáo, đã từng đi tham khảo, gặp gỡ các lãnh tụ những đoàn thể Tân Phật Giáo (Neo-Buddhism) ở Ấn Độ; và tìm hiểu sinh hoạt, tổ chức Phật Giáo tại các quốc gia Á Châu như Miến Điện, Tích Lan, Đại Hàn, Hồng Kông và Phi Luật Tân.

(Ghi chú của người dịch)

ẢNH HƯỞNG CỦA NỀN VĂN HỌC TÂN PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN ẤN ĐỘ

căn bản nhất thần của truyền thống tôn giáo Ấn Độ, được tìm thấy trong giáo điển Phệ Đà-Veda(66). Bằng đức tin đấng Tối Cao thể hiện thâm sâu trong con người, Tagore đã phát huy khái niệm cho rằng vô cùng tính và siêu việt tính hiện hữu trong thiên nhiên và mối tương sanh được tìm thấy ở trình độ cao nhất trong sinh vật cùng như ở con người. Ý niệm này Tagore cho rằng cũng được thấy thể hiện nơi Phật Giáo. Trong tác phẩm Sadhana, ông viết :

"Đức Phật, Người đã phát huy khía cạnh thực tế của giáo lý Áo Nghĩa Thư, đã thuyết bày cùng chung bức thông điệp (của Áo Nghĩa Thư) khi Ngài dạy: Đối với mọi chúng sanh, bất luận trên dưới, xa gần, thấy hay không thấy các con đều nên có lòng từ bi vô lượng không sanh tâm hận thù hay sát hại. Giữ gìn tâm như thế trong khi đi đứng nằm ngồi... là Tứ Vô Lượng tâm. Nói khác là sống hành động, hỷ xả theo tinh thần đức Phật".

R.Tagore cũng nhấn mạnh sự quan trọng về tinh thần đạo đức và xã hội của Phật Giáo. Theo ông, Phật Giáo rõ ràng bao hàm căn bản những khuynh hướng cụ thể về thực hành đạo đức xã hội. Chẳng hạn đức Phật dạy Phật tử nên có lòng từ bi đối với mọi chúng sanh. Điều này thường được coi như phương tiện để giải thoát khỏi bản ngã (vị kỷ). Tuy nhiên, R.Tagore nhận xét hành động "chia sẻ khổ đau" (shared suffering) đó như năng lực tác động của tình thương và đánh giá nó tương đồng với ý tưởng

sống theo tinh thần của Phạm Thiên (Brahma) :

"Trong bài thuyết pháp cho đại đức Simha, đức Phật dạy: - Nay Simha, đứng vậy. Ta đã dứt bỏ mọi hành động, nhưng chỉ những hành động dẫn đến bất thiện trong lời nói, ý nghĩ và việc làm. Đứng vậy này Simba, Ta đã thuyết dạy sự hủy diệt, nhưng chỉ hủy diệt tâm ngã mạn, lòng tham, ý tưởng bất thiện và vô minh, không phải hủy diệt lòng hỷ xả, từ bi, bố thí và chân lý". Giáo lý giải thoát đức Phật dạy là sự giải thoát khỏi ngục tù của Avidya. Avidya là vô minh, đã làm tâm nhiễm ô và hạn cuộc trong những thành tri bản ngã của cá nhân chúng ta. Chính do bởi Avidya, sự vô minh hạn cuộc tâm thức này đã tạo nên sự khó khăn dứt lìa bản ngã và do đó trở thành nguồn gốc của mọi ác tính tham lam, ngã mạn, bạo tàn và ích kỷ".

Vì vậy Tagore đã kịch liệt chỉ trích sự diễn đạt tiêu cực về Niết Bàn mà ông nghĩ là một nhận xét sai lầm đối với Phật Giáo. Ông giải thích Niết Bàn không phải một trạng thái ngoài thiện ác hay tách rời khỏi thế giới hành động đạo đức, nhưng là sự thực hiện tình thương trọn vẹn: "Thì chúng ta nhận thức được Niết Bàn thể hiện qua tình thương như đức Phật dạy, chúng ta hiểu rằng Niết Bàn là cực điểm phát triển của tình thương. Vì tình thương tự nó là cứu cánh. Với mọi điều khác đều gọi ra trong ý nghĩ chúng ta câu hỏi "Tại sao?" rồi chúng ta phải tìm câu giải đáp. Nhưng khi chúng ta nói: "Tôi thương" thì không có

vấn đề "Tại sao?". Vì tự nó đã bao hàm lời giải đáp sau cùng. Hẳn nhiên có thể người ta bỡ ngỡ vì ích kỷ. Nhưng người ích kỷ làm vậy (bổ thí) vì bắt buộc. Điều này giống như hái trái cây khi còn sống, các bạn phải làm gãy nát cả nhánh để giắt trái khỏi cây. Nhưng khi người ta thương, sự ban cho trở thành một nguồn vui đối với họ chẳng khác gì người ta hái trái cây đã chín. Trọng lượng các vật sở hữu nơi chúng ta trở nên quá nặng nề bởi hấp lực tham dục ích kỷ khằng ngừng của chúng ta, khiến chúng ta khó có thể từ bỏ chúng. Hình như chúng là bản chất của chúng ta, đã gắn liền với chúng ta như lớp da thứ hai và chúng ta chày máu khi phải giắt chúng ra. Như khi tâm chúng ta chứa đầy tình thương, sức mạnh của tình thương sẽ tác động trong một chiều hướng đối nghịch lại. Những vật gắn liền chúng ta sẽ mất sức bám chặt cũng như trọng lượng của chúng và chúng ta thấy rằng chúng không phải thuộc của chúng ta. Trái hẳn với điều mắt thấy trong việc bổ thí các vật đó, chúng ta tìm thấy qua hành động xả bỏ này sự toàn thiện của con người chúng ta".

Vậy nhập Niết Bàn không phải thoát khỏi cảnh thế gian đau khổ này mà là giải thoát để đạt đến hình thức thực hiện đạo đức cao nhất.

"Sự giải thoát của thế xác chúng ta bao hàm trong sự đạt được sức khỏe, của xã hội trong thành quả của các hành động thiện và của bản ngã chúng ta trong việc thực hiện tình thương. Bởi điều sau này (tình thương) mà đức Phật đã dạy chúng ta nên tận diệt lòng ích kỷ - động lực của tình thương không hướng chúng ta đến vô minh mà là giác ngộ. Đó là sự đạt chúng Bồ Đề hay giác ngộ chân chính, sự thể hiện nơi tâm chúng ta nguồn vui bất tận bởi ánh sáng của tình thương".

Ý tưởng tân Phật Giáo của Tagore đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến thế hệ tranh đấu cho công cuộc giải phóng Ấn Độ và thành lập nền tảng cho nhiều sắc luật xã hội mới của nền Cộng Hòa Ấn. Lý tưởng và sự quan tâm của chính thể này trong việc canh tân xã hội có thể bắt nguồn từ chủ thuyết của Tagore.

Đại học Tagore ở Santiniketan (67) bao gồm dạy nhiều môn học, nghiên cứu về đức Phật và giáo lý của Ngài. Nhiều thi phẩm của ông đã trực tiếp liên hệ đến những đề tài Phật Giáo, hoặc ảnh hưởng sâu xa bởi tinh thần Phật giáo. Thái độ của ông đối với đức Phật là luôn luôn tin tưởng kính mến và ngưỡng mộ nhiệt

thành. Trong quá khứ, những tu sĩ Bà La Môn chính thống đã xua đuổi Phật giáo khỏi quốc gia; các tác phẩm của R. Tagore nói chung trình bày sự kêu gọi mạnh mẽ Ấn Độ trở về với tinh thần Phật Giáo.

Một trong những câu thơ cảm động nhất của Tagore trong tập thi phẩm "Lượm Trái" (Fruit Gathering) diễn tả hành động ngăn cấm tín nữ Phật tử Shrimati Ie Phật bởi hoàng tử con vua Tần Bà Sa La - Bimbisara (68) và của các vị Bà La Môn như sau :

"Và trong giờ phút yên tĩnh của những vì sao,
Ánh sáng ngọn đèn lễ Phật sau
cùng nơi cửa chùa đã tắt".

Ảnh hưởng hiện đại của Phật giáo còn thể hiện rõ ràng hơn trong tư tưởng và các tác phẩm của Thánh Gandhi. Và hiển nhiên tinh thần đạo đức Phật Giáo đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến chương trình chính trị và xã hội của Gandhi. Nhưng ông cũng quan niệm cho giáo lý của đức Phật là hữu thần. Trong bài thuyết trình về đức Phật ngày 24.11.1927, ông đã giải đáp tường tận về vấn đề gán cho Phật giáo như vô thần (atheism) là "điều thường được nêu lên để chống đối đức Phật và Phật giáo ở Đông cũng như Tây phương".

Thật vậy, không có kinh điển nào thấy đức Phật nói đến sự hiện hữu của một cá nhân Thượng đế. Hơn nữa, Ngài dạy rằng thế giới siêu việt được che dấu vượt ngoài tư tưởng và sự thấy biết của con người bởi một tấm màn hoàn toàn không thể xuyên qua được. Do những ý tưởng này mà không khó cho người ta nghĩ rằng Phật giáo là vô thần. Nhưng Gandhi đã bác bỏ bất cứ quan niệm nào như thế và xem đó như một điều ngộ nhận căn bản; thực vậy, như một dấu hiệu của sự không hiểu biết toàn diện. Theo ông, điều gọi là vô thần của đức Phật kỳ thực là một chứng cứ tỏ ra đức Phật đã sâu xa cảm thông bởi thực tại của Thần Linh. Gandhi biện minh rằng đức Phật đứng ra vì đã trực tiếp gắn gũi với thần linh và Ngài không thể cứu mang kiến thức thần học của các vị Bà La Môn, những người hình như hiểu biết quá xa với về Thần Linh và đã gián lược hóa thần linh vào hệ thống các thần thoại và tín điều. Các nhà thần học đã thường đề cập đến sự thánh thiện của chư Thần và lần nữa, để chứng tỏ sự uyên nguyên thánh thiện của thần linh, đức Phật đã phủ lên ngôi vị của thần linh một tấm màn bất khả tri luận (agnosticism).

Gandhi bảo: "Tôi nghe nói nhiều lần về điều đó và tôi đã đọc nhiều sách để cập đến tinh thần Phật giáo, rằng đức Phật không tin tưởng ở Thần Linh. Theo thiên ý tôi, sự tin tưởng như thế trái hẳn với chính căn bản giáo lý Đức Phật. Sự nhầm lẫn đã phát sinh từ hành động chống đối của đức Phật, đúng hơn là chống đối những điều xấu xa nhân danh thần linh đã xảy ra vào thời đại Ngài sống. Đức Phật dĩ nhiên đã bác bỏ ý niệm cho rằng một đấng gọi là Thần bị cảm dỗ bởi ác tính có thể hối quá về những việc làm sai quấy của họ và chẳng khác gì các vua chúa ở thế gian có thể hành động thỏa mãn dục lạc lai vừa muốn được sự kính trọng Giáo pháp của chư Thần (Thượng đế) là vĩnh cửu, bất biến và nó không thể tách rời thiện tính của chính các Ngài được. Đó là điều kiện tất yếu cho sự toàn thiện của Thần Linh. Do đó nên đã có sự ngộ nhận rằng đức Phật không tin thần linh mà chỉ tin ở những lời răn đạo đức".

(còn tiếp)

Trích tác phẩm "BUDDHISM OR COMMUNISM WHICH HOLDS THE FUTURE OF ASIA ? (Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ tương lai của Á Châu?).

(60) AJANTA : Tên một ngọn đồi hình móng ngựa (horseshoe form) ở gần làng Fardapur, trong quận Aurangabad, thuộc tiểu bang Maharashtra, miền tây Ấn Độ. Trên sườn của ngọn đồi này vào khoảng từ thế kỷ thứ 2 trước tây lịch đến thế kỷ thứ 7 sau tây lịch, những người Ấn thời xưa đã đục trong đá thành những cái động (caves), tạo nên các ngôi chùa Phật giáo với nghệ thuật kiến trúc chạm trổ rất đẹp. Trong các chùa động đá này, những họa sĩ Phật tử vô danh Ấn Độ thời cổ đã sáng tác nên những bích họa (tranh vẽ trên tường) rút đề tài ở lịch sử đức Phật. Có tất cả 29 động. Những động đá này do một nhóm người Âu Châu đi săn tìm cổ khám phá ra vào năm 1829, hiện nay vẫn còn và là một trung tâm du lịch nổi tiếng khắp thế giới tại Ấn Độ (D.G.).

(61) ABANINDRANATH TAGORE (1871-1951) : Nhà văn kiêm họa sĩ tài ba, là sáng lập viên Hội Nghệ Thuật Đông Phương của Ấn Độ (Indian Society of Oriental Arts). Họa phẩm nổi tiếng của ông là "Buddha and Sujata" (Đức Phật và Tín nữ Tu Xà Đề); "The Death of Shah Jahan" (Cái chết của hoàng tử Shah Jahan) v.v. Ông từng giữ chức vụ giám đốc và phó giám đốc Trường Mỹ Thuật của chính phủ (Government School of Art ở Calcutta từ năm 1905 đến 1916 (D.G.).

(62) **RABINDRANATH TAGORE** (1861-1941): Sinh ngày 7.5.1861 tại Calcutta, thủ đô tiểu bang West Bengal (miền đông Ấn Độ), con của ông Devendranath Tagore. Năm 1901 R.Tagore mở trường học tại Santiniketan ở thị trấn Bolpur, tiểu bang West Bengal và sau trở thành trường Đại Học Visva Bharati vào năm 1924. Ông là đại thi hào và họa sĩ của Ấn Độ, đoạt giải Nobel văn chương năm 1913 sau khi bản dịch tiếng Anh thi phẩm "Gitanjali" của ông được xuất bản năm 1910. Sau đây là một số thi phẩm nổi tiếng của R.Tagore: Minasi (ấn hành năm 1890) Chitra (1896), Kalpana (1900) v.v. Ông mất ngày 7.8.1941 (D.G.).

(63) **GANDHI** : Tên thật là Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948) người đời thường gọi Mahatma Gandhi hay Thánh Gandhi. M.K.Gandhi sinh ngày 2.10.1869 tại Porbandar, tiểu bang Gujarat, miền tây Ấn Độ, con của ông Karamchand Gandhi, theo Ấn Độ giáo. Lúc 12 tuổi Gandhi lập gia đình với Kasturba, con gái của một thương gia ở Porbandar và có được 4 con. Ông qua Anh học luật vào những năm 1888-1891 và năm 1893 trở về Ấn hành nghề luật sư. Sau đó ông sang Natal (Nam Phi Châu) sinh sống và bất mãn trước hành động kỳ thị của người da trắng đối với dân chúng da màu tại đây. Năm 1914, Gandhi trở về lại Ấn Độ. Năm 1919 ông đề xướng phong trào Satyagraha (hay Sự Thật bền vững) chống nhà cầm quyền thực dân Anh bằng phương pháp bất bạo động. Tháng 3 năm 1922 ông bị chính quyền Anh bắt kết án tù đến năm 1924 mới được tha.

Năm 1929-1930, Gandhi tiếp tục tranh đấu kêu gọi dân Ấn bất hợp tác với thực dân Anh, gây nên nhiều cuộc nổi loạn và ông bị bắt giam lần thứ hai. Năm 1932, để chống đối việc nhà cầm quyền Anh kỳ thị, bác đãi hàng giai cấp hạ tiện, Gandhi bắt đầu cuộc tuyệt thực đến chết nhằm kêu gọi dân chúng tẩy chay, bất hợp tác với người Anh. Sau đó ông bị bắt trở lại và được phóng thích năm 1933. Từ năm 1937, Gandhi được dân chúng thừa nhận như lãnh tụ tranh đấu giành độc lập cho Ấn Độ và năm 1942, ông lại bị chính quyền bắt giam vì chủ trương yêu cầu người Anh rời khỏi xứ Ấn. Sau khi Ấn Độ được chính quyền Anh quốc trao trả độc lập ngày 15.8.1948, rất tiếc Gandhi bị tên cường tín Ấn giáo ám sát bắn chết ngày 30.1.1948 (D.G.).

(64) **UPANISHADS** (Áo Nghĩa Thư) : "Upanishad", tiếng Hindi của Ấn Độ, nghĩa gốc là "ngồi gần thầy" từ đó chuyển ra nghĩa "bí giáo" (secret teachings) mà ông thầy truyền cho các môn sinh. Toàn bộ Upanishads gồm có 800 bài giảng do các Thánh Hiền Ấn Độ soạn vào khoảng từ năm 800 đến 600 trước tây lịch. Tám trăm bài đó không gồm thành một hệ thống triết lý mạch lạc mà chỉ là những ý kiến, bài giảng rời rạc của nhiều triết nhân chỉ muốn tìm hiểu những chân lý căn bản ẩn khuất ở sau cái bề mặt thiên hình vạn trạng của vạn vật, rồi thành kính tự nhập

vào với chân lý đó. Để tài căn bản trong các Upanishads là trình bày tất cả những bí mật của cái thế giới mẫu nhiệm khó hiểu được này như các vấn đề : Chúng ta sinh ra từ đâu? Chúng ta sống ở đâu? Và khi chết chúng ta đi về đâu? v.v..(DG)

(65) **BRAHMA SAMAJ** : Phong trào cải cách Ấn Độ giáo (Hinduism) do ông Ram Mohan Roy (1772-1833) khởi xướng ngày 20.8.1828 tại Calcutta, tiểu bang West Bengal (miền Đông Ấn Độ). Chủ trương của phong trào nhằm truyền bá ý tưởng nhất thần giáo và chống đối việc sùng bái các thần tượng của Ấn Độ giáo. Sau khi Mohan Roy mất tại Anh quốc năm 1833, Devendranath Tagore (1817-1905), thân sinh của đại thi hào R.Tagore (1861-1941) lên thay thế lãnh đạo phong trào này. Năm 1862, Brahma Samaj có tất cả 81 chi nhánh tại Ấn Độ và 34 chi nhánh ngoài Ấn Độ (D.G.).

(66) **VEDA** (Phệ Đà) : Nghĩa đen là "tri thức" (sự hiểu biết), tên bộ Thánh Kinh của Bà La Môn giáo được thành hình khoảng từ năm 2000 đến 800 trước tây lịch, gồm căn bản có 4 phần : 1) Rig-Veda, gồm những bài thánh tán ca để cầu nguyện; 2)

Sama-Veda, gồm những bài văn ca trong khi hành lễ; 3) Yajur Veda, gồm các lời khấn khi tế lễ và 4) Artharva Veda, gồm những bài thần chú (D.G.).

(67) **SANTINIKETAN** : Thị trấn cách 108 dặm thành phố Calcutta, thủ đô của tiểu bang West Bengal, miền đông Ấn Độ (D.G.).

(68) **BIMBISALA** (Tấn Bà Sa La): Vua nước Magadha (Ma Kiệt Đà), sống cùng thời với đức Phật, thế kỷ thứ 6 trước tây lịch. Đức Thế Tôn sau khi thành Đạo, thường đến hóa độ dân chúng tại thành Vương Xá (Rajagriha), kinh đô nước Ma Kiệt Đà. Nhân dịp này, vua Tấn Bà Sa La nhiều lần nghe Phật thuyết pháp, đã phát tâm quy y, trở thành đệ tử của Ngài. Nhà vua đã thiết lập Trúc Lâm Tịnh Xá dâng cúng cho đức Phật làm nơi thường trú hoàng pháp tại thành Vương Xá. Vua Tấn Bà Sa La về sau đã bị con là hoàng tử A Xà Thế (Ajatasattu) phản nghịch sát hại để cướp ngôi bằng cách giam đai nhà vua nhiều ngày trong ngục thất (DG)

tin có luân hồi

Nguyên tác : The Case for Reincarnation
Tác giả : Joe Fisher
Bản dịch : HOẢNG PHI Lưu Hoảng Nguyễn

Chương VIII

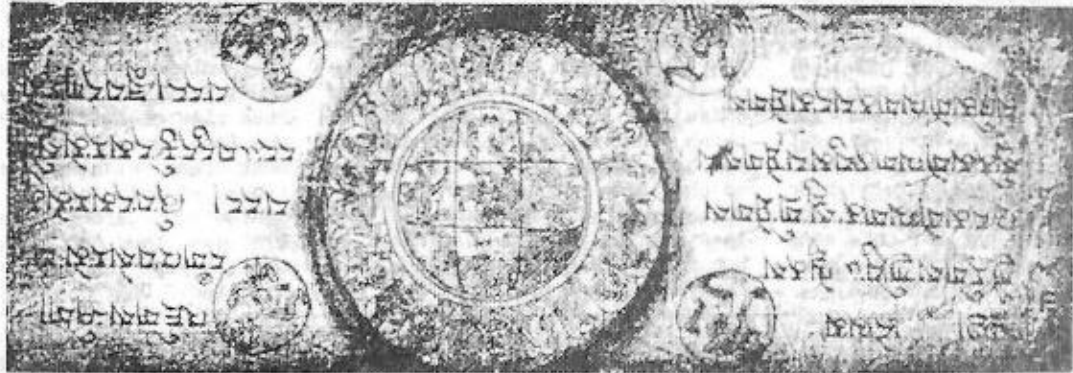
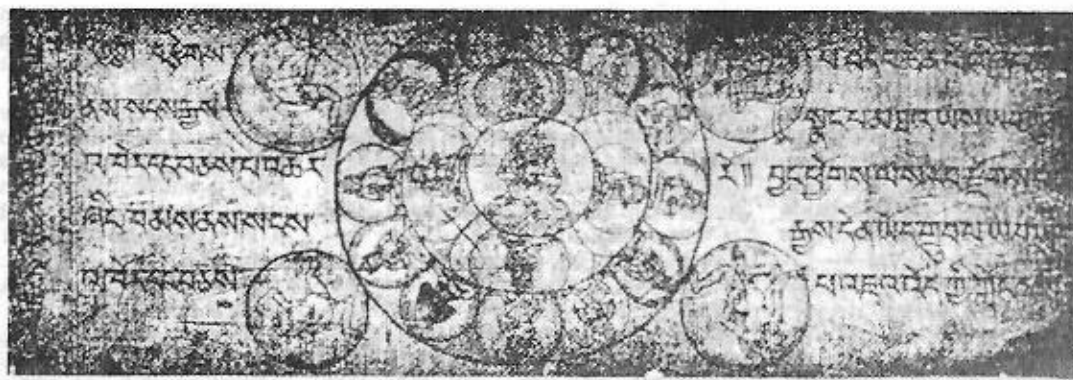
GIAI ĐOẠN TRUNG ẨM Từ nấm mộ đến chiếc nôi (THE BARDO STATE: FROM GRAVE TO CRADLE)

Tiếp theo

Bên kia ngưỡng cửa tử sinh là cảnh giới vượt quá tri thức chúng ta, một thế giới tâm linh bốn chiều mà ở đó hồn người quá cố sau khi thoát xác đắm chìm trong bản chất của sự sống. Các tiên nhân Tây Tạng gọi trạng thái huyền bí này là BARDO (Trung ẨM), một cảnh giới của thần thức ở giữa hai kiếp sống. Vào thế kỷ thứ tám, chư tăng đã sưu tập và tóm lược

các cuộc hành trình mà không có thân xác (tức xuất hồn) của nhiều thế hệ thành một quyển sách chỉ nam mô tả cảnh giới tâm linh mà hồn phải qua sau khi bỏ mình. Trong nhiều thế kỷ, quyển BARDO THODOL (Giải thoát nhờ nghe giảng về cảnh Trung ẨM) được người phương Tây biết đến nhiều hơn dưới tựa đề "The Tibetan Book of the Dead", tức "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng".

(Chú thích của người dịch : "CỦA" hoặc "CHO" người quá vãng, vì quyển sách này cốt dùng để đọc cho hồn người khuất núi nghe trong thời



Trang 35A và 67A của quyển BAEDO THODOL (Tây Tạng ngữ)

gian 49 ngày sau khi chết, để hồn giác ngộ mà vãng sinh về Cực Lạc quốc hoặc những cảnh giới tốt đẹp khác. Quyển Bardo Thodol được vài vị cao tăng Tây Tạng dịch ra Anh văn rất công phu, giá trị. Tuy nhiên tác giả Joe Fisher cũng như chúng tôi thích dùng quyển "The Tibetan Book of the Dead" do Lạt Ma KAZI DAWA SAMDUP (1868-1922) dịch từ Tây Tạng ngữ sang Anh ngữ năm 1919, rồi được chính môn đệ của Lạt Ma Kazi là Dr. W.Y. Evans Wentz mang về Anh quốc, giao đại học Oxford xuất bản năm 1927. Sách dày 340 trang. Chúng tôi xin ăn căn giới thiệu với quý vị, vì rất tiếc là mãi đến nay, nếu không lắm, sách chưa được ai dịch ra Việt Ngữ một chương, nói chi đến trọn quyển).

Sách được đọc bên tai kẻ hấp hối hoặc người đã qua đời, nhằm hướng dẫn thần thức họ vượt qua "các cơn bão hung hiểm" của Trung âm (Bardo BAR có nghĩa là Trung, còn DO nghĩa là Đào) và thoát khỏi luân hồi. Theo "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng", các sự việc đang đón chờ ở bên kia thế giới trong thời gian 49 ngày gồm có cảnh điếm phúc được bầu thanh quang bao phủ, chỉ đến những ảo giác kinh khiếp, đẫm máu. Nếu thần thức chỉ chấp nhận cái toàn chân, toàn mỹ của Thanh quang hoặc chẳng hề hoảng sợ trước những cảnh tượng ma quái (xét cho cùng, chúng đều do Nghiệp thức của hồn người chết tạo ra), thần thức có thể hội nhập vào hào quang chư Phật và thoát khỏi đẫm lấy nhờ nhập Luân Hồi. Tuy nhiên phần đông các thần thức chẳng thể làm được, nên cứ tuột dần từ vãng Thanh quang rạng rỡ đón rước họ lúc vừa mới lâm chung, để xuống chạm trán với

các ma quỷ của riêng họ, và cuối cùng đối diện với thân xác trần tục khác.

Ba giai đoạn Trung âm ở đó "ta lại gặp ta" là :

Giai đoạn trung âm lúc lâm chung (Chikhai Bardo)

Ngay từ đầu, thần thức thấy cảnh bên kia thế giới cực kỳ thanh thản. Cái chết đã nhường bước trước Thanh quang, và Thanh quang chỉ là "ánh hào quang của chân tánh của chính mình". Quyển sách mô tả Thanh quang "giống như một ảo ảnh đang di chuyển ngang qua một phong cảnh mùa xuân trong một dòng rung động liên tục". Đường như mọi thứ đều sáng láng, hanh phúc, vô biên. Sách viết: "Vạn vật giống như bầu trời quang đảng, và thần thức trong sạch giống như đang vào một khoảng trống trong suốt chẳng có biên giới hoặc trung tâm". Tuy trạng thái siêu việt này niềm nở đón chào, nhưng bầu Thanh quang thường là quá mãnh liệt đối với thần thức vốn hay ngờ vực, nhiều tội lỗi của người quá vãng.

(Chú thích của người dịch : Vì nghiệp lực chiêu cảm nên hồn thân thường sợ các luồng hào quang rạng rỡ của chư Phật, mà lại đi ưa thích những ánh sáng yếu ớt của Lục phàm nên cứ trôi lăn hoài trong sáu cõi. Quyển "Liễu Sinh Thoát Tử" (của cư sĩ Liễu Bịch Nguyên, Thích Quang Phú dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1983 tại Hoa Kỳ) có nhiều chỗ tương tự như trong "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng" nên chúng tôi xin trích một đoạn hầu quý vị :

"Tâm hồn người chết lạnh như tro tàn; lo buồn rối rắm. Khi đó liền có những luồng ánh sáng yếu ớt của Lục phàm (Nhân, Thiên, A Tu La, Địa Ngục, Nga Quỷ, Súc Sanh) bỗng nhiên hiển hiện trong đó tùy theo nghiệp lực của kẻ chết cảm ứng với Đạo nào thì luồng ánh sáng của đạo ấy sẽ rõ hơn lên. Ánh sáng của đạo Trời thì hơi trắng, ánh sáng của đạo Người hơi vàng, ánh sáng của đạo A Tu La hơi lục, ánh sáng đạo Địa Ngục thì như khói đen, ánh sáng đạo Nga Quỷ hơi đỏ, ánh sáng đạo Súc Sanh thì hơi xanh.

Lại nữa các cõi Phật trong 5 phương cũng phóng ra những hào quang rực rỡ và mạnh như: hào quang sắc xanh chói lòa, hào quang sắc trắng trong sạch, hào quang sắc vàng trông bóng như ngọc, hào quang sắc đỏ mãnh liệt. Như thế có rất nhiều thứ hào quang của chư Phật chói lòa lẫn nhau. Nhưng vì Nghiệp lực, nên kẻ chết sợ hãi những hào quang mãnh liệt của chư Phật đã soi đến, mà chỉ ưa thích những thứ hào quang yếu ớt trong sáu Đạo : Thiên, Nhân, A Tu La, Địa Ngục, Nga Quỷ, Súc Sinh đã soi đến mà thôi. Cho nên họ đã đầu thai vào Lục đạo, luôn chịu các khổ não. Liễu Sanh Thoát Tử, trang 27-28).

Cho nên hồn thân rơi xuống ...

Giai đoạn trung âm ngay sau khi chết (Chonyid Bardo)

Nơi đây thần thức người ly trần thấy xác mình vừa bỏ lại, nghe tiếng khóc than của thân bằng quyến thuộc nên cố gắng tiếp xúc nhưng vô vọng. Hồn người quá cố

kính qua những âm thanh, ánh sáng, tia chớp làm hỗn thân yếu là, bỏ ngổ, vì thân hình vừa biến đổi phải kính khiếp, mỗi mết. Tiếp đó có những đấng siêu nhiên hiển tử hoặc hung tợn hiện đến - những giấc mơ sau khi chết hiện ra do các phần ảnh của Nghiệp tạo ra lúc sinh tiền. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì chẳng có gì thay đổi. Quyển sách nói: "Người nghĩ gì thì họ tất trở thành như thế, dù ở đây hay thế giới bên kia. Tâm ý tức vật, tâm ý là nguyên nhân của Nghiệp lành lẫn Nghiệp dữ; và gieo nhân nào thì gặt quả nấy". Có nghĩa là nếu kiếp trước mình khá ái, lương thiện, thì các ảo giác cũng sẽ xinh đẹp; nếu xấu xa, gian ác thì những khái tượng hải hùng cũng sẽ kéo đến để tương xứng. Phần nhiều đời sống con người gồm cả thiện lẫn ác, cho nên quyển sách mô tả 2 loại hình ảnh phóng chiếu. Những hung thần quả thật ghê rợn. Các vị này chia ra những chiếc thù cấp vừa rút khỏi các thị thể, uống máu người và dùng đủ mọi tai ương để đe dọa. Rồi thì chuyển qua ...

Giai đoạn trung ám lúc muốn đi đầu thai (Sidpa Bardo)

Hồn thân rất đổi ngạc nhiên vì thấy mình có thể "tức khắc đến bất cứ nơi nào", có thể bay xuyên qua đá, núi, nhà cửa. Nhưng hồn thân được cảnh cáo là chớ ham mê các "quyển năng hư ảo" này, cũng như chớ tiếc

thương vì đã mất thân xác. Thị thể này, trong bất cứ trường hợp nào, càng lúc càng trở nên mờ nhạt khi kiếp vừa qua được bỏ lại đằng sau, và kiếp tới đang gần kề. Bị âm thanh và ảo giác rượt đuổi, thân thể hoảng chạy để rời đối diện với Diêm Vương, đây cũng lại là một hình ảnh phóng chiếu tâm lý. Diêm Vương xem Kinh Chiếu Nghiệp, thấy rõ mọi hành vi thiện, ác. Theo thuật ngữ gần đây hơn, đó là nơi mỗi cá nhân xem lại và phán xét những tư tưởng, hành động của mình lúc sinh tiền. Sau cùng, khi gần đến giờ đi đầu thai, thân thể thấy cảnh nam nữ giao hợp - đó là cha mẹ của y trong kiếp sau. Nếu sắp đầu thai làm thân trai, hồn thân cảm thấy rất ganh tỵ, ghen ghét người cha và vợ cùng thêm muốn người mẹ. Điều đó đã đẩy hồn thân vào con đường dẫn đến tử cung, để "tự thực chứng niềm hoan lạc nhất lúc mà oán cấu giao hội với tình trờng". Tri thức bị mất đi khi phối thai lớn dần để rời thoát khỏi lòng mẹ thành một người mới tái sinh.

Cho đến năm 1974, nhiều người còn cho rằng "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng" rất hữu ích, tuy nhiên nó chủ yếu có tính cách ẩn dụ, biểu tượng, kỳ quái, đạo đức và cổ lỗ như những chuyện thần tiên của anh em Grimm. Thế nhưng một trào lưu đột phát khảo cứu có tính cách y học về những kinh nghiệm chết hụt cũng như xuất hồn đã biện minh cho sự giải thích gần với nghĩa đen phần lớn quyển Bardo Thodol, chính nhờ các chứng cứ, lời

khai của những người bị tai nạn mới đây và những bệnh nhân nằm bệnh viện đã trở về từ cõi chết rất giống những cảnh trong một số giai đoạn của Trung Âm. Các công trình nghiên cứu của nữ bác sĩ Elisabeth Kubler Ross, của bác sĩ kiểm tra tâm lý học Raymond Moody, bác sĩ Kenneth Ring cùng nhiều vị khác nữa đã chứng minh rằng trạng thái sau khi chết rất sống động với những hiện tượng thường được kể lại: một vầng Ánh sáng mạnh mẽ, ấn cần, một cảm giác an lạc và phi thời gian, sự tự do cử động và khả năng đi xuyên qua vật thể, tri giác mình mất hơn, ngạc nhiên vì thấy xuất khỏi thân xác cũng như có thể nghe thấy những người chung quanh, nghe các tiếng động kỳ lạ, được xem chiếu lại rất nhanh cuộc đời của chính mình vừa trải qua, không còn sợ chết, ý thức rõ về mục đích, không có chủ thích hợp để diễn tả toàn bộ những sự việc vừa kính qua. Quả là ẽ mặt làm sao khi các nhà khoa học thuộc y giới này thừa nhận rằng những khám phá động trời này đã được ghi lại bằng giấy trắng mực đen ở xứ Tây Tạng xa xôi hơn mười một thế kỷ trước.

Bác sĩ Raymond Moody, trong quyển "Đời Tiếp Nơi Đời" (Life After Life quyển sách bán chạy nhất của ông tương trình cuộc nghiên cứu về sự chết hụt. (Chú thích của người dịch : Quyển Life After Life đã được chúng tôi dịch và đăng từng kỳ trên tạp chí Phật học Nguồn Sống do Pháp Duyên Tịnh Xá, San Jose, California, Hoa Kỳ xuất bản, kể từ số 7, tháng 1/1987), ông tự hỏi sự tương ứng giữa các giai đoạn đầu sau khi chết được kể trong quyển "Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng" và những bản phúc trình của các đời tương mà ông nghiên cứu "quả thật chẳng kém phần kỳ diệu". Kết luận hiển nhiên rút ra từ những chứng cứ có phối kiểm là những người sống sót sau khi hồn lìa khỏi xác đã phiêu lưu, mạo hiểm một phần của đoạn đường vào trạng thái

giữa hai cuộc sống, rằng các phúc trình của họ phản ánh những khía cạnh tiêu khởi và khả tích cực của Trung Âm. Bác sĩ Ring bình luận : "Những gì có thể xảy ra sau các giai đoạn đầu của sự chết... còn là vấn đề chưa được giải đáp". Tuy nhiên nhiều nhân chứng dường như đã đi xa đến độ họ nhận thức được tiến trình của Luân hồi. Một trong các đời tương nghiên cứu của Ring sống sót sau một tai nạn xe hơi nghiêm trọng, đã nói :

"Tôi đã xem cuốn phim cần bàn của đời tôi, của những gì đã và đang xảy ra. Có thể nói dường như tôi có một nhiệm vụ phải làm ở đây, và tôi phải chọn lựa giữa việc tiếp tục sống với thân xác đã có hoặc bắt đầu lại nữa với một thân xác mới". Theo tiêu chuẩn thống kê lượng giá của Ring, có một phụ nữ đã tiến xa nhất trong kinh nghiệm chết hụt trong số tất cả các đời tương nghiên cứu của ông, bà này thuật : "Tôi quả thực tin tưởng rằng chết chỉ là một phần của một chu kỳ liên tục... Chết đầu phải là hết... Tôi biết rằng khi nào tôi có thêm một đứa cháu nội, cháu ngoại nữa, tôi nhìn nó và nghĩ: "Cháu có phải là cha của bà? Cháu có phải là mẹ của bà? Cháu là ai? Và điều này rất lý thú".

Sau khi bị đứng tim, nhà sản xuất phim ở Nữ Ước là Victor Solow, đã được bệnh viện xác nhận đã chết trong 23 phút. Ông được hồi sinh nhờ cố gắng cuối cùng và cầu may của toán bác sĩ. Trước kia, Solow nghĩ ngờ về bất cứ một đời sống nào sau khi chết, nay ông kể lại cuộc phiêu lưu vào cảnh Trung Âm của mình trên tờ Reader's Digest, số tháng 10/1974 :

"Không có thì giờ để sợ, để đau đớn hoặc suy nghĩ... Tôi đi chuyển thật nhanh về phía mạng lưới ánh sáng rực rỡ. Lúc tôi tiếp xúc với nguồn sáng rung động đó, nó gia tăng cường độ đến mức làm lóa mắt, nó khiến tôi kiệt quệ, đồng thời nó thu hút và biến đổi tôi. Chẳng thấy



Đi ảnh của Lạt Ma Kazi Dawa-Samdup và đệ tử là Dr. W.Y. Evans-Wents chụp tại Gangtok, Sikkim

dầu đốn. Có cảm giác không vui thích cũng chẳng khó chịu, song hoàn toàn mất liệt. Mang lưới ánh sáng giống như một máy biến thế, một máy biến năng lực đã đưa tôi từ trạng thái hữu thể sang trạng thái vô thể, vượt qua không gian, thời gian. Cái "tôi" mới này không phải là cái tôi mà mình đã biết, mà đúng ra là tinh túy của cái tôi đó tuy nhiên có một cái gì dường như quen quen, một cái gì tôi từng luôn biết rằng nó được vùi chôn bên dưới thượng tầng kiến trúc gồm những nỗi sợ hãi, niềm hy vọng, các ham muốn, nhu cầu của mình. Cái "tôi" mới này chẳng liên quan chi đến tâm thức. Nó là linh hồn rất ráo, bất biến, bất khả phân, bất khả hủy diệt và tinh tú. Trong khi cái tôi mới này hoàn toàn độc đáo và cá biệt như đầu ngón tay, đồng thời nó lại là một phần của tổng thể vô cùng, vô tận, hài hòa và trật tự. Tôi đã từng ở đó rồi...".

Chúng tôi có tài liệu từ sự chăm nom săn sóc y khoa sau thời gian điều trị không có tất cả các điểm như trong trạng thái Trung Âm. Trong cuộc nghiên cứu 127 trường hợp ngẫu nhiên nhớ lại tiền kiếp, tường trình trong quyển "Những Cuộc Đời" (Lifetimes), giáo sư Frederic Lenz ở Nữu Ước ghi nhận rằng những hồi ức tinh cơ về giai đoạn Trung Âm của các đời tượng ông nghiên cứu không những chứa đựng các hiện tượng thông thường cùng theo một diễn tiến y hệt nhau, mà chúng còn "giống một cách đáng lưu ý" tiến trình từ vong và tái sinh được "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng" miêu tả một cách sinh động. Các cuộc thử nghiệm LSD của bác sĩ Stanislav Grof cho thấy nhiều đời tượng của ông có được những khái tượng tái sinh rất sống động và sâu đậm, rất giống các cảnh mô tả trong Bardo Thodol. Grof viết: "Cõi vô thức của con người được hóa chất kích động, quá có khuynh hướng thù địch một cách tự phát cuộc đời điện mạnh mẽ với cái chết và cái chết lại có thể dẫn đến sự siêu việt". Nhờ sự trợ lực chứ đỉnh của lysergic acid diethylamide (tức LSD), những người tình nguyện đã ngồi và có các ảo giác tàn phá nhất, thấy chính họ đắm mình trong phần, chìm ngập trong hầm cấu tiêu, bò trong đồng rác hôi thối hoặc là uống máu. Khái tượng giết chóc, tra tấn, chặt tay chặt chân, những cuộc truy hoan bao trùm thống dâm cùng những trò tàn ác đủ loại thường hiện ra. Thế nhưng cũng lại có các ánh sáng trắng hoặc vàng rực lóe lên trong trạng thái phiêu diêu. Vào những lúc ấy, các đời tượng này cảm thấy trở nên hoàn toàn thanh khiết khi họ bay lượn trong một vũ trụ phi thời gian và vô cùng xinh đẹp.

Còn có nhiều cách nữa làm bản ngã thay đổi, mà Grof định nghĩa như là một sự bành trướng hoặc nở rộng tri thức bên ngoài ranh giới thông thường của cái Ngã, cũng như vượt qua giới hạn của không gian, thời gian. Nhớ chất mescaline có khả năng gây ảo giác (trích từ cây xương rồng peyote cactus) và psilocybin rút từ một loại nấm được người Da Đỏ ở Mê Tây Cơ xem rất thiêng liêng đặt tên teonanacatl hoặc là "Thịt của Thượng đế". Chất thuốc mê ketamine hydrochloride có sức mạnh đưa người dùng nó vào một cảnh giới sáng lạng, hoàn toàn tách biệt với thân xác. Một bác sĩ đã thử qua ketamine báo: "Quả thật khó diễn tả. Cái "anh" mà anh biết chẳng có ở đó. Anh quên tên họ cũng như đặc tính của chính mình. Chỉ có kinh nghiệm đang diễn ra - và điều này có thể làm kinh khiếp nếu anh chưa chuẩn bị tinh thần". Theo bác sĩ Howard Alltounian, một chuyên gia gây mê, người từng thí nghiệm chất ketamine cùng với bà vợ nay đã qua đời là Marcia Moore, mà tủy mơ toang cho tâm thức những đồ án rộng lớn hơn của vũ trụ. Ông nói: "Ta hiểu được lý do vì sao mình chào đời, tại sao mình phải chết và tại sao mình lại quyết định tái sinh - và mình hiểu đó là những lý do chính đáng".

Các công trình của bệnh viện về bệnh tâm trí tán loạn (schizophrenia) đã giúp các bác sĩ chữa bệnh tâm thần kết luận rằng các khái tượng của bệnh nhân thường biểu lộ sự thực dựa trên kinh nghiệm và không thêm mắm dặm muối (dĩ nhiên chẳng thể phủ nhận rằng vẫn có những sự tưởng tượng về cái chết hoặc ước vọng). Hành động của các nhà tiên tri trong Cựu Ước kinh và những đạo sĩ du già bên phương Đông cũng xác chứng trạng thái sống đó. Khi Ezekiel thỉnh thoảng ở trong trạng thái mê thiếp xuất thần trong nhiều ngày, thì Daniel nói về những khái tượng của ông đã vật ông lăn cù dưới đất và làm ông ốm, các đạo sĩ du già thượng thừa đã thí triển tài năng tự ý xuất hồn của họ, hoặc có thể nhìn ăn trong nhiều tuần, hay là hòa nhập với nước, với lửa. Từ nhân biệt giam, tù sĩ cầm phòng, các nhà thám hiểm lặn cảnh cực kỳ có độc, những người bị chứng động kinh (epilepsy) mà người Hy Lạp gọi đó là "bệnh thiêng liêng" vì bệnh này có khả năng gợi hứng về 1 cuộc phiêu diêu phi thời gian. Tất cả những người này đều trải qua những trạng thái nhận thức tương đối cao hơn. Họ đã kinh qua nhiều mức độ khác nhau của Trung Âm và được trẻ lại nhờ biết rằng tái sinh phát xuất từ sự hủy diệt.

Giống như những khám phá khoa học hiện đại có thể đem ra so chiếu với "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng", Bardo Thodol còn phản ánh những kinh nghiệm cổ xưa nhất của nhân thức về cõi vô hình, những kinh nghiệm đã cho loài người các khái niệm căn bản về thiên đàng, địa ngục. Thần giáo shamanism (một đạo cổ xưa ở Ural Altaic, miền Bắc Á Châu) từ lâu đã kết hợp nghi

thức về sự hủy diệt và tái sinh với lễ gia nhập đạo. Tín đồ tàn tòng tự làm mình mê thiếp (lên đồng năm một mình gần như chết từ ba đến bảy ngày. Trong thời gian đó, họ thấy những khái tượng kinh hoàng nhất, thấy mình bị chặt chân tay, bị nao thịt đến lõi xương, trước khi nhận thịt và máu mới, được giác ngộ và lên cõi thiên đàng. Khái tượng của tín đồ shamanism (trích trong quyển The Masks of Gods của Joseph Campbell) làm họ ý thức về một bản thể bất diệt nằm bên trong con người họ. "Cái bản thể bí mật này bất sinh, bất diệt, có thể đi tới đi lui như xuyên qua một tấm màn, hiện ở trong thân xác và rời khỏi xác". Có bằng chứng xác thực là các chất ma túy gây ảo giác đã được dùng từ bao ngàn năm nhằm giúp tín đồ shamanism có được tri giác nói trên. Kinh Ly Cầu Phệ Đà (Rig Veda), bộ kinh cổ xưa nhất của Ấn Độ, đã diễn dương loại nấm ma túy SOMA, và trong lúc khai quật phần mộ một đạo sĩ shaman ở Catal Huyuk, Thổ Nhĩ Kỳ, sống vào thời đại Tân thạch khí, sống phân tích các hạt phấn hoa cho thấy có nhiều loại cây ma túy được chôn bên cạnh thi hài đạo sĩ này.

Trạng thái cũ đã qua
và trạng thái mới chưa
lộ ra, cho nên có một
khoảng cách ở giữa
đó. Đó là:

Cảnh Trung Âm

Chogyam Trungpa, Rinpoche

Những chuyện huyền bí của các nền văn minh cổ đẫy đẫy các nghi thức từ vong và tái sinh, cũng như huyền thoại và các chuyện ngụ ngôn trên thế giới thường nói đến việc hồn xuất ra khỏi thân xác sau khi chết hẳn phải cõi bỏ những tư tưởng, ham muốn trần tục, làm mà chẳng mấy vui vì đâu còn được hưởng các khoái lạc do thân xác ban cho. Chẳng hạn trong chuyện thần thoại Scandinavia, bài hát Olaf Ostesen gợi lên những hình ảnh sinh động về sự bất mãn khi phải lìa xác:

"Ở thế giới bên kia tôi nắm ná, lầy lết qua nhiều đêm dài, và chỉ có Thượng đế mới biết nỗi buồn của linh hồn nó to lớn như thế nào. Ở Brooksvain, các linh hồn đều chịu sự phân xết của vũ trụ".

Một số danh nhân thế giới, như Cicero và Virgil, đã viết rất rõ về chuyện xuất hồn. Sau khi nhập lại xác phàm với khí lực đời mới, Cicero viết: "Cuối cùng ta hiểu được các lý do tại sao mình nên sống; và chẳng những háo hức sống, mà ta còn ấp ủ một hoài vọng tốt đẹp hơn về sự chết". Trong quyển X của bộ sách Cộng Hòa (Republic), Plato kể lại chuyện Er, sau khi tử trận 12 ngày đã hồi dương lúc nằm trên giàn hỏa thiêu

Hồn bay vào xứ mộng

Madame H.P. Blavatsky



Bánh xe Luân hồi theo Mật tông Tây Tạng.

xác, và thuật lại cuộc phiêu lưu của anh ở thế giới bên kia. Er quan sát mỗi linh hồn, sau khi trải qua cuộc phán xét, đã được cho phép chọn lựa hình dạng thân xác kiếp sau như thế nào, một tiến trình chọn lựa tùy thuộc ở chỗ người đó có trí tuệ hay không. Plato viết: "Kỳ dị nhất là cảnh buồn bã, nức cười và lạ lùng, vì trong đa số các trường hợp, linh hồn chọn lựa, quyết định căn cứ vào kinh nghiệm hồi kiếp trước của mình". Chọn nghiệp rồi, linh hồn uống nước sông Lethe (tiếng Hy Lạp có nghĩa Dòng Sông Quên Lãng) khiến quên tất cả dĩ vãng, và sẵn sàng đi đầu thai. Sự quên lãng bị bắt buộc này còn xuất hiện nhiều lần trong những đề tài về cõi Trung âm.

Trong Pistis Sophia, Chúa Ki-tô nói về việc linh hồn uống một bát "đầy nước lãng quên", và theo Phật giáo Trung Hoa, Diêm Vương đảm bảo việc các âm hồn nức can chén canh đắng ngàn ngọt để quên tất cả những chuyện tiền kiếp, trước khi trở lại dương trần. Triết gia Hy Lạp Plotinus viết: "Thân xác chính là Dòng Sông Quên Lãng Lethe, vì các linh

hồn chui vào đó đều quên tất cả". Ất hẳn y học tân thời tìm được cách giải thích cho sự mất trí nhớ đó ở chất hormone tên là OXYTOCIN, chất này kiểm soát tốc độ co thắt khi sản phụ lâm bồn. Các cuộc khảo cứu cho thấy việc sản xuất một số lượng lớn chất oxytocin khiến các con vật trong phòng thí nghiệm mất trí nhớ và còn làm cho những con thú từng được huấn luyện kỹ mất đi khả năng thực hiện các nhiệm vụ đã biết. Vì chất oxytocin của người mẹ tràn ngập hệ thống của hải nhi, thì quả chẳng phi lý nếu giả thiết rằng hóa chất thiên nhiên này đã gạt rửa đi ký ức các tiền kiếp cũng như ký ức những gì xảy ra lúc đứa bé chào đời. Không phải sự quên lãng chẳng xảy ra trong cuộc sống bên ngoài tử cung. Một người lớn có trí nhớ tốt cũng đầu thế nhớ được những năm mình mới chào đời, và việc các cụ già thường hay lãng trí có lẽ là phương cách thiên nhiên ban phú cho tính cách tương đối tầm thường của ký ức trí thức.

I. Từ AMENTHE đến GUSHO:

Thiên hạ gán cho cảnh Trung âm dù thứ tên và trang thái; quan niệm bình dân về Trung âm do văn hóa, phong tục quy định. Người Ai Cập thời cổ nói về các linh hồn nhảy cảm đi qua cửa trời để vào cõi Amenthe, nơi họ hưởng lạc thú triển miên cho đến khi xuống trần trong một thân xác mới. Tương tự như vậy, người Do Thái xưa hình dung một khoảng thời gian ngắn ở thiên đàng nơi trái chín mười được hái, hoặc một cách bí truyền, đó là nơi linh hồn trưởng thành từ hạt giống được gieo trong kiếp dương trần. Theo Zohar, những linh hồn nào sắp mãn hạn ở thiên đàng sẽ được chỉ dẫn về kiếp sau, trước khi "bị lưu đày đến nơi chốn chẳng có chân hạnh phúc, vì chỉ có hạnh phúc khi Chưa hiện diện". Thờ dân Úc ở sông Pennefather, Queensland, tin rằng trong lúc chưa đi đầu thai, hồn ở xứ của Anjea, một nhân vật huyền thoại thường làm phụ nữ mang bầu bằng cách nhét các hài nhi bằng bunsinh vào bụng họ. Còn người dân Okinawa ở Nam Thái Bình Dương cho rằng cảnh Trung âm tên là Gusho, nơi hồn các người chết sẽ vào sau khi quá vãng 49 ngày, vì những hồn này dù đã rời thì thể, vẫn còn lẫn quất trong nhà mình trong bảy thất đó. Ở đây có sự trùng hợp kỳ lạ với 49 trạng hưởng của giai đoạn Trung âm Bardo (Tây Tạng). Người Okinawa tin rằng hồn sẽ trở lại dương trần trong vòng 7 thế hệ dưới dạng một người rất giống tiền thân của hồn đó. Chỉ có hồn là đi đầu thai, còn tâm thì khg vì tâm là đi sản được từ tiền trao truyền cho. Dù vậy, có vài hồn người chết vĩnh viễn ở lại cõi Gusho để tiếp đón, hướng dẫn các hồn mới đến.

Cách đây hơn một trăm năm, một nữ quý tộc người Nga tên Helena Petrovna Blavatsky và phong trào Thông thiên học của bà đã mượn hai thuật ngữ huyền bí phương Đông để mô tả trạng thái bên kia thế giới: KAMA LOKA có nghĩa là Dục giới và DEVACHAN, một chữ Tây Tạng có nghĩa là An lạc, Thiên giới. Theo Thông thiên học, Dục giới là vùng xuyên qua và bao quanh địa cầu, nơi linh hồn gột rửa các nhớ bẩn, để trước khi vươn lên cảnh giới Devachan, hưởng lạc thú thanh khiết về tinh thần cho đến 15 thế kỷ, rồi thì bị luật Nghiệp (là Luật của vũ trụ và không ngừng dứt) kéo xuống chốn hồng trần. Những nhà Thông thiên học biện luận rằng tiến trình ở cảnh Trung âm rất bổ ích, thoải mái, quan yếu đối với hồn cũng như giấc ngủ đối với con người. Nếu sau khi chết, hồn mang khoắc ngay một thân xác khác, như vậy nó mất đi cơ hội cần thiết để suy ngẫm và phát triển bản chất cao hơn của nó, và hồn hẳn sẽ chóng mệt mỏi một cách kinh khủng.

Rudolf Steiner, người từng lãnh đạo phân bộ Thông thiên học Đức quốc trước khi ông lập hội Anthroposophy (đặt nền tảng trên những khảo cứu

siêu hình của chính mình) cũng nói về Kamaloka (Dục giới) và Devachan (Thiên giới), cho rằng cả hai đều cần thiết và bổ túc cho Nhân giới. Để có sự tiến hóa, xác thân phải bị hoại diệt nhiều lần. Steiner nói: "Để duy trì trí thức và giữ cho nó luôn linh hoạt, ta phải liên tục tiêu hủy cái vỏ bao bên ngoài, tức nhục thể". Ở Dục giới (theo Steiner nó tương tự như Cõi Âm Nhân Hồi Lối Purgatory của Thiên Chúa giáo La Mã), linh hồn tự dứt bỏ mọi ái dục đam mê. Nói đó, mỗi hành động mà người quá cố đã làm lúc sinh tiền đối với người khác đều được diễn lại, và lần này người quá cố trở thành nạn nhân. Đồng thời hồn cũng hứng nhận "những cơn mưa tâm linh" những thiên cảm, ác cảm của các bậc cao minh khi họ phán xét các hành vi này. Suốt thời gian đó, hồn kinh qua những cảnh trần tục, thấy lại tất cả những kiếp đã sống. Và rồi Sinh hữu (hay Sinh âm, tức kiếp sau) bắt đầu hình thành tùy theo kinh nghiệm, những bài học, những nghiệp cảm kiếp trước. Trong buổi thuyết giảng vào tháng 11/1922, Steiner nói: "Chẳng có cái gì ban có thể làm trên cõi thế mà lại lớn lao và đa dạng như cái mà bạn phải làm nơi âm cảnh, khi bạn kiến tạo ngôi đến thần (tức thân kiếp sau của chính bạn)". Trước khi hồn thân của kiếp sau xuống với cha mẹ mà hồn đã chọn để đầu thai, hồn được phép thấy kiếp sau của mình sẽ như thế nào. Đôi khi hồn giạt lùi, kinh hãi vì thấy cảnh quá xấu. Dù chuyện này có xảy ra chăng nữa, ắt hẳn hồn khố bao giờ đầu thai vào một thân xác đã chọn đúng như ý định, mà có thể mang tật bẩm sinh, mắc bệnh kinh phong chẳng hạn, điều này chứng tỏ không thể có sự kiểm soát hoàn toàn đối với sinh thể (organism).

II. Giai đoạn Trung âm:

Khoảng thời gian giữa 2 kiếp sống dường như cũng dài ngắn khác nhau như các kiếp người. Báo cáo cho thấy từ khoảng mấy giờ cho đến hàng bao thế kỷ. Những kẻ bị bao tử, yêu tử dường như đầu thai nhanh hơn những người chết già. Quyết định cá nhân là yếu tố chính đối với khoảng thời gian dài hay ngắn nơi Trung âm cảnh. Khi Seth (một hồn hướng dẫn khá nổi tiếng, thường liên lạc với cõi trần qua bà cốt Jane Roberts), được một vị mục sư hỏi yếu tố nào quyết định khoảng thời gian dài ngắn giữa hai kiếp, thì Seth đáp:

"Chính là ông. Nếu một mối, ông có thể nghĩ ngợi. Nếu là hiện triết, ông có thì giờ để nghiên ngẫm kiến thức của mình cũng như hoạch định kiếp lai sinh, giống như một nhà văn phác họa một tác phẩm mới. Nếu ông có quá nhiều mối ràng buộc với cõi thế, hoặc già quá non nóng hay là hiểu biết chưa đầy đủ, do đó ông có thể trở lại một cách nhanh chóng. Lúc nào cũng tùy thuộc mỗi cá nhân. Không có sự tiến định hay định mệnh. Lúc đó những giải đáp nằm trong

chính bản thân ông, cũng như những giải đáp đang nằm trong chính con người của ông bây giờ đây". Cho dù trạng thái Trung âm hiển nhiên có khả năng làm kinh hoàng những đóa la cảnh giới quyền rũ nhất. Tiến sĩ kiêm bác sĩ Raymond Moody kể rằng có rất nhiều người sau khi hồn lìa khỏi xác, chẳng muốn quay trở lại nhập vỏ. Quả là trải khoái khi phải rời bỏ cảnh an dưỡng mà 1 người chuyên lái xe đưa họ về một cách nồng nhiệt rằng nó thoải mái gấp ngàn lần cảnh tắm hơi, đấm bóp! Bà Virginia Tighe, trong lúc được thôi miên bà thấy mình là Bridey Murphy, kể về khoảng thời gian chờ đợi rất thú vị giữa hai kiếp, nơi đó ai cũng biết chuyện tương lai. BRYAN JAMEISON, một chuyên viên về tiền kiếp, sinh quán ở Chicago, đã phúc trình rằng đa số những người được ông đưa lui về giai đoạn Trung âm đều có một cảm giác nổi trội, ngắt ngảy ru ngủ, có cảm tưởng mình ở trên mây. Bác sĩ Edith Fiore, người dùng thôi miên để trị bệnh, đã bình luận: "Vài người đã vượt qua và gặp một năng lực, ánh sáng tinh khiết. Tuy nhiên cũng có nhiều người báo đã thấy các ao hồ xinh đẹp, những cảnh tươi mát, những thành phố sáng lập lờ".

Một thân chủ của Thorwald Dethlefsen, nhà thôi miên trị bệnh người Đức, mô tả rằng sau khi hưởng các cảnh lạc thú và ánh sáng, thì cơn lốc tình dục (giống như một máy hút bụi khổng lồ) lôi kéo linh hồn quay về trần cảnh, khiến hồn sừng sốt, khó chịu. Cho nên chẳng có chi khiến ta ngạc nhiên khi các đời tương nghiên cứu của tiến sĩ Helen Wambach báo rằng giai đoạn Trung âm dài khoảng 52 năm và cảm thấy buồn rầu, chới với khi phải đi đầu thai. Muốn ở đó bao lâu tùy ý, tuy nhiên các thân chủ của Dr. Morris Netherton hiếm khi nấn ná ở cõi Trung âm, vì dù có những bị ăn và hứa hẹn của một sự khai huyền bất chợt xảy đến, họ thấy rằng chẳng thể hoàn tất được điều gì ở đó hầu cải tiến thân phận hiện kiếp. Trong một nhận định riêng tư và bị quan về tình ngoạn cổ của loài người, Netherton viết:

"Ở ngoài thân xác ta chẳng khác gì như lúc ở trong. Không muốn học hỏi về những kinh nghiệm có được hồi còn thân xác, ta cứ lập lại nếp sống cũ dù đang ở trạng thái hồn, cho tới khi tìm được một thân thể để chui vào, để rồi tiếp tục rập lại những khuôn mẫu cũ".

Nhưng nếu cá tính và các nhược điểm của một người phát sinh ra trong trạng thái hồn bởi chính người đó, như vậy trạng thái Trung âm có tác dụng liên tục đối với kiếp sống đương trần. Điều đó lúc nào cũng là ý định của các bậc minh triết Tây Tạng muốn quyền Bardo Thodol được dùng như lời khuyên răn đối với người đang sống và như một quyển sách chỉ nam cho kẻ sắp lìa đời. Chogyam Trungpa trong một bài bình luận mới đây về "Quyển Sách Tây Tạng Của Những Người Quá Vãng" theo dưới chủ đề này bằng nhận xét cho rằng kinh nghiệm của Trung âm thân

là một phần của bản chất tâm lý loài người. Vào bất cứ lúc nào, sự sinh và diệt đều xảy ra. Thật vậy, có thể nói trạng thái Trung âm là kinh nghiệm của chứng hoang tưởng (paranoia) và tính dễ thay đổi, vô thường (uncertainty) của đời sống hằng ngày, cảm giác không mấy vững chắc về lập trường, vị trí, cảm giác chẳng biết mình muốn gì cũng như đang dẫn thân vào chốn nào đây. Nhìn mạnh hơn, theo Trungpa, kinh nghiệm Trung âm có thể được xét "bằng những ngôn ngữ của đời sống đương trần".

Phải nhận mạnh rằng trạng thái mê ly của Trung âm cảnh chỉ là sự biểu lộ của Ý thức ở mức độ cao hơn. William James, một tâm lý gia người Hoa Kỳ từng dùng oxyt ni-tơ và ê-tê để kích động ý thức thần bí lên một mức độ khác thường, ông viết rằng "ý thức bình thường lúc tỉnh táo của chúng ta chỉ là một loại đặc biệt của ý thức, trong khi xuất phát từ ý thức xuyên qua màn cực mỏng, có rất nhiều dạng ý thức hoàn toàn khác biệt". Đối với đa số chúng ta những thực tại khác biệt này lúc nào cũng hiện hữu dù ít được đồng đến, trừ trường hợp mộng mị, nhưng có thể được một số ít người có khả năng tâm linh khơi động một cách cố tình. Vài người dùng ma túy để lạc vào; kẻ khác nhờ thuật thôi miên hoặc thiền định, và nhiều khi đầu có muốn, nhưng vì bị bệnh tâm trí tán loạn, bị lâm trọng bệnh hoặc sống cô độc. Và cả những người bị tai nạn thương tích trầm trọng cũng lạc vào cõi Trung âm. Còn đa số chúng ta thì kiên nhẫn đợi chờ giờ tận số, nhưng ít ra cũng có một cái gì để hướng vào: một cuộc phiêu lưu vũ trụ có khả năng làm tiết tẩn những khả năng giới hạn của kiếp người, cuộc phiêu lưu đó sẽ nghiên cứu tính cách vĩ đại của con người sâu kín ẩn tàng trong chúng ta.

Đón xem kỳ tới: Chương IX.- BÓNG MA CỦA VỊ LAI QUÁ KHỨ.

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tiền tài theo lối:

DAUERAUFTRAG
vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

Đạo Phật đi vào cuộc Đời

Tâm Như

Trong thời gian qua Tâm Như nhận được rất nhiều thư của quý bạn từ xa, ở các trại ty nạn tại Hồng Kông gửi lại mà cũng có nhiều bạn rất gần chùa gửi đến, đặt nhiều câu hỏi và mong Tâm Như giải thích. Có nhiều câu hỏi Tâm Như không giải thích được, đã nhờ quý Thầy, quý Cô cố vấn, giúp đỡ ý kiến để trả lời đến các bạn. Tâm Như xin chân thành cảm ơn tất cả quý bạn xa gần. Đặc biệt lần này Tâm Như dành chỗ để trả lời những câu hỏi cho bạn Hân ở trại Heiling Chau thuộc trại ty nạn ở Hồng Kông.

Tâm Như thân mến,
Khi đọc tạp chí Viên Giác thấy Tâm Như giải đáp nhiều câu hỏi thật hay, mang theo những dòng tâm sự an ủi, động viên đối với thuyên nhân nhập cảnh bất hợp pháp, vượt biển sang Hồng Kông sau ngày 16.6.88. Chúng tôi đọc Viên Giác rất say sưa mà ngay cả Việt Nam hay trong trại này cũng không bao giờ có được. Đó cũng là niềm tin và hy vọng cho tương lai của đồng bào Phật tử chúng tôi khi còn ở trong trại, trong khi gặp nhiều tuyệt vọng, tưởng chừng như không thể vượt qua khỏi. Sau đây là một số câu hỏi, mong Tâm Như giải đáp cho.

Hỏi 77 :

Phật Giáo ở Việt Nam có gì khác với Phật Giáo ở các nước Tây phương không? trong các lễ nghi cũng như vấn đề giáo lý? Nhất là đối với cộng đồng người Việt khắp nơi trên thế giới.

Đáp :

Phật Giáo vốn dĩ đã có mặt tại Việt Nam gần 2000 năm lịch sử nên cũng đã thăng trầm theo vận nước đổi thay. Khi ra ngoài nước, Phật Giáo Việt Nam cũng đã cố gắng vươn mình lên, sánh vai với các cộng đồng Phật Giáo khác để mang đạo vào đời, mang tình thương và ánh sáng giác ngộ đến

cho mọi người và mọi loài trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, địa phương. Khi đến nơi nào định cư, người Phật tử cũng đều cố gắng quy tụ lại sinh hoạt với nhau, dần dần tiến đến việc thành lập Niệm Phật Đường, Chùa, mời Thầy về trụ trì, giảng pháp v.v.. Phải thành thật mà nói rằng Phật Giáo Việt Nam ngày nay tại ngoại quốc sinh động lắm, chùa nào cũng tổ chức các khóa tu bát quan trai, thọ giới, lớp học Phật Pháp, lễ lộc v.v.. để cho Phật tử có cơ hội học hỏi giáo lý của Đạo Phật. Trước khi Phật Giáo Việt Nam có mặt tại Tây phương, ở đây họ cũng đã có Phật Giáo rồi. Những người Tây phương khi tin theo Phật, rất ít giống như người Đông phương của chúng ta. Người Tây phương sau khi nghiên cứu kỹ càng rồi, họ mới quy y làm Phật tử; trong khi đó người Đông phương chúng ta theo Đạo Phật đa số về vấn đề tín ngưỡng nhiều hơn là tìm hiểu giáo lý. Các nước Âu Mỹ thường hay tìm về giáo lý Nam Tông trước, sau đó mới tìm đến với Đại Thừa Phật Giáo. Do đó lễ nghi cũng có phần khác; người Âu Châu không tụng kinh như người Á Châu chúng ta được. Vì ngôn ngữ của chúng ta thuộc ngữ hệ đơn âm nên dễ tụng, còn ngôn ngữ Âu Châu thuộc loại đa âm; nên chỉ đọc mà thôi. Vì thế họ tụng tiếng Pali nhiều hơn là tiếng Tàu, tiếng Nhật hay tiếng Việt. Dĩ nhiên về nội dung của giáo lý không có gì khác; nhưng trình độ thấu hiểu giáo lý của người Âu Châu nhiều khi trội hơn người Á Châu chúng ta rất nhiều. Vì đa số những người Âu Châu theo Phật giáo đều thuộc thành phần trí thức, như giáo sư Đại Học, học giả, văn sĩ v.v..

Hỏi 78 :

Đạo Phật chứng minh về cuộc đời của con người như thế nào về giữa sự sống và sự chết ?

Đáp :

Đạo Phật quan niệm rằng chết không phải là hết, mà chết là bắt đầu lại một kiếp khác,

kiếp sống kế tiếp đó sẽ lệtuột về kiếp trước của chúng ta. Nếu kiếp trước ta không gây ra nhân sát sanh thì kiếp này ta sẽ được sống lâu. Ngược lại, nếu kiếp này ta bị chết yếu, phải tự biết rằng kiếp trước chúng ta đã gây nhân sát hại rất nhiều. Đạo Phật quan niệm rằng sự sống và sự chết chỉ là một chu kỳ ngắn trng kiếp con người thôi. Tất cả đều phải trải qua các giai đoạn, hình thành, ở lại, thay đổi, tan biến (thành, trụ, hoại, không). Vì vậy thỉnh thoảng bạn cũng có nghe người ta nói "tử đại giai không". Tử đại gồm đất, nước, gió, lửa, cấu thành thân thể này. Một ngày nào đó rời cũng mất đi, rồi một ngày nào đó cũng sẽ lại hòa hợp.

Hỏi 79 :

Có bao nhiêu loại kinh trong Đạo Phật? Loại kinh nào để hiểu nhất, để cho các hàng Phật tử mới bước vào cửa ngõ của Đạo Phật để đọc tụng ?

Đáp :

Nếu Tâm Như không lầm thì có rất nhiều kinh trong Đạo Phật. Những loại nào do chính Đức Phật nói ra đều thuộc về 3 loại kinh luật và luận. Các vị đệ tử của Phật nói ra chỉ có thể thuộc về luận thôi, chứ không thuộc về kinh và luật. Theo trong sách vở xưa nay thường nói, khi Phật còn tại thế, trong 49 năm hóa độ, Đức Phật đã giảng 300 hội đàm kinh. Mỗi lần giảng như vậy cả hàng vạn, hàng ngàn người nghe và chia ra làm nhiều giai đoạn từ thấp đến cao, từ Tiểu Thừa lên Đại Thừa, từ hẹp đến rộng v.v.. Các bộ kinh lớn của Nam Tông như Trưởng Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh v.v.. Các bộ kinh lớn của Đại Thừa như Pháp Hoa, Bát Nhã, Niết Bàn v.v.. Các bộ kinh khác như Kim Cang, Duy Ma Cật, Thùy Sám, Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Vu Lan, Báo Ân Phụ Mẫu v.v.. Nếu kể ra cho đủ, chắc phải tra Phật học tự điển của Đoàn Trung Còn, hoặc trong Tam tạng kinh điển ghi lại mới hết. Nhưng phần trả lời này có giới hạn. Nên kính mong bạn cảm thông cho. Kinh mà để hiểu nhất là những loại kinh đã được dịch hoàn toàn ra tiếng Việt. Nhưng nếu không có Thầy giảng lại mặt ý trong kinh kia (ví dụ như Pháp Hoa, Niết Bàn chẳng hạn) cũng chưa chắc gì để hiểu đâu. Tuy nhiên ngày nay 2 quyển kinh thể dụng nhất cho người Phật tử tại gia là quyển "Nghĩ thức tụng niệm" và "Thiền môn nhật tụng".

(Còn tiếp)

DIE LEHRE BUDDHAS

BUKKYO DENTO KYOKAI
gesellschaft der buddhist.förderer
3-14,4-chome, Shiba
Minato-ku, Tokyo, Japan
Telephone: (03) 455-5851

ERSTE AUFLAGE 1982

Druck
Kosaido Printing Co.,Ltd.
Tokyo, Japan

Buddhas Weisheit ist so unendlich wie der weite Ozean und sein Geist ist von großem Mitleid erfüllt. Buddhas hat keine Gestalt, aber er offenbart sich auf erhabene Weise und führt uns mit seinem ganzen mitfühlenden Herzen.

Dieses Buch ist kostbar, da es das Wesentliche der Lehren Buddhas enthält, die einst in über fünftausend bänden niedergeschrieben wurden, sich seit mehr als 2500 Jahren bis auf den heutigen Tag erhalten haben und über die Grenzen aller Länder und Rassen der Welt hinaus an uns weitergegeben wurden.

Die in diesem Buch enthaltenen Worten Buddhas offenbaren und erläutern auf wunderbare Weise wirkliche Geschehnisse des menschlichen Lebens und Geistes.

INHALT

Buddha

Erstes Kapitel: SHAKYAMUNI BUDDHA

- I. Das Leben des Buddha
- II. Die letzte Lehre des Buddha

Zweites Kapitel: DER UNENDLICHE UND VERKLARTE BUDDHA

- I. Sein Mitgefühl und Sein Gelübde
- II. Buddhas Hilfe, Seine Mittel und Wege der Erlösung
- III. Der unendliche Buddha

Drittes Kapitel: DIE GESTALT VON BUDDHA UND SEINE TUGENDEN

- I. Drei Wesenszüge von Buddha
- II. Die Erscheinung Buddhas
- III. Buddhas Tugend

Dharma

Erstes Kapitel: DIE WIRKUNGEN DER URSACHEN

- I. Die vierfache Edle Wahrheit
- II. Die Wirkungen der Ursachen
- III. Die Kette der Verursachungen

Zweites Kapitel: DAS REIN GEISTIGE UND DIE WIRKLICHKEIT ALLER DINGE

- I. Unbeständigkeit und Ichlosigkeit
- II. Die Tatsache des "Rein Geistigen"
- III. Der wirkliche Stand der Dinge
- IV. Der Weg der Mitte

Drittes Kapitel: DAS WESEN BUDDHAS

- I. Das menschliche Geist
- II. Das Wesen Buddhas
- III. Das Buddhawesen und die Selbstlosigkeit

Viertes Kapitel: IRDISCHE LEIDENSCHAFTEN

- I. Die Menschliche Natur
- II. Das Wesen des Menschen
- III. Das Leben des Menschen
- IV. Die Wirklichkeit des menschlichen Leben

Fünftes Kapitel: DIE HILFE, DIE VON BUDDHA ANGEBOTEN WIRD

- I. Die Rettung durch Buddha
- II. Amida Buddhas, Land der Reinheit

Der Weg der Übung

Erstes Kapitel: DER WEG DER LAUTERUNG

- I. Die Läuterung des Geistes
- II. Der Weg des richtigen Verhalten
- III. Die Lehre in alten Fabeln

Zweites Kapitel: DER WEG Z. PRAKT. ERKENNTNIS

- I. Die Suche nach der Wahrheit
- II. Die Wege der Übung
- III. Der Weg des Vertrauens
- IV. Tugendhafte Grundsätze

Die Brüderlichkeit

Erstes Kapitel: PFLICHTEN D. BRÜDERLICHKEIT

- I. Brüder der Hauslosigkeit
- II. Laienanhänger

Zweites Kapitel: PRAKTISCHER WEGWEISER ZUR WAHREN LEBENSWEISE

- I. Das Familiensleben
- II. Das Leben der Frauen
- III. Im dienst

Drittes Kapitel: AUFBAU EINES BUDDHA-LANDES

- I. Die Harmonie der Brüderschaft
- II. Das Buddha-Land
- III. Über diejenigen, die im Buddha Land die Herrlichkeit genießen

Anhang

- I. Kurze Geschichte des Buddhismus
- II. Die Überlieferung der Lehre Buddhas
- III. Die Geschichte des Buches "Die Lehre Buddhas"
- IV. Index zu "Die Lehre Buddhas"
- V. Sanskrit Glossar
- VI. Dhammapada

Buddhistische Gesellschaft zur Förderung und Verbreitung der Schrift "Die Lehre Buddhas".

Zweites Kapitel

DER WEG ZUR PRAKTISCHEN ERKENNTNIS

I. Die Suche nach Wahrheit

1. Auf der Suche nach Wahrheit gibt es gewisse Fragen, die für sie unerheblich sind. Aus welchem Material besteht das Weltall? Ist das Weltall unendlich? Gibt es für das Weltall Grenzen oder nicht? Wie setzt sich die menschliche Gesellschaft zusammen? Welche Organisationsform ist für die menschliche Gesellschaft ideal. Müßte ein Mensch sein Suchen und sein Training für die Erleuchtung aufschieben, bis solche Fragen gelöst wären, so würde er sterben, bevor er den Weg zur Wahrheit gefunden hätte.

Nehmen wir an, ein Mensch wäre von einem giftigen Pfeil durchbohrt, und seine Verwandten und Freunde kämen zusammen, um einen Chirurgen zu holen, der den Pfeil herausziehen und die Wunde behandeln sollte.

Wenn der verwundete Mann protestieren und sagen würde: "Warte ein bißchen! Bevor du ihn herausziehst möchte ich wissen, wer diesen Pfeil schoß. War es ein Mann oder eine Frau? War es jemand von edler Herkunft, oder war es ein Bauer? Woraus bestand der Bogen? War es ein großer oder ein kleiner Bogen, der den Pfeil schoß? Bestand er aus Holz oder aus Bambus? Woraus bestand die Bogensehne? War sie aus einem Faserstoff oder aus Darm? War der Pfeil aus Rohr oder aus Schilfrohr? Was für Federn wurden verwendet? Bevor du diesen Pfeil herausziehst, möchte ich alles über diese Dinge wissen!" Was wird dann passieren?

Bevor alle diese Informationen beschafft werden können, wird das Gift zweifellos Zeit gehabt haben, durch das ganze Blutssystem zu kreisen, und der Mann stirbt wahrscheinlich. Deshalb besteht die erste Aufgabe darin, den Pfeil zu entfernen und zu verhindern, daß sich sein Gift ausbreitet.

Wenn das Feuer der Leidenschaft die Welt gefährdet, so ist die Zusammensetzung des Weltalls von geringer Bedeutung. Es ist auch nicht so wichtig, sich mit der idealen Form für die menschliche Gemeinschaft zu befassen.

Die Frage, ob das Weltall Grenzen hat oder unendlich ist, kann unbeantwortet bleiben, bis irgendein Weg gefunden ist, um das Feuer der Geburt, des Alters, der Krankheit und des Todes zu löschen. In Gegenwart von Klage, Kummer, Leid und

Schmerz sollte man zuerst nach einem Weg suchen, um diese Probleme zu lösen, und sich der Ausübung dieses Weges hingeben.

Die Lehre Buddhas lehrt, was wichtig ist, zu wissen und nicht was unwichtig ist. Das heißt, sie lehrt die Menschen zu lernen, was sie lernen sollten; zu entfernen, was sie entfernen sollten; zu trainieren, wodurch sie erleuchtet werden. Deshalb sollten die Menschen zuerst erkennen, was für sie von größter Bedeutung ist, welches Problem zuerst gelöst werden sollte, welches das Kernproblem für sie ist. Um all dies zu tun, müssen sie zuerst ihren Geist trainieren, das heißt, sie müssen zuerst die Kontrolle über ihren Geist erlangen.

2. Nehmen wir einmal an, ein Mann geht in den Wald, um etwas Mark aus dem Inneren eines Baumes zu holen, kehrt aber mit einer Ladung von Zweigen und Blättern zurück und glaubt nun, daß er das, wonach er suchte, gefunden hat. Wäre er nicht töricht, wenn er mit der Rinde, der Schutzschicht oder dem Holz zufrieden sein würde anstelle des Marks, nach dem er suchte? Aber genau das ist es, was viele Menschen tun.

Eine Person sucht einen Weg, der sie wegführt von Geburt, Alter, Krankheit und Tod oder von Wehklagen, Kummer, Leid und Schmerz. Und dennoch, folgt sie dem Pfad ein kleines Stück und bemerkt dabei einen kleinen Fortschritt, so wird sie sofort stolz, eitel und herrisch. Sie ist dann wie der Mann der Mark suchte und mit einem Bündel Zweigen und Blätter zufriedenen wegging.

Ein anderer Mann, der mit dem Fortschritt zufrieden war, den er durch geringe Anstrengung erlangt hatte, läßt in seinen Anstrengungen nach und wird stolz und eitel: Er trägt nur ein Bündel Zweige weg anstatt das Mark, das er suchte.

Noch ein anderer Mann läßt, sobald er bemerkt, daß sein Geist ruhiger und seine Gedanken klarer geworden sind, auch in seinen Anstrengungen nach und wird stolz und eitel: Er hat eine Ladung mit Rinde anstelle des Marks, das er suchte.

Wiederum ein anderer Mann wird stolz und eitel, weil er feststellt, daß er ein gewisses Maß an intuitiver Einsicht erlangt hat. Er besitzt ein Bündel holziger Faser von Baum anstatt des Marks. Alle diese Sucher, die durch ihre ungenügende Anstrengung leicht zufriedengestellt und stolz und herrisch

werden, lassen in ihren Anstrengungen nach und verfallen leicht in Trägheit. Alle diese Menschen werden dem Leiden unweigerlich wieder ins Auge sehen müssen.

Jene, die den wahren Weg der Erleuchtung suchen, dürfen keine leichte Aufgabe erwarten oder eine die durch Angebote an Achtung, Ehre und Ergebenheit angenehm gemacht wird. Ferner dürfen sie nicht mit nur leichter Anstrengung nach einem geringfügigen Fortschritt in der Ruhe, im Wissen oder in der Einsicht streben.

Zu allererst sollte man die grundlegende und wesentliche Natur dieser Welt des Lebens und des Todes sich klar vor Augen führen.

3. Die Welt hat keine eigene Substanz. Es existiert nur ein breiter Zusammenhang zwischen Ursachen und Wirkungen, die ihren Ursprung einzig und allein in den Aktivitäten des Geistes haben, welcher durch Unwissen, falsche Vorstellungen, Bedürfnisse und blinde Leidenschaft angeregt wurde. Dieser kommt nicht von Außen, wodurch der Geist falsche Vorstellungen entwickelt; es existiert überhaupt nichts Äußerer. Es sind allein die Prozesse des Geistes, die seine eigenen Irrtümer aufzeigen und sie in Erscheinung treten lassen. Sie sind gegründet und aufgebaut aus den Bedürfnissen des Geistes, aus seinen Leiden und Kämpfen, die mit dem Schmerz verbunden sind, der durch seine eigene Habgier, Zorn und Verblendung hervorgerufen wurde. Menschen, die den Weg zur Erleuchtung suchen, sollten bereit sein, einen solchen Geist zu bekämpfen, um ihr Ziel zu erreichen.

4. Oh, mein Geist! Warum schwebst du so ruhelos über den sich ändernden Lebensumständen? Warum verwirrst du mich so und machst mich so ruhelos? Warum drängst du mich, so viele Dinge anzuhäufen? Du bist wie ein Pflug, der in Stücke zerfällt, bevor er zu pflügen beginnt; du bist wie ein Steuerruder das abmontiert wird, gerade in dem Augenblick, wo du dich auf das Meer des Lebens und des Todes wagst. Was nützen viele Wiedergeburten, wenn wir keinen guten Gebrauch von diesem Leben machen?

Oh, mein Geist! Einmal läßt du mich als König auf die Welt kommen und ein andermal als Ausgestoßener, der um seine Nahrung bettelt. Manchmal läßt du mich in himmlischen Villen von Göttern auf die Welt kommen und in Luxus und Freundentaumel schwelgen, dann stürzt du mich in die Flammen der Hölle.

Oh, mein törichter, törichter Geist! So hast du mich die verschiedensten Wege entlang geführt, und ich bin dir gefügig und gehorsam gefolgt. Aber jetzt, wo ich von der Lehre Buddhas gehört habe, störe mich nicht mehr und füge mir keine weiteren Leiden zu, sondern laß

uns stattdessen zusammen, bescheiden und geduldig, die Erleuchtung suchen.

Oh, mein Geist! Wenn du nur lernen könntest, daß alles unwesentlich und vergänglich ist. Wenn du nur lernen könntest, nicht nach Dingen zu heischen, keine Dinge herbeizusehnen, nicht der Habgier, dem Zorn und der Torheit nachzugeben, dann könnten wir in Ruhe reisen. Dann könnten wir, indem wir die Fessel der Bedürfnisse mit dem Schwert der Weisheit durchschneiden, von den sich ändernden Umständen, von Vorteil oder Nachteil, Gut oder Böse, Verlust oder Gewinn, Lob oder Verachtung nicht gestört werden und in Frieden leben.

Oh, mein lieber Geist! Du warst es, der zuerst Vertrauen in uns erweckte; du warst es, der uns nahelegte, nach Erleuchtung zu suchen. Warum gibst du der Habgier, der Liebe zur Bequemlichkeit und angenehmen Reizen wieder nach?

Oh, mein Geist! Warum eilst du hin und her, ohne endgültiges Ziel? Laß uns dieses wilde Meer des Irrglaubens überqueren. Bisher habe ich nach deinem Willen gehandelt, aber jetzt mußt du nach meinem Willen handeln, und zusammen mit mir Buddhas Lehre folgen.

Oh, mein lieber Geist! Diese Berge, Flüsse und Seen sind veränderlich und schmerzzeugend. Wo sollen wir in dieser Welt der Irreführungen Ruhe suchen? Laß uns der Lehre Buddhas folgen und auf das andere Ufer der Erleuchtung zugehen.

5. Diejenigen, die den Weg zur Erleuchtung wirklich suchen, stellen dem Geist Bedingungen. Dann kommen sie mit starker Zielstrebigkeit vorwärts. Obwohl sie von einigen verschmäht und von anderen verspottet werden, gehen sie mit einem ungetrübten Geist vorwärts. Sie werden nicht zornig, wenn sie mit Fäusten geschlagen oder mit Steinen beworfen werden, oder wenn ihnen mit Schwertern klaffende Wunden zugefügt werden.

Selbst wenn Feinde den Kopf vom Rumpf abtrennen, darf der Geist doch nicht getrübt werden. Wenn die Menschen ihren Geist durch die Dinge, die sie erleiden, trüben lassen, folgen sie nicht der Lehre Buddhas. Sie müssen entschlossen sein, standhafte und unbeirrbar Gedanken, die beständig Nächstenliebe und Wohlwollen ausstrahlen, zu bewahren, ganz gleich, was ihnen auch zustößt mag. Die Verschämung und das Unglück sollen nur kommen, und dennoch sollte man fest entschlossen sein, im von der Lehre Buddhas erfüllten Geiste unberührt und ruhig zu bleiben.

Um der Erleuchtung willen werden ich versuchen, das Unmögliche zu vollbringen und das Unerträgliche zu ertragen. Ich werde bis zum letzten Stück von dem geben, was ich habe. Wenn mir gesagt wird, daß ich, um zur Erleuchtung zu gelangen

meine Nahrung auf ein einziges Reiskorn am Tag beschränken muß, so werde ich nur das essen. Auch wenn der Weg zur Erleuchtung mich durchs Feuer führt, werde ich vorwärts gehen.

Aber man darf diese Dinge nicht tun, um irgendein Ziel im Jenseits erreichen zu wollen. Man sollte sie tun, weil sie weise und richtig sind. Man sollte sie aus einem Geist der Nächstenliebe heraus tun wie eine Mutter Dinge für ihr kleines oder krankes Kind tut, ohne an die eigene Kraft oder das Wohlergehen zu denken.

6. Es war einmal ein König, der sein Volk und sein Land liebte und es mit Weisheit und Güte regierte, so daß sein Land wohlhabend und friedlich war. Er suchte beständig nach größerer Weisheit und Erleuchtung. Er bot sogar jedem, der ihn die wertvollen Lehren vermitteln konnte, Belohnungen an.

Auf seine Hingabe und Weisheit wurden schließlich die Götter aufmerksam, und sie beschlossen, ihn zu testen. Ein Gott erschien vor den Toren des königlichen Palastes verkleidet als Dämon, und bat, vor den König gebracht zu werden, da er eine tugendhafte Lehre für ihn hätte.

Der König, erfreut die Botschaft zu hören, empfing ihn freundlich und bat um Belehrung. Der Dämon nahm eine entsetzliche Gestalt an, verlangte nach Nahrung und sagte, daß er ihn nicht lehren könne, bis er die Nahrung zu sich genommen hätte, die er verlangte. Auserlesenes Essen wurde dem Dämon abgeboten, aber dieser bestand darauf, warmes menschliches Fleisch und Blut zu bekommen. Der Kronprinz und auch die Königin opferten ihren Körper, aber der Dämon war immer noch unzufrieden und verlangte deshalb den Körper des Königs.

Der König erklärte sich bereit, ihm seinen Körper zu opfern, bat aber darum, zuerst die Lehre hören zu dürfen.

Der Gott trug folgende weise Lehre vor: "Klagen entstehen durch die Begierde, und Furcht entsteht durch die Begierde. Diejenigen, die sich von Begierden befreien, klagen nicht und fürchten sich nicht". Plötzlich nahm der Gott seine wahre Gestalt wieder an, und sowohl der Prinz als auch die Königin erschienen mit ihrem eigenen Körper.

7. Es existierte einmal ein Mann der im Himalaya nach dem Wahren Pfad suchte. Er kümmerte sich weder um all die Schätze der Welt noch um all die Freuden des Himmels, sondern suchte nach der Lehre, die alle geistigen Irrtümer beseitigen würde.

Die Götter waren von dem Eifer und der Aufrichtigkeit dieses Mannes beeindruckt und beschlossen deshalb, seine Gesinnung zu prüfen. So verkleidete sich einer der Götter als Dämon, erschien im Hima-

layagebirge und sang: "Alles verändert sich, alles kommt und geht". Der nach der Erleuchtung Suchende hörte dieses Lied, das ihm sehr gut gefiel. Er war so erfreut, als hätte er eine Quelle kühlen Wassers für seinen Durst gefunden, oder als ob ein Sklave unerwartet freigesetzt worden wäre. Er sagte sich: "Endlich habe ich die wahre Lehre gefunden, nach der ich so lange gesucht habe. Er folgte der Stimme und stieß schließlich auf den schrecklichen Dämon. Er näherte sich dem Dämon mit Unbehagen und sagte: "Warst du es, der das wahre Lied sang, das ich gerade gehört habe? Wenn du es warst, sing mir bitte weiter davon vor".

Der Dämon erwiderte: "Ja, es war mein Lied, aber ich kann nicht mehr singen, bevor ich nicht etwas gegessen habe, denn ich bin hungrig". Der Mann bat ihn sehr eindringlich weiter zu singen, und sagte: "Es hat eine tugendhafte Bedeutung für mich und ich habe seit langer Zeit nach dieser Lehre gesucht. Ich habe nur einen Teil von diesem Lied gehört. Laß mich bitte mehr hören". Der Dämon sprach abermals: "Ich bin hungrig, aber wenn ich das warme Fleisch und Blut eines Menschen schmecken kann, werde ich das Lied zu Ende singen".

Der Mann, der so darauf erpicht war, die Lehre zu hören, versprach dem Dämon, daß er seinen Körper erhalten könne, nachdem er die Lehre vernommen hätte. Dann sang der Dämon das Lied.

"Alles ändert sich,
Alles kommt und geht,
Es herrscht vollkommene Ruhe,
Wenn man sowohl über das
Leben wie über das Sterben
erhaben ist".

Als der Mann das gehört, und das Gedicht auf die Felsen und Bäume ringherum geschrieben hatte, kletterte er ruhig auf einen Baum und ließ sich dem Dämon zu Füßen fallen. Der Dämon aber war verschwunden, und stattdessen empfing ein strahlender Gott den Körper des unverletzten Mannes.

8. Es lebte einmal ein nach dem wahren Pfad ernsthaft Suchender namens Sadaparudita. Er wies jede Versuchung nach Gewinn oder Ehre von sich und suchte den Pfad unter Einsatz seines Lebens. Eines Tages sprach eine Stimme vom Himmel zu ihm: "Sadaparudita! Gehe geradewegs gen Osten. Denke weder an die Hitze noch an die Kälte, achte nicht auf irdisches Lob oder Verachtung, mach dir nichts aus den Benachteiligungen von Gutem oder Bösen, sondern gehe weiter nach Osten. Dort wirst du einen wahren Lehrer finden und zur Erleuchtung gelangen".

Sadaparudita war hoch erfreut, diese genaue Anweisung erhalten zu haben und trat sofort seine Reise nach Osten an. Manchmal drängte es ihn zu schlafen, wenn in einem einsamen Feld oder in den wilden Gebirgen die Nacht über ihn her-

einbrach. Da er ein Fremder in fremden Ländern war, hatte er unter vielen Demütigungen zu leiden. Einmal verkaufte er sich in die Sklaverei, indem er aus Hunger sein eigenes Fleisch verkaufte, aber schließlich fand er den wahren Lehrer und bat ihn um seine Unterweisung.

Es gibt ein Sprichwort: "Gute Dinge sind teuer", und Sadaprarudita fand, daß es in seinem Fall zutrifft, denn er hatte während seiner Reise auf der Suche nach dem Pfad viele Schwierigkeiten. Er hatte kein Geld um einige Blumen und Weihrauch zu kaufen, die er dem Lehrer hätte schenken können. Er versuchte deshalb, seine Dienste zu verkaufen, aber er konnte niemanden finden, der ihn anstellte. Es schien ein böser Geist zu existieren, der ihm immer im Weg stand, wie auch immer er sich wenden mochte. Der Weg zur Erleuchtung ist ein schwerer, und er kann einem Menschen sogar das Leben kosten.

Schließlich gelangte Sadaprarudita in die Gegenwart des Lehrers selbst, und selbst dann mußte er eine neue Schwierigkeit überwinden. Er besaß kein Papier, auf dem er sich hätte Notizen machen können und keinen Pinsel und Tinte, womit er schreiben konnte. So stach er in sein Handgelenk und machte sich mit seinem eigenen Blut Notizen. Auf diese Weise stellte er die kostbare Wahrheit sicher.

9. Es war einmal ein Junge namens Sudhana, der sich auch nach Erleuchtung sehnte und eifrig nach dem Weg dahin suchte. Von einem Fischer erfuhr er die Kunde des Meeres. Von einem Arzt lernte er das Mitleid mit kranken Menschen und ihrem Leiden. Von einem wohlhabenden Mann erfuhr er, daß das Sparen von Pfennigen das Geheimnis seines Vermögens sei, und er dachte daran, wie nötig es sei, jede Kleinigkeit, die man auf dem Wege zur Erleuchtung erwarb, aufzubewahren.

Von einem meditierenden Mönch erfuhr er, daß dem reinen und friedfertigen Geist eine wunderbare Kraft innewohnt, welche die anderen Seelen reinigen und beruhigen würde. Er traf einmal eine Frau, die eine außergewöhnliche Persönlichkeit war, und war von ihrer mildtätigen Gesinnung stark beeindruckt, von ihr lernte er die Lektion, daß Mildtätigkeit die Frucht der Weisheit ist. Einmal traf er einen alten Wanderer, der ihm sagte, um einen bestimmten Ort zu erreichen, müsse er einen Berg aus Schwertern erklimmen und durch ein Tal aus Feuer hindurchgehen müsse. So lernte Sudhana aufgrund seiner Erfahrungen, daß man über alles, was man sah oder hörte, eine wahre Lehre erhalten konnte.

Er lernte Geduld von einer armen, physisch schwachen Frau. Er lernte eine Lektion über das einfache Glück, indem er Kinder beobachtete, die auf der Straße spielten. Von

einigen liebenswürdigen und bescheidenen Menschen, die nie daran dachten, irgendetwas zu wollen, was ein anderer wollte, lernte er das Geheimnis, mit der ganzen Welt in Frieden zu leben.

Er lernte eine Lektion der Eintracht, indem er beobachtete, wie sich die Elemente des Weihrauchs miteinander vermischten und eine Lektion der Danksagung durch die Zusammenstellung der Blumen. Eines Tages, als er durch einen Wald ging, ruhte er sich unter einem edlen Baum aus und bemerkte in der Nähe einen winzigen Keimling, der aus einem gestürzten und abgestorbenen Baum herauswuchs. Dadurch lernte er die Lektion von der Ungewissheit des Lebens.

Das Sonnenlicht am Tage und das Funkeln der Sterne in der Nacht erfrischten ständig seinen Geist. So profitierte Sudhana von den Erlebnissen seiner langen Reise.

In der Tat müssen diejenigen, die nach Erleuchtung suchen, an ihre Seelen denken als seien sie Schlösser und sie schmücken. Sie müssen die Schloßeingänge ihrer Seelen weit öffnen für Buddha, und ihn respektvoll und bescheiden einladen, in die innerste Festung einzukehren, um ihm dort den wohlriechenden Weihrauch des Vertrauens und die Blumen der Dankbarkeit und der Freude als Gaben darzubieten.

(Fortsetzung folgt)



Das Leben eines buddhistischen Mönches

von

**Ehrwürdiger Thich Báo Lạc
Ehrwürdiger Thich Như Điển**

Dutsche Übersetzung von

Nguyen Ngoc Tuan und Nguyen Thi Thu Cuc

Es folgen Werke des Ehrwürdigen THICH BAO LAC, meines älteren leiblichen und gleichzeitig Gemeinde Bruders, Abt der "PHAP BAO" - Pagode in Sydney, Australien.

Bei der Lektüre dieses Buches werden Sie Gelegenheit haben, das innere Leben eines Mönches beim "In das Leben gehen" sowie beim "Führen des tugendhaften Lebens" und beim "Praktizieren des Dharma" sowie beim Meditieren zu erfahren.

So hoffen wir, daß Sie sich gedanklich vertiefen und verinnerlichen, um Erkenntnis über sich selbst und andere zu erlangen.

VORWORT

Um richtig meditieren zu können braucht man ein ruhiges Zimmer. Man nimmt den Lotussitz ein, indem man das linke Bein angewinkelt über das rechte Bein legt; die linke Hand liegt, nach oben geöffnet, auf der rechten Hand. Die Daumen berühren sich. Der Rücken muß gerade aufgerichtet sein, der Kopf erhoben.

Die Augenlider werden halb geschlossen.

Dann folgt etwa 15 Minuten die Atemmethode, wobei bei "eins" eingeatmet und bei "zwei" ausgeatmet wird. Man zählt weiter, bis die 15 Minuten vergangen sind. Wird eine Zahl vergessen, muß wieder mit "eins" angefangen werden.

Nach Beendigung der Atemübung werden die Hände erhoben, mit den Handflächen nach innen gegeneinander gelegt, und leicht gerieben. Dann streicht man mit den offenen Handflächen von der Mitte der Stirn seitwärts über die Augen.

Anschließend werden die Beine aus der Winkelstellung nach vorne ausgestreckt.

Nach Ablauf dieser Übungen, die immer länger ausgedehnt werden können, wird der Meditierende eine innere Ruhe und Bereitschaft verspüren, um sich auf die buddhistischen Meditationsgedanken zu konzentrieren.

Das nachfolgende Kapitel erläutert ausführlich die Meditations-Zeremonien.



Im Jahre 1982 gab es für mich zwei große Überraschungen, einmal im April und einmal im Dezember, in den letzten Tagen des Jahres. Aber bei diesen Überraschungen gab es auch Freude als wichtiges Ereignis im Leben der jungen Vietnamesen, die in Australien leben.

Ich hatte nicht geahnt, daß so viele Personen am Meditationskurs "Phap Bao" über die Osterfeiertage 1982 teilnehmen wollten. Die "Phap Bao" Pagode ist aber nicht groß genug, um eine große Zahl von Menschen zu empfangen und dort übernachten zu lassen. Deshalb plante ich, die Anmeldungsliste zwei Tage vor dem Kursbeginn abzuschließen, um die sich möglicherweise später Anmeldenden nicht zu verletzen. Dies war nicht falsch, denn in den letzten Tagen gab es noch viele Anrufe von Interessenten, und es geschah, daß die Leute direkt zur Pagode gingen, um mich zu treffen. Dies brachte mich in Verlegenheit. Wie ich schon erklärte, ist die Aufnahmefähigkeit der Pagode begrenzt, und außerdem waren 16 Teilnehmer schon anwesend. Wenn ich es jedem rechtmachen und alle Teilnehmer akzeptierten würde, würde kein Platz mehr zum Essen, Sitzen und auch keine Möglichkeit zum geselligen Beisammensein vorhanden sein. Und wie könnte man dann die Bequemlichkeit haben, um auf die Themen gründlich einzugehen? Vielleicht würde die Teilnehmer sich über mich beklagen und sagen, daß ich kein Organisationstalent besitze. Wenn ich keine weiteren Teilnehmer auf-

genommen hätte, wäre es mir noch peinlicher gewesen: Sie würden gedacht haben, daß ich sehr egoistisch und engstirnig sei, denn eine Mahlzeit kostet viel, aber eine Übernachtung in der Pagode nicht. In Wirklichkeit mußte ich angestrengt über ein mathematisches Problem nachdenken. Wie die meisten Leute die Sache erörtern, klingt es immer sehr schön, weil dieses Leben "die irdische Welt" genannt wird. Meine Überlegungen gingen noch weiter. Es fand zum ersten Mal ein Meditationskurs statt, um den Menschen die beste Eigenschaft des Buddhismus nahezu bringen. Wenn es in diesem Kurs Nachlässigkeit, Unordnung, Schwäche oder Irrtum gab, dann hatte ich ihnen unabsichtlich nicht geholfen, ihren Kummer zu bewältigen, über sich selbst etwas zu erfahren und um zu lernen. Vielmehr hätte ich einen unschönen Eindruck vom Buddhismus hinterlassen. Außerdem hätten sie an der Befähigung (Charisma) der Mönchsgemeinschaft gezweifelt, den Buddhismus richtig zu verbreiten.

Das war mein Kummer. Vielleicht verstehen Sie mich jetzt besser. Der Reihe nach werde ich mit Ihnen über das Dilemma, in dem ich mich befand, sprechen. Wie oben erwähnt, hatte ich gemischte Gefühle, einerseits aufgrund dieser Überraschungen, andererseits spürte ich eine erleichternde Freude, wenn ich in die Zukunft blickte, eine Zukunft voller Versprechungen für sie. Welche wunderbare Überraschungen!

Und warum diese wunderbaren Überraschungen? Ehrlich gesagt, ich habe eine Erziehung in vielen buddhistischen Institutionen Südvietnams genossen. Ich hatte die Chance, noch vor dem Machtwechsel in Saigon ein Auslandsstudium abzuschließen. Aber vorher hatte ich die Verwaltungsaufgabe eines Klosters und die Leitung einer Pagode übernommen.

Am ersten und am Vollmondstage jeden Monats sowie an den großen Festtagen des Jahres waren die Buddhatemple von Besuchern überfüllt. Die meisten von Ihnen waren ältere Menschen. Diese Situation wiederholte sich in allen Kultstätten, und meine Pagode in Giadinh sollte keine Ausnahme sein. Wer das Phänomen öfter miterlebt hatte, kann diese Feststellung bestätigen. Und nun teile ich Ihnen meine Gedanken zu diesem Land Australien mit.

Von Japan kam ich im Februar 1981 hierher. Am Flughafen von Sydney wurde ich von einer Delegation von Laienbuddhisten, die zum großen Teil im höheren Alter waren, empfangen. Nur die beiden Männer, die mich zu meiner Wohnstätte fuhren, waren noch ziemlich jung. Ich dachte gleich, daß die hiesige Situation nicht anders sein würde als in der Heimat Vietnam. Mir würde die Hilfe von starken Männern fehlen. Das war also meine erste Überraschung, die ich bis heute keinem gegenüber geäußert habe.

Mein Erstaunen war noch größer, als ich nach einem Jahre meiner Tätigkeit in der "Phap Bao" Pagode in Sydney bemerkte, daß die meisten Besucher, die wöchentlich kamen, männlich waren. Vielleicht liegt es daran, daß in diesem Land nur Männer motorisiert sind! Und ihre Anwesenheit ist damit zu erklären, daß sie zwei Dinge auf einmal erledigen konnten; zum einen fuhren sie ihre Verwandten hierher, zum anderen suchten sie Kontakt mit Freunden und Bekannten. Dann kam ich zu der Erkenntnis, daß sie nicht mit ihrem eigenen Wagen hierher kamen, sondern daß sie die öffentlichen Verkehrsmittel also Bahn und Bus, genommen hatten, manche sogar zu Fuß kamen. Daraus schloß ich, daß sie ein geistig-moralisches Leben nach buddhistischer Gesinnung suchten oder sich für die profunde Dharma-Lehre interessierten. Ob es wahr ist oder nicht, darauf sollen die Besucher durch ihr Verhalten in der Pagode eine Antwort finden.

Eines steht fest: in diesem fremden Land fühlt sich jeder von uns einsam und verlassen. Weit fort von den Angehörigen, die entweder zurück in der Heimat blieben oder verstreut über alle Kontinente leben. Das Herz eines jeden ist so erschüttert, als wäre es in der Mitte eines Wirbelsturmes, wobei man jede Orientierung verliert. Deshalb greift man zurück auf etwas Heiliges und Reines, das nur in der gewohnten Atmosphäre einer Pagode zu finden ist. Die Zahl männlicher Besucher, die während der Festtage, z.B. des Neujahrsfestes, des Buddha-Geburtstages (Vesak), und des Elterngedenkfestes (Ullambana), registriert wurde, bestätigte noch einmal, daß meine obige Behauptung nicht übertrieben ist. Was mich am meisten überraschte war, daß die Mehrheit der Teilnehmer an den Meditationskursen im April und Dezember 1982 junge

Menschen zwischen 16 (dem jüngsten Teilnehmer) und 30 Jahre alt waren. Nur einige überschritten diese Altersgrenze. Wenn das in Vietnam geschehen wäre, so wäre es nichts Ungewöhnliches, weil dort der Lebensraum diese Situation begünstigt. Aber hier...ich finde es erstaunlich.

Wir alle wissen, daß in freien Ländern wie diesem zum einen das Familienverhältnis durch Umwelteinflüsse immer mehr gestört wird, zum anderen weicht das moralische Leben junger Menschen vor den materiellen Bedürfnissen sehr stark zurück. Dieses Phänomen ist für Eltern, die Kinder im heranwachsenden Alter haben, besorgniserregend. Sie befürchteten, daß die Kinder ihren Volkscharakter und das Blut der vietnamesischen Rasse, das in ihrem Körper fließt, vergessen.

Vielleicht sollte ich an dieser Stelle erklären, daß ich sie dadurch rühmen möchte, daß ich ihr Glaubenslehrer bin und sie meine Schüler. Wir sind mehr oder weniger miteinander verbunden, wozu also üben wir gegenseitig Lob oder Kritik. Sie haben so oft hier ihre Tage und Nächte verbracht, die ärmlichen Mahlzeiten zu sich genommen, auf dem Fußboden vor dem Altar geschlafen, sich streng diszipliniert wie beim Militär verhalten, sich auf die Pünktlichkeit eingestellt, d.h. früh aufzustehen und spät schlafen zu gehen. Das alles haben sie freiwillig mitgemacht. Wäre es für sie nicht bequemer, wenn sie zu Hause gut essen und im warmen Bett schlafen? Trotzdem kommen sie hierher, um mit mir das enthaltene Leben zu teilen, auch wenn es nur einmal im Monat ist. Vielleicht gibt es auch Leute, die auf die zynische Idee kommen, daß sie nicht hier sind, um sich zu vervollkommen, sondern um nach jungen Frauen zu schauen. Und was das vegetarische Essen anbelangt, so ist es für sie nur eine Abwechslung. Liebe Freunde! Buddha lehrte uns, daß es keinen Menschen auf dieser Welt gibt, der einen anderen wirklich so liebt wie sich selbst. Überlegen Sie doch einmal ganz genau, denken Sie gut über sich nach, damit Sie sich nicht von dem, was die Leute sagen, beeinflussen lassen. Nur so können Sie sich von allen Komplexen, wenn es sie gibt, befreien. Doch dazu lassen Sie sich Zeit, um einen Schluß aus folgenden Sprüchen zu ziehen: "Buddha ist nur einen

Meter groß, aber sein Geist ein "truong" (10 Fuß = 4 Meter)".

oder

Die Kugel ist rund, das Rohr ist lang,
nahe der Tasche ist es schwarz,
nahe der Lampe ist es hell
(= Sage mir, mit wem du gehst, und ich sage dir, wer du bist!).

Sie sollten einen Schluß aus den vorstehenden Sprichwörtern ziehen, damit Ihre Arbeit ungestört kontinuierlich verläuft, ohne daß Sie vorsichtig abwägen müssen. Wir fühlen uns noch unvollkommen in der Gesellschaft. Was wir hier tun, ist ein Vervollkommungsprozeß, der uns vom schlechten zum guten Menschen verwandelt, und bedeutet nicht, wie die Häretiker meinen, daß wir gleich Buddha werden sollen. Wenn Sie diesen Meditationskursus mitmachen und harmonisch in einer Gemeinschaft leben, spricht Ihr Verhalten schon für Ihre Entschlossenheit und Ihre Bemühungen unter diesen Umständen.

Ich hoffe sehr, daß Sie sich Mühe geben und regelmäßig und ununterbrochen Ihre Arbeit fortsetzen. Es lohnt sich wirklich, und Sie werden später merken, wie nützlich und positiv sich das Ergebnis auf Ihr tägliches Leben und auf Ihr geistiges Leben auswirkt. Nur nach einem langen Weg erkennt man das gute Pferd. Sie wissen es auch.

Wie ein Alpinist darf der Meditationspraktizierende nur kleine aber sichere Schritte machen, wenn er die Spitze erreichen will. Wenn er sich hingegen beeilt und sich die vor ihm liegende Strecke nicht vorstellen kann, dann könnte es

sein, daß er schnell den Mut verliert und umkehren will. Anders gesagt, befindet er sich zwischen zwei Toren: wenn er sich beeilt, fällt er mit Sicherheit in den Abgrund. Wenn er aber umkehrt und größere Schritte macht, um schneller die Ruhestätte zu erreichen, dann hat er sich überschätzt, dann war seine Tat nur eine unsinnige Verschwendung, die seiner gut organisierten Unternehmung nur Schaden bringt. **Erinnern wir uns an einen Text von NGUYEN BA HOÇ in dem er schrieb:**

"Der Weg ist nicht schwer wegen der Flüsse, die uns den Weg versperren, und der Berge, die uns behindern, sondern weil uns der Mut fehlt, solche Hindernisse zu überwinden".

Das sollte uns eine Lehre sein, die wir in unserem Fall gut gebrauchen können. Außerdem weiß ich noch einen Satz aus dem Roman "THỦ HÒA ĐIỀU SÔNG" (Ein Versuch zur Harmonisierung des Lebens) von VŨ ĐÌNH CƯỜNG:

"Zweimal am Tag gibt es Ebbe und Flut. Wer einen schwachen Willen hat und untalentierte ist, der bleibt am Ufer. Der kluge und willensstarke Mensch bemüht sich, über die hohen Wellen zu segeln. Denn auf der anderen Seite der hohen Wellen wird es sicherlich einen günstigen Wind geben, der sein Boot zum Ufer geleiten wird".

Genau so ist die Übung der Meditation. Sie fordert von jedem von uns den Willen zum Kampf gegen jede herausfordernde Situation und feste Entschlossenheit zur Überwindung aller Hindernisse.

(Fortsetzung folgt)

IMPRESSUM

VIENGIAC

Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhisten
Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik
Deutschland

c/o VIENGIAC Pagode

Eichelkampstr. 35A, D-3000 Hannover 81

Tel.: 0511 - 864638

Herausgeber: Ven THICH NHU DIEN

Redaktion: Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kultur
Zentrum in der BR Deutschland (VIBUS)

VIENGIAC Pagode

Chefredakteur: NGO NGOC DIEP, Dipl. Ing.

Erscheinungsweise: alle zwei Monate

Druck: VIBUS, Hannover

Satz und Layout: VIBUS, Hannover

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.

Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der
Redaktion erlaubt

DIE VAJRADHATU SONNE

Am 12. Juni 1985 richtete der ehrwürdiger Dr. Thich Man Giac, Präsident der Kongregation der vietnamesischen Buddhisten in den Vereinigten Staaten, eine Ansprache an den Dharmadhatu in Los Angeles, von welcher eine Zusammenfassung vorliegt :



ICH bin sicher, daß Sie alles über den tibetischen Buddhismus, ebenso wie auch über den japanischen Zen- sowie den chinesischen Chan- Buddhismus wissen. Was ich Ihnen heute etwas näher bringen möchte, ist der vietnamesische Buddhismus. Vietnam ist ein sehr kleines Land, aber man kann es als Brücke zwischen zwei sehr großen Ländern betrachten. Es liegt zwischen Indien auf der einen Seite und China auf der anderen. Ich glaube, daß die geistige Rolle, die Vietnam als Verbindungsglied zwischen den verschiedenen Kulturen und Religionen gespielt hat, nicht gering zu achten ist. Wenn wir von vietnamesischem Buddhismus sprechen, sprechen wir von einer Kombination aus drei Traditionen: Eine ist die japanische Zen und die chinesische Chan, eine andere ist die tibetische Tradition und die dritte die "Pure Land" (reines Land) Tradition.

Ich war eine lange Zeit in Japan und es fiel mir auf, daß jeder Zen-Tempel oder jede Zen-Schule ihre Übungen geheim hielt, und daß sie sehr unterschiedlich voneinander sind. In Vietnam ist es etwas anders. Hier ist die Mischung aus den schon erwähnten drei Traditionen sehr interessant. Am Morgen, wenn man im Kloster erwacht, gibt es immer eine Sitzung in Zazen-Meditation. Daran schließt sich eine lange Sitzung an, in der Mantras gesungen werden, so wie in der tibetischen Tradition. Stellen Sie sich einen kleinen Novizen im Alter von 11 oder 12 Jahren vor, der sich hinsetzt und lange Serien von Mantras rezitiert, die er nicht versteht. Aber sein Meister hatte ihm gesagt, er solle nicht versuchen sie zu verstehen, sondern seine Aufmerksamkeit nur darauf lenken, sie aufzusagen. Buddhismus kann intellektuell nicht verstanden werden. Nur, indem man die Mantras aufsagt, ohne über den Inhalt nachzudenken, kommt man zu der wahren Erkenntnis. Es werden Ihnen wunderbare Dinge widerfahren, wenn Sie die Mantras singen, ohne dabei Ihren Geist zu benutzen. Der Novize tritt als sehr junger Mensch in das Kloster ein, und er wächst auf mit den morgendlichen Mantra-Gesängen. Er nimmt die Gesänge in sich auf, ohne zu verstehen, was sie bedeuten. Wenn wir dieses in einer Welt wie der heutigen äußern, glaubt niemand, daß es einen Sinn ergibt, aber darauf beruht die Tatsache daß er Novize aufwächst, um eines Tages ein Meister zu sein. Diesen Vorgang nennen wir Erleuchtung.

Als ich an der Universität indische Philosophie lehrte, sagte ich meinen Studenten häufig, sie sollen sich das Himalaya-Gebirge vorstellen, auf dessen indischer Seite Weise meditierend

ins Deutsch übertragen
Frau BARBARA

sitzen. Weil das Gebirge sich als Hindernis präsentiert, sitzen sie dort und denken, denken und denken, und durch dieses Nachdenken erlangen sie Wissen, welches das Hindernis überwindet. Auf eine Art waren sie in der Lage, sich über die Barriere des Gebirges hinwegzusetzen. Die Zivilisation hat alles aus der Welt entdeckt, aber die Meister, die meditierend zu Füßen des Himalaya saßen, wußten darüberhinaus noch viel mehr. Im wesentlichen haben die drei Traditionen des Buddhismus in Vietnam wunderbare Wurzeln geschlagen. Jedoch verbanden sich die Traditionen nach der Buddhistischen Revolution 1963 in Vietnam und es vereinigten sich auch die zwei größten Schulen des Buddhismus die Theravada Schule und die Mahayana Schule. Ich will nicht behaupten, daß wir besser als andere seien, aber ich bin sehr froh, daß dieses in Vietnam geschah. 1964 wurde einer meiner Freunde eingeladen, in die USA zu reisen. Zu dieser Zeit war ich in Tokyo. Er schrieb mir, um mich zu fragen, wie man eine Rolltreppe zu benutzen hätte. Er sagte, wenn er in Tokyo wäre und würde sich selbst zum Narren machen, wenn er nicht wüßte, wie eine Rolltreppe zu benutzen sei, würde ihn niemand auslachen, weil alle Asiaten wären, aber in den USA könnte er ausgelacht werden, und er würde sich blamiert fühlen. Wenn die buddhistischen Meister aus Indien nach China reisen wollten, machten sie in Vietnam eine Pause, um Chinesisch zu lernen. Es war ein sehr glücklicher Zufall, daß wir die Meister zuerst kennen-lernen durften und dann erst die Chinesen. Seit König Ashoka's Dynastie wurden eine Anzahl buddhistischer Mönche aus Indien in die Welt geschickt. Das war noch vor dem ersten Jahrhundert, so begann die Geschichte des Buddhismus in Vietnam schon vor langer Zeit durch die Meister, die auf dem Weg von Indien nach China durch Vietnam reisten.

Seit dem zweiten Jahrhundert nahm der Buddhismus in Vietnam ziemlich feste Strukturen an. Etwa im fünften Jahrhundert kam ein indischer Meister aus China nach Vietnam. Er war der dritte

Patriarch der chinesischen Dynastie. Zu der Zeit war Vietnam wie ein chinesischer Satellitenstaat. Alle Vietnamesen lernten und schrieben Chinesisch, deshalb hatte das vietnamesische Volk die Möglichkeit, alle chinesischen Patriarchen und Meister zu empfangen und willkommen zu heißen.

Haben Sie jemals eine leere Muschel gesehen? Wenn die Menschen eine Auster essen, werfen sie die Muschelschale in den Müll, und wenn es regnet, läuft ein wenig des Regenwassers in die leere Muschel. Wenn Sie in das Innere der Muschel schauen, erblicken Sie dort das ganze Universum. Auf diese Weise denke ich immer an Vietnam. Es ist solch ein kleines Land, aber es öffnet sich der Welt, und so kommt es, daß all die guten Dinge der Welt dort hinkommen und reflektiert werden können. Mit diesem Beispiel möchte ich Ihnen klar machen, daß sie sich selbst nicht als zu gering erachten sollten. Sie sind zwar klein, aber wie eine leere Muschel, unter der Voraussetzung, daß sie sich öffnen und die Wunder des Universums zu empfangen bereit sind, werden Sie selbst zum Universum, werden Sie großartig.

Japan ist ein anderes Beispiel. Es ist ein sehr kleines Land. Vor etwa tausend Jahren baten die Japaner einen buddhistischen Meister aus Vietnam zu kommen, um sie buddhistische Musik zu lehren. Japan war erfolgreich. Ich erfuhr diese Geschichte aus einer japanischen Enzyklopädie, in welcher ein japanischer Wissenschaftler eine Untersuchung darüber durchgeführt hatte.

In den Bücher wird immer geschrieben, daß der sechste Patriarch, Hiu Neng, ein Chinese war, aber ich weiß, daß er Vietnameser war. Einige Wissenschaftler, die viele Untersuchungen zu diesem Thema gemacht haben, behaupten dasselbe. Bevor er der sechste Patriarch wurde, kam er zu dem fünften Patriarchen, um ihn darum zu bitten, von ihm unterrichtet zu werden. Erinnern Sie sich, was der fünfte Patriarch sagte? Er antwortete: "Sie Barbar aus dem Süden, was wissen Sie denn schon?". Der spätere sechste Patriarch antwortete: "Buddhas Geist ist in jedermann wo liegt also der Unterschied, wenn ich im Süden lebe?" Daraufhin wurde er ins Gefängnis gesteckt. Aber der fünfte Patriarch hatte den anderen bereits als großen Geist erkannt. Die Chinesen in der alten Zeit nann

-ten ihr Reich "Zhong Guo", welches literarisch "Zentrum" bedeutet. Für sie war China das Zentrum des Universums. Sie waren stolz auf ihre Zivilisation, deshalb meinten sie, daß alle anderen Menschen Barbaren seien. Dr. Suzuki sprach viel über den sechsten Patriarchen und den geistigen Inhalt der Zen-Tradition. Ohne den sechsten Patriarchen hätten wir nicht das, was wir heute als Zen bezeichnen. Das Besondere an allen vietnamesischen Mönchen ist, daß sie alle Dichter sind. Die Selbstopferung eines bekannten Mönches 1963 in Vietnam zeigte die Kraft der Meditation. Im November 1975 erlitten die Kommunisten eine böse Schlappe, als sie hörten, daß sich zwölf Mönche zur selben Zeit aufgeopfert hatten.

Hat jemand in diesem Raum geraucht? Wenn Sie das verbrannte Ende einer Zigarette berühren, können Sie es fühlen. Wenn es für einen Novizen Zeit wird, offiziell Mönch zu werden, unterzieht er sich dem Ritual, drei Zweige Weihrauch über seinem Kopf zu verbrennen. Es gab einmal ein Mädchen aus einer reichen Familie, die häufig den Tempel besuchte. Dort verliebte sie sich in einen Mönch, der sehr gut aussah. Der Mönch war aber auch ein tiefgläubiger Mönch. Deshalb brach ihr das Herz, und in ihrer Enttäuschung gab sie sich einem Hausdiener hin. Sie wurde schwanger und erzählte jedem, daß der Mönch der Vater des Kindes sei. Die Gesellschaft, deren buddhistische Regeln sehr streng sind, verprügelte und verstieß ihn. Als das Mädchen das Kind geboren hatte, brachte sie das Baby zu dem Mönch. Obwohl jedermann ihn haßte, war er ein sehr guter Mönch, und er schloß das Baby in sein Herz. Er ging umher, um Milch für das Kind zu erbitten. Aber diese Haltung verschlimmerte die Sache noch für ihn. Jedermann zeigte mit dem Finger auf ihn, er wurde beleidigt und verjagt. Wer kann solch eine Behandlung schon aushalten, es sei denn für den Glauben an Buddha! Als das Kind sechs Jahre alt war, starb der Mönch. Als die Menschen ihn wuschen und die Kleidung wechseln wollten entdeckten sie, daß er eine Frau war. In jenen Tagen durften Frauen nicht am Leben in der Sangha teilnehmen. Das Mädchen war aber so begierig gewesen, die Meditation auszuüben, und es gab für sie keine andere Möglichkeit in einen Orden einzutreten als vorzutäu-

schen, daß sie ein Mann sei. Da sie eine als Mönch verkleidete Frau war, sah der verkleidete Mönch sehr hübsch und gütig aus. Dieses ist eine Geschichte über die Geduld. Jeder Vietnameser kennt diese Geschichte und es wird gesagt, daß diese Frau die Inkarnation von Kwan Yin sei. Vor tausend Jahren lebte in VN ein Meister mit dem Namen Man Giac, und tausend Jahre später wurde ich geboren und bekam seinen Namen. Er war ein Dichter und ich dichte ebenfalls sehr gern. Eines seiner bekanntesten Gedichte handelt von dem Kommen und Gehen der Jahreszeiten. Wenn der Frühling kommt, blühen alle Blumen, wenn der Frühling zu Ende geht, verblühen die Blumen. Es ist wie das Leben eines Menschen - wenn man jung ist, hat man dunkles Haar; wird man älter werden die Haare weiß. Ist der Frühling vorbei, ist nichts mehr übrig, aber trotzdem gibt es noch etwas, was dem Gesetz der Vergänglichkeit nicht unterliegt. Dazu sagte der Meister: "Glaubt nicht, daß nichts übrig sei, wenn der Frühling vorbei ist. Letzte Nacht leuchtete ein Pflaumenzweig in der Dunkelheit des Vorgartens".

Was ich Euch heute Abend anbieten kann, ist dieser Pflaumenzweig, der in der Dunkelheit der Nacht leuchtet. Zwischen Geburt und Tod gibt es etwas Unzerstörbares, und jeder von uns besitzt es, denn es liegt in unserer Natur.

Durch Zufall haben tibetischer und vietnamesischer Buddhismus irgendwie etwas Gemeinsames. Wir alle sind Opfer einer Ideologie. Die Lamas aus Tibet mußten in das Exil nach Indien flüchten, wir vietnamesischen Mönche mußten unsere Heimat verlassen, um hierzukommen. Ich besitze das Privileg und die Gnade, hier in Los Angeles zu sein, deshalb war ich in der Lage, den Dalai Lama viele Male willkommen zu heißen, ebenso wie den Karmapa.

Im Jahre 1235 besuchte ein tibetanischer Reisender die Nalanda-Universität, die damals nur ein Haufen von Ziegelsteinen war. Er sah einen alten indischen buddhistischen Meister, der auf diesem Haufen von Ziegelsteinen saß und Buddhismus lehrte. Wie die Zerstörung und der Wiederaufbau der Nalanda Universität, so hat auch der Buddhismus seine Höhen und Tiefen und wir sind hier, um die Freuden und Leiden mitzuerleben. Meine Hoffnung besteht darin, daß wir alle eines Tages etwas

aufbauen können, das wir amerikanischen Buddhismus nennen können. Ein amerikanischer Buddhismus würde die Bedeutung der buddhistischen Lehre vollständig erfassen. Ich sage das nicht, um Ihnen Komplimente zu machen, aber ich habe mit besonderer Sorgfalt das Erziehungssystem in diesem Lande beobachtet. Die Kinder hier suchen ein unabhängiges Leben, wenn sie ein bestimmtes Alter erreicht haben. Ein Mensch, der weiß, daß er sich selbst gehört, kann den Buddhismus verstehen. Ich bin sicher, daß ein amerikanischer Buddhismus ganz besondere Aspekte haben würde, denn Sie leben in sehr günstigen und glücklichen Lebensumständen, so daß Sie alles mit offenem Herzen aufnehmen können, was Ihnen begegnet. Sie werden sich aussuchen, was für Sie gut ist, und Sie

werden nicht beachten, was Ihnen schadet. Ich bin froh, daß der Buddhismus in dieses Land Einzug gehalten hat.

Als sie 1963 den Mönch, der sich selbst geopfert hatte, begruben, stellten sie fest, daß sein Herz noch intakt war. Sein Herz war nicht verbrannt. Es wird nun im Tempel als Reliquie aufbewahrt. Es wird das "unzerstörbare Herz" genannt, und dieses Wort wurde ein allgemeingültiger Ausdruck, der in die Wörterbücher Einlaß gefunden hat. Es ist wie eine Analogie: wenn der Winter kommt ist nichts mehr übrig, aber es gibt die Pflaumenblüte. Glauben Sie deshalb nicht, daß ich hierhergekommen bin, um über vietnamesischen Buddhismus zu sprechen. Ich bin hier, um Ihnen eine Pflaumenblüte zu reichen. Ich danke für Ihr Kommen.

BUDDHISTISCHE AKTIVITÄTEN IN DEUTSCHLAND



„...Habt Erbarmen mit uns!“

Als ob die Flüchtlinge aus Vietnam nicht genug gelitten hätten, bevor sie sich zur Flucht aus ihrer Heimat entschlossen haben. Als ob das Fahren mit kleinen Booten im offenen Meer nicht gefährlich genug wäre. Aber für die britische Administration in Hongkong ist das alles kein Anlaß, um die Flüchtlinge aufzunehmen. Im Gegenteil: Man will sie möglichst schnell wieder zurückdeportieren. Nach Schätzungen zuständiger Organisationen sind seit 1975 zwischen 200.000 und 300.000 Flüchtlinge beim Versuch, über das Meer zu entkommen, auf verschiedene Weise umgekommen. Zwei Meldungen in nur einer Woche zeigen uns das Ausmaß der Tragödie:



Vietnamesische Flüchtlinge, die Freiheit gesucht und doch hinter Gittern und Stacheldraht gefangen sind (Foto: AP)

Im Südchinesischen Meer ist es zu einem der blutigsten Überfälle thailändischer Piraten auf vietnamesische Bootsflychtlinge gekommen. Beante in Kuala Lumpur berichteten am Samstag, bei dem Überfall, der sich vor etwa einer Woche ereignet habe, seien 45 Menschen massakriert und etwa ein Dutzend Frauen verschleppt worden. Nur ein alter Mann und ein Junge hätten das Massaker überlebt und nach ihrer Rettung den malaysischen Behörden davon berichtet. (AP Kuala Lumpur/2.4.89)

Ende März rampte ein japanisches Containerschiff ein Boot mit 130 vietnamesischen Flüchtlingen. Der Kapitän wollte auf hoher See die Flüchtlinge aufnehmen. Doch ein starker Wellengang führte zur Katastrophe. Nur 35 Menschen konnten aus dem Wasser gefischt werden. Die restlichen Männer, Frauen und Kinder ertranken. (Hessischer Rundfunk/1.4.89)

Was geschieht nun mit den Flüchtlingen in Hongkong, die trotz aller Gefahren überlebt haben? Sie werden von der Polizei festgenommen und in ein Straflager eingesperrt – in käfigähnliche Behausungen. Nach einer Verordnung der britischen Regierung vom 15. Juni 1988 gelten die Flüchtlinge als illegale Einwanderer und sollen nach Vietnam zurückgeschickt werden. Man unterstellt ihnen, daß sie aus wirtschaftlichen Gründen geflohen sind und demnach kein Recht auf Asyl haben. Nur einzelne, denen es aufgrund von vorhandenen Papieren gelingt, zu beweisen, daß sie in Vietnam Verfolgungen ausgesetzt waren, werden als politische Flüchtlinge anerkannt und dürfen bleiben. Aber welcher Verfolgte hat schon entsprechende Papiere? Das ist ebenso unangeheuerlich, als wenn man von Juden, die vor den Nazis geflohen und nach langen Irrfahrten endlich in den USA ange-

kommen waren, verlangt hätte, von der Gestapo eine Bescheinigung ihrer Verfolgung vorzulegen. Trotz unmenschlicher Lebensbedingungen in Straflagern und des Druckes der Administration haben sich nur 75 von insgesamt 11.000 Flüchtlingen, die nach der Verordnung vom Juni 1988 angekommen waren, bereit erklärt, freiwillig zurückzukehren. Die übrigen ziehen das Leben im Straflager von Hongkong dem Leben in „Freiheit“ in Vietnam vor. Einem Besucher der Lager wurde ein mit Blut geschriebener Brief übergeben: „Habt Erbarmen mit uns Menschen aus Vietnam! – Schickt uns nicht in den Tod!“ Hundert Insassen des Lagers Hei Ling Chou sind in den Hungerstreik getreten. Dafür wurden sie vom Lagerkommandanten mit Schlagstöcken niedergeschlagen. Die britische Regierung hat in längeren Verhandlungen die Zusage gegeben,

Vietnamesen bekommen, daß die Flüchtlinge nach der Rückkehr nicht bestraft werden. Doch die Flüchtlinge haben keinen Anlaß, ihnen zu glauben. Denn das Verlassen des Landes ohne Genehmigung gilt auch in Vietnam – wie in anderen kommunistischen Staaten (z. B. DDR, Kuba, Äthiopien, Rumänien u. a.) – als strafbar. Die Flüchtlinge wissen, daß der Weg aus Hongkong in eins der vielen Umerziehungslager führt. Dort muß jeder 10 – 15 Jahre bleiben, wenn er es überhaupt überlebt. In Großbritannien gibt es zahlreiche Proteste in der Öffentlichkeit gegen die Politik der Regierung. Ohne die Probleme der Unterbringung der vietnamesischen Flüchtlinge zu verharmlösen, betrachtet die IGM die Zwangsdeportation als absolute Verletzung der Menschenrechtsdokumente, die nach dem Zweiten Weltkrieg feierlich angenommen wurden. Im Jahre 1988 wurde überall in der Welt der 40. Jahrestag der Allgemeinen Erklärung der Menschenrechte groß gefeiert. Zur gleichen Zeit verbündete sich ein Rechtsstaat – Großbritannien – mit einem totalitären Staat – Vietnam – um die Zehntausende von Flüchtlingen wieder hinter Stacheldraht zu bringen. Die britische Sektion der IGM bemüht sich, auf verschiedene Weise die Deportation zu verhindern. Die IGM-Sektionen in Australien, Großbritannien und die deutsche Sektion wollen gemeinsam eine Expertengruppe nach Hongkong entsenden, um vor Ort zu prüfen, was getan werden kann. Danach soll eine mehrsprachige Dokumentation erstellt und eine weltweite Kampagne zur Rettung der veresperten Flüchtlinge gestartet werden. Für die erste Phase dieses Projekts muß unsere Sektion DM 15.000,- ausbringen. Sollte die britische Regierung unter dem Druck der öffentlichen Meinung ihre unmenschliche Verordnung zurücknehmen, so wird das Geld direkt für die Unterstützung der Flüchtlinge in Hongkong verwendet. Wir danken Ihnen für Ihre Beteiligung (Kennwort: Vietnam).

Impressum
Herausgeber: Internationales Christentum für Menschenrechte - Deutsche Sektion e.V., Kaiserstraße 72, Postfach 1217 22, D-6000 Frankfurt/Main 1, Telefon 030/23 6071-2
Kassiererin: Prof. Dr. Dorothea Ebermann, Prof. Dr. Nikolaus Lohmann, Dr. h. c. Josef Götz, B. M. Theodoros, Dr. phil. Stefan, Prof. Dr. Friedrich-Wilhelm von Siedow, Prof. Dr. Theodor Weber u. a.
Redaktion: 11 Mitarbeiter
Druck: Polycolor, alle von Marika
Druck: Polycolor Druck-Druck, Frankfurt/Main
Grafik und Layout: Foliozeit, Hoff/Täger, Frankfurt/Main
Dauerschriftleitung: wird von Mitgliedern und Förderern der IGM/IKM ehrenamtlich durchgeführt für den schriftlichen Gesamtbeitrag der Redaktion bezahlt.
Dauer-Abgabe: wird von Zeitschriften-Verlag IGM/IKM, Postfach 10000, 4000 Düsseldorf, 0209 9

● GAST-MONCH IN VIENGIAC
Am 19. April 1989 hat Hohehrwürdiger THICH CHON DIEN, Abt der QUAN AM Pagode in Houston - Texas (USA), die VIENGIAC Pagode in Hannover besucht. Zu diesem Anlaß hat Hohehrwürdiger die Buddhisten und Freunde des Hauses eine lehrreiche & praxisnahe Unterweisung der Buddhalhre gehalten.

● BUDDHAHRE FÜR DIE EINHEIMISCHEN
Von 20. April, 11. und 24. Mai, 7., 9. und 29. Juni 1989 gab es in der VIENGIAC Pagode ZEN-, Buddhalhre-Kurse, auch Seminare über die VN-Flüchtlinge und vegetarische Ernährung für die deutschen Schulen aus Hannover, den LION-Club, und die Studenten d. Religionswissenschaft Fakultät der Universität Hannover. Solche Tagen wurden von Ehrw. THICH NHU DIEN, Abt der VIENGIAC Pagode, mit Unterstützung von dem Novizen THIEN TIN und Herrn THI CHON Ngo Ngoc Diep, Betreuer des vietnamesisch - buddhistischen Sozio-Kulturzentrum der VIENGIAC Pagode, geleitet. Viele von den Besuchern, haben sich nach der Teilnahme für das vegetarische Leben interessiert und die Pagode öfter besucht sowie sich intensiver der Buddhalhre gewidmet.

● AUSBILDUNG DER GRUPPENLEITER FÜR DIE JUBFA in der BRDEUTSCHLAND IN NÜRNBERG
Diese fand vom 28. bis 30. April 1989 in Nürnberg statt und wurde von dem Leiterschuß der JUBFA in der BRDeutschland (LAS) veranstaltet, mit technischer Unterstützung vom VBVF-Ortsverein aus Führt-Erlangen-Nürnberg und dessen Jubfa CHANH DUNG. Ehrw. THICH NHU

Viên Giác 23

DIEN sowie ehrwürdige Nonnen DIEU TAM aus Hamburg und DIEU AN aus Aachen haben diese feierliche Veranstaltung bezeugt und die Buddha- lehre für die Teilnehmer unterwiesen. Außer den Mitglieder des LAS haben 22 Mitgliedern von verschiedenen JUBFA in der Bundesrepublik Deutschland an dieser Ausbildung teilgenommen.

Dies bestätigte eine konkrete und erfolgreiche Arbeit des LAS innerhalb von einem Jahr. Alle 22 Teilnehmer haben die Gruppenleiter- Prüfung bestanden.

● TAGUNG DER VBVF in NURNBERG

Am Tag danach, dem 1.5.1989, hat der VBVF-Vorstand, Vertreter aller VBVF-Ortsvereine, unter Bezeugung von ehrwürdige Mönche und Nonnen der CVBD, getagt, um die Mitglieder des LAS zu wählen. Es kam zum folgenden Ergebnis:

Hauptleiter: Herr NHAT DINH Nguyen Kim Son (Jülich), Vize-Leiter: Herr THI LOC Vo Van Mai (Norddeich), Schriftführer und Verfassung: Herr THI CHON Ngo Ngoc Diep (Hannover) Kassenwart: Herr CHUC PHUOC Tran Huu Duc (Nürnberg), Beauftragter für Ausbildungswesen: Herr TAM CU Truong Ton Chau (Gießen), Beauftragter für Kulturwesen: Frau TAM BACH Tran Nguyen Huyen Dan (Berlin), Beauftragter für Presse- & Jugend- Diensten: Herr THIEN CAN Pham Hong Sau (Lingen/Ems)

● TEILNAHME AN DEM TRAUERTAG, 30.4.1989, in BONN

Dies wurde von der Union der VN-Flüchtlinge in der BR Deutschland veranstaltet, vor der Botschaft der Sozialistischen Republik Vietnam in Bonn-Badgodesberg. Ehrwürdige Mönche und Nonnen der CVBD, Vorstände der VBVF, Vertreter der VBVF-Ortsvereine und viele buddhistische VN-Flüchtlinge haben an dieser Veranstaltung teilgenommen.

● VESAK-FEST

In MÖNCHEGLADBACH

Es fand am 6. Mai 1989 statt und wurde vom Ehrwürdigen THICH MINH PHU, Abt der THIEN HOA Pagode in Mönchengladbach veranstaltet. Diese Feierlichkeit wurde von Hochehrw. THICH THIEN DINH aus Frankreich, Ehrw. THICH NHU DIEN aus Hannover und ehrwürdige Mönche und Nonnen der CVBD bezeugt. Etwa 400 Buddhisten und Freunde des Hauses haben am Kulturprogramm zum Anlaß teilgenommen.

In MÜNCHEN

Unter der Leitung vom Ehrw. THICH NHU DIEN fand das VESAK-Fest am 7. Mai 1989 in der Buddhasstätte TAM GIAC in München statt. Nach der Predigun zum Anlaß gab es die Zufluchtsnahme-Zeremonie für die zum Buddhismus bekehrenden Laien. Zu dieser Feierlichkeit kamen etwa 100 Buddhisten und Freunde.

In HAMBURG

Das VESAK wurde in diesem Jahr von 10 buddh. Institutionen

in Hamburg gemeinsam veranstaltet, wie aus Tibet, Deutschland, Vietnam, Thailand, ... Hochehrw. Nonne DIEU TAM, Äbtin der BAO QUANG Nonnen-Pagode in Hamburg, und deren Buddhisten haben an dieser feierlichen Veranstaltung teilgenommen.

In der BAO QUANG

Nonnen-Pagode in Hamburg

Am 14. Mai 1989 fand das VESAK-Fest in der BAO QUANG Nonnen-Pagode in Hamburg, unter der Leitung vom Hochehrw. Nonne DIEU TAM, statt. Es gab etwa 100 Festteilnehmer an dieser Feierlichkeit.

In der VIEN GIAC Pagode in Hannover

Vom 20. bis 21. Mai 1989 wurde das VESAK-Fest in der VIENGIAC Pagode gefeiert. Dies fand unter der Bezeugung von Ehrw. THICH MINH TAM (Frankreich), THICH NHU DIEN (Deutschland), THICH MINH GIAC (Holland), THICH QUANG HIEN (Schweiz) sowie ehrw. Mönche, Nonnen und Novizen der CVBD, statt.

Zu dieser feierl. Veranstaltung kamen etwa 3.000 Buddhisten und Freunde des Hauses aus allen Bundesländern und Europa. Aus diesem Anlaß hat der Bau der Begegnungsstätte LOTUS begonnen.

In PORZHEIM

Unter Bezeugung vom Ehrw. THICH NHU DIEN und ehrw. Mönche und Nonnen der CVBD fand das VESAK 2533 am 3. Juni 1989 in Porzheim statt. Dies wurde von Ehrw. Nonne MINH LOAN veranstaltet. Viele Buddhisten und Freunde kamen zu diesem Fest.

● ANDACHT in MÜNSTER

Am 7. Mai 1989 veranstaltete der VBVF-Ortsverein aus Münster eine regelmäßige buddh. Andacht, unter der Leitung vom Herrn NGUYEN THONG Vo Huu Xan, Ortsvereins-Vorsitzender, und Herrn THI MINH Van Cong Tram, Vize-Vorsitzender der VBVF in der BR Deutschland. Zu dieser geistigen Veranstaltung kamen viele Buddhisten & Freunde.

● LEHRGANG ÜBER QIGONG UND ZEN

Dieser fand vom 9. bis 11.6. 1989 in der VIENGIAC Pagode statt und wurde vom Buddhist THICH TAM Hugo veranstaltet. Das Lehrgangsprogramm beinhaltete Zen, Shaolin, Buddhalehre und Qigong. Die Teilnehmer waren verschiedener Nationalitäten. Für den Lehrgang haben Ehrw. THICH NHU DIEN den Zen-Buddhismus und Herr THI CHON Ngo Ngoc Diep die allgemeine Buddhalehre über die Krankheitsursachen gelehrt.

● EURO-TREFF IN GOSLAR

Zur Präsentation verschiedener deutsch - ausländischer Arbeitskreise und Gruppen mit Infoständen, Ausstellungen, Dia-Show und zum Mitmachen hat der Niedersächsische Sozialminister - Ausländerbeauftragte ein 2 tägigen "EURO-Treff" im Gebäude des Landkreises Goslar veranstaltet. Folgend der Einladung, unter Leitung von Herrn THI CHON Ngo Ngoc Diep und Gruppenleitern der JUBFA - TAM MINH aus Hannover;

haben die Mädchen und Jungen der Jubfa-TAM MINH mit den "Drachen- und 2 Folkstänze an diesem Treff dargeboten

● BUDDHALEHRE IN DER DEUTSCHEN SCHULEN

Außer den Besuchen der deutschen Schulen, Institutionen in der VIEN GIAC Pagode kommt es vor, daß sie uns auch zu ihren Schulen oder Institutionen einladen, um über die Buddhalehre, die vietn. Kultur, die Lage der VN-Flüchtlinge, ... kennenzulernen.

Am 19. Juni 1989 kam Herr THI CHON Ngo Ngoc Diep, Betreuer des Vietn-Buddhistischen Sozio-Kulturzentrum nach Wolsburg, Vorsfelde Gymnasium, um einen Vortrag über die Buddhalehre für 2 Klassen 9 und 12 zu halten. Der Vortrag war mit Dias über das Leben des Sakyamuni Buddha, der indische Stifter des Buddhismus, und die Kultur des vietn. Buddhismus, veranschaulicht worden.

● TEILNAHME AN DER KUNDGEBUNG IN GENEVE

Vom 13. bis 14. Juni 1989 haben alle Flüchtlings-Aufnahmeland in dem Gebäude der UNO in Genève getagt. Zu diesem Anlaß hat die Union der Freien Vietnamesen in der Schweiz zu einer Kundgebung an allen VN-Flüchtlinge vor d. Gebäude aufgerufen, um gegen d. Zwangsrückkehr der VN-Flüchtlinge in südostasiatischen Flüchtlingslagern zu protestieren und für weitere Aufnahmen der VN-Flüchtlinge in Drittländern zu appellieren. Es gab einen 24. stündigen Hungerstreik für 2 obenbeschriebene Ziele zu unterstützen. Ehrwürdiger Mönche und Nonnen der CVBD, zahlreiche Mitglieder d. VBVF haben an dieser Kundgebung teilgenommen.

Thi Chon



Lê Thị Bạch Nga

Tôi sinh ra đời vào 1 sáng mùa xuân. Cùng lúc với ngọn nắng vàng ấm áp chiếu vào bụi cây lan tím ở góc vườn của ngôi chùa to lớn này.

Cái gì đổi với tôi cũng mới, cũng lạ và đẹp rực rỡ, kể cả mái chùa Quan Âm đồ sộ ngói đỏ, lớn như cái đình làng với những cánh cửa sổ, cửa võ ra vừa rộng vừa cao.

Hằng ngày chùa vắng heo vắng hắt, cửa đóng then cài mà đến thứ 7, chủ nhật thì người ra vô như đi trẩy hội. Đặc biệt hôm nay là ngày đàn sanh Phật Thích Ca nên khách thập phương đến dâng hương lễ Phật nhiều không kể xiết. Các bác trong ban trị sự làm việc phở râu để lo tổ chức đại lễ. Cả tuần nay chiều nào cũng có khóa tụng A Di Đà và tối có những buổi thuyết giảng của quý thầy đến dạy Phật tử.

Ban đêm dù đã đầu tháng 5, bên ngoài vẫn quá lạnh, tôi quyết định dọn vào ở hẳn trong nhà bếp của chùa. Ở đây vừa ấm lại vừa thơm, nhất là vào dịp này, chùa đang có hội lớn, nấu nướng liên miên.

Công việc hằng ngày của tôi là bay vòng vòng để nhìn thiên hạ. Những ngày chùa im vắng, không đón khách thập phương tôi lăn la vào tàng kinh các, đậu trên từng quyển bày ngay ngắn trên tủ, miệt mài tìm hiểu lời kinh, kinh có đến hàng ngàn quyển, đọc hoài không hết, mà lạ thật! Ngay cả ngày chùa rất đông Phật tử, trên dưới người là người ra vô mà góc tàng kinh các này vẫn vắng khách vắng lại. Ít có người đến tìm kinh sách học Phật. Phần tôi đọc mệt nghỉ, tha hồ mà đọc dù hiểu hay không. Đọc chán tôi đập cánh vòng vòng bay về phía cầu thang leo lên chánh điện. Không khí ở đây nghiêm trang và thoáng mát nhờ 2 cửa sổ lớn mở ra thấy lộ trời xanh với những ngọn cây phong lá nhỏ li ti. Mỗi khi làn gió xuân lướt qua, lá rung lên nhẹ nhẹ.

Tôi thích nhất đậu lưng chừng cành dương liễu trên tay Phật

Bà Quan Âm, từ đây tôi có thể nhìn ra 4 phía của chánh điện, Phật tử lên lễ Phật là tôi thấy hết, đôi lúc giữa không gian yên tĩnh, tôi còn nghe được những lời tâm sự của khách thập phương dâng lên Phật.

Bữa no có người trẻ tuổi đến chùa xin cầu siêu cho bà mẹ vừa mất ở Việt Nam. Anh thưa với bác Tâm xin đặt hình mẹ thờ luôn ở chùa và xin chùa cứ tự tiện cúng vong. Khi đã đóng tiền xong xuôi anh ôm bóng bà cụ lên lễ Phật. Anh quý thẳng nghiêm chỉnh nhìn lên Phật, không vái, không lạy, anh khấn một hơi :

- Lạy Phật đây là lần đầu con đến gặp Phật, con không phải là Phật tử nhưng mẹ con ngày ở bên nhà hay đi chùa và nguyện vọng của bà cụ là khi lo lắng cho con cái nên người hết, bà về nương tựa Phật. Nay mẹ con chết đi mà nguyện vọng chưa thành vì bà lo cho con xong lại phải lo cho cháu, lo hoài không hết nên không đi tu được. Nay con đem mẹ con gởi cho Phật, xin Phật bảo bọc phần hồn cho mẹ con.

biển qua tới MTL (Montreal) để đoàn tụ cùng con mà vợ chồng con cái chừng nó nói xi xô xi xa tiếng Tây với nhau thì bà sẽ rầu mà chết thêm lần nữa, mà lần này thì xử la quê người, ba nẻo sáu đường chẳng biết về đâu.

Cô Phật tử kia lai thân thiết với Phật hơn. Suốt cả mùa hè, mỗi thứ tư biết chùa có mở cửa cô lai xách áo lên chùa lễ Phật rất lâu và thua cùng Phật như sau :

- Đôi con gặp rất nhiều nỗi buồn đau, nhưng được ngồi bên chân Phật lòng con thấy thanh tịnh, nhẹ nhàng và êm mát quá... may mắn cho con mỗi thứ tư con được nghỉ việc mà chùa lại mở cửa nên con được về ngồi bên Phật.

Hôm nay đầu tháng cô lai lên bạch Phật :

- Lạy Phật hôm nay con buồn quá, người yêu của con vừa được tin vợ của anh sắp được giấy xuất cảnh qua Canada đoàn tụ với gia đình. Con đọc sách Phật

LỜI NGUYỆN CẦU CỦA CON MUỖI

Anh ngần ngừ một chút rồi nói thêm :

- Tuy con là con trai nhưng không thể hương khói cho mẹ được vì con lấy vợ Canadiene, nói sợ nó không nghe, giải thích sợ nó chẳng hiểu...mình lại ở xứ sở người ta...con lại thương nó quá nên chẳng biết tính làm sao, may quá con mới được biết đây có chùa, có Phật, con xin gởi mẹ con cho Phật. Khấn xong anh lay lấy lạy để 5, 6 cái rồi đứng dậy ra về, từ đó chưa bao giờ thấy anh trở lại chùa.

Tôi mừng cho bà cụ có chỗ nương TÂM thanh tịnh, chứ hồn bà vượt

đã mấy năm cũng biết tình là giấy oan là nợ khó cõi, mà oa.. trái hơn nữa là con lại có tình yêu với kẻ có vợ rồi...Cho nên con khổ quá, xin Phật nhủ lòng tứ bi gia hộ cho con tìm thấy đường thoát khổ.

Cuối mùa thu, cô lai đến tâm sự với Phật :

- Lạy Phật, gia đình người yêu con đã được đoàn tụ, con cùng khổ mà anh ấy cũng khổ!! Nhưng mà chúng con quyết định xa nhau để cứu lấy gia đình anh. Chỉ ấy rất hiển, tuần nào cùng đi chùa, còn con anh ấy thật dễ thương, cả 4 đứa đều sinh hoạt trong gia đình Phật tử Sen Trắng.Thôi

xin Phật đừng lo cho con nữa, con sẽ cố gắng quên và vui sống. Từ đó cô cũng đi luôn, chả thấy trở về.

Bà cụ ở xóm Côte des neiges đã hơn 60 tuổi, mấy năm nay nhờ thuận duyên được ở gần chùa bà đến làm công quả cho chùa luôn. Mọi người gọi là bác Mười Một vì bác là con thứ 10 trong gia đình... Tính bà cụ vui vẻ, sẵn lòng nhường nhịn, ai cũng quý cũng thương. Thường thường bác lo việc nấu dọn cỗ bàn xong lại xoay qua dọn dẹp, quét tước chẳng hề để tâm gì đến việc tụng kinh, nghe giảng, học Phật. Khi làm việc bác cười nói huyền thuyên... miệng băng tay, tay băng miệng, việc gì đến tay bác là xong ngay... chờ khi tan lễ, khách thập phương về hết, chùa trở lại quang cảnh lặng vắng nghiêm trang bác mới mặc áo thu xếp ra về... Trước khi ra về bác không quên bỏ dép, rón rén lên chánh điện lay Phật rất cung kính thành tâm. Đặc biệt bác luôn luôn nguyện cầu một ăn sùng gì đó ví dụ xin cho đứa cháu nội của bác tai qua nạn khỏi :

- Cháu nó mới 6 tháng mà bị sưng phổi, bác sĩ cho uống trụ sinh 10 ngày mà chưa hết bệnh, tôi nghiệp lắm Phật a. Lay Phật thấy cha mẹ nó khổ vì con quá, con cũng thấy khổ theo luôn, ngủ không được, ăn chẳng thấy ngon, đắng cả mồm cả miệng... Xin Phật phù hộ cho cháu và cho con luôn thể.

Bữa khác bác xin cho cô em gái bên nhà nhận được quà Tết của bác gói về sớm sớm một chút cho kịp ăn Tết, hoặc đứa cháu họ của bà vượt biển đến được đảo bình an... mỗi lần thỉnh nguyện điều gì cụ bà lại khẩn thêm :

- Con sẽ nguyện ăn chay một tháng để tạ ơn... Có bà lại bạo hơn, lên thưa với Phật như sau :

- Xin Phật cho con trúng lô tô (xổ số quốc gia). Kỳ này tiền trúng độc đắc lên đến 10 triệu đô la nếu con trúng số, con sẽ xin cúng chùa 1 triệu để xây cất chùa to hơn, đẹp hơn, rộng gấp 5 lần hơn và con sẽ thỉnh 1 tượng Phật lớn hơn, đẹp hơn có dát vàng đúc tận bên Đài Loan đem về... Nghe bà hứa hẹn tương lai lên dần, hơn dần, cao dần, đẹp dần... tôi mơ màng muốn ngủ gục luôn suốt tí nữa thì rớt cái bịch xuống đất.

Hai tuần sau bà lại lên thưa với Phật :

- Lay Phật con trúng số được 1000 \$. Đáng lẽ con phải cúng Phật 100\$ tức là 1/10 hay 10/100 số tiền trúng nhưng hôm qua con vừa được điện tin bên nhà đánh qua báo tin em con đau nặng phải vào nhà thương nên con phải gói gấp về VN 500\$. Số tiền 500\$ còn lại con còn phải mua áo, mua quà đi dự mấy cái đám cưới. Ban hè con ở đây rất đông, mà năm nay sao họ lại đám cưới đám hỏi cho con cháu họ nhiều quá, không đi không được... mà đi thì phải mua quà... Thôi con xin cúng Phật 20\$.

Và bà bỏ vào thùng phước sương 4 tờ 5\$. Trước khi bỏ vào, cụ căn thân đếm đi đếm lại, đếm tới đếm lui và xin Phật xá tội cho vì cái lời hứa mà không làm... Bà còn trách Phật phải chỉ Phật cho con trúng 1 triệu thì cũng đỡ khổ, đáng này... Phật chỉ cho con có 1000...

Đại khái... Trong ngôi chùa to lớn này kẻ ra người vô ào ào, mỗi người một tâm niệm, 1 suy tư. Ai đến chùa cũng mang theo một tâm sự hay ước nguyện gì đó, rõ rệt hay mơ hồ. Họ đi chùa để làm 1 cái gì để thực hiện 1 chuyện gì hay gói gắm, nguyện ước một điều gì. Cái gì đó nếu tốt cho mình cho người thì kính đặt tên là nguyện hạnh còn ích kỷ xấu xa thì gọi là ý đồ.

Những người trẻ tuổi chỉ đến chùa khi hữu sự, nghĩa là trong những dịp quan hôn tang tế của mình, của gia đình mình hay bạn hữu của mình chứ còn thì họ chỉ thích lui tới nơi phòng trà quán nhậu, rạp xi nê, chỗ ca nhạc hay lành mạnh hơn nơi các hội quán thể thao, trung tâm thể dục thẩm mỹ... Có 1 ít người như cô gái nhỏ đến chùa để chạy trốn đồ đau, tìm đường thoát khổ bởi vậy thấy dạy mái chùa như cái nhà thương khi đau thì tìm đến khi lành mạnh thì bỏ đi, quên mất thấy, quên mất chùa, dùng thiệt!

Trái lại mấy bác lớn tuổi lại xem chùa như nơi họp bạn già hàn huyên trút bầu tâm sự mà quên mất ý nghĩa cao cả của chùa chiền là nơi Phật tử đến kính lễ Phật. Thay vì học lấy lời kinh tiếng kệ để tu sửa đời mình theo con đường thanh lọc tâm, hướng đến phần thanh cao giải thoát như Phật ngày xưa thì họ lại đem hết những vui buồn thế nhân vào đặt hết nơi cửa bồ đề.

Nhưng những ngày sống nơi đây không phải tôi chỉ thấy chỉ nghe những thiên hạ sự khó bề phân giải như trên.

Những hôm đẹp trời, nắng ấm, ăn uống xong xuôi tôi ra vườn thực

tập "thiền bay", thiền bay cũng giống thiền hành của thầy Nhất Hạnh giảng dạy. Tôi vừa bay vừa thở, đập cánh rất nhẹ rất đều không quá chậm mà cũng chả quá mau như mấy cô chủ chuồn chuồn đang vù vù bay lên chúc xuống như những chiếc trực thăng...

Thỉnh thoảng tôi đậu lại trên cánh hoa hồng hay thược dược thành thói nhìn ngắm cảnh vật êm đềm rực rỡ xung quanh.

Mùa này hầu như mọi cây cỏ trong vườn đều nở hoa, đứng vào an lạc cũng được các em trong gia đình Phật tử trồng thêm 2 luống vạn thọ đại đoá, hoa vàng nở to như cái bát, trước hiên am treo đầy những lẵng hoa màu tím, trắng, hồng và cây trường sinh lá xanh quăn đầy lên mấy cây cột.

Những bác tam cấp cao dần vào chánh điện cũng được trang điểm bằng nhiều chậu cúc, thược dược (hoa nhỏ và mẫu đơn. Chim chóc kéo về đầy vườn, làm tổ khắp nơi trên mấy ngọn cây Phong... tiếng kêu rộn rã...

Mùa hè ở Canada thật đẹp, vạn vật như bừng sống, như múa hát trong nắng vàng.

Những hôm đẹp trời như vậy, tôi ở lại trong vườn thật lâu, ngọn nắng chiếu vẫn rạng rỡ và ấm áp. Chiều thứ 6 ngoài đường lặng vắng nhưng tôi biết chốc lát nữa đây, độ 6-7 giờ chiều sẽ có 1 chiếc xe nhỏ Toyota màu xanh đỗ trước cổng chùa và 1 ông tóc muối tiêu mặc đồ "Jean" bạc màu bước xuống. Ông không vào chùa lễ Phật như mọi người, ông chỉ lặng lẽ mở nắp thùng xe, 1 ạch kéo ra cái máy cắt cỏ chạy bằng xăng rồi bắt đầu rà rà cắt xén các bãi cỏ lớn nhỏ trong vườn chùa. Suốt cả mùa hè ông làm việc như vậy một mình. Tôi biết ông ta là 1 kỹ sư điện Hydro Quebec, có vợ đảm và con đã lớn sắp vào đại học là do bữa no bác Tám chở mấy bao gạo đến cho chùa, họ gặp nhau ngoài sân chùa và nói chuyện rất lâu.

Nhân duyên gì khiến cho một người phát nguyện làm việc công quả cho chùa trong cô đơn lặng lẽ như cái ông no suốt cả mùa hè năm nay đối với tôi quả là 1 đại bí mật. Cái đầu muối bé tí tí của tôi chịu thua.

Tôi chỉ là một con muỗi, đối tôi dài một mùa hè, đến đầu mùa đông năm nay, khi những lọn tuyết từ trời cao đổ xuống là tôi cũng như những bông tuyết kia tan biến mất để viễn du qua quốc độ khác. Có điều tôi cũng tự thắc mắc là nhân duyên gì khiến cho tôi lần này sinh vào quốc độ này và gặp duyên học Phật. Có lẽ rằng một lần nào đó trong một đời nào đó tôi cũng

như ông kỹ sư kia đã phát nguyên làm 1 điều gì cho nên hôm nay mới ghé lại tá túc nơi đây dưới mái chùa Quan Âm với đủ loại chúng sanh cùng đủ thứ tâm niệm.

Đời 1 com muối thì có gì lạ? Thân tôi chỉ dài bằng móng tay út của một người thấp bé nhất của cõi người, còn mạng sống của tôi ư ?? Ngồi mà đếm từng ngày cho kỹ thì cũng chỉ dài bằng 1/100 tuổi thọ của 1 người sống thời mạt pháp nơi đây.

So vậy mới thấy rõ là mạng người quý hóa và dài lâu biết bao! Có lần trong kinh dạy rằng Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, nay thế nhân có được thân người, lại gặp khi Phật pháp trùng hưng, đâu đâu cũng có chùa có thầy mà ít người học Phật. Góc tàng kinh các vấn là chốn lung cấm ít người héo lánh lân la...Thật ướng cho thế nhân!

Mà không phải mình tôi tiếc dầu nhé, cặp vợ chồng ruồi bên kia đường cũng đồng ý với tôi như vậy.

Mỗi tuần khí mùi hương hoa xào nấu ở bên chùa tỏa lên thì họ hàng nhà ruồi cũng kéo đến chùa nhập hội và nhờ đó chúng tôi quen nhau, lâu dần chúng tôi thành bạn thân và khi có giờ rỗi rãi chúng tôi bàn chuyện học Phật và chuyện thế nhân.

Khi bàn đến thuyết nhân duyên chúng tôi nhận ra rằng mình (họ hàng nhà ruồi nhà muối chúng tôi) đáng được nếm mùi Phật pháp, nói như lời các thầy hay giảng mỗi ngày trên chùa thì Phật pháp cao siêu huyền diệu, ngàn đời không dễ gặp đâu, giờ đây có duyên tri tụng, nguyện xin đạt ý nhiệm màu.

Học đến đây chắc đã thấm ý nhiệm màu, vợ chồng anh chị ruồi đem nhau đến trước Phật cùng phát nguyện :

- Đời chúng con quá ngắn ngủi, dài chỉ đến đầu mùa đông mà nay đã cuối hè, dù cho lãnh được cả gia tài Phật pháp cũng không đủ thì giờ mà tiêu dùng, cũng không biết phải tiêu dùng làm sao cho phải lẽ, hơn nữa tiêu dùng cũng không kịp...thôi thì đời này vợ chồng con chọn nhà ông Ấn độ bên kia cổng chùa để sinh sống cùng với họ hàng nhà ruồi của chúng con, nhưng năm nay con nguyện để lại bọc trứng bên chùa để đến mùa xuân năm sau mấy đứa con ruồi của chúng con được theo dấu chân Phật được hưởng hưởng vị giải thoát, ít nhất cũng xin được thành thời, nhân hạ cận kề bên Phật như anh muối bạn chúng con hiện nay.

Những ngày tháng lui tới chùa, nghe dự vào thiên hạ sự, anh chị ruồi lại càng võ lẽ câu khó nhất tu chùa, để nhất tu nhà vì hi vọng ái ở ở chùa cũng nhiều khi rứt rứt không kém gì hi vọng ái ở ngoài chợ, ngoài đời, Anh Chị ruồi lại phát nguyện, rừ tôi cùng phát nguyện :

- Nguyên cho tất cả chúng sanh, đừng oan trái lẫn nhau, xin cho được mọi sự an vui.

Tôi thấy đại nguyện này cao xa quá, gì mà cho tất cả chúng sanh! Loài người đã nhiều mà còn cộng thêm loài muối, loài ruồi chúng tôi nữa làm sao mà lo cho xuê.



Chị ruồi cười :

- Còn nữa, còn nữa, chúng sanh đây là loài vô sắc và hữu sắc, loài vô tướng và hữu tướng (có tướng), loài hóa sinh, loài thấp sinh, loài thai sinh, loài sinh v.v... và vân vân...

Thấy tôi há hốc mồm hết hoảng ngẩn ngơ, anh ruồi giảng tiếp :

- Nguyên đó gọi là bị nguyện đấy chú ạ, không có lòng từ bi là không làm chỉ nên chuyện trên cõi đời này đâu, có làm thì cũng chỉ gieo thêm ác nghiệp mà thôi. Chú tưởng mấy thầy qua lại ở chùa này nhìn bề ngoài coi bộ kẻ tu hành thông dong vô sự quá, lúc nào cũng khoan thai, tử hòa, thu thúc lục căn nhưng thiệt ra họ bận rộn suốt ngày đó chú ạ. Bận vì những lời bị nguyện nói trên, ví dụ đi trên đường gặp một con thỏ rừng bị xe cán họ liền khởi tâm nguyện cho linh hồn con thỏ được siêu thoát, lắng nghe tâm sự lòng thông của mấy bà, những ân oán giang hồ của mấy ông là họ nguyện cho chúng sanh hạ bớt lửa tham sân si và ái dục... thậm chí bưng bát cơm lên ăn mấy thầy cũng nguyện cho những kẻ nghèo khó xung quanh mình

được ăn no, đây dù nói gì đến lúc tụng kinh cầu siêu cho kẻ quá vãng các thầy lại càng nguyện cho linh hồn người chết được siêu thăng mà người sống nhân nổi đau khổ chia lìa người thân mà nhập vào biển Phật pháp theo ngõ "khổ đế"... Chú đọc sách thấy Nhất Hạnh chú cùng thầy đó mỗi buổi sáng đánh răng súc miệng thầy cũng nguyện cho "sạch nghiệp nôi răng" còn rửa tay thì thầy nguyện cho "tay ai cũng đẹp" - Đẹp để làm gì, chú biết không ?? Không phải để gió cuốn đi đâu nhé, để trang nghiêm quốc độ ta bà đó ! Trang nghiêm là làm cho đẹp, quốc độ ta bà này là phàm thánh đồng cư tịnh độ...

Tôi lắc lắc cái đầu...chị ruồi thì tham và ngạo mạn, đời độ hết 9 loài chúng sanh còn anh ruồi thì điên, gì mà phàm thánh đồng cư, ác quỷ và thiên thần làm sao ở chung được...Tôi gân cổ lên mà cãi ...

Cứ vậy mùa hè và mùa thu qua mau như gió thổi, cùng với rất nhiều biến cố và Phật sự trong chùa. Sau lễ đàn sinh Phật Thích Ca lai đến vía Phật Bà Quan Thế Âm rồi qua Đại Thế Chí Bồ Tát. Lễ Vu Lan là lễ lớn nhất của mùa thu năm nay, không những các vị lớn tuổi đến chùa để cùng vong và tưởng nhớ cha mẹ cầu nguyện cho cứu huyền thất tổ, cùng nhau nhắc nhớ đến hạnh hiếu thảo của Mục Kiến Liên mà đám thanh niên người Việt tại Canada cũng dùng tết Vu Lan làm ngày lễ mừng mẹ mừng cha, tương đương với Fête des mères, fêtes des pères của người bản xứ. Còn gia đình Phật tử thì kể như đại hội, luôn dịp các em còn nghỉ hè, thôi thì ngày nào cũng họp hành sinh hoạt trong chùa. Các anh chị huynh trưởng lại mở lớp dạy tiếng Việt cho thiếu nhi...thôi thì huyền nào và vui...ngôi chùa mất hết vẻ lạnh lùng cổ hữu, lòng tôi cũng rộn ràng vui theo lời ca hát của các em áo lam mỗi ngày văng vẳng ngoài sân : nào chúng mình ra, quay một vòng, hát mà chơi....

Vào cuối tháng 7 thấy Như Điển về, Phật tử lại hội họp, thăm thấy, nghe giảng pháp...Thấy Như Điển đi về Đức, thấy Nhất Chân từ Tây qua...và còn nhiều thấy khác ghé chùa cho pháp... Phật tử đời này thật có duyên may cùng Phật pháp, các thầy cho Pháp nhiều thì Phật tử tìm học Phật càng nhiều...càng học càng hưởng nhiều lợi ích...

Vợ chồng anh chị ruồi độ này trời quá lạnh nên ít qua lại thăm tôi. Hôm khai kinh Dược Sư hồi cuối tháng 9 anh chị có qua 1 lần rồi bật tin. Từ ngày chị

ở cũ, để ra 1 bọc trứng nghe đâu chỉ đã yếu đi nhiều, bay cao hết nỗi. Vì không gặp được họ, tôi cũng chẳng biết chỉ dấu cái bọc trứng ruối của chị vào chỗ nào trong khuôn viên bao la rộng lớn của ngôi chùa mệnh mỏng này.

Phần tôi cũng vậy, tuổi già kéo đến sầm sập như 4 ngọn núi có chân cùng tiến đến ép mình vào giữa và chực nghiêng nát mình đi. Tôi đau lưng, mỗi cánh rêm mình chẳng buồn động dây. Có nhiều hôm tôi nằm lì trên tầng kính các, mỗi ngày tôi chỉ cần uống chút nước trong và nếm ít mật hoa là đủ sống qua ngày. Tôi để những ngày cuối cùng của đời mình để chiêm nghiệm về thuyết nhân duyên, thật là trùng trùng điệp điệp mà cũng thật là giản dị, cái này có nên cái kia mới có, cái này sinh ra nên cái kia phải sinh ra ví dụ ngôi chùa Quan Âm đã được xây cất lên, vì có chùa nên có Phật tử lui tới, có Phật tử nên có gia đình Phật tử sinh hoạt... và vì có đủ như vậy nên phải có thấy trụ trì điều khiển chăm lo Phật sự. Tin tức mới nhất là chùa đã có thấy Minh Thông và thấy Nhật Chân cùng về hộ trì Phật Pháp. Mọi người đều hoan hỉ vì nguyện ước viên thành.

Duyệt lại tất cả các lời nguyện lớn nhỏ, từ lời nguyện của toàn Phật tử chùa Quan Âm đến lời nguyện của mấy thầy qua lời nguyện của vợ chồng anh chị ruối học Phật với tôi qua đến trong văn chương kinh kệ những lời nguyện của chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ, chư vị cổ đức cho đến lời nguyện rất cảm động của thầy Thích Quảng Đức để lại cho đời khi dâng mạng sống của mình cho Phật Pháp... tôi tìm ra được một điều là lời nguyện càng thấm lời từ bi thương xót hướng về kẻ khác càng có nhiều hiệu quả, để đi thẳng vào tâm và càng mau thành tựu. Hèn gì, bởi vậy các thầy cứ dạy Phật tử hồi hướng... mà hồi hướng cho ai? Ví dụ bố thí, giúp đỡ ai hay làm được 1 việc gì tốt đẹp gây nhân lành, tạo phước đức thì thấy nhắc nhở Phật tử nguyện hồi hướng ngay cho cầu huyền thất tổ, những kẻ thân yêu của mình cùng toàn thể chúng sinh (eo ơi là nhiều !!) để được đồng thành Phật đạo, tức là được đi vào biển Phật Pháp. Tôi quán đến đây thì sực nhớ ra rằng sống suốt 1 đời như thân muối tôi cũng dài chứ! Ít nhất là 240 ngày tức là 5760 giờ tức là 345.600 phút tức là hơn 2 triệu giây đồng hồ còn nói đến sát na thì vô số a tăng kỳ triệu triệu... đếm không xuể, kể

không hết..Vây mà đến cuối đời, sửa soạn về quốc độ khác tôi cũng chả có lấy 1 cái nguyện gì cho nên thân.

Thật là sống ướng cả cuộc đời! dù là đời ruối muối, là loài thấp sinh... so với vợ chồng anh ruối tôi còn thua mấy bậc vậy mà khi anh chị ấy phát nguyện tôi đứng một bên chề cao, chề thấp, chề nhỏ, chề to, chề xa chề gần...Nghĩ lại thấy què ơi là què, nhưng bây giờ biết anh chị ruối ở đâu mà tạ lỗi nhĩ, đường qua bên nhà ông Ấn độ quá xa mà trời thì quá lạnh, còn tôi thì già yếu lấm rối, mất mớ, cánh yếu, chân run...

Tôi nhớ lại cái lý "nhân quả" quả thật là hay, dù đọc xuôi theo chiều luân chuyển hay đọc ngược theo chiều hoàn diệt: vì cái này có nên cái kia có, vì cái này sinh ra nên cái kia sinh ra, vì cái này không sinh ra nên cái kia cũng chẳng sinh ra, mà không có sinh ra thì làm sao có chết đi cho được chẳng qua từ đời này trôi nổi qua đời khác, bập bênh, lang thang vô định, gặp đâu tấp đó như dăm luc bình, đảo đảo diên diên quay quay lộn lộn như mảnh lá rơi giữa cơn gió ngaiệp, như người mù mất gậy, như kẻ không biết lội rớt xuống sông chữ củ thặng đường nghiễm chỉnh chỉ tâm chỉ thiết mà đi theo đường đã định thì sẽ tới chỗ muốn tới vì như mấy bác theo khóa tịnh độ muốn về với Phật A Di Đà, một lòng chí tâm chí thiết hành trì thì nhất định Phật A Di Đà đến rước tận nơi.

Còn tôi, tôi đã nguyện là kẻ suốt đời đi tìm học Phật pháp thì đi đâu rồi cũng sẽ gặp Phật pháp, gặp thầy cho Pháp, gặp bạn cùng học, gặp thiên tri thức. còn chuyện chỉ tâm chỉ thiết chịu học hay không, học mau hay học chậm, tấn tới hay không... thì còn tùy. Tùy gì ??? thì tùy đủ thứ duyên ví dụ thuận duyên, nghịch duyên, tăng trưởng duyên, đặng gián gián duyên v.v... và bất đắc kỳ tử duyên !

Thôi chuyện này rắc rối, hạ hồi phân giải. Chuyện quan trọng là tôi vừa tìm được 1 bài bi nguyện hợp với căn cơ của tôi mà tôi có thể dùng trong khóa tụng hàng ngày. Tôi thích lắm và đặt tên là bài TUNG biểu tượng vì "tất cả ngôn ngữ chỉ có tác dụng biểu thuyên, chỉ có thể đại biểu hoặc miêu tả cái lý mà ta thuyên giải, cái sự mà ta nói đến chứ không phải là cái bản thân của cái lý hay cái sự ấy "(chang chen chi)

Bài nguyện ấy tóm tắt 1 phần như 1) Lay Phật xin bi niệm đến đệ tử nhân lời phát nguyện và giúp thành tựu lời nguyện cầu cho con và tất cả chúng sanh lia trần cấu được thân tâm thanh tịnh như nước trong núi tuyết tuôn chảy thấm nhập vào biển Phật Pháp.

2) Nếu như trong kiếp này chúng ta không thể thành tựu được thì hy vọng trong các đời đời kiếp kiếp vì lại đều có thể gặp được các hoàn cảnh tốt để học Phật.

3) Hy vọng trong các hoàn cảnh ấy chúng ta ngay cả các danh hiệu của tội nghiệp, thống khổ, phiền não đều không nghe đến chứ đừng nói là chính thức tội nghiệp, thống khổ và phiền não.

4/ Hy vọng trong hoàn cảnh ấy, ta có thể luôn luôn được hưởng thu cái đại dương Phật Pháp chỉ thiên chí lạc kia.

5) Hy vọng trong cái sinh mệnh ấy, ta là 1 kẻ đầy đủ tín tâm, đầy đủ trí huệ, đầy đủ tinh tiến, đầy đủ nhân ha thành thối và đầy đủ điều kiện viên mãn để học Phật.

6) Hy vọng trong các đời đời kiếp kiếp vì lại, chúng ta (Ta và toàn thể chúng sinh mọi loài) đều gặp các bậc thượng sư, thiện trí thức thông suốt truyền thụ cho khẩu thuyết tâm yếu của sự tu trì.

7) Hy vọng trong khi tu học không hề có sự gián đoạn hay chướng ngại.



VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử
Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa
Liên Bang Đức

CÓ GÌ LẠ???

SƠ ĐỨC MÃ NHUẬN BÚT

Gửi gáp truyện ngắn,
hồi ký, tùy bút...
về Viên Giác

c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr.35a, 3000Hannover81
☎ 0511 - 86 46 38

8/ Hy vọng trong vô lượng kiếp
thời vị lai ta luôn luôn được
thụ dụng niềm vui của Pháp.
(Lời chú giải của Chang Chen
Chi - Lời Việt Như Hạnh)

Tôi nguyện như vậy mỗi ngày cho
đến một hôm bác Tám cảm phất
trần lên chánh điện phui bụi,
bác sẽ tìm thấy xác một con
muối chết khô từ thuở nào theo
hơi gió bay xuống chân Phật
đài và bác sẽ thân nhiên hốt
vào thùng rác cùng với bao
nhiều thứ sạch dơ khác của cuộc
đời.

Còn tôi chỉ trong 1 chập tu
tướng, 1 cái chớp lèe của phần
triệu sát na, tôi đã về bên núi
đá năm xưa, nơi đó thấy tôi vẫn
ngồi dung dị trên bồ đoàn bên
cây hương chưa tàn, thấy nhìn
tôi và trách nhẹ :

- Con thấp hương lên đó, hương
còn cháy mà con đã lang thang
cả 1 kiếp đời. Cũng may con chỉ
làm thân con muối và lạnh quanh
nơi chùa Quan Âm. Thôi con hãy
ngồi xuống bên ta để cùng thờ,
chờ hương tàn và tiếp tục tuần
trà buổi sáng. Buổi sáng nhe
như mơ và hoa mai ở trong rừng
đã bắt đầu hé nu.

Ghi chú của tác giả

Các ý niệm về Phật Pháp trong
bài này được rút từ những tài
liệu sau đây :

- 1/ Niệm Tâm Từ(Narada) chùa
Pháp Vân - USA
- 2/ Đức Phật và Phật Pháp (Na-
rada - Kim Khánh dịch. chùa
Pháp Vân - USA)
- 3/ Thiên Đạo tu tập (Chang Chen
Chi - Như Hạnh dịch - Phật Học
Viện xuất bản 1983 - USA)
- 4/ Khóa học Phật Pháp kỳ sáu-
Montreal - Canada - Chùa Quan
Âm - Thấy Như Điện.
- 5/ Giới bản tiếp hiện - Từng
bước nở sen - Thấy Nhất Hạnh
- 6/ Truyền đăng lục - Trích lục
của Dương Thượng Ngã
- 7/ Phật Giáo VN 1963 - Quốc Tuệ
chùa Khánh Anh xuất bản 1987
- 8/ Kinh Kim Cang bản dịch của
Thiếu Châu
- 9/ Bước đầu học Phật - Nguyễn
Duy Căn

Anh Năm thợ hồ và Anh Sáu thợ mộc .

Tặng vợ chồng Nguyễn Long
(Brisbane)
Tặng Trương Văn Tân
(Scheidegg)

Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa

Mấy tên du kích và đám trẻ
ranh trên núi kéo cờ đỏ chạy
xuống chợ la thất thanh "đất nước
giải phóng,hoan hô, đã đảo...!"Lá
cờ đỏ phất tới đâu có mảnh lục làm
thiên hạ đông của tới đó,họ bỏ ngõ
la lùng với mõ từ ngũ chưa nghe
thấy bao giờ.Không khí im lìm ngọt
ngat thấm nhập ngay cả vào hàng me
xanh mượt lá run rẩy dưới cơn nắng
thiếu đốt. Tin tức qua mấy cái máy
thủ thanh nhỏ bé về sự thay đổi
chính quyền, khúc quanh lịch sử
trong đại sắp xếp ở bên Tây bên Mỹ
chưa hoàn toàn thấm nhập vào chợ
quê này. Dân chúng chỉ thấy có gì
là lạ,khác thường. Biển cỏ chưa đủ
khả năng đe dọa tinh thần họ như
tiếng sấm nổ long trời và cơn mưa
lũ đá núi Tô năm nào.Buổi chợ trưa
bao giờ cũng vắng vẻ, trừ các tiệm
nước ngà tư đường lác đác những
người đi sóc vệ, ngồi lê la nhâm
nhỉ ly cà phê đen thường lệ, vừa
nghĩ xá hồi bàn giá cả thóc lúa,thở
sản. Lăn đầu tiên trong đời,họ cảm
được sự khác biệt,không giống mấy
lần đảo chánh trước kia. Ngay đến
chủ các tiệm buôn quanh chợ còn vô
tình,thiếu ý thức chính trị, dù tất
cả mọi người đều quen với giới
nghiêm, sùng dân pháo kích, chiến
tranh hàng đêm- "Mà có chết ai
đâu? Tới đâu thì tới, đến nhà ai
nấy sáng, trời kêu ai nấy dạ, cái
sự vọng như sự tôn!- "Họ lý luận
rất giản dị,như chính cuộc đời họ.
Thối gian qua mau,tiếng loa hô hào
bắt đầu ồn ào xáo trộn đời sống
dân chợ và dân xóm nhà lá. Những
căn nhà lá lụp xụp, tùm rùm vào
nhau hai bên bờ kinh không có tên
đường và số nhà,tấm thường vô danh
như những người cư ngụ, bà con
chăng chích, quen biết nhau đã mấy
đời nên địa chỉ đời với họ hơi dư
thừa. Mấy dãy nhà ngói rêu xanh cũ
kỹ,cất từ đầu thế kỷ hay những căn
nhà lầu đúc mới xây, an toàn bằng
bê tông cốt sắt,chống pháo kích hữu

hiệu, chủ nhân được gọi tên theo
bảng hiệu mình, vẫn thờ ơ với thời
cuộc. Nhà lá hay nhà ngói đều chưa
chuẩn bị chào đón tư tưởng "Mất
xích, Le ninh" nhập cảng ở bên Nga
bên Tàu, họ nghi ngờ phẩm chất đồ
nhập cảng này chưa chắc tốt hơn
cây búa, cây cưa ở tiệm sắt,vô ích
hơn tấm lưới câu,lạc lẻo hơn ly cà
phê đá thơm mát buổi trưa.

Xóm nhà lá ban đầu tổ chức ăn mừng
cách mạng,"con ta khỏi đi lính"nên
họ nhậu thả cửa, đi lai suốt đêm,
việc làm ăn để đó, hỏi nào giờ, xử
nấy có ai chết đói đâu?"Tiếng sùng
xử tử ở sân banh không đủ thức
tỉnh họ,"ôi! nhà ai nấy ở,cơm ai
nấy ăn, ai làm dữ nấy lo, ai đánh
to thua lớn". Rồi dân gốc Miền bị
đuối khỏi sóc, chợ búa thiếu rau
cải, cây trái..."Ôi! Trời trả quá,
hồi năm 45, tụi chết đói nấy nổi
lên "cấp dưỡng, bầy giờ đáng đời,
mỗi người tốn ba thước cùi là
cùng!"

Những căn nhà lá dọc theo bờ
kinh còn đó, phần nửa nhà
nằm trên mặt lộ đá, phần sau nhà
dùng bưng tre mớ trên mé kinh. Gia
đình đông con lại nghèo nên họ
sống dể dãi, nước sông gạo chợ,nấu
ăn, tắm giặt gì cũng ở đó. Ai bước
vào căn nhà ẩn dưới rừng trâm bấu
buổi xế trưa đều gặp chú Năm Có.
Chú Năm ngồi ngất ngưỡng, độc ẩm
trên cái chông tre lung lay như
răng sắp rụng, nghiêm kéo kết kều
cà moi lẩn chú nhún thân mình mập
như bao lúa.Trước mặt chú,một chai
rượu trắng,mấy con khô cá lìm kìm,
vài miếng xoài chua và đĩa muối
đốt. Năm Có trệu trạo nhai miếng
khô, chấp miệng thấy thèm, mặt
nghinh, mắt nhướn nhìn lên, chắc
lưỡi rú máy con thằn lằn xuống
nhau, thỉnh thoảng để ọt ly rượu
vào miệng như đổ nước vô lu.
Cách mạng hay quốc gia, sau bữa
cơm trưa đậm bạc, thiếu thốn thì
đúng hơn,chú Năm Có bắt đầu nhâm
nhỉ cho qua cơn nắng oi nồng,cổ
nhân nhún đỏ gấc như da cổ con gà
cổ, nóng hơn mặt trời đứng bóng.
Thím Năm nhăn nhục, quá quen thuộc
bản tính chông nên ít khi cần nhấn
trước mặt, tuy sau lưng chông,thím
thương hay nói hành nói tỏi, gia
đình nhờ vậy nên sống lặng gió
yên. Mà chú Năm có ăn hại gì đâu,

mấy con khô cá lìm kìm, trái xoài chua, chai rượu đế giá bao nhiêu mà kiếm chuyện, "tạo đòi rượu tây, khô long chả phụng đầu mà kiếm chuyện, cần nhân là tao dốt nhà à", chủ Năm mượn rượu làm oai với vợ, lâu lâu chủ ý thếu, cúi không sợ lộ, heo chết còn sợ gì nước sôi, chửi đổng", xin lỗi, Việt Cộng tao còn không sợ nữa à!" Bà vợ nghe lạnh tay lạnh chân, sợ tai vách mạch rừng, riu rít xin lỗi cho yên, được thế, chủ Năm càng làm già, nhứt là có mặt chủ Sáu Hoàng ban thăm niên, làm nghề thợ mộc.

Hùng chí hay thất chí, sau xì rượu đế, chủ ngà quay ra năm luôn trên chông tre ngủ mê man tới chiều, tiếng ngáy ồm ồm rung rinh mấy cây cột tre dưới nhà, mặc đàn muỗi tha hồ chích cái lưng dầy như tấm thớt. Trong giấc ngủ khê, chủ thường quờ quào, mở ú ở trong miệng, "Cái nhà, cái nhà tao xây hồi đó!"

Năm Có chấp tay sau lưng đi quan sát tiệm tạp hóa, cột gỗ một ăn, trên vách ở mỗi dài ngoằn ngoằn như ghê chùm bao. Chủ nghiêm trọng gặt đầu nhẹ nhẽ sau lại giọng cấp soi mắt "mới mua năm chằm bao" Chủ nhà mới vào uống nước trà, bàn chuyện giao cho chủ xây cất. Mới Năm Có xây nhà, chủ nhân phải kiên nhẫn đợi khá lâu, với đầy đủ điều kiện. Cầm ly trà nóng tới nguội, Năm Có phán trần, "Thợ hồ xử nấy phần nhiều họ xây theo ý chủ, họ quên xây phải đúng phương hướng thủy thổ, thì nhà làm ăn mới phát, gia đình mới hòa thuận, muốn xây mau như họ, tôi làm cũng được, mà sau nầy đừng trách tôi không chịu nói cho nghe! Thời buổi, tôi xây tường ca nông một chề bán anh nam không lũng, đừng nói dạn sùng matidết, mức cô tông!".

Bàn về giá cả, Năm Có nghiêm mặt, "Nè, tôi học nghề mấy chục năm mới lên thợ cái nghe! Cầm cục gạch xây tường phải thẳng như thước gạch vậy, thấy Chín Be xây cái nhà Tùng E không? Ai đời thợ hồ mà xây cột có chừa!".

Năm Có đắc chí, xoa hai bàn tay, như hai nải chuối cau mần chín thâm kim. Chủ nhà là và, "Sao cũng được mà anh Năm!".

Ngày khởi công, quần điều thước bập bập phà khởi chỉ huy đám thợ phu, Năm Có căng dây, nheo mắt, hạ giọng, "Qua chút, qua trái chút nữa, nói hoài cũng vậy, tui bầy lờ tai cây mà!" - Góc bên kia, thợ phu đã đào xong lỗ xây cột, Năm Có treo sợi dây dọi, ngắm nghĩa, cần cần thân theo lương tâm nghề nghiệp. Phải thôi sao, liếc mắt xem chừng bọn đào lỗ xây tường, Năm Có nạt "Hề vắng tao là bầy đứng chơi, hồi đi học nghề, cha thợ cái lấy cái bàn chà đập lưng tao muốn lũng phổi, còn bây giờ tao để quá, bầy lũng há!" - Còn đám phu trộn hồ, Năm Có canh chừng từng chút, cát, xi măng, với nước phải đúng theo ý mình; ít cát nhiều xi măng thì lộ,

nhiều cát hồ non không chổ tương, thiếu nước hồ trộn không ăn, nhiều nước, hồ nhão xây không vững. Nhớ cần thân nên sau mỗi lần xây cất, Năm Có dư giả năm ba bao xi măng bán đem ngồi sòng bông dụ. Chủ nhà than phiền, tại họ không ở trong nghề, lệ tổ nghiệp, bỏ là trái lệ, thợ hồ ăn hồ, còn thợ may ăn vải, thợ mộc ăn dăm, thợ hàn ăn thiếc, sao không nghe ai chề cười, dăm em út, theo học nghề, hay thợ phụ, phải nghe lời răn rức.

Năm Có ngồi chồm hồm bắt đầu xây cột cái. Gạch được gánh đến chất gọn gang bên trái, thùng hồ bên phải, vừa tắm tay, không cần đứng đây tới lui. Tay trái cầm cục gạch thế, ném lộn gạch để nhìn hai mặt, đặt chính xác xuống, tay phải cầm bai xúc hồ vừa đủ, trái hồ trên mặt gạch, vỗ gạch cho ngay, tэм hồ không cho rớt xuống đất, động tác khéo léo không dư không thiếu. Cái bai gạt đất cát trên mặt gạch, chắt dẹo viên gạch vuông vắn khít khao khi cần. Cột Năm Có xây thẳng, gạch không lổ ra lổm vào, cột không có chừa như mấy tay thợ khác xây.

Làm ăn công ngày nên Năm Có rất thận trọng, xây chừng vài gang cột, lại vẫn điều thước trầm ngâm ngắm nghĩa chiêm ngưỡng công trình toàn hảo của mình, chủ nhà chưa chắc vừa ý lối làm việc hết giờ không hết việc. Gặp hôm trái ý, Năm Có dặn thợ hồ trộn thật nhiều hồ, xúc đầy thùng, hôm sau hồ dư, đặc cứng đờ bở, "để cho chủ ăn hồ cho biết". Chủ nhà rất sợ trường hợp nầy, nên cơm nước vừa miệng, thịt gà tròn bắp chuối hột, thêm xì rượu công xỉ vừa nhắm nhĩ vừa gặt gù, vợ con chủ hầu hạ chờ đợi dọn dẹp mặc kệ. "Xây gạch còn dễ, xây tường đá khó hơn nhiều, đá lớn nhỏ không đều nhau, đặt cục đá xuống là phải ăn khớp, xử nầy chỉ có tui xây được thôi, không tin ngó thử cái hàng rào nhà ông quân Sóc coi, trên tường cấm miêng chai sợ ăn trộm leo, vũng chắt như Vạn lý trường thành". Mấy người lo cơm nước nghe Năm Có nói, chán ngấy mặt chằm dằm, "ăn no rồi đi về cho người ta dọn dẹp, còn ngồi nói chuyện năm trên". Năm Có lảng tai nên khê khà tiếp tục, "Còn chuyện xây mà mớ nghe, thợ hồ xây ầu, đất sụp, động mớ động mà con cháu tán gia bại sản, mà ông Cả, Sáu Be xây sụp tường đó, thẳng cháu nội trai ông Cả đi ghe nôi, bị Marốc bắn chết đó thấy không? Bớ hồi xưa người ta trọng thợ hồ lắm, nhứt là mấy cô gái ưa đòi mẹ gả cho thợ hồ, nên có câu: "Má ơi, con quyết lấy anh thợ hồ, Mai sau má có chết, cái mả cái mồ nó xây".

Mà thật, Năm Có xây nhà khó ai dám chề, dù đổng nghiệp dịch thù như Sáu Be, cùng học một thầy. Chiều chiều, trước khi chủ dọn cơm Năm Có đứng chỉ huy tổng quát, lớn tiếng dặn dò đám thợ phu, cốt ý cho chủ nhà nghe.

"Mới buổi chiều, tui bầy tưới nước sương sương lên vách, để cách đêm, tường chắc. Tô vách tường thì xi măng phải già hơn một chút, tô bằng bàn chà cho bằng phẳng, mới lấy bai

vuốt cho láng. Pha nước vôi, phải nhớ mấy phần nước mấy phần vôi, nếu quên, thùng vôi pha sau đặc hay lỏng hơn thùng trước, quét lên tường chỗ dăm chỗ dọt, sặc răn coi không được".

"Còn đờ nền nhà, ngày nào đờ phải làm cho rời, nếu chưa rời mà đờ bữa sau làm tiếp, nền cũ hồ khô cứng, đờ thêm lớp mới thành bánh da lợn nghe".

"Lót gạch, phải trải cát cho thật bằng, sau khi lót đờ nước lên thấy nước không đong mới được!".

Trước khi rửa tay nghỉ, Năm Có thu dọn dụng cụ rửa thật sạch, ngâm nước để hôm sau, cây bàn chà, cái bai, xén, cuốc không bị hồ đóng cứng. Năm Có dặn dò khuyến răn thợ phu, "án cây nào, rào cây nấy. Cắt cần nhà nầy rồi, còn cắt cần khác nữa" Nói vậy, nhưng khi tiến nông trái ý có chuyện bực mình với chủ nhà, Năm Có bỏ mặc, "Kể nó, nhà ông nhà cha mình sao mà làm kỹ lưỡng".

Tuy gặt gao với thợ phu, Năm Có đối với em út rất có lòng, nhứt là với các cô gánh hồ như cô Hai Thảo được chủ chớ che, ngon ngọt. Cô Hai Thảo gánh hồ, da mặt hồng như trái hồng quân. Cây đòn gánh tre quăn quắt hai đầu là hai thùng hồ nặng chiu, nhùn nhảy thoăn thoắt nhịp nhàng trên vai thêm chút duyên của người khỏe mạnh cần cù, chiếc áo vá vai vái ú màu đen nhuộm hồ, cát, với hàng ngày ngã sang màu xám.

Năm Có vừa ý lắm, liếc nhìn cô Hai Thảo,

"Áo vá vai, vợ ai không biết!"

Áo vá quàng, cá quyết vợ anh!"

Nặng đờ trên nền nhà đang xây đờ, gạch ngói, cây vụn ngổn ngang, Hai Thảo hay đứng sau lưng che nắng cho Năm Có, bóng hai người nhập thành một in trên vách, cô Hai Thảo cầm cái nón lá dầy, vành nón rách tua tủa, vuốt mồ hôi tươm trên trán quạt phe phẩy cho Năm Có, cả hai mắt mặt, mắt lờng mát ruốt, "nặng lửa hồng, mát như mưa", Năm Có bắt chước giọng cải lương hể hả.

Năm Có tâm sự nghề nghiệp, "Hồi mấy năm trước, anh đứng trên cây thang tre, vừa kéo thùng hồ nặng lên, cây thang gãy, anh nhảy kịp, nếu không gió nẩy đầu có ngồi nói chuyện với em.- "Hai Thảo quạt phành phạch, thân phục vừa mặc cổ, sợ tai tiếng, đám thợ phu thì thiếng nói cô nịnh bợ thợ cái.

Ngày dài làm việc cực nhọc, nóng bức lấy gì làm hứng thú, nếu thiếu cơ hội nghỉ ngơi bên Năm Có, rảnh tay nghe kể chuyện.

Đêm về, cơ thể rã rời sau suốt ngày gạch rời hồ, hồ rời gạch, hai bên vai đau nhức ề ăm, Hai lần ra ngủ mê mết. Trong giấc chiêm bao, có thấy Năm Có tướng quân lẫm lẫm oai nghi cầm cây bái sắc như gươm lục yếm chêm yếu, đứng chỉ huy đám dân đinh xây ngôi nhà ngói năm căn như nhà thầy Ký Xa, nhà nền cao, bức thang đá xanh, nền lót gạch tàu mát lạnh, sau nhà có giếng nước mát lành, có bầu sen cây che mát, Hai trở thành bà chủ ngồi trong nhà, da dẻ mát rười, dù bên ngoài trời nắng cháy da.

Năm Có liêng cây thuốc hồ cầm xuống đất, cầm bài múa dương quôn, cả vùng chợ mọc lên dây nhà mới cần, hàng ba rộng rãi, chiều chiều ngồi trên chông mới bà con tới uống nước. Trong giắc mơ, Hai thấy khát nước, thêm vắt nước đá bào xi rô vàng ngọt mát, thấy rêu mọc xanh trên mái ngói cù. Hai lần lộn, trần trọc, mồ hôi rít mình, ngứa ngáy vì mấy vết muỗi cắn, cái mùng rách lỗ chỗ, chông tre và chiếu ấm mồ hôi. Hai thềm thoát khỏi căn nhà op ẹp vách lạt, lợp đùm, cột tre chặt hẹp, sợ một chẻ rớt sập, sợ đạn súng mùt xuyên qua, sợ sùng trái châu rớt cháy nhà. Ước mơ có căn nhà gạch, ngoài Năm Có, ai đủ khả năng mang cho có? Hai Thảo chép miệng, "Má ơi, má nghèo làm con cực khổ quá trời!", Dù cho má đánh ba treo, Đứt dây rớt xuống, con cũng theo anh thợ hồ".

Chợ nấy trước mặt là con Kinh cùn, hai bên đồng ruộng bao la trải tới bờ sông Hậu Giang cách đó gần bốn chục cây số. Sau lưng xa xa là những dãy núi cao, núi đất, núi đá. Buổi chiều, công việc đã xong, người ta thông dong đi ruộng. Ai nhà ở xóm chợ, đi ruộng Chùn Num, bờ ruộng tiếp giáp với những dãy núi hùng vĩ chớ che. Dân xóm nhà thờ đi xích ra ruộng bưng, cỏ xanh mơn mơn, nhờ nước xâm xấp. Ai ở xóm chùa dưới tạt qua đám ruộng khô ở bà lầy, gần mấy chòm cây thốt nốt. Xóm Kinh càng tiên, đổ ra phía cầu Giáo Sự. Đồng ruộng bao la, bờ ruộng cao, mát mẻ, bụi cây dai, đám cỏ xanh che khuất kín đáo, dù mưa hay nắng cũng đủ chỗ cho dân tình làm công tác vệ sinh thoải mái. Ban ngày, tưng bách quá thì chạy qua đàu bờ Kinh, sau mấy cùm me nước lá dầy đặc mát mẻ cũng xong, miễn khuất mắt đám phù lịch mốc ớn mốc gió của ông Cò Tây.

Một buổi chiều, khi đi đồng về, ai chú ý sẽ thấy đám thợ hồ đang bàn tán xôn xao giữa sân bên hông chợ. Cuộc thảo luận khá sôi nổi. Đây không phải buổi họp chính trị về chuyên nbut thua trận, Tây thua Đức, Việt Minh cướp chính quyền, Báo Đại thoái vi. Cuộc họp mặt công khai các tham dự viên là các tay thợ hồ, trong đó Năm Có là một. Thợ phụ và các cô gánh hồ vắng mặt, chưa xứng đáng tham dự để tài. Họ dùng tất cả tứ chi, miệng mồm thuyết phục, giảng giải, phân đối... Để tài thảo luận mới mẻ, "Cái cầu tiêu máy". Từ thuở giờ, xứ này có ai nghe thử lạ lũng này đâu, viết máy, xe máy, bàn máy may, nhà máy xay lúa thì có, ai chịu khó nghe cũng im lặng tỏ vẻ hồ nghi. Thuyết trình viên Sáu Be, từng đi làm Sài Gòn, truyện bá thao thao, "Nè, nè, chung quanh họ đào sâu xuống chừng hai thước tây, chung quanh xây gạch tráng xi măng. Nè, nè phân trên đúc sẵn, nè, nè, nè công cong giống con thỏ nên người ta kêu bằng con thỏ. Đi xong, dội nước xuống, cái xác ở dưới, còn nước chảy

ra đường xuống, chừng 15 năm có xe lai hút đi. Nè, nè! xác nó mục thành đất". Sáu Be càng nói càng lắp bắp tay chân lũng lũng trình bày. Năm Có ngắt lời, "Thôi mà, nói nghe gôm thấy bà nội", vừa khạc nhổ một bệt nước miếng. Ở đây, sang như nhà ông Quân, chỉ có cầu tiêu thùng gọn và sạch. Sáu Be đi xa về về rần thêm chùn, "đầu phải hệ thợ ở Sài Gòn về là giỏi hết!". Đêm đó, Năm Có thấy đau quặn ngang bụng và bà vai sau buổi nhậu ở nhà Sáu Be và vụ "cái cầu tiêu máy". Sáu Be được mấy thấy ký kêu đo đạc xây cầu. Năm Có tuy là thợ kỹ cụ, bị cham tự ái nên sa sút tinh thần sau những năm làm việc, cảm thấy bị đảo thái theo thời gian. Chú bị đẫy xuống thợ hang nhì, chỉ được mượn sửa nhà lạt vặt, xây miêng giếng, sửa bức tường cũ bị nước xoai mục. Đàn em, tay chun bỏ ha bỏ nghề đi lính hết.



Thời cuộc đổi nhanh, lúc còn xây nhà cho tiệm tạp hóa ông Hua, chủ Năm năm đêm có thể nghe và đếm bao nhiêu tiếng súng mùt, bây giờ tiếng súng đến đập như máy nổ, nhà gạch thê hai mươi do chính tay chủ xây cho ông Thanh thợ bạc bị bắn cháy sập, chủ hết tương tượng nỗi sùng đán bây giờ. Chiến tranh bộc phát có mấy năm, dân chợ làm ăn phát đạt tranh đua xây cất nhà lầu đúc, nóc bằng tránh pháo kích. Nhà đúc đảo móng sâu, bê tông cốt sắt, sàn nhà lót gạch bông mát mẻ, lan can bằng đá mài, hồ dầy bằng xe ba bánh nhiều mà mau. Mấy cây cột, bức tường nấy Năm Có thuê xua cần thận cầm từng viên gạch xây. Qua bao nhiêu mùa mưa nắng, tương không mục, vách không lỗ, với không phai. Năm Có đứng nhìn họ đập bằng búa tạ, xô ngã từng mảng tường, gạch năm long lóc trên mặt đất không chút nương tay thương tiếc. Họ dành lòng phá tan nát công trình xây dựng của Năm Có, nỡ quên công lao có Hai Thảo công lũng sùng bà vai gánh hồ dưới cơn nắng chang chang, "mồ hôi nước mắt em Hai nhiều hơn nước trộn hồ!". "Hai ơi! vì thương anh, nghe lời anh theo nghề hồ với ăn

lờ lỏi tay em, thùng hồ ngã trùng đầu, rồi em chết tức tưởi vì đần pháo kích. Cái đòn gánh và đôi giồng em, anh còn giữ. Anh hứa liêu cắt cần nhà ngôi tương gạch có giếng nước sau nhà cho em đỡ cực mà giờ nấy anh còn ở trên cần nhà là lỏi thôi cheo leo bên bờ Kinh, mùa nước lên sự sụp đổ long chong như kiếp thăng thọ hồ, xây chưa được cái má cái mồ cho em. Anh tề lăm em Hai à! "Năm Có lơ mơ thấy mình lấy xi măng trắng đắp tương Hai Thảo mặc áo dài trắng toát như màu nước với. Hai biến thành nàng Tiên thanh khiết thướt tha bay lảng đàng trên bầu trời xanh. Năm Có mất lơ đờ nửa say nửa tỉnh, giúi mắt cay se sau giắc mộng Nam Kha. Thím Năm cầm cây chổi lông gà đuổi ruồi muỗi cho chổng, "Ngủ gì ngu dữ vậy, xê trưa rồi, coi chừng bị móc đê à! Anh Sáu Hương kêu ông ra tiệm cà phê coi nhà ông Hua bị kiểm kê, tích biên làm của hàng bách hóa kia. Chú Năm chổng tay ngồi dầy khó khăn, "Ủ, hà đưa vài chục tui ra uống cà phê với anh Sáu Hương luôn thế!". Năm Có và Sáu Hương là đôi bạn thân lâu đời. Nhà cách nhau con Kinh, bề ngang chừng sáu thước, hai bên có chuyền rầy rà trong giadinh đều nghe rõ, muốn thăm viếng nhau phải đi vòng qua ngã chợ mất hai mươi phút đi bộ, nên thường hẹn nhau ở quán cà phê cho tiện đôi bên. Quán cà phê là chỗ hai người bạn già xả hơi những bức dọc về nhân tình thế thái, đồng bình tương lân, câu chuyện không bị mấy mu vớ "thọc gậy bánh xe, mở miệng ưa chỏi bán hong nghe phát ghét".

Chủ Sáu Hương quán cái khăn rằn cỡ hữu, lũng thùng tới tiệm cà phê, đối diện với tiệm Vĩnh Huế Chành, cần thận phủi bụi ghé rồi ngồi quay vô tiệm kêu, "Cà phê...e!". Tiệm cà phê nấy có lợi thế nhờ toa lạc ở ngã tư đường, hai bên là dầy phố xưa nhứt. Phố rộng dài, tường cũ kỹ dân Tàu ở đã hai đời. Tiệm Vĩnh Huế Chành trước là công xí rượu sau vừa nước đá, để bỏ nước ngọt lave, nhờ phát đạt nên cất lại coi thêm hai tầng, lầu nóc bằng, lầu đúc. Cửa sổ hình bán nguyệt, song sắt có giếng nước sau nhà. Nhà bị kiểm kê vì mấy mươi năm thiếu thuế cách mạng, mấy đứa con lại vượt biên. Huyện ủy thương tình chủ tiệm biết điều để thương như mấy chai rượu Martel nên cho phép đơn đồ đạc ra, chỉ mượn tam nhà làm của hàng bách hóa. Chủ Sáu vẫn điều thuốc lá, le luôi liếm rỏi cuốn điều thuốc, chằm lủa phi phà, cố ý ngong ngóng chờ đợi, lý do thăm kín chỉ có chủ biết. Chủ nhấp ly cà phê đen thom mùi bắp rang, vừa nhìn người nhà tiệm Vĩnh Huế Chành, lẫn xăn đơn đẹp. Mắt chú Sáu chợt rực sáng, bất giác đứng dậy nhìn trần trời cái tú chén cũ kỹ để trước lễ đường chờ xe ba gác chờ đi, chú lăm bầm "a, cái tú búp phê, cái gạt măng rê", mồ hôi đổ như tằm, đầu lác lư như tờ nháp bà bóng miệng lắp giáp "Cái bàn, cái ghế, cái

tử!" - mắt lơ đãng mất thần.

Sáu thợ mộc dùng rây cột thao lao dựa vào cửa, ngửa mắt nhìn lên, ngắm nghía, ha cợt cột xương, lấy cây thước kẻ đo, làm dấu rơi của hi hục. Lúc dựng lên thấy thiếu cả tắc tây. Chủ cầm cây cột hàm hực cười thề, "me bà nó, ngộ thấy đúng trần, lúc của ra hực cả tắc" vừa mặc cổ vừa bực tức.

Buổi sáng, sau khi cả phe cả pháo xong, Sáu Hương mở thùng đồ nghề trình trong làm việc. Sáu Hương tối kỳ việc cho mượn dụng cụ, dù là viên đá mài dao. Chủ làm việc kiên nhẫn với cây cửa, búa, bào, đục hiệu Bờ Rô Sư Tử của Tây. Cây búa bén gọt cam ngọt sớt, dụng cụ được chủ tự tay mài tỉ mỉ hàng giờ, bên tai giặt cây viết chì, bên giặt điều thước vẫn hút dờ dàng, bàn tay vàng màu verni. Ai đặt khung cửa sổ, chủ làm xong mang đến ráp vào khít khao, cánh cửa không bị xệ. Chủ thường nói, "làm cửa sổ, cửa cái quan trọng là bàn lề tùy theo cửa và cây nặng nhẹ. Đinh cũng vậy, đinh lớn đóng cây mỏng phải khoan trước. Ván tùy loại ván thao lao, dẫu, mềm hơn cam xe, cà chất. Đóng cây ván dài ngắn, dày mỏng trong xưởng nhỏ, dù loại được bàn tay khéo léo đóng thành đồ gia dụng. Sáu Hương có thể nhắm mắt, cảm khúc cây, biết đầu nào ngọn đầu nào gốc loại gỗ gì. Ai muốn đặt tủ "búp phê", "gạt măng rê", kích thước tùy thích, chủ giao bảo đảm vừa ý. Gỗ sần sùi, khúc mắc, vào tay chủ thành trơn láng.

Trong nhà, Sáu Hương thờ tổ Lữ Bang để chứng tỏ, chủ hay kể chuyện khi rành rang ngồi mài cửa mài đục. Răng lâu rồi, chủ có đóng cái tủ thờ bằng ván cây sao cho nhà kia, đêm đêm tủ vẫn minh ken kết như ó điều kêu oan oác dành ăn, mặt cửa tủ toát mồ hôi nhơn nhớt mùi tanh hôi của xác chết nhỏ xương, đọng trên sàn như máu khô, trẻ con trong nhà bị ói mửa, đưa ở quét nhà mỗi ngày lượm được một mớ tóc rơi dưới đáy tủ. Chủ nhà sợ thợ mộc ếm, mới trầu rượu mời Sáu Hương gỡ bùa. Chủ đến xem xét, mới biết, xưa có người tiểu phu đi đồn củi, bị heo rừng chém chết. Bấy kèn kèn mỡ rĩa tử thi, tha thịt đứng trên cây sao, dành ăn, miếng thịt rớt dính trên kẻ lá cành cây biến thành con ma mộc. Cây sao bị đồn xé ván đóng tủ ám hồn con ma mộc vì chết oan uẩn còn lẫn quẩn trong cái tủ thờ đó. Chủ Sáu khuyên chủ nhà nấu mâm cơm cúng, lấy mấy nùi tóc bỏ vào nồi đất dốt chung với giấy vàng bạc, cắm bó nhang dọc bùa, gõ lên tủ thờ hồ,

"Ma mộc, sống khôn thác thiêng, về bãi về gành, về cội về nguồn, về rừng xanh nước biếc ở a...!" "Ma mộc sợ uy thị mộc xuất đi, mỗi năm còn đòi chủ cúng một lần.

Nhà xây tường xong, lúc gát đôn đóng mới thấy sự quan trọng của thợ mộc. Sáu Hương và chủ nhà thấp nhang, uy nghi nâng cây đôn hai đầu bịt vải đỏ trừ ma, gát đôn đứng

giới khố, chủ gia làm ăn mới khá. Gia chủ ít dám làm phật lòng thợ mộc, sợ ếm bùa Lữ Bang, ma quỷ khua chén khua dao, nhà khó ở yên.

Sáu Hương có khả năng trị mộc, cây ván làm sao vào tay đều dùng được tất cả, chủ sống với gỗ, với cửa bảo dục dẻo, tuy ít học chữ, nhưng cũng là nghệ sĩ có óc sáng tạo phong phú công thêm sự khéo tay.

"Tôi đưa cây đinh, miếng ván đó, đóng cho ngay tôi phục, làm tủ ba chum đặt đầu giường đó, không lung lờ mới tài. Đục cái khe lót miếng kiếng soi mặt, hai bên chạm hai con rồng con phượng như long phụng bay múa trên mặt tủ".

Ngài Lữ Bang thường xot con cháu vì vướng nghiệp tổ, nghề là nghiệp, sinh nghề tử nghiệp, đôi lúc trua đứng bóng, tở về nhập vào Sáu Hương chủ cảm bào, cửa, đục, uốn éo dẫn oai thân mình, mắt trừng trừng, dẫu lặc lu, giọng khàn khàn, "Cái này là bào rà, cái này là bào tách, cái này là bào xoi. Bào rà, ư ừ ừ, bào tách, ừ ừ ừ, bào xoi, a!

Xoi, tách, rà, ý a... tam bào ý à, phat mộc".

Mới lần tở về, mắt Sáu Hương đỏ gấc như tôm luộc, hơi rượu bay hưng hực, chủ quơ cao cây thước Lữ Bang (thước nách) một thứ dụng cụ thiêng liêng.

Sáu Hương vỗ đầu, chép miệng than - "minh già hết thời rồi!".

Người ta nói sĩ nông công thương, mình đứng hàng thứ ba, bảy giờ xuống hàng thứ mấy trong xã hội. Ít ai đặt chủ làm bàn ghế như trước. Họ mua giường sắt, bàn ghế bằng nhôm, plastic xếp lại được, nhà cửa họ đúc nóc bằng, quên tục lệ gát đôn vòng, địa vị quan trọng Sáu thợ mộc mất luôn, bùa Lữ Bang hết linh nghiệm.

Chủ Sáu Hương chợt xot xa luyến tiếc không khí bình tĩnh chợ năm xưa, lúc mặt trời mọc dẫu Kinh, những cánh cửa cây mở rầm rập, tiếng kéo thông hồng ken kết nồn nả chuẩn bị buổi chợ mai, bắt đầu sinh hoạt nhộn nhịp huyền ảo. Trời chạng vạng tối, âm thanh của cây thanh bình chậm rãi, thay tiếng trống thu không, nhắc nhở nhà nhà lên đèn cho gia đình ấm cúng, chừa một cánh cửa mở cho ánh đèn dẫu lọt ra ngoài sân đủ sáng cho trẻ con chơi đùa, cho các bà ngồi chuyện trò trên chõng, các ông đập đu ra qua cà phê, thanh niên tụ tập đàn ca xuống hát.

Cửa cây xếp, gài bằng những cây thông hồng, âm thanh mở cũng như lúc đóng thanh thân, không có gì vội vã, nghe như vỗ về, an lòng và để thưởng làm sao, người ta cũng dẫu nở mạnh tay xô cửa vào giờ nghỉ ngơi.

Ngày nay, những dàn cửa sắt sơn xanh sơn đỏ, nhìn thấy nhức mắt, kéo nhanh nghe ề rặng, nhức tai buổi sáng, nó báo hiệu con lo sợ tam qua, sau lại nan. Chiều về tiếng cửa sắt tranh nhau cảnh cáo người vào nhà, nghiêng rích đe dọa, báo hiệu sự mất an ninh, chuẩn bị

đem lo âu triển miên, bỏ lại bên ngoài không khí vắng vẻ bơ vơ cho lu chó hoang sủa trắng, đêm hôm tối trời sùng nổ, chùng nó trốn nơi nào, Ba vợ, lâu lâu bực bội chửi chõng xa xa, "làm thợ mộc mà cái giông ở nhà lung lờ như răng ông già, cột nha, một ăn muốn sập, nhà dốt cột xiêu".

"Ồi, cuộc đời vô ơn bạc nghĩa", chủ than, "ngoài đường cũng như trong nhà".

Chủ Sáu nhìn lại hai bàn tay, đêm còn chín ngón, một ngón tay cái bị cây búa bén phat đứt một lóng lúc dẹo cột, dẫu gỏi vướng cây cửa, cái theo dài để đời. Chủ Sáu buồn bã lắc đầu, lăm bầm an phận, "Tổ con trát, trách chi cái miếng đàn bà!".

Năm Có kéo ghế ngồi bên đánh thức Sáu Hương qua cơn mê ban ngày. Chủ Sáu mừng rỡ như Bá Nha gặp Tử Kỳ,

"Ướng cà phê, sao? Anh Năm thấy sao, coi kia", chủ chỉ về phía tiệm Vĩnh Huệ Chành, "cái tủ còn y nguyên đóng năm 48, bảy giờ nó kéo bỏ một góc kia, cái tủ tôi đóng mấy ngày mới rời, phần dưới để tở chén, phần trên làm bàn ăn cơm, nhưt cũ lưỡng tiện. Cái nhà nấy chủ ý giàu, không tin phong thủy, bỏ cây đôn đóng, cất nóc bằng, cất không có cửa sau, tiện vô tội ra như bị bệnh táo bón ăn rồi ói, bị tịch biên phải rời, nhà hưởng tán gia bại sản".

Năm Có gật đầu đồng ý, cả hai ưỡ oai sánh vai ra khỏi tiệm, khắp kiếng ngà vào nhau. Hai người thấy cần nương tựa nương đỡ tinh thần nhau để sống, bớt lè loi sau thời niên thiếu long đong làm việc nhọc nhằn như con ong thợ, xây tổ mà không được hút mật.

Hết cả dây phổi bị nhà nước mượn dẫn dẫn, hai người thợ già dẫn nhau đi xem, cơ hội cả phe tâm sự, từng tuổi nấy còn tranh đua gì. Chủ nhà bị đuổi, tiếc của đã dành, Năm Có và Sáu Hương tiếc công mình mấy mươi năm xây dựng, kẻ tiếc của người tiếc công.

Nhà cao cửa rộng bị tịch biên xong đến những căn nhà lá xóm Kinh bị dời đi theo chương trình thủy lợi gì gì đó. Chủ Năm Có và Sáu Hương may mắn dựng hai căn chòi tranh chung vách, lợp tam lá dứa, mưa dột nước tràn linh láng. Tuy xa chợ, đường đất lấy lợi khó đi, nhưng hai người rất toại nguyện được sống gần nhau trong cơn hoạn nạn, bà con xa không bằng láng giềng gần, chiều chiều ngồi chõa, hôm kể chuyện cái bai, cái cửa, cái bào, cây cột xây kiểu nấy, cái tủ đóng kiểu kia.

Mỗi lần nghe nhà ai bị tịch biên, tìm hai người bị nhói ít nhiều, chắc lưỡi tới lui, tiếc hùi hùi như người mất của, "Ủ, nhà tôi xây đó, tưởng xây gạch thề chắc chắn", Hai bà vợ hiền thực tới đầu nghe hoài cũng chán. Thím Năm đang thổi lửa nấu cơm, cùi để ngoài trời bị mưa ướt nên khói bay mù mù, cay chảy nước mắt, bực quá lên tiếng, "Nữa, cũng cái giọng đó nữa, cái nhà nào cũng do ông xây cất hết, vợ con thì cất nhà chòi cho ở, bây

giờ giới xây hai cái kim tính để dành đó đi".

Chú Năm Có cười vã lá, "Gạch, hồ có đâu mà xây?"

Thím Sáu Hương nhà bên được dịp, nói xéo chổng, vừa cho hàng xóm nghe,

"Nè, ông thợ mộc, rảnh đóng giùm hai cái thợ đi".

Chú Sáu Hương ngập dài, "Cây ván đâu mà đóng?"

Tiếng chú Năm Có bên nhà vọng qua "Thôi anh Sáu, mình ra bờ Kinh kéo vó, coi có mớ cá sặc nào không, cá sặc rần làm khô, nhậu bắt dừ a!"

Hai ông bạn già lụm cụm xuống bờ Kinh ngồi bệt xuống cầu ván. Chú Sáu lè nhè,

"Ví dẫu cầu ván đóng đinh

Cầu tre lắc lẻo, gập ghình khó đi"

Hai mái đầu bạc phờ gật gù mở tường mình là Khương Tử Nha ngồi câu cá chờ thời, mỗi lần kéo vó lên, đáy vó chỉ có vài con rong xanh, vài cánh bèo. Một ý nghĩ thoáng qua óc, chú Năm thần thở, "Anh Sáu à, vợ tui nói phải anh à, mình già rồi, trước sau gì cũng đi theo ông bà ông vải, phải như hồi còn trẻ, biết vậy, mua đá xanh xây sẵn kim tính cho mình. Kim tính xây bằng đá xanh chắc không sợ nước, không mục, đối đời không sập.

Chú Sáu hưởng ứng, "Ừ, anh nói tôi mới nhớ, phải biết hồi đó cây ván còn rẻ, tôi đóng cái thợ bằng cây gò, cây dền dền xanh, dòng thứ dền dền xanh nằm dưới đất cả mấy trăm năm không mục, xuống cốt còn nguyên. Bấy giờ làm sao kiếm thứ cây đó".

Cả hai dựa vai nhau, mặt buồn thiu ừ ừ. Trên bờ đê đám lau sậy cúi đầu yên lặng, xì xào tâm sự - chia sẻ nỗi xót xa-

"Ông ơi, lên xúc cám cho heo ăn giùm" tiếng thím Năm gọi chổng. Bên kia nhà, tiếng thím Sáu ơi ời, "Ông ơi, lên bữa giùm đóng cùi, mai có nấng phôi!"

Hai ông già nhìn nhau, chia xé chung một ý nghĩ, "Thợ hồ mà bắt đi xúc cám cho heo ăn, thợ mộc

khéo như anh mà bà kêu đi bữa cùi" Chú Năm lép nhép, "giết ruồi mà mượn lối gương vàng"

Chú Sáu an ủi bạn, nói theo tiếng thở ra thật dài, "Đời đời rồi anh Năm à, tới hai con gà mái nhà mình còn biết gáy, đời đời thiệt rồi anh!"

Chiều về, trời bàng lảng những đám mây vàng ánh như màu lúa mạ, đàn chim học trò lữ lượt bay về núi, xa xa, vài con chim thì rớt mỗi một vó cánh bay theo. Trên bờ dọc theo con Kinh, hai ông già lom khom đất nhau, chân dò dẫm, đi ngựa nghiêng như hai người say rượu.

Chú thích

- Cái sự vong như cái sự tồn : mất cũng như còn.

- Ghè chum bao : loại ghè làm da sần sùi, màu xám giống mut cóc.

- Chuối cau mần : loại chuối cau nhỏ, bằng ngón tay cái là lớn nhất.

- Bông dụ : một trò chơi cờ bạc, cái bông dụ có 6 mặt, từ 1 đến 6 giống trò chơi đờ xì ngầu lát.

- Trái hồng quân : nhỏ bằng đầu ngón tay cái, ăn ngọt, màu huyết sậm

- Vải ú : loại vải thô.

- Thị thiêng: (đồng tử) phao tin đồn.

- Gươm lục yếm : loại gươm trừ tà trong chuyện cổ Tàu.

- Đum : loại lá dùng lợp nhà, mát nhưng mau dột.

- Bị mộc dè : ngủ buổi xế khó dậy

- Đẽ bô : depot = đại lý hoặc kho

- Thao lao, đầu, cãm xe, cà chất : tên các loại gỗ

- Phạt mộc : chặt gỗ

- Kim tính : giếng vàng, cái huyết chôn

- Cái thợ : quan tài

- Cây thông hồng : nhỏ hơn ngón tay út, dài chừng trên một thước, bằng kim loại, xỏ vào cái khoen, dùng để gài cửa.

- Mỗi người tồn 3 thước cùi : dân Miền khi chết, họ thiếu, tồn khoảng 3 mét cùi.

- Gà mái biết gáy : đàn bà cầm quyền. ■

vội trong máy :

- "Coi chừng ! có mưa lớn".

Và ngay tiếp theo là những tiếng nổ chát tai "oành... oành" kéo theo cát bụi mịn mù. Một người lính dù văng lên cao, tiếng la hét vang trời, lại "oành...oành". Vũ khum người kéo cần lái, chân trái đạp mạnh, thét to trong máy :

"Mưa lớn, mưa lớn ! Tôi tắt cánh trong 1 phút..."

Con tàu bốc lên, lao mạnh về phía Tây giữa làn phòng không hiểm nghèo. Chiếc số 2 và số 3 không vào bãi đáp được nữa, bay vòng yếm trợ cho số 1 "dot" lên cao, trong khi mưa pháo địch vẫn xối xả đổ vào bãi đáp, tạo thành những quãng khói đen bay lên không, kèm theo những vết lửa từ dưới dựng đứng lên trời. Vũ quay sang trái nhìn người phi công phụ mím cười rồi chửi thề :

Quỳnh Châu

Nguyễn Hữu Huân

- "Đ.m ! chúng nó đàn chào mình sớm quá !"

Anh chàng phi công phụ với khuôn mặt hiền hậu của đứa trẻ mới ra trường đang theo phi phụ "check-out hành quân" không lộ vẻ sợ hãi. Trái tim của anh đang hòa nhịp với con tim, tim của Vũ giữa làn mưa đạn giặc thù này. Hình như sự dũng cảm và sự chi phối của một sức mạnh siêu nhiên vô hình trước cái chết hàng ngày của một người lính VNCH đã đi vào truyền thống của một sĩ quan phi công như Vũ, như anh phi công phụ trẻ tuổi này, như mấy thằng đang bay số 2, số 3 và tất cả. Con tàu nghiêng 45 độ trái. Vũ bỗng nghe nhiều tiếng nổ đòn quanh tàu, những tia lửa đỏ xẹt búa vảy và những tiếng lộp bộp chạm mạnh. Chiếc trục thăng bé nhỏ của Vũ chột rung mạnh, đồng thời là tiếng thét của chàng phi công phụ :

Vũ dẩy cần lái xuống thấp hơn, con tàu chao xuống thật nhanh mang theo hàng chục trái đại bác 105 ly mà hôm nay anh có nhiệm vụ tiếp tế cho đơn vị Pháo binh nhảy dù đóng trên ngọn đồi "Y" này. Bài đáp đã chiến vừa được đơn xong cho trục thăng, một ngọn khói đỏ mong manh luồn thẳng lên trời. Vũ chúc đầu sà xuống vào bãi đáp trong khi thăng số 2 và số 3 vẫn luôn vòng trên không yếm trợ. Vài người lính mũ đỏ trần trụi trực dưới sức nóng mùa hè miến Trung đứng vẫy tay ra hiệu... Những thùng đạn đại bác nhanh chóng được hai người xa thủ phía sau đẩy mạnh xuống đất. Bỗng có tiếng "ùng... ùng..." vang lên không xa, Vũ thét

Phi cơ bay trên một cánh rừng lớn, những cặp mắt mở trừng chăm chú, đầu óc căng thẳng. Những cánh chim sắp đến mục tiêu. Bên kia ngọn đồi, bộ mặt thật của chiến tranh bắt đầu hiện nguyên hình, tiếng "rotor" quay phành phạch trên đầu, đánh tan lớp sương mù sáng sớm, tiếng động cơ nổ đồm đồm như nhịp trống trận thúc quân. Vũ gọi thăng số 2, số 3 và dẩy tàu xuống thấp ra lệnh :

- "Các bạn theo tôi !".

- "Đại úy mình bí rồi !".

Phía sau buồng lái, hai người xa thù vẫn cúi gò lưng bắn trả như tưới xuống mục tiêu địch phía dưới. Vũ nắm chặt cần lái cho tàu tách thật xa hướng 4 giờ, anh liên lạc với thắng số 2 và đài kiểm báo "PANAMA" và liếc thật nhanh trên các mặt đồng hồ. Không một ánh đèn đỏ bật sáng, chứng tỏ mọi hệ thống vẫn hoàn toàn, có lẽ con tàu chỉ bề mấy lờ nơi không quan trọng. Dưới đất những cụm khói đen vẫn lơ lửng bốc lên, anh được lệnh quay tàu trở về, gián đoạn phi vụ...

Vũ mở cửa bước vào quán "cà phê", tiếng nhạc dật dìu đưa con người vào một thế giới khác biệt, khói thuốc lá lan tỏa mịt mù. Ở cái thành phố vùng địa đầu giới tuyến này, người uống "cà phê" trong quán, nghe nhạc tình ca, phì phào điếu thuốc và nói chuyện bằng quơ là cái thú duy nhất. Vũ không thể thoát ra khỏi cái "quy luật Trời định" ấy. Quán "cà phê" Quỳnh Châu này lại còn một cái hấp dẫn đối với Vũ nữa, không phải người chủ quán là thắng ban thân, không phải quán có manh vườn bên cạnh thấp đèn màu ban đêm hấp dẫn, cũng chẳng phải nó toa lạp ngay gần cổng phi trường... Nhưng đã từ lâu Vũ để ý đến cô nàng ngồi "Caisse" thu ngân. Cuộc sống của Vũ cũng như bất cứ người lính Việt Nam Cộng Hòa nào, được chất chứa với những bản tính con người thật là lòng, không giống bất cứ cuộc sống của người dân sự nào. Đất nước chiến tranh thật thế lương tham khốc tạo cho Vũ những tàn bạo trong khoảnh khắc khi bấm một nút "cò" cho xác giặc nã tung từ một hốc núi. Máu và nước mắt của người lính đã đổ ra để rồi lại cam thấy tội nghiệp cho chính bản thân mình. Dẫn thân tham dự và thật dung dung với cái chết bao quanh hàng ngày để lãnh nhận, những cô đơn của một thủ tượng đá trong phần bồi nhục nhần. Thế nhưng trong mỗi một người lính vẫn là cả một bầu trời lãng mạn bao la và cái đam mê ngây ngất. Hiểu làm sao được người lính như Vũ khi vừa mới đây thoát ra từ cõi chết tưởng như đã đến với mình, bây giờ đã vội quên để chìm đắm trong thế giới đam mê lãng mạn đó. Hiểu làm sao được người lính chiến trên "băng ca", máu đỏ chan hòa trước ngực do mảnh đạn thù xuyên qua, mà miệng vẫn te toét : "Đ.m. tụi bay nhớ về mua cho "con đào" tao một bó bông nghe, mai là sinh nhật của nó đó !"...

- "Một ly "cà phê Liéjoix", như thường lệ" !.

Không biết tại sao Vũ lại thích loại nước uống "cà phê" này. Vài muỗng kem được quây tan trong ly "cà phê" đen nhánh. Cảm giác đắng lại ngọt tê mê trong lưỡi, quện với mùi "cà phê" thơm ngát có lẽ là cả cuộc đời Vũ, vừa chịu đựng đắng cay trong bộ áo lính "nhiều người ghét hơn thương", lại vừa ngọt ngào của một sự đam mê, sống tận hưởng cuộc đời khi vừa từ mũi tên lặn đạn trở về trong khoảnh khắc. Chú bé chạy bàn nháy mắt cười tum tím hướng về cô bé thu ngân ngồi tận trong góc. Vũ nheo mắt đáp lại như có ý nói rằng - biết rồi, khổ lắm, nói mãi - Ma thật thế, khi nàng lần đầu tiên vào làm tại đây, anh đã bắt ngo bắt gặp ánh mắt kỳ lạ của cô gái đáng thanh thanh, tóc xoa qua vai dùng "tiêu chuẩn" gái Huế. Đôi mắt thật là lung, đôi mắt sang như sao băng, mắt biết cười, biết then thương, biết... đam mê, biết cả chuyện trò, tình tư ái ái. Hình như có dòng điện nào đi cực mạnh và đột ngột bắt ngó chiếu vào trái tim Vũ những bối hối kỳ lạ. Chỉ một chút rung động của đôi mi cong vút cũng đủ cho Vũ co rúm châu thân. Hơi gió mát của chiếc máy lạnh ri rầm thổi nhẹ làn tóc bay bay, một viên sỏi nào đó ném xuống mặt hồ lặng lẽ, làm xao động, làm sóng lênh đênh, làm hồn Vũ như xao xuyến. Và đôi mắt của người con gái xứ Huế này thật sự cũng bắt đầu đi vào tâm khảm của Vũ từ lúc đó...



Vũ lấy làm lạ cũng phải, suốt cả một đời "giang hồ" không biết bao nhiêu người tình. Kể từ lúc được khoác lên chiếc áo bay màu đen, sáng sớm lúi thúi

bắt đầu cắt cánh hành quân, chiều về vội vã tìm vào chốn mây mưa, cũng vũ bão, cũng chấn động như những tràng đạn "rốc két" phóng xuống đầu địch, cũng ngất ngây đắm đuối như những lúc người mũi thuốc súng từ những viên đạn đại liên do người xa thù phía sau liên tiếp bắn ra. Không một chỗ nào đồng người qua lại mà Vũ không biết đến. Thế nhưng, cũng giống như người lính chiến trở về sau chiến thắng huy hoàng không một thoáng tự cao của những việc mình vừa hy sinh, Vũ cũng dùng dùng độc ác sau những cuộc tình ngắn ngủi và chính Vũ bao giờ cũng là người "cắt đứt giấy tờ". Có lẽ cuộc đời hay nói đúng hơn, kể từ cái ngày quý xuống đứng lên, hành diện bốn bốn mũi tên đi bốn hướng trên sân quân trường trong ngày mãn khóa Sĩ quan Không Quân, đã tạo cho Vũ cái dung dung tất cả, tứ đặng cay nhọc nhần, tứ hiểm nguy chết chóc bên thân, đến mây mưa tình tự... tất cả chỉ còn là những dung dung khi mặt trời vừa ló dạng của một ngày lại bắt đầu. Có chăng trong Vũ chỉ là những đam mê sống, những dẫn thân, những tham dự, tham dự hết mình và vội vã, cho dù là một phút phù du.

Một ý nghĩ khác hẳn với thực tế con người Vũ khi anh gặp cô gái này trong quán "cà phê" Quỳnh Châu. Chưa một lần trực tiếp hỏi chuyện nàng vì Vũ không muốn thế. Nhưng thật ra có khi đã hàng giờ đồng hồ Vũ và nàng đã âm thầm thổ lộ tâm tư cho nhau rồi, cái thổ lộ tâm tư mà chỉ riêng có hai người hiểu với nhau mà thôi. Những ánh mắt chiếu đi, những tia nhìn phản ứng lại dù cho cả hai bên hiểu thấu lòng nhau. Chỉ tại chú bé chạy bàn vô tình thỉnh thoảng lọt ngay giữa hai luồng tia phóng xạ ấy, ngăn ngớt tùm tùm cười. Vũ có ý định thật lạ lùng với "cuộc tình cam nín" này. Anh không tấn công như thường lệ, không ào ào như lúc chiếc trực thăng nhào xuống bắn xối xả trên đầu quân thù, trái lại Vũ muốn nâng niu ánh mắt ấy và sợ nó vỡ tan tành như trái hòa tiên nổ tung. Anh muốn đem ánh mắt như mùa thu buồn của tháng mưa miền Trung giá buốt này vào trong ngăn kéo tủ, khóa chặt lại để dành những lúc không biết làm gì, đem ra ngắm nghía nâng niu. Hình như Vũ cố tình đùa cợt cố tình chơi trò "mèo vờn chuột" trong cuộc tình hững hờ thủ lạ lùng này. Mỗi lần đi bay về, có khi không còn kịp thay bộ quần áo dân sự, thôi kệ, cho có vẻ phong trần hào khí, mặc luôn cả

bộ đồ bay còn khét mùi thuốc súng, lái xe một mạch đến quán Quỳnh Châu, uống ly "cà phê" trộn với kem, hí hửng chơi trò tình ái băng đôi mắt sáng ngời... Vũ dù biết cô nàng đã... "chịu đèn" rồi đấy. Không "chịu" sao mỗi lần Vũ vừa mở cửa vào quán thì nàng vội sửa lại thế ngồi, vuốt lại mái tóc hay thậm chí bỏ quay vào trong giấy lát rồi lại ra, mà Vũ biết chắc rằng nàng vội vã tỏ lại đôi môi, vẽ lại cặp mắt để chàng thề thốt thưng thưng thức. Không "chịu" sao mỗi lần Vũ bận rộn vài ngày không ghé quán thì cô nàng đã rời rít hỏi thăm chủ bé chạy bàn: "Sao mấy hôm nay cái ông Pilot ấy không ra uống "cà phê" hả?" - như chủ bé chạy bàn "báo cáo đầy đủ chỉ tiết" cho Vũ, báo hại chàng lâu lâu tốn mấy chục thường công. Không "chịu" sao thằng bạn chủ quán nói lại với chàng là "con bé thâu ngân của tao muốn hỏi mày tên gì!". Phải rồi, Vũ tự nghĩ, có thể thì nàng mới "còn cào" con tim, càng trông chờ càng tận hưởng khi bắt được và Vũ nghe tâm tư mình reo vang một tiếng vui dầm ấm, đọng đầy trong mắt niềm cảm động khôn nguôi. Chỉ đáng đời mấy cậu choái choái nghấp nghé muốn tìm đường "chiếm mục tiêu" mà uống công. Trong quán "cà phê" Quỳnh Châu này có một đặc biệt, có lẽ để câu khách, là tiết mục nhạc yêu cầu. Khách hàng chỉ cần ghi vào tờ giấy nhỏ tên bản nhạc, thằng bạn chủ quán muốn một cậu lo việc ấy, lần lượt cho hát ngay bản nhạc được yêu cầu. Vũ tình nghịch với chủ ý cùng yêu cầu bản nhạc: "Love me, please love me!", dịch nôm na là "Hãy yêu tôi, làm ơn hãy yêu tôi đi!". Tiếng hát của nam ca sĩ Michel Ponareff trầm ấm len lén tâm tư như quyên hết vào lòng người nghe. Không "chịu" sao mỗi khi Vũ vừa đặt mình vào ghế, bản nhạc này lại vang lên khi chưa có sự yêu cầu của "thần chủ"... "Hãy yêu tôi đi!", không, phải dịch là "Hãy yêu anh đi!" hoặc "Hãy yêu em đi!" mới đúng chứ. Cái thứ ngôn ngữ Tây phương nghèo nàn này thật ảm ố, chẳng rõ ai yêu ai. Thôi thì thế này nhé - Vũ nghĩ như nói với nàng thâu ngân - anh muốn yêu em lắm chứ, anh muốn ôm em siết chặt vòng tay như anh hàng ngày vẫn siết chặt cần lái máy bay, anh muốn đưa bàn tay anh lướt khắp thân em như anh vẫn đóng mở những nút bấm, cầu chì trên chiếc trực thăng bé nhỏ của anh và anh cũng thêm khát độ tràn trề em những sinh lực để mê đắm từ thân anh, như mỗi lần anh cho

tàu đáp xuống sân bay để được đỡ thêm xăng phân lực trắng xóa. Nhưng thôi em à! Anh sẽ không làm thế đâu cho một lần đầu tiên trong đời anh, anh muốn em không bị dập vùi trong tay của thằng phi công hư thân này và anh muốn giữ gìn năng niu đôi mắt "dại khờ" ấy để khỏi nhuộm lệ buồn. Bởi anh sợ cái bản tính dưng dưng cố hữu của anh lại một lần nữa đến với đôi mắt đen nháy và hiền ngoan như hạt nhân này sau lúc đầu gối anh mỗi nhừ quờ quạng đứng lên... Hãy cứ tiếp tục yêu nhau trong đôi mắt đi để vấn được thấy đời là một màu xanh hy vọng, một màu hồng mộng mơ! Cả một đời lặn lội gió sương, Vũ muốn tìm về lại một cái đam mê thật dịu dàng len lén xoay tận đáy lòng. Vũ muốn tìm lại nỗi yêu thương là những tiếng đàn thánh thót rót giọt vào tim, tìm cho mình trở lại những phút giây bối hối nôn nã của nhịp đập trái tim, của tình cảm và của tâm hồn, mà từ lâu Vũ đã không còn nữa. Sự êm ả đến tới một khuôn mặt, một đôi mắt sâu và sáng, rục rờ niềm vui, lảng lơng những lo lắng buồn phiền, một nụ cười như rót mật vào đời và Vũ muốn dành lại cho mình một khoảnh khắc nào đó vẫn vô nhưng nhớ những xao xuyến, bối hối mà đã từ lâu Vũ vẫn chôn vùi vào trong tình cảm hoang vu không định và cuồng hoang. Cô bé thâu ngân lại cười với Vũ, miệng cười như một nụ hồng bé bỏng mà Vũ nguyên sẽ không bao giờ làm một luồng gió - cho dù thật nhẹ nhàng - thổi vào để làm gãy nụ hoa, để rơi lại những giọt nước mắt tiếc thương. Cô bé thâu ngân lại nhìn Vũ, cái nhìn thương mến dai lâu trong bốn ngón tâm thất, trong ngút ngàn với voi, để Vũ cảm thấy được rằng mình đang chìm trong một thứ ai tình reo vui như ánh trăng rằm, êm đềm như con thuyền nan rập rờn trên sóng nước của buổi chiều xuân trong cả một quang đời giăng hồ của Vũ.



Hôm nay trời bão, mây thấp, gió căng, các phi vụ hàng quán đều bị đình hoãn và bầu trời như muốn sụp đổ. Cái xứ miền Trung này trong mùa mưa lại càng khắc nghiệt. Những thằng phi công thất nghiệp ngồi tán gẫu trong phi đoàn, tiếng cười đùa la hét từ góc bàn, trong canh bài "xập xám" vang vang, góc bên kia là tiếng "lốc cốc" của bàn "bi da" dội lại. Không ai ngờ được đó là những chàng trai mới hôm qua đây sống sót trở về sau những

phi vụ giữa làn lửa đạn phòng không và đang giết thì giờ chờ đợi mây tan, gió lặng, lại bay vào chốn trận địa với cái chết chờ đợi bất ngờ. Có tiếng quát điệu đờ:

- "D.M! hôm nay thằng Vũ hên quá, đặt cây nào nó "dớp" cây này".

- "Con gì ăn không i.? dò tình đen bạc nghe ông! "con bé Quỳnh Châu" đang chờ ông đó!"

Vũ giật mình. Phải rồi, chơi cây chót "táp pi", được thua không kể, ra thăm em cái đã, người con gái mà Vũ chưa một lần hỏi tên và ngược lại. Thôi thì hãy gán cho nàng cái tên "Quỳnh Châu" của quán "cà phê" hen hò này vậy, tên đẹp như người và bọn Vũ cũng đa gọi nàng như thế. Và Vũ lại "gom sòng". Đám chiến hữu nhao nhao, Vũ ra hiệu dứt tất cả một chậu "Cà phê", dĩ nhiên lại là cái quán Quỳnh Châu, nơi có đôi mắt long lanh hiền dịu của Vũ.

Sáu "ông" phi công súng dao đầy đủ, mặc áo bay, khăn quàng cổ màu tím, chót lọc nhóc lên chiếc xe Jeep xanh của toán trực hành quân phi đoàn, trực chỉ thành phố. Phải vội vàng, phải biết chớp ngay thời cơ để lát nữa đây còn đi vào... cõi chết từ trên chín tầng mây cao. Phải biết liang thang hương tròn hết hương vì của cuộc đời để còn biết mang con phần nó đỡ xuống đầu bọn giặc Công lưu manh dưới gót chân mình. Vũ lái xe đi mà lòng thoi thới như đang đi đến buổi hẹn hò tình ái. Cô bé "Quỳnh Châu" chắc không ngờ hôm nay mình lại ghé quán sớm thế! Một lũ bạn "trời đánh" này đeo theo chắc chẳng ổn gì. Nhưng kệ! làm tình với nhau qua ánh mắt thì bố thằng nào ăn ké dò mắt được đâu! Phố xá miền Trung chật chội nghèo nàn, lái xe Jeep giữa đường như người đang dự thi lái khéo. Mặc kệ, cũng phóng thật nhanh kéo thời gian qua mau, gặp cô bé thâu ngân hôm nay chắc sẽ được hên cả ngày, lát nữa đây chắc cả bọn phòng không dịch!.. Bây giờ đã gần 10 giờ sáng, chắc quán Quỳnh Châu cũng sắp mở cửa rồi, đến sớm một chút cho cô bé ngạc nhiên hơn nữa, lòng Vũ bỗng nao nao kỳ lạ với buổi sáng hôm nay, con tim hồi đập mạnh thả hồn phiêu du vô vẩn và con sư tử trong người Vũ cũng đột ngột biến thành con mèo mướp hiền ngoan...



Đường xá tràn ngập người, xe cộ qua lại như mắc cửi, những chiếc xe hai bánh len lỏi ngoằn ngoèo chữ chi, đám bạn bè

chiến hữu ngồi phía sau cười la ồn ào. Vũ suy nghĩ miên man và bỗng thấy xa xa phía trước một mái tóc thế quen quen, chiếc lưng mong manh được phủ ngoài bởi chiếc áo dài xanh, đôi chân đạp đều đặn trên chiếc xe đạp nhỏ bé, dáng dấp thanh thanh. Cặp mắt "Pilot" của Vũ sao còn lăm lăm được nữa, "cô bé Quỳnh Châu" đang trên đường đến quán Quỳnh Châu. Lòng Vũ tươi như mở hội, thảo nào, "Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ" là đây rồi! Anh đạp ga chiếc xe "Jeep" phóng tới, cũng len lỏi muốn bắt kịp nàng trước mắt. Vài tiếng chửi thề phía sau :

- "Ê, tui bay, coi tên Đại úy phi công thả dê, mèo đuổi mả kia!"

Vũ cho xe chạy sát phía sau chăm chăm. Thật bất ngờ, phải rồi! cô bé đầu ngõ đang bị bon su từ háu ăn bám sát sau lưng, chiếc lưng vắn vò vò trên yên xe đạp, mái tóc thế phất phơ và Vũ chỉ tiếc chưa nhìn được mặt cô bé. Anh cho xe chạy sát vào lề đường, cố lách để đẩy chiếc xe đạp nhỏ bé kia ra ngoài. Vũ muốn được nhìn sát mặt cô bé thâu ngân hôm nay, khuôn mặt sẽ không bị những ánh đèn màu, những khói thuốc vô duyên bao lấp trong bốn bức tường của quán Quỳnh Châu ồn ào tiếng nhạc, tiếng người. Trong một khoảnh khắc vô ý thức, Vũ lấy tay ấn mạnh nút còi xe hình tròn ngay giữa tay lái. Tiếng còi inh òi thật điếc tai khiến cô bé thâu ngân giật nảy người, cuống quýt tay lái, quay đầu lại trách móc và Vũ chợt thấy đôi mắt kính hoàng pha chút giận hờn. Có tiếng rầm rầm của chiếc xe vận tải nhà binh bên kia đường phóng đến, tiếng rít chói tai của mười bánh xe cao su nghiêng trên đường nhựa phẳng phiu, tiếng la thất thanh nghẹn ngào chợt phát ngay ra bên cạnh Vũ, và anh chỉ còn nhìn thấy một hình bóng xanh xanh của chiếc áo dài ngã xuống, đăm xỏ vào đầu chiếc xe vận tải nhà binh thừa trốn phóng tới bên kia đường. Tay chân Vũ rụng rời và tiếng cười nói phía sau chợt im bật...

Cả bon 5 tháng theo sau Vũ nhảy ào xuống xe, chạy tới người con gái bé bỏng năm sóng xoài dưới chiếc xe vận tải. Chiếc xe đạp cong vẹo như hình số 8, máu đổ loang lổ khắp mặt đường và chiếc áo xanh xanh kia chỉ còn là một màu xám tối tằm chết chóc. Lòng Vũ như điên cuồng, lần đầu tiên chạm vào thân xác, người con gái mà Vũ vẫn nâng niu dành dụm cho cuộc đời mình.

Vũ hồi hân cho cái trò chơi quái ác mà anh vừa mới đây chính là thủ phạm. Người con gái mất vắn mớ trứng không lỗ và đau đớn, chiếu anh nhìn oán trách đau thương. Vũ bỗng rùng mình sợ hãi, quẩn quại những chấn động rã rời. Đôi mắt nàng mở to tròn sâu thẳm nhìn Vũ trừng trừng không chớp, hơi thở thoi thóp nghẹn ngào, dòng máu đỏ lăn dần từ khóe môi tím ngắt... Vũ muốn gào lên gọi thật to tên cô bé hăm hiu và là nạn nhân của mình, nhưng anh do dự đôi chút, chưa một lần hỏi tên, chưa một lần trò chuyện, lần đầu tiên thật gần gũi trong tình huống đảo điên này. Nàng bỗng rùng mình, mắt nhìn thẳng phía trên rồi gục tứ tứ giữa vòng tay Vũ. Giọt nước mắt Vũ bỗng trào ra, hình như có khói cay trong mắt Vũ, anh run run nghiêng rặng đưa tay vuốt mắt nàng thiếu nữ nhỏ bé dai khở nhưng trinh trắng đáng thương này. Mưa bắt đầu chuyển, thành phố như ngưng lại quanh anh, có tiếng người qua lại xôn xao, đám bạn hữu vây quanh không một lời. Vũ kéo chiếc khăn quàng màu tím của đời phi công mình, phủ lấy khuôn mặt dịu hiền rồi tứ tứ đứng lên thần thờ, miệng không nói ra lời :

- "Quỳnh Châu ! Em !..."

Quỳnh Châu vẫn mở cửa, khách đến vẫn dầy nghet đứng đung, thảng chủ quán, ban Vũ, ban rộn tui tít kể lẽ phân bua. Chủ nhỏ chạy bàn vẫn lảng xang với nhiệm vụ, hơi thắm người quen cái ông "Pilot" đó lâu rồi không thấy ra quán... Mãi về sau nó mới biết được rằng "ông Pilot" đó ngay buổi chiều xảy ra tai nạn đã bị bắn trong thương trong phi vụ đổ quân ngoài Quảng Trị và được đưa vào bệnh viện dã chiến Hoa Kỳ...

tháng 4/1989



Cáo lỗi

Viên Giác số 51, kỷ niệm 10 năm báo Viên Giác, dành di những tin tức và bài vở liên quan đến tình hình sống động trên thế giới trong những tháng qua; cũng như việc cấp bách cứu trợ người Việt tỵ nạn tại Đông Nam Á. Vì thế Viên Giác đành gác lại một số bài và sẽ đi tiếp trong số tới.
Tòa Soạn kính mong Quý Văn Hữu và Độc Giả thông cảm và hỷ thú cho. Xin thành thật cảm tạ.

Tòa Soạn



VIÊN GIÁC

Tạp chí của Kiều bào và Phật tử Việt nam tỵ nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức

CÓ GÌ LẠ???

SƠ ĐỨC MÃ NHUẬN BÚT

Gửi gáp truyện ngắn,
hồi ký, tùy bút...
về Viên Giác

c/o Pagode VIÊN-GIÁC
Eichelkampstr. 35a, 3000Hannover 81

☎ 0511 - 86 46 38



Gửi về Hà Tiên cho người con gái đó.

Chiếc tuần dương định(PCF) mang số HQ 2405 chiều hôm nay đậu dưới cầu tàu bến An Thới được trang bị đầy đủ đạn dược, nhiên liệu, thức ăn ... để chuẩn bị cho sáng sớm mai khởi hành công tác.

Phùng đứng nhìn chiếc tàu đang đậu oai phong tại bến, rồi đảo mắt nhìn bầu trời trong, mây trắng, nhìn mặt biển xanh gợn sóng lần lần đoán biết ngày mai trời sẽ đẹp xúc tiến cuộc hành trình được đề dăng. Phùng mỉm cười, ước mơ những gì chàng đã dự tính từ lâu nay đã đến.

Từ ngày Phùng được thuyền chuyển ra Phú Quốc để theo Hải đội 4 duyên phòng trú đóng tại An Thới, lãnh trách nhiệm bảo vệ vùng biển này, chàng đã có những chuyến công tác nhưng chẳng bao giờ chàng cảm thấy vui mừng như chuyến đi vào ngày mai này. Phùng xoa nhẹ hai bàn tay lại với nhau và quay lưng thả những bước đi chậm rãi, nhẹ nhàng trên những tấm ván lót cầu để trở về đây trại của chàng được xây cất gần bến cảng dành riêng cho sĩ quan và Đoàn viên Hải đội.

Phùng mở tủ cá nhân của mình lấy xấp hồ sơ chỉ thị của cấp trên giao phó ra xem lại và lấy tấm hải đồ vùng tuần tiễu ra nghiên cứu lại, nắm vững những điểm cần làm trong khu vực mình trách nhiệm.

Là một đơn vị dã chiến thường đi chuyển, cuộc sống chỉ tạm bợ qua ngày nên chẳng ai có phòng riêng. Phùng ở chung với ba người bạn cùng cấp bậc, tuy nhiên sự phân phối trực thuộc chiến định khác. Họ cũng ít có cơ hội gặp nhau toàn vẹn, kể về thì có người đi, thiếu vắng là sự thường xuyên, nên phòng ngủ của họ tuy chung 4 người nhưng

Biển mặn

Phạm Hồng Sáu

lúc nào đêm về, ngủ trong phòng chỉ có 1 hoặc 2 người.

Ngoài 4 cái giường bố và tủ cá nhân chẳng còn cái gì đặc biệt. Hù đường, hù cà phê, mấy cái tách và một cây dốt điện để nấu nước sôi năm ngổn ngang trên bệ cửa sổ, giờ rảnh rỗi hoặc có bạn đến, họ cùng ngồi trên thanh giường bố nói chuyện với nhau, những tình huynh đệ chí bình, họ cảm thấy không cần đòi hỏi nhiều về tiện nghi vật chất.

Đông, đồng cấp bậc và trước chàng một khóa, ít nói, tánh trầm tĩnh và hay suy tư nên các bạn đặt cho biệt danh "Đông trầm tĩnh" - Còn Đỉnh và Lợi đồng khóa với chàng - Đỉnh người cao, mũi hơi cong, mắt nheo ưa kể chuyện tếu rất có duyên nên được biệt danh là "Đỉnh đầu ruồi" (Đầu ruồi gắn trên nòng súng để ngắm cho chính xác). Còn Lợi gọi là "Lợi cầu" thì khỏi nói, đi vắng ờ re, chứ mỗi lần công tác về đến đầu trại là đã nghe tiếng rổi. Nói chuyện oang oang, vào đến phòng chưa ai hỏi là đã thao thao bất tuyệt, chuyện công tác gặp nấy, gặp no, chuyện gặp mấy cô, kể ra cô nào cũng xinh, cũng đẹp và cô nào cũng chiều cỡ tới mình, coi như anh chàng là người đặc giá lắm. Tuy nhiên bụng sao lợi vậy. Lợi vô tư và không giận hơn lâu đối với bạn. Khi giận hung hờ, nhưng ai chọc đến là cười ngay, rồi thôi huế.

Lợi vào phòng, chưa bỏ xách hành trang xuống là hỏi ngay :

- Phùng man ! Mai này đi công tác ở đâu? Tao thấy mấy cô về lên hương quá !...

- Mai tao đi vùng Hà Tiên!...

- Vậy thì đặc ý của mấy rổi!...

Có thư của tao không?

- Không ! - Cô hàng Phở ngoài An Thới hỏi thăm mấy.

- Vậy thì tao đi thăm nó ngay, chắc em sẽ dành cho tao một tờ tái nạm đặc biệt !

Lợi bỏ xách hành trang xuống giường, không cần tắm rửa, chải sơ mái tóc quày quà đi ngay, còn nói với lại :

- Tao phải để áo quần dơ như vậy, da ngấm đen đúa mặt mà, cho em thấy tao phong sương "Lính mà em!..."mấy nghe được không Phùng man!...

Phùng mỉm cười, nghĩ đến thằng bạn mình lúc nào cũng lăn xả và vô tư quá!...

Ngồi lại một mình, nghĩ về dĩ vãng, đã 5 năm qua rồi, ngày đó chàng mới ra trường được thuyền chuyển đến một chiến ham tuần tiễu vùng Hà Tiên. Một hôm chiến ham bị hồng máy phải vào đậu bến sửa chữa. Mùa hè khí trời oi bức, nhiều giai nhân và nhiều người chiều chiều thả bộ hóng mát ở dọc bờ sông. Phùng vội tắm rửa, thay áo quần, bước lên cầu tàu. Chàng đến một công viên nơi đó có nhiều người và chàng được quen với Diệu Hiền, một nữ sinh tuổi vừa 18, dáng thước tha, duyên dáng nhưng có cặp mắt dăm chiêu sâu muôn.

Diệu Hiền cho biết nàng mất mẹ từ thuở ấu thơ, hiện tại sống cùng với cha và 3 em con của người kế mẫu. Mẹ nàng đã qua đời sau một cơn bạo bệnh. Bà nàng đem gởi về bên gia đình ngoại. Bà ngoại nâng niu nuôi dưỡng, cho đến lúc được 6 tuổi thì cha nàng đem trở về cho đi học, hơn nữa ông muốn có đứa con gái đầu lòng bên cạnh ông mới được yên tâm. Bà nàng rất thương yêu, ông nghĩ rằng con thiếu mẹ là thiếu đi cả tình thương và sự âu yếm, thiếu sự bao dung như biển rộng sông dài

Mơ cõi cha âm cơm với cá,
Mơ cõi mẹ lột lá mà nằm...

Thuở ấy Diệu Hiền chẳng biết gì, một đứa trẻ thơ ngây nhìn đời vô tư lự. Nhưng dần dà theo thời gian người kế mẫu có những đứa con ra đời tức là những đứa em của nàng hiện nay, nàng mới cảm thấy mình bị lạc lõng, cô đơn, thiếu vòng tay triu mến của mẹ.

Lan, đứa em kế nàng rất thương mến nàng, chị em hợp tánh, hợp tính quần quít vui đùa và chuyện trò với nhau. Còn Vân cũng con gái nhưng tánh tình hơi khó chịu, hể Diệu Hiền lỡ làm việc gì sai ý thì Vân cầu nài, có khi mắc với mẹ để nàng bị la rầy. Sơn, thằng em trai còn bé, đối với nàng là một tình thương, ruột thịt.

Phùng nghĩ đời mình còn có phúc, dù rằng mẹ chàng đã mất đi, nhưng tuổi chàng lúc đó có thể xoay sở được, hơn nữa là con

**SƠ ĐỨC MÃ TIỀN NHUẬN BÚT
KHUYẾN KHÍCH CHƠ BÀI
ĐƯỢC CHỌN ĐĂNG TRONG
MỤC " SÁNG TÁC VĂN NGHỆ "**

trai nên cuộc sống không bị gò bó lắm. Chàng hiểu người cha chỉ lo những việc đại sự, đi làm kiếm tiền để đó nuôi con, còn tiêu sự hằng ngày ông không bao giờ để ý tới, người mẹ mới lo đầy đủ chén cơm, manh áo cho con, săn sóc con nhờ khi cảm lạnh, nhức đầu, bệnh vặt và an ủi con lúc ra đường bị người ăn hiếp. Đã tuổi nấy rồi mà chàng vẫn mong được có mẹ ở bên cạnh đời sống của mình.

Như xôi nếp đậu, như dương mĩa lau... hưởng gì Diệu Hiền người con gái háy còn thơ ngây, yếu đuối đó.

Hoàn cảnh Diệu Hiền đặt ở hoàn cảnh của Phùng đã đưa chàng vào nhiều tư lự. Chàng cảm thấy mến thương Diệu Hiền hơn bất cứ một ai.

Hôm nay chiến hạm đã sửa chữa xong, chàng không có thời gian ở lại nữa. Mai Phùng phải đi. Năm ngày nghỉ bến qua nhanh, gặp Diệu Hiền - 3 buổi chiều, bên Hà Tiên nhìn qua bến Cô Tô êm à... chàng không dám hẹn hò, vì đời mình bỗng bệnh có biết trở lại hay không! Hình bóng người con gái đó đối với chàng vẫn thương, vẫn nhớ...



Chiều nay thứ sáu, chấm dứt 45 ngày trách nhiệm tuần tiêu vùng biển Hà Tiên và biên giới Miền Việt. Ông Hạm Trưởng có ý đưa tàu vào bến cho nhân viên nhà bếp mua thêm thức ăn dự trữ trên đường về, nhân cuối tuần vài ngày nghỉ xả hơi, để thùy thủ đoàn có cơ hội dạo chơi và thăm quan thắng cảnh tỉnh địa đầu vùng biên giới; lần trước đã ghé vào nhưng thời gian không cho phép họ được đi xa.

Biết ý định của cấp chỉ huy, lòng Phùng hân hoan vô kể. Chàng biết rằng sẽ gặp lại Diệu Hiền, kể cho nàng nghe những ngày lênh đênh trên biển, những lúc tâm tư rạt rào nhưng nhớ, những dĩ vãng đơn côi thiếu mẹ hiện về.

Gió cuốn mây đưa về, mặt trời sắp lặn ở hướng tây, biển khơi lặn tàn gọn sóng, hai chiếc hải đăng định hướng thẳng vào lòng lạch Hà Tiên đã bắt đầu nhấp nháy. Sau khi liên lạc điện báo được biết có tàu đến nơi thay thế, ông Hạm Trưởng cho đổi hướng tàu mình nhắm thẳng hướng hải đăng chạy vào lòng vịnh.

Hà Tiên đã lên đèn, người ra vào các quán ăn nằm quanh khu chợ tập nập, mấy cây phượng nhiều hoa đỏ ối; áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo vàng...giai nhân thướt tha dạo dọc bờ sông gió lùa mát rượi. Đứng trên boong tàu nhìn cảnh hoàng hôn phố chợ, lòng Phùng cảm thấy non nao, không biết Diệu Hiền còn ở nhà hay đã đi vắng? Tàu cập bến, dây nhợ buộc xong, hôm nay không nhằm phiên trực nên Phùng thay đổi, bước vội lên cầu tàu, chen giữa đám người đứng coi, chàng đi thẳng đến nhà Diệu Hiền.

Nàng đang ở nhà, em Lan thấy chàng vội vã chạy ra mừng rỡ, quần quýt hỏi chuyện nầy, chuyện nọ. Diệu Hiền hôn hờ gật đầu chào chàng, nàng không ngờ Phùng trở lại. Tuy cảm mến nhưng nàng cũng tự nhủ để an ủi lòng mình: người trai sông nước đó, giữa thời chinh chiến nầy, sự quen biết hẹn hò chỉ là một đám mây bay hay một cơn gió thoảng dạt để hy vọng làm gì? Nàng xua đuổi tư tưởng đó, nhưng nó lại càng đậm thêm trong tâm trí của mình.

Phùng cung kính chào hỏi ba nàng và người kế mẫu - Diệu Hiền đứng bên cạnh giới thiệu Phùng. Thấy ba nàng không tỏ ý cấm cản, ông mới Phùng ngồi và bảo chàng cứ tự nhiên ở lại đây chơi.

Phùng về tàu lúc đó 23 giờ, cảnh vắng đường thưa nhưng lòng chàng đang mở hội.

Hà Tiên phố nhỏ, quê hương địa đầu biên giới, có làng Mạc Cửu, Thạch Động, núi Cô Tô, có giòng sông hiền hòa chảy ra biển mặn, có những vườn tiêu trĩu hạt xanh tươi, tất cả những thứ đó đã nằm gọn trong lòng đất mẹ.

Hôm nay ngày bãi trường, Diệu Hiền mời Phùng đi dự lễ, chắc chắc chàng phải đi vì có Diệu Hiền và em Lan được lãnh thưởng. Đến sân trường Phùng đứng nép một chỗ ở phía ngoài, không dám vào ngồi ghế dành riêng cho phu huynh và quan khách tham dự, vì cảm thấy mình còn quá xa lạ với người chung quanh.

Tan lễ, Phùng đi với Diệu Hiền và em Lan về nhà. Trên đường về ngang qua những vườn tiêu râm mát, nàng chỉ những chùm tiêu đong đưa, lủng lẳng trên cây hỏi Phùng :

- Đờ anh Phùng ớt cay hay tiêu cay?

Phùng trả lời : - Ớt cay !..

Diệu Hiền nguyệt yếu :

- Anh lắm rồi, ớt cay ở ngoài môi, còn tiêu cay tới tận trong ruột lận!...

Con gái Hà Tiên cay như tiêu vậy đó !..

Phùng cười, nghĩ rằng nàng có lý. Câu chuyện vui nối tiếp giữa 3 người cho đến khi về tới nhà.

Những ngày vui qua mau, khung trời kỷ niệm rồi cũng để lại, hôm sau chàng phải lên đường. Những câu nói với của Hiền vẫn còn lảng vảng bên tai :

- Anh Phùng nhớ viết thư cho em, em đang sống với tâm tư và kỷ niệm đó !..

Sau khi đến cảng Saigon, Phùng đã viết rất nhiều thư cho Hiền. Tất cả những nhung nhớ và ước mơ chỉ chứa đựng trong thư. Bởi vì Saigon và Hà Tiên trong thời quê hương khói lửa sự gặp gỡ không dễ dàng. Dần dần chiến trường khơi đông mạnh, các đơn vị tác chiến phải di chuyển thường xuyên, Phùng không còn cơ hội để viết thư cho Diệu Hiền nữa. Thư đến, thư đi cứ lạc mất, xa dần.

Mãi cho tới hôm nay, Phùng được thuyên chuyển về đây, dù hai địa danh tuy cách nhau bằng biển nhưng cùng vùng, chàng hy vọng có ngày được trở lại. Phùng không biết hiện tại của Diệu Hiền ra sao? Nàng còn ở tại đó hay đi nơi khác? Đang làm gì? Chồng con? hay đã ra người thiên cổ?... Tất cả mọi lo âu, thắc mắc quay lại đánh dấu hỏi trong đầu chàng. Hình ảnh Diệu Hiền ngày xưa đang hiện rõ, đôi mắt ưu tư, sâu muộn và câu nói: Anh viết thư cho em ! ...ngắn dài...



Túi hành trang lủng lẳng bên vai, thả đôi chân theo nhịp kèn đánh thức quân buổi sáng, Phùng đi tới cầu tàu, nơi đó những anh em cùng chung chiến đỉnh đang

dùng đợi. Họ huyền nào chào hỏi lẫn nhau, sau đó nhận chỉ thị thi hành.

Máy tàu cho chạy, rada kiểm soát mặt biển bất đèn, các giàn súng theo trách nhiệm từng người mở chốt an toàn thử lại. Mọi việc xong xuôi Phùng nhắc chiếc máy liên lạc báo cáo khởi hành.

Phùng biết rằng với vận tốc chạy trên nước như bay của chiếc tàu, trong vài giờ đồng hồ có thể mang chàng từ Phú Quốc đến Hà Tiên để lên bờ thăm lại Diệu Hiền, nhưng việc đó không đơn giản như ý muốn. Nó mang trọng trách tuần dương, chặn xét và bắt tất cả các tàu thuyền của đối phương lén lút chuyên chở vũ khí, quân nhu, đạn dược v.v...vào đất liền. Yểm trợ hải pháo cho những tiến đồn bộ binh đóng trên triển núi dọc theo duyên hải khi họ gọi đến. Có nghĩa là thường xuyên trong tư thế báo động.

Công tác mất phải 5 ngày mới được vào bến nghỉ ngơi vài ngày đó là trường hợp êm xuôi không có lệnh mới, còn nếu như có lệnh đổi vùng, Phùng phải chịu vậy thôi, thời gian mong muốn theo ý mình đối với chàng chẳng bao giờ định trước được.

Sáng thứ bảy, năm ngày đêm thi hành nhiệm vụ đã xong, Phùng liên lạc về Bộ chỉ huy báo cáo tóm tắt mọi hoạt động đã thi hành, nơi đó chấp thuận cho tàu chàng vào bến. Phùng mừng rỡ báo lại tin nầy cho tất cả anh em cùng chung chiến đĩnh. Ai nấy mặt mày hớn hờ, họ mong được lên bờ để lấy lại hơi đất, được ngồi nhâm nhi trong quán tách cà phê hay ăn tô mì, tô phở, quên đi bớt những vất vả, nhọc nhằn, bởi vì suốt thời gian lên đến trên biển, ăn uống thất thường, nhiều đêm không ngủ, phản pháo yểm trợ cho các tiến đồn, phần đầu cùng biển khơi gió gào, sóng bủa...

Hà Tiên đây rồi, con phố vẫn nhộn nhịp như xưa không mấy thay đổi, chỉ có những hàng cây trồng dọc theo bờ sông nay đã lớn sò, cành lá vung ra che mát lối đi. Phùng xem đồng hồ đã 12 giờ trưa, chàng vội thay đồ, rồi báo cho anh em biết rằng mình lên phố, dặn họ có đi phải cứ người ở lại trông coi chiến đĩnh.

Phùng đi ngang qua nhà Diệu Hiền, trong lòng bối rối. Con ngõ cũ còn đó, cổng vào phủ chút rêu phong chứng tỏ thời gian vật vô tri dải dấu mưa nắng. Phùng thắc mắc không biết nàng còn ở đó? Theo chồng hay đi nơi khác lập nghiệp? Hoặc

đã có những thay đổi nào khác nữa hay không?...

Chàng đi ngang qua, ngang lại nhiều lần nhưng không dám vào nhà gõ cửa, Phùng sợ nếu Diệu Hiền đã có chồng, sự có mặt của chàng sẽ làm cho nàng xúc động, nhớ dĩ vãng, sự vô tình có thể khiến cho hạnh phúc của nàng không được êm xuôi. Hay là thôi, xa cách lâu rồi, để vậy cho bình yên, mỗi đứa một hướng đi. Giữa lúc nghĩ suy lưỡng nan tiến thoái. Một bé trai từ trong nhà mở cửa đi ra. Phùng vội vã chạy theo gọi em bé lại hỏi :

- Em đi đâu đó?

- Ba mẹ sai em đi chợ mua đồ.

- Em tên gì ?

- Em tên Sơn

- Em Sơn nay lớn quá anh nhìn không ra. Anh, anh Phùng đây, em còn nhớ không?...

- Anh Phùng ! Chỉ Diệu Hiền thương nhắc anh lắm đó!

- Chỉ có chồng chưa em?

- Dạ chưa!

- Chỉ đang làm gì?

- Chỉ làm cô giáo và dạy ở Rach Già.

- Sao hôm nay chị ở nhà?

- Thứ bảy, chủ nhật thì chị về nhà. Anh đi theo em, em dẫn anh vào nhà thăm chi.

- Ừ ! Cám ơn em.

Son mỗi ngày nào đó còn đi lùng chùng, nay đã lên 7 lên 8 rồi, nhanh thật!...

Phùng theo Sơn vào nhà, tới phòng khách Sơn gọi lớn lên :

- Chị Hiền ! Chị Hiền! có anh

Phùng Hải quân đến thăm chi.

- Anh Phùng ở đâu? Diệu Hiền hỏi Sơn.

- Anh đang ở phòng khách đây nè!... Sơn vừa nói vừa chạy ra khỏi nhà.

Diệu Hiền từ nhà sau lên phòng khách, thấy Phùng nàng sững sờ đứng yên như tượng đá - sự trở lại đột ngột của Phùng, chưa bao giờ nàng dám nghĩ đến, khiến nàng quá xúc động. Mãi một lúc sau với cặp mắt đăm đăm lệ nàng ngược lên gọi:

- Anh Phùng !...Lâu quá rồi anh không đến đây và không có thư cho em... em ngỡ...

- Xin lỗi Diệu Hiền, anh bận quá, cuộc đời quân ngũ không cho phép anh có cơ hội đến Hà Tiên thăm em. Anh đã viết rất nhiều thư cho em ngay từ khi về tới Saigon, nhưng thư đi mà không có thư lại. Anh nghĩ tình hình bất ổn, đường sá đi chuyên khó khăn, chắc các thư của anh đã lạc mất, chứ làm sao anh quên em được.

- Thật không?... Nàng hớn hờ mỉm cười hỏi Phùng.

- Thật chứ! Nếu không, anh trở lại đây làm gì?

Tất cả những oán trách, dỗi hờn bao tháng năm xa cách đã tan biến vào hư vô, nhưng chỗ dỗi lòng hân hoan hỏi ngỏ...

Phùng hỏi thăm sức khỏe và tình trạng ba, đi cùng các em của nàng, rồi chàng kể cho Diệu Hiền nghe những gì đã xảy ra trong cuộc đời người trai chinh chiến, những nhớ nhung dẫu vất vả vò...

Diệu Hiền ngồi lặng yên trong niềm sung sướng bên cạnh Phùng để nghe chàng kể chuyện.

Bữa cơm tối chung với gia đình thật là vui vẻ. Ba đi của Diệu Hiền thương liếc mắt nhìn Phùng và nàng rồi mỉm cười. Các em Diệu Hiền hỏi đi, vẫn lai báo chàng kể chuyện. Có lúc chàng hỏi Phùng :

- Sao anh chưa cưới chi Diệu Hiền ?

Chàng chẳng biết nói sao, chỉ trả lời chưa rành việc.

Dưới mái ấm gia đình, bên người mình yêu quý, Phùng cảm thấy cuộc đời chàng chưa bao giờ được sung sướng như hôm nay.

Chuyện vắng với gia đình và Diệu Hiền đã gần nửa đêm, ngày mai chủ nhật, đình ninh còn tại bến. Phùng đứng dậy cáo từ hen ngày mai 8 giờ gặp lại.

Con đường Mạc Cửu Hoàng đi thẳng ra chợ và qua bến cảng đã thưa vắng người, một vài quán ăn đang dọn dẹp đóng cửa. Phùng bước lên tàu, anh em ai nấy đã ngủ yên, chỉ còn người trực đang ôm súng đi qua, đi lại trên boong tàu. Phùng thân mật đến gần hỏi

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa
VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến
nhà Bank của Quý vị làm đơn
chuyển tịnh tài theo lối:
DAUERAUFTRAG
vào trường mục của Chùa
như sau:
Congregation der Vereinigten
Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.
Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

thâm tình hình lúc mình đi vắng mọi việc êm xuôi, không có gì rắc rối, Phùng bước vào phòng thay bộ đồ ngủ và leo lên giường nằm. Tâm hồn lâng lâng sắp đặt cho ngày mai chắc chắn là ngày mai vui tươi chưa từng có trong đời mình. Phùng sẽ cùng Diệu Hiền đi thăm làng Mạc Cửu, Thạch Động, những đồi có cây xanh, hoa tím, nhìn lại giòng chữ ghi trên đá kỷ niệm ngày đầu quen nhau, hai đứa có mặt tại đây. Phùng kéo ý nghĩ đó đưa vào giấc mơ và cảm thấy thời gian gắn gũi với Diệu Hiền sao quá ngắn, Phùng không muốn để cho Diệu Hiền sống hoài trong ảo vọng, kỳ này chàng quyết định lấy tất cả những ngày nghỉ phép trong năm mới Ba chàng đến Hà Tiên làm lễ hỏi. Sau vài tháng sẽ làm lễ cưới cũng nên, dù rằng đời mình có bồng bênh rày đây, mai đó nhưng những ngày về bên sẽ có thân yêu mái ấm gia đình.

Bình yên cho giòng cảm nghĩ, Phùng dính dính một giấc ngủ dài cho đến sáng.



Về đến căn cứ An Thới, Phùng cho tàu cặp vào bến cảng, mọi công việc còn lại chàng để cho anh em trong tàu lo liệu, chàng bước lên bờ và đi thẳng tới Trung tâm hành quân Bộ chỉ huy Hải đội. Người sĩ quan trực trao cho chàng một công điện từ Bộ tư lệnh Hải quân trong đó nội dung chuyển Phùng đến Bộ chỉ huy Hạm đội theo nhu cầu công tác khẩn, kèm theo tấm giấy viết tay của Chỉ huy trưởng căn cứ, báo chàng xúc tiến việc bàn giao chiến đĩnh trong buổi sáng - 14 giờ đáp chuyển bay vận tải của Không quân từ An Thới về Saigon. Để khỏi mất thời gian, Phùng về phòng lo thu dọn đồ đạc, thu xếp hành trang của mình để đó. Phùng vội xuống tàu báo cho anh em biết lo chuẩn bị. Ai nấy nghe tin đều bù ngùi, mồn tiếc cho sự ra đi đột ngột của chàng. Người chỉ huy có tài, đức độ đã từ lâu gieo vào lòng họ nhiều ngưỡng mộ, nhưng biết làm sao giữ lại, đến, đi là lẽ thường của người lính biển. Buổi lễ bàn giao chiến đĩnh giữa Phùng và người sĩ quan mới cùng anh em thủy thủ đoàn cũ đã diễn ra không rầm rộ, những cái bắt tay siết chặt không rời đây cảm mến, nhớ những ngày tháng vui, buồn, hiểm nguy trên chiến đĩnh này có nhau. Phùng từ già họ trong bối hồi luyện tiếc, trong niềm cảm thông huynh đệ chí bình.

Về lại phòng mình, chàng lấy tấm giấy làm bao thơ dành riêng cho những người quân nhân không có thì giờ và phương tiện sẵn, ghi vội mấy giòng báo cho Diệu Hiền biết tình trạng của mình và xin lỗi sự việc xảy ra bất ngờ khiến chàng thất hẹn.

Theo chuyến xe Bus của Hải quân chở nhân viên từ phi trường Tân sơn nhất về Bộ tư lệnh. Phùng đến Bộ tư lệnh Hạm đội trình diện, chàng được đưa xuống một chiến hạm tuần dương, ngày mai công tác vùng giới tuyến.

Những ngày ở An Thới đã chấm dứt, Phùng không biết ngày nào được trở lại, nói có những vùng biên thân yêu Dương Đông, Hàm Ninh, Bắc đảo... Nơi có Hòn Thơm, Hòn Tre, Hòn Xanh, Hòn Nghệ, Hòn Rùa, Hòn Sơn rái... hàng nước mắm Phước Hưng, Hồng Danh, Hồng Thắm... quán phở cô Lam, quán chạp phở anh Hai Cầu, khô cá thiêu chị Ngọc, có mùi Ông Đội, giếng nước Gia Long, bãi trước có bến đò thuyền ghe Kiên Lương, Rạch Giá tới lui, gành bến Sau đá dựng lung linh dưới bóng nắng chiều. Tất cả vùng trời này đã bỏ lại, kể cả Hà Tiên những vườn tiêu sậy hột, kể cả cuộc tình nồng đượm hương yêu.

Phùng về lại bức tranh địa đàng ngày nào đã bỏ lại, băng tình yêu của Diệu Hiền, băng sức mạnh của con tim, băng ngày về bên đó và cảm giác như đã gắn kể. Nặng trĩu phù ngập trên con tàu tuần, dang chạm rai băng qua vùng biển vĩ tuyến, Phùng tựa tay trên lan can tàu nhìn về chân trời xa ấy, gói ghém niềm vui rộn rã trong lòng mình.

Một chiếc trực thăng xuất hiện trong màn Radar từ phi trường Đà Nẵng, bay ngang qua tàu rồi đảo lại mấy vòng thả xuống một bọc đựng thư, người bưu tín viên đón nhận đem phân phát cho nhân viên chiến hạm, trong đó có thư của Phùng. Cầm lá thư trong tay đi tìm nơi yên tĩnh đảo mắt thấy hai chữ Hà Tiên, Phùng mừng quá, tin tưởng là thư của Diệu Hiền.

Đứng dựa khung thành an toàn che đạn đối phương thuộc giàn đại bác 76 ly 2 trước mũi tàu, coi lại người gửi để ngoài bao thư là ba của Diệu Hiền. Phùng không biết có chuyện gì đã xảy ra hay nàng đang hôn dỗi? Phùng vội vã mở thư ra đọc.

Hà Tiên ngày... tháng... năm...

Cháu Phùng,

Bác muốn gởi thư cho cháu, nhưng không biết địa chỉ của cháu. Hôm nay em Lan dọn phòng của chị nó trong ngăn kéo bàn viết có chồng thư của cháu, bác lấy đó gửi cho cháu thư này, báo tin cháu biết con Diệu Hiền nó đã chết trên một chuyến xe đò vào cuối tuần từ Rạch Giá về Hà Tiên, giữa đường rùi cán phải min Việt cộng dật. Cả gia đình

rất đau buồn và tiếc thương cho sự ra đi vĩnh viễn rất ư đột ngột của nó. Thi hài nó được chôn trên một ngọn đồi có nhiều cây hoa tím gần làng Mạc Cừ. Bác đã mở cửa má và làm tuần cho nó rồi. Nếu cháu có dịp đến Hà Tiên thì ghé nhà bác, các em sẽ dẫn cháu lên thăm mộ con Hiến, thắp một nén hương cho vong linh nó được toại nguyện nghĩ rằng cháu vẫn còn thương yêu nó và để cho thân xác nó được nằm yên ổn dưới suối vàng...

Bác
Ba của Diệu Hiến

Phùng run rẩy, hai tay cầm chặt

lá thư cố đọc lại một lần nữa. Một cơn gió lạnh thổi tạt vào mạn tàu làm bắn lá thư rời khỏi tay Phùng, bay bổng, đảo vòng trong không gian, sau đó là đã rơi nằm trên mặt biển. Phùng lao đảo quy xuống sàn tàu, ngửa mặt lên trời mây đen đang vần vũ, nước mắt chàng ràn rụa chảy ra :

Hỡi gió, gió bay, hỡi nước, nước trôi
Mây đưa, đưa chiếu vào tối.
Lấy thơ ghép nhạc hát lên thay lời, để nhớ một người !...

- Biển mặn !....

Đất khách tháng 4 năm 89

ĐƯỜNG SANG THIÊN TRÚC

Từ Hùng
Trần Phong Lưu

tiếp theo

Ngôi pháp xá 3 tầng vẫn đang được tiếp tục xây. Các bậc cấp dẫn lên hàng hiên còn trơ mặt gạch chưa láng hồ. Đám đông dân thợ Ấn Độ vẫn còn ngồi chà láng mặt sàn đá mài, nước đổ lênh láng hay đang đứng cà hàng cột đá tròn. Vài người đang lắp cửa sổ. Các tầng trên đang chuẩn bị trảng sàn. Trên nóc bãng hây còn một cánh đang đúc bê tông. Ngoài sân, dưới ánh nắng bắt đầu gay gắt của buổi trưa Ấn Độ, đám thợ đàn ông đang trôn bê tông bằng tay. Trong khi các chị đàn bà, các dân công không chuyên môn lo đội, chuyên các chảo bê-tông mới trôn lên sáu cầu thang, qua 3 tầng lầu, lên tuốt trên sân thượng; mà không cần ròng rọc, rò rề, dây kéo hay bất cứ một phương tiện cơ khí nào. Trẻ con lẫn quần theo chân cha mẹ hoặc chạy chơi khắp công trường. Chẳng những họ đem theo con cháu, mà còn mang cả cha mẹ già đến lo nấu nước thổi cơm tại chỗ. Họ làm việc, nấu nướng,

ăn uống, nghỉ ngơi ngay giữa sân dưới trời nắng gắt. Không cần che lều, dựng trại như các thợ xây cất Việt Nam. Cũng không cần biết tới các "Container" tiện nghi Âu Mỹ. Nhân công rề tiền đã được tận dụng quá nhiều ở đây, trong một công trường nhỏ, cho mấy công việc đổ bê tông bình thường mà bên Đức, bên Tây chỉ cần vài người thợ với một chiếc xe cần trục và một xe trộn bê tông là có thể hoàn tất công việc trong vài tiếng đồng hồ. Cảnh xây cất ở đây gần giống cảnh thi công ở các công trường xây dựng Việt

Cộng sau 75. Chỉ khác mấy bà, mấy cô Ấn Độ thì đen đúa áo khăn lượm lượm quện đầy cát bụi và nước xi măng mốc trắng lại đội các chảo bê tông trên đầu. Còn các chị thợ Việt Nam ăn vận có vẻ gọn gàng hơn, lại xắn quần và bưng ki bê tông bên hông. Trong khi các anh thợ Ấn gấp đôi chân quần lên cao thay cho quần đùi. Tôi theo chân Thấy Hội trường đi một vòng công trường từ ngoài vào trong, từ dưới lên trên. Thấy Quán sự chùa Miếu Điện vẫn chưa vẽ vì còn ở lại chỉ huy đám thợ Ấn Độ dọn quét các phòng, khiêng giường, mang drap mền, mùng gối, sắp xếp chỗ ngủ của chúng tôi. Cánh trái tầng trệt đã được xử dụng. Căn phòng bìa cuối dùng làm bếp, đặt bàn ăn tạm và hai giường cho hai bà của phái đoàn Mỹ. Phòng kế, Thấy Quảng Chơn và anh con trai bà Quảng Lạc đang xử dụng. Phòng thứ ba đã được trang bị làm nơi thờ Phật tạm. Rồi đến phòng Thấy Hội trường. Hai bà chọn phòng ngay dưới cầu thang. Chúng tôi được chỉ đến phòng bên cánh phải vừa mới dọn dẹp. Phòng khá rộng đủ chỗ cho 4 người mà chỉ đặt có hai giường. Hai mặt tường ngoài đều có cửa sổ và phòng nào cũng có chỗ tắm bồn rửa mặt, vệ sinh riêng. Chỉ tiếc nước chưa bắt vào tới! Nhưng không sao đã có anh gác đàn tên là Abula, xách nước giếng đổ đầy thùng lớn và 2 xô nhỏ. Anh ta người còn trẻ, mới ba mươi mấy tuổi mà đã có cháu nội! Sau bữa cơm nóng canh sốt đầy hương vị quê hương đầu tiên tại một chùa Việt, ngả lưng nghỉ trưa một lát, chúng tôi nôn nóng rủ nhau đi chiêm bái nơi Thái Tử Tất Đạt Đa thành đạo. Phải đi bộ một đoạn đường mới đón được hai chiếc xe lôi; cứ hai người lên một chiếc. Nhưng ngồi đó mà áy náy vì trong nhóm 2 người cũng có một người hơi mập. Cộng lại cũng gần tạ rưỡi mà cứ để mấy anh Ấn Độ ốm tong ốm teo kéo đi.



Tác giả đang thành kính khấn nguyện trước cây Bồ Đề, nơi Thái Tử Tất Đạt Đa thành đạo.

Mãi đến lúc thấy mấy chiếc xe lôi chạy ngược chiều chờ đến 5, 6 người mình mới tạm yên tâm. Thật tội cho chiếc xe mỏng manh hơn chiếc xích lô Việt Nam mà phải chờ dưới cang xe một người lớn và một trẻ em. Trên chỗ ngồi chính thức chờ thêm 2 người nữa. Thêm hai thiếu niên ngồi vắt vẻo trên chỗ tựa lưng và hông chân ra phía sau, xuyên qua mấy cây khung mũi xe. Ấy thế mà anh phu xe vẫn còng lưng, rướn nơi gân chân đạp đi như thường.

Khi xe sắp lên con dốc trước cửa chùa Tàu, Thấy và tôi vội leo xuống xe, để mặc anh phu xe không qua dốc, rồi mới lên ngồi tiếp. Càng đến gần vùng Phật tích thiên hạ càng đông. Dân Ấn lui tới bày hàng mua bán tấp nập, dù mọi loại dù mũ thũ, nhũt là các đồ kỷ niệm, hình ảnh Phật tích và cả những sạp, những bàn, những vuông vải bày đầy các chông bạc cắt để du khách đổi tiền lẻ cho ăn mày.

Từ ngoài lộ dẫn vào, qua vuông sân rộng, đến tận cổng khuôn viên Mahabodhi chúng tôi được dàn chào bởi 2 hàng ăn xin già trẻ lớn bé đủ hạng, ngồi chồm hồm, chia những cánh tay khẳng khiu đen đúa hoặc dầy ghè lở, ruồi bu kín để đón chờ tiền bố thí của khách hành hương. Rồi đến những anh chàng nắm mấy túi ni lông đựng những con cá nhỏ lội lơ dờ lui tới mới gọi mấy bà mua cá phóng sanh. Cuối cùng là mấy chú hàng tay xách, vai quàng, nách mang đủ mọi loại quà kỷ niệm, chuỗi bồ đề, chia khóa lịch 25 năm kiểu Ấn, các xấp lá bồ đề, bưu thiếp, những sách nhỏ hướng dẫn du lịch và cả những "diashlide"; mà giá cả rao bán thường đắt gấp 5 gấp 10 lần giá thật. Nên khách hành hương nào lần đầu cũng bị mua hớ, nếu không biết cách trả giá.

Qua cửa hàng rào bằng cây sống, một quần thể kiến trúc Ấn Độ cổ xưa hiện ra trên vuông sân lát đá cẩm thạch trắng. Nhiều ngọn tháp cạo thấp khác nhau đặt đối xứng theo thế ngũ diêm chen lẫn trong đám cây cảnh hoa lá. Tường rào nguyên thủy được xây bằng gạch đá theo những gờ chỉ hình khối trang trí Ấn Độ, giới hạn thêm ngoài và sân chùa trong thấp hơn ba bậc đá. Những cây bông giấy thật to được trồng bên trong trụ cổng nở đỏ rực những cánh hoa vụn huế lấu trang diêm cho những bức tường vàng, đoạn rào sa thạch nâu và những trụ đá xám. Du khách thập phương ra vào tấp nập trong khi nhiều người thợ Ấn vẫn còn đang cấn, chà, lau chùi từng vuông đá cẩm thạch trắng. Việc lát đá hoa các

khoảng sân quanh chùa Maha Bồ Đề cũng đáng được kể là một kỳ công tranh đấu của Phật Tử khắp nơi trên thế giới, nhất là Phật Tử Nhật. Khi dự án được đề ra, mấy ông Ấn giáo có thể lực đứng ra lập ủy ban lãnh phần thực hiện. Nhưng tháng lại, năm qua hàng triệu đô la đã được đổ vào quỹ, qua nhiều đợt, đã dần dần biến mất mà chẳng thấy một tấm đá nào được lát, một mảnh cẩm thạch nào được cấn. Mãi cho đến khoảng hai năm gần đây, khi sự tranh đấu của các Phật Tử Nhật và Tây Tạng thêm quyết liệt hai ông Phật giáo Ấn Độ mới được cử vào ủy ban Quản trị 4 người. Thêm những biện pháp chế tài, kiểm soát... sân chùa mới dần dần được lát đá, dù tiến dâng cùng các lần sau cũng bị thất thoát qua nhiều tầng.

Sau khi bỏ dép đi qua dưới dây trụ lang băng đá chạm trở tí mỉ khách hành hương đặt chân lên sân trước chùa với những nhà giải vũ nhỏ thờ tượng và nếu đi vòng qua phía phải sẽ gặp khám tượng Phật Quan Âm chạm khắc trên tường ngoài, theo hình thế người Nam. Còn bước vào cửa chính sẽ gặp điện thờ Phật được soi sáng chỉ bằng những cây nến của khách thập phương cắm đầy bực gỗ được bọc thiếc trên mặt. Trong vùng ánh sáng mờ tỏ, khói hương nghi ngút, khách hành hương dù mặt Đông Tây, nhiều nhất là người Tây Tạng, Bhutan và Nhật, đang kính cẩn sụp lạy trước bàn thờ Phật. Nghe đầu tượng Đức Bốn Sư đã được tạc từ thời vua A Dục nhưng rất khó mà nhìn ngắm cho tường tận vì các đồ lễ vật, nghi trượng bày quanh quá nhiều, lại thêm những khăn, những tấm vải đủ màu sắc như một rừng cờ quàng mắc quanh tượng. Vài ông Ấn giáo ngồi bán đèn cây, vòng hoa và khư khư ôm giữ thùng phước sương. Chẳng những họ đã tìm đủ mọi cách để thu tiền các Phật Tử mà

họ còn muốn hưởng tất cả sự lễ bái cúng dường vào ngẫu tượng sinh thực khí đạo Bà La Môn của họ bày dưới góc bệ tượng Phật. Trước kia họ còn để luôn ngẫu tượng của họ trên bàn thờ Phật. Mãi cho đến khi có đồng Phật Tử đến chiêm bái Phật tích tranh đấu nhiều lần, lên đến tận chánh quyền trung ương Tân Đế Li họ mới chịu dời xuống bên dưới. Chúng tôi đi vòng qua sân bên hông chùa, nồm nóng tìm chiêm ngưỡng cây Bồ Đề đã từng che chở cho Đức Phật qua 49 ngày tọa thiền, qua những đêm mưa, gió, bão cho đến khi thành đạo. Đến ngày nay, cây vẫn vươn mình vững chãi cành lá xanh tươi, trái hơn hai ngàn năm trăm năm, qua bao phen bị đốn ngã. Cây được rào ba mặt bằng những trụ gạch, lan can, tiêu biểu Ấn Độ. Mặt kia là Kim cang tòa. Lần đầu tiên tôi được đến đây thấp nén hương, cúi đầu dâng lễ trên sàn đá hoa trắng, không còn 1 chiếc lá rụng. Nhìn lên, đôi tim chất liệu tuệ giác trên những chiếc lá rậm rạp trên cành. Nhưng những lá cờ phướn xanh đỏ trắng vàng của Phật Tử Tây Tạng giăng treo cúng dường đã hướng ý nghĩ tôi về quan niệm "Bạch nghiệp" của họ qua những tấm khăn trắng quàng mắc trên cây Bồ Đề hay trên các tượng Phật.

Ông gác, có thể gọi là ông Từ giữ cây, đã quen mặt Thấy, mở ngay cửa rào cho Thấy và chúng tôi vào ngồi dưới gốc Bồ Đề, bên pháp tọa Kim cương, làm lễ nơi Phật thành đạo và đọc một thời kinh, lúc nắng ấm bắt đầu lên. Nhiều khách hành hương các nước khác cũng dừng lại đứng xem và lắng nghe âm thanh tiếng tụng kinh Việt. Thấy Huyền Diệu thuật lại một đoạn lịch sử của Phật tích này. Cây Bồ Đề hiện nay được xem như đã trải qua bốn năm kiếp lai sinh từ cây nguyên thủy. Chính vua A Dục, lúc chưa hiểu



Phật tử Tây Tạng nếm mọp lạy Phật.

đạo, đã từng ra lệnh đốn ngã cây Bồ Đề này, vì lúc đó cây được kính ngưỡng như linh hồn của Đạo Phật. Nhưng từ gốc, chồi non lại đâm tược, nảy nhánh, rồi vẫn mọc lên tươi tốt. Khiến nhà vua phải suy nghĩ tìm hiểu, rồi thức ngộ; đến độ đốn hết tâm lực vào việc xiển dương đạo Pháp, dựng trụ xây chùa. Ngày càng xa rời nội cung. Vô tình gây mối ghen tức nơi hoàng hậu. Mối hờn ghen cứ lớn dần theo thời gian cho đến khi không còn chịu đựng nổi nữa Hoàng hậu bèn sai người đốn cây đến tận gốc với hy vọng sẽ lôi kéo tinh cảm nhà vua trở về. Nhưng cội Bồ Đề vẫn đâm chồi trở lại, vẫn mọc lên cành lá xanh tươi, vẫn phát triển lớn mạnh thành cây to. Cây còn bị đốn ngã mấy lần nữa, bởi những người khác đạo muốn triệt hạ Phật giáo, bởi giặc Hồi vào thế kỷ 16; mà rồi cây vẫn tái sinh, cây vẫn tồn tại đến ngày nay qua bao thăng trầm của Phật giáo. Trước khi rời khỏi cội Bồ Đề, tôi cúi nhe vào tay ông Từ mẫu Rubis, ông tặng lại tôi mấy miếng vỏ cây và 1 chiếc lá từ cây Bồ Đề này, mà này giờ tôi cũng cố ý chớ nhặt một chiếc lá rụng. Nhưng quá nhiều khách hành hương có cùng một ý nghĩ như tôi, nên không có một chiếc lá nào rơi xuống đất. Chỉ những người nào đây thật sớm mới mong lược được một vài chiếc lá rụng từ khuya đêm qua. Tôi còn cạo múc một chút đất dưới gốc cây rồi mới chịu theo phái đoàn đi qua sân hồng bên kia chùa, nơi vừa cần mấy bọc cấm thạch trên nền đá hoa trắng để đánh dấu các bước chân Phật sau khi đắc đạo. Nhìn các Phật Tử Tây Tạng nắm dài dưới đất dành lối, cả vị tu sĩ Mỹ mặc tăng phục Tây Tạng và một ni cô Anh mặc tăng phục Bhutan cũng mang theo những tấm ván lớn và các lễ cụ để dành lối như người Tây Tạng mà mình chợt bằng khoáng thẩm so sánh lòng sùng đạo của họ với những lúc mình chọn đất khô chỗ sạch để quỳ lạy! Nhìn qua bên hàng rào gạch trên một nền đá rộng cao, dăm đông các tăng sĩ Tây Tạng đang ngồi cử nhạc, tụng kinh, tán kệ cúng dường trước một bàn thờ hoa quả, và bên dưới những tầng cây bồ đề những cây bông giấy trang trí thêm những hàng cờ phướn đủ màu. Họ ngồi đây tụng niệm từ sáng đến chiều, ngày nào cũng vậy bất luận mưa hay nắng. Từng nhóm khách hành hương Âu Mỹ ngồi rải rác khắp vườn đối theo phương cách hành lễ man mác vẻ huyền bí của họ như bị thu hút bởi âm thanh kỳ diệu của phái Mật tông.

Mọi người còn đến chiêm hương dành lễ trước tượng Phật Quan Thế Âm Ấn (thần người Nam) chạm bên hông tượng chùa Bồ Đề, rồi mới đi viếng các Phật tích khác. Tôi đi vòng quanh Đại Tháp Bồ Đề, quan sát những gờ chỉ, những khám tượng hình khối, bánh xe chạm trổ tỉ mỉ để tìm hiểu đôi chút về kiến trúc Phật giáo Ấn Độ; sau đó mới theo phái đoàn đi qua ao sen để xem tượng Phật nhập định tuần thứ sáu. Vào một đêm mưa to bão lớn, Thái Tử Long Vương đã hiện hình Mãng Xà 9 đầu để che chở cho Đức Phật. Địa điểm Phật ngồi nay nằm giữa hồ đã được dựng tượng. Dù đang mùa đông mà sen vẫn còn nở trên đầm lá mọc chật mặt ao, như lúc vào thu ở Việt Nam. Một đám trẻ con Ấn đang lội xuống ao dùng vợt lưới vớt những con cá do khách thập phương vừa phóng sanh. Bấy giờ tôi mới hiểu ra nguồn cung cấp cho mấy anh bán cá phía

trước cổng Bồ Đề đạo tràng. Những Phật Tử có thiện tâm muốn mua cá phóng sanh vô tình đã tạo ra một vòng luẩn quẩn từ mấy anh bán cá đến mấy em vớt cá. Hễ có người mua tất có kẻ vớt, người bán. Chỉ tội cho mấy con cá nhỏ cứ bị bắt đi đem bán, rồi thả ra vớt lại. Càng ngày càng ngặt ngư chết dần chết mòn.

Ba mặt hồ là vườn hoa nhiệt và xích đới đủ loại hoa nở lớn. Những thân cây bông búp to bằng cườm chân. Mặt kia là dãy trụ lang nghinh phong với những bậc cấp dẫn xuống tận mặt nước hồ. Sau một vòng lễ bái, thăm viếng khu Bồ Đề đạo tràng, ai cũng muốn ngồi nghỉ chân ở đây để tránh nắng, hóng mát, ngắm hoa trên hồ. Riêng chúng tôi còn được xem tận mắt, sờ tận tay những cánh sen hồng mà 7 năm rồi chưa được thấy.

Kỳ sau sẽ kính mời quý vị đọc giả đi hành hương thập tự quanh vùng Bồ Đề đạo tràng.

vườn thơ viên giác

Nối Nhớ Niềm Thương Tùy Anh (Phụ trách một kỳ)

Xuân của đất trời đã trôi qua, Xuân trong lòng người cũng đã đi về hoài niệm. Cuối Xuân vào Hạ có những chuyển biến tự nhiên và tình cơ. Tự nhiên như thời gian đi về quá khứ mà không hề lưu lại những dấu chân quen. Tự nhiên như không gian chuyển mình kéo ta về một tương lai mù xa, ngút ngàn tiếc nhớ. Rồi một tình cơ nào đó, tin từ cố hương - không đợi mà đến - tin buồn. Nơi đây, chúng ta là những cánh chim di sống đời phiêu bạt. Ngoài những ưu tư về thân phận lạc loài, còn chịu nặng trong ta niềm thao thức không người về quê hương, dân tộc, thân bằng quyến thuộc... Một ngày nào - đã qua hay sẽ tới, ta đón nhận những bất hạnh từ quê cũ. Điều không mong mà vẫn tới, chuyện không chờ mà phải tiếp nhận - hung tin. Dĩ nhiên trong ta, chẳng ai chuẩn bị mà chỉ lượng ước - một ngày tin buồn phủ xuống đời ta. Cam đành. Chịu đựng. Dù rằng, chết là giải thoát - giải

thoát khỏi "thiên đàng Cộng Sản", nhưng niềm đau và nỗi ân hận vẫn còn chiu nặng bởi ta không được vượt mắt, cận kề bên người quá cố. Thế rồi niềm đau - đôn - thương - tiếc tốt cùng phủ xuống đầu xuân. Thân mẫu của Người Làm Vườn đã côi hạc quý tiên. Mùa xuân, nước mắt. Tiếng khóc, lời kính nguyện cầu. Vành khăn số, xót xa hiểu đạo :

...Bàng hoàng mưa bụi sa bay
Đầy với nước mắt phương này lẻ loi
Khăn số chít trọn mối rỗi,
Mà sao hiểu đạo còn trôi lũng lờ.
(Tùy Anh - Tiếc thương)

Khói hương phiêu bạc, hư mộng rã rời. Sống gửi, thác về. Đời thật vô thường, nhưng niềm tiếc thương và nỗi ưu phiền của tháng năm tựa như vẫn đôn dập chất chồng :

Mơ màng khói quyển hương bay
Phiêu lưu hư mộng về lay gọi hồn
Rã rời ý hoại tâm đơn
Hoang mê kết tụ còn buồn tháng năm...
(Tùy Anh - Khi Xuân trở về)

Vòng hoa tưởng niệm. Lời phân ưu chân tình. Thời gian mong rằng sẽ chóng làm phai pha niềm xót đau, tiếc hận. Bên cạnh niềm khổ đau là mối lo âu bận rộn, bởi Người Làm Vườn cùng thời gian này đang chuẩn bị khai phá, chằm bón cho đời sống của mình một "Vườn Thực Phẩm". Mừng anh! Buồn, vui... đừng là còn nặng nợ thất tình! Những người cùng địa

phương với anh, chắc hẳn đã hơn một lần ghé thăm "Vườn hoa muôn sắc Á Đông". Những người bạn xa, nếu một ngày đẹp trời nào đó, đến Hamburg, xin đừng quên ghé thăm "SAIGON-ASIAHAUS" - Bargsbüttler Str.12 chắc cũng sẽ hài lòng về "vườn hoa muôn hồng nghìn tia". Khu "Vườn Thơ Viên Giác" từ những lý do bất thường rất dễ thông cảm đó, đã bỏ phê một kỳ chẳng ai săn sóc. Tuy nhiên Người Làm Vườn sẽ trở lại với đóc giá. Anh không "bỏ vườn"-bỏ cây đã đâm chồi, hoa đã trở nu. Anh cũng không thể "bỏ quên" những hương sắc do những Thi hữu từ mùa phương gửi về. Vui thú điển viên, xem hoa thường nguyệt là sở thích của anh. Chăm sóc, trồng tỉa - "nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"- là nghệ của chàng! Anh cũng không thể phụ lòng mến mộ của đóc giá và tưởng như có trách nhiệm trong vấn đề chăm bón cho Vườn Thơ ngày càng khôi sắc thêm hương...

Đất vườn kỳ này sẽ gieo những hoa thơm cò lạ của các Thi hữu: Báo Vân, Bích Tiên, Đỗ Cao, Huỳnh Dung, Đan Hà, Phan Công Thành, Phương Hà, Tâm Hoan, Thanh Bình, Thanh Nguyên, Tùy Anh qua những sáng tác đã gửi cho "Vườn Thơ Viên Giác" từ đó sang Xuân.

Vườn Thơ vốn kết hợp muôn hoa, muôn màu, muôn vẻ. Sắc hương vốn có khác nhau nhưng đều được trân quý cả. Chủ đề chỉ mang một khái niệm tổng thể qua những xúc cảm, những cung điệu, âm bậc của tiếng thơ. Tiếng thơ gọi từ những cảm hứng tự nhiên, từ niềm vui, từ ước vọng, từ nỗi buồn, từ nỗi thiết tha gọi nhớ. Tiếng thơ như tờ trời, như mây bâng bạc, như gió xua cành, như sóng mắt hồ chao động. Tiếng thơ dồn dập như mưa sa, như tuyết đổ, như cung đàn đối nhịp. Tiếng thơ dưng mảnh như trứng thóc quân, như thác đổ xuống gềnh, như sóng trong mùa biển động. Tiếng thơ lan từ chiều rộng, thắm vào chiều sâu, bay cao vút lên không gian vọt. Thơ không cưỡng buộc, không theo thị hiếu. Thơ đến từ lòng ta, thơ phát xuất từ tâm hồn ta để rơi thơ thắm nhập vào lòng người, vào hồn người. Thơ là hồn tinh. Thơ là gói gắm. Thơ là tâm sự giữa ta với người. Thơ là tất cả nỗi lòng... Nên chủ đề lần này xin được ghi là "NƠI NHỚ NIỀM THƯỜNG". Những đoạn thơ được trang điểm cho Vườn Thơ cũng được trích dẫn tự nhiên theo tâm tình của người điển đạt.

Vậy xin mời quý vị đi vào Vườn Thơ với "NƠI NHỚ NIỀM THƯỜNG". Nhớ thương - thương nhớ và nhớ rất nhiều. Nhớ thương tha thiết, nhớ tiếc bởi hơi, nhớ tiếc không nguôi, nhớ thương ngậm ngùi, thương hoài nhớ mãi, nhớ vô cùng tận... Nhớ như quý cụ ngày nào đã ví von, nhớ đến mê mẩn không cưỡng lại được:

*Nhớ ai như nhớ thuốc lào,
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên.*

Nhớ như trai tài gái sắc, chỉ một lần gặp gỡ đã thấy lòng lưu luyến, ôm ở tò tinh trong buổi chia tay:

*Người về có nhớ ta chăng,
Ta về ta nhớ hàm răng người cười.*

Nhớ thương chua xót ngậm ngùi. Tiếc thương đau xót đắng cay. Từ nào có thể diễn đạt nổi cảnh "tử biệt sinh ly" bi thương thống thiết khi nhà thơ Phương Hà được tin 2 cháu Trâm Nhi tuần nạn! Chính anh cũng chưa dám tin đến đều kinh hoàng cực kỳ đau đớn đó:

*Không!
Tôi không tin
Tôi không tin có điều kinh khiếp*

*Không!
Tôi chưa tin
Tôi chưa tin có điều cực kỳ đau*



*Không!
Tôi khó tin
Tôi khó tin có điều phi lý đó*

*Hai con chim nhỏ
Giờ bay nơi đâu
Để thương, để nhớ, để sầu
Để đau buồn khoét rộng mắt sâu
Nát tim người ở lại
Hai con chim nhỏ
Giờ đậu nơi đâu?
Ngoài trời mưa nặng đổ mau
(Phương Hà - Hai con chim nhỏ bay rớt)*

Chao ôi đêm đầu tử biệt, chua xót vô vàn. Chân thành chia buồn cùng anh!

Nhớ thương tiếc hận thương theo nhau. Chỉ những gì đã qua, đã mất, đã ngoài tầm tay với mới gọi nhớ gọi thương. Phương phi chúng ta là kiếp lưu dân, quê hương thân yêu dù vẫn còn đó nhưng lại nghìn trùng cách biệt. Bầy giờ, dù gót chân phiêu lãng nơi nào; dù cuộc đời có thành công hiển đạt; dù phong sắc xứ người có thanh lịch đến chừng nào cũng chỉ là những thành tố gọi nhắc ta nhớ về quê cũ. Nhớ xóm cũ làng xưa, nhớ phố thị, nhớ vùng ven đó. Nhớ đến Cầu Ông Lãnh tập nập thuyền buôn, nhớ đến Thôn Vườn trâu Bà Diêm lấm kè đến thăm. Nhất là trong dịp xuân về - xuân gọi nỗi tiếc những ngày đầm ấm hạnh

phúc gia đình; xuân gọi những phiến muộn thao thức khó quên của kiếp thân tâm gửi, gọi những buổi giá của những người lưu lạc tha phương. Xuân gọi nhớ:

*...Nhớ Cầu Ông Lãnh, ghé hàng đến
Nhớ thôn Bà Diêm, kè lại qua
Nhớ xưa đầm ấm, xuân mong ước
Nay Tết âm thầm, tuyết với ta.
(Thanh Bình - Xuân nhớ nhà)*

Mỗi Thi hữu có một khung trời quê hương để nhớ để thương - khung trời đó vương mang kỷ niệm của một thời, một đời. Thi hữu Tâm Hoan lại bằng khung ngậm ngùi thương nhớ về thành phố biển Nha Trang - vùng thùy dương cát trắng:

*...
Thương về nơi quê cũ
Bâng khuâng mắt mơ màng
Lòng ngậm ngùi thương nhớ
Nha Trang ơi, Nha Trang!
(Tâm Hoan - Nhớ quê nhà)*

Bởi vì, với ta, tháng 4-1975 là một cuộc đời do cơn hồng thủy, một loài quý dữ ngự trị quê hương. Mây mù vẩn vù. Niết Bàn khép lối, Địa Ngục mở đường. Lũ Nga quỷ đem nhốt anh em, bạn bè, đồng đội chúng ta vào những trại tù cái tạo tập trung. Tử hờ, nhục nhằn. Ngày tan quân, anh em ta trở nên tù tội. Không có ai ở lại để chịu tù đầy là người bại trận cả! Không có ai ở lại để chịu tù đầy ải là người chiến bại cả! Không có ai ở lại để sống với "thiên đảng Việt Cộng" là người bỏ cuộc cả! Họ là những người xứng đáng để vinh danh! Dù rằng họ bị dày dọạ:

*...
Lặn hồ, cào phân, dẫn tù nhục
Lướt rừng, chặt nứa, chịu gian truân
Cầm hơi chặt ngắt mở hồn nước
Đói rét triển miên mất tuổi xuân...
(Báo Vân - Tặng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị VN)*

Họ phải sống, cố sống, chịu nhục để sống để chờ thời cơ đào thoát đấu tranh hoàn thành tâm nguyện quang phục quê hương:

*Vượt thoát, đấu tranh thể bất khuất
Làm sao tận diệt lũ vô thân
(Báo Vân - Tặng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị VN)*

Dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, người dân chỉ có quyền tự do đó - tự do chết đói. Đối với các thầy giáo-trước đây được xếp vào giai cấp trí thức đứng hàng đầu - Sĩ, Nông, Công, Thương - nay cũng được ném mui "lao động là vinh quang", ngày làm thầy - rao giảng chữ nghĩa Thánh hiền, đêm làm thợ - khuôn vác tại nhà ga! Chẳng riêng gì thầy giáo mà hầu hết dân chúng muốn "đào mồ" bác đây để hỏi cho biết phải chịu đựng gian khổ đến lúc nào mới hóa thành kiếp ma:

*...
Ngày giảng văn chương trong lớp học*

*Đêm về khuôn vách tại nhà ga
Nghe lời bác dạy còn gian khổ
Hân đến chừng nào hóa kiếp ma ?
(Phan Công Thành - Thăm Giáo Cấp 3)*

Bồi chính quyền Hà Nội quý quái gian manh "quản lý" bao tử của con người, nên nhân dân sức tàn lực tận :

...
*Hết chỗ nói rồi cam phân chịu
Đói lòng chỉ mấy cũng làm ngơ.
(Phan Công Thành - Hết xí quách)*

Nếu trong cuộc đời có may mắn và rủi ro thì chúng ta là những người còn có may mắn hơn những người ở lại. Ngược lại niềm ưu tư khắc khoải, lòng hoài thương luôn chiu nặng trong tâm hồn chúng ta. Nói nhớ thương cũng tràn ngập trong lòng. Thi Hữu Huỳnh Dung, rời quê hương đã 21 năm - có lẽ thành công hơn về bộ môn Văn qua một số tác phẩm đã ấn hành, cũng đã nhớ đến người tình "rất lạ" - đó là "mảnh giang sơn chữ S nằm bên bờ Đại Dương, đã 14 năm chịu đói khổ đau thương". Dù rằng "chia tay không hẳn là vĩnh biệt" ta vẫn còn có cơ hội "dừng lại màu cờ, dành lại giang sơn". Xin hãy nghe những lời kể lễ thiết tha :

...
*Rời tháng Tư, năm Bảy mươi lăm-
năm tại biển
Giặc Cộng tràn về gieo rắc đau
thương
Chàng quân quai trong ngục tù đói
khờ*

*Mười bốn năm chịu cực hình máu đổ
Tấm thân gãy thêm tan nát, xác xơ
Đầu Nam Quan đến cuối gót Cà Mau,
Hình hài vàng vó, sức tàn hơi
kiệt...*

...
*Và em nguyện làm người tình van
kiếp
Đời đời thương nhớ yêu dấu Việt
Nam !
(Huỳnh Dung - Tình Tự - cùng người
tình Việt Nam)*

Nhớ đến người tình thật tự nhiên như một chiều mùa thu bảng khuâng nhìn lá vàng bay trong công viên thật vắng, nhớ về khu phố cũ nào đó đã in hằn dấu chân quen trên

quảng đường đến nhà người yêu. Hàng cây hắt vẫn còn xanh đã một thời làm chứng nhân cho một cuộc tình. Bây giờ chỉ còn người cũ, tình xưa:

*Trên công viên xứ lạ
ngâm ngùi nhìn lá vàng bay
Buổi chiều
nắng hạ
gió heo may
Bâng bạc niềm thương, ngập ngừng
nổi nhớ*

*Con phố nhỏ
đầu chân quen
người cũ,
Hàng cây xanh
lời hẹn ước
tình xưa.
(Tùy Anh - Con nắng hạ)*

Để rồi tưởng rằng, người yêu cũng ngồi ở công viên cũ- nơi hai người vẫn thường hẹn hò, đêm lá vàng bay để tình thời gian ly biệt. Và nơi này, người tình thù chung cũng nhất những lá thu vàng để ừ ập nỗi nhớ niềm thương :

*Em ngồi đếm lá vàng bay
Trong công viên cũ tình ngày hợp
tan,
Anh đi nhặt lá thu vàng
Trong hoang liêu đợi điều tàn đáng
xưa.
(Tùy Anh - Nhớ)*

Để rồi khi tỉnh mộng mới biết rằng kẻ chân trời người góc biển và cuộc đời phong trần biết đến bao giờ mới hết điều linh để có ngày hội ngộ :

...
*Dòng đời muốn nẻo ngược xuôi,
Người chân mây, kẻ cuối trời gần
ngơ.
...
Phong trần gột hết điều linh,
Thắm vấn tao ngộ, dươm tình nước
non.
(Đỗ Cao - Thắm vấn tao ngộ)*

Ngày chung hợp vẫn còn mịt mù mà thời gian đã nhuộm trắng tóc, râu. Thế thôi, có thương nhớ nhau chỉ cũng chỉ có thể viết những dòng thư tâm tình :

...
*Phong trần muốn đậm lạc chân,
Sống dài, biển rộng cách ngăn nhịp
câu...*

...
*Tháng năm nhuộm trắng hàm râu
Tóc xanh cũng bạc với màu thời
gian
Giờ đây hạc nổi mây ngàn
Nhớ nhau chỉ có mấy hàng đó thôi.
(Đỗ Cao - Gửi vấn tri kỷ)*

Cùng với tâm trạng xa quê hương, tuổi đã về chiều, nhớ những ngày xưa thật đắm đắm hạnh phúc, nay cảm thấy bơ vơ thân thể, xa lạ trên xứ người; lắm lúc tưởng mình trong giấc chiêm bao :

...
*Xa quê trăm nỗi nghen ngào,
Bơ vơ chân bước, gãy hao thân mình
Bốn phương mây nước vô tình
Ngân ngơ còn lại cái hình phù du
Lang thang muốn nẻo sông hồ,
Ngày nào êm ấm, bây giờ lạ xa...
(Thanh Nguyên - Một kiếp không nhà)*

Để rồi một mình ngồi đối bóng trong đêm dài quanh hiu, đêm lòng son sắt tui hận vào thơ để gửi gắm tâm tình :

*Xa nước lòng tan tác,
Rời quê hồn ngẩn ngơ,
Canh trường ngồi đối bóng,
Đậm liêu tui chán đờ.
Đâu nữa hồn non nước
Phong trần dải nắng mưa.
Vùi chôn niềm tui hận,
Son sắt gửi vào thơ.*

Thế nhưng cuộc đời không vẫn mãi u trầm bởi một hồi chuông nào đó, buổi chiều, trên lưng trời bằng bạc mây trôi. Trăm nhớ nghìn thương chợt một lần thoáng qua và biến mất trong trầm mặc của khu vườn vô ưu:

*Tiếng chuông đờ giọng ngân chiều,
Nắng vàng le lối gió hiu hiu sầu
Bầy chim cất cánh về đâu
Áng mây bàng bạc trên đầu ngọn
sương
Và ta trăm nhớ nghìn thương
Tựa lưng ngồi nghỉ bên vườn vô ưu.
(Đan Hà - Bên vườn vô ưu)*

Có người lại quan niệm rằng một hồi chuông chưa đủ làm tỉnh thức những hoang mê, bởi đời vẫn còn những sân hận, những niềm vui, những mê say, những lạc thú cuốn hút ta trầm luân vào bể khổ :

...
*Trời vẫn sáng, biển vẫn xanh
bất tận
Đời vẫn vui đâu biết cuộc vô thường
Mê vấn mê, tình vẫn đầy sân hận
Tình lòng người chưa thức một hồi
chuông.
(Bích Tiên - Hồi chuông)*

Nhưng đối với những người có căn tu, chuyên tâm tri niệm trong những buổi công phu tụng niệm, thì hồi chuông tiếng mõ là thuyết Từ đưa họ ra khỏi bến mê, bể ái để có thể sớm về đến bến bờ giác ngộ :

...
*Tiếng chuông cánh tình rên muôn
hương
Hồi mõ công phu vọng bốn phương
Bến mê, bể ái, rên thính sắc
Bờ giác, thuyết Từ, tỏa ngát hương.
(Thanh Bình - Tiếng chuông chùa)*

Trời hắt đã vào đêm., mùa hạ gió mát trắng thanh. Ngoài vườn hắt hoa đã nở, phảng phất hương thơm. Xin tất những ngọn đèn chói chang để tìm thấy một ngày vắng và ưu phiền đã qua - một ngày như mọi ngày trên cuộc đời ly xứ. Xin thấp một ngọn nến, ánh sáng lung linh trong đêm trường thanh vắng. Lòng ta sẽ thấy thanh thoát trong mệnh mong vô tận của trời đêm. Tâm hồn ta sẽ hòa điệu trong hương hoa dịu ngọt, để thấy cuộc đời còn có lẽ sống, còn có tương lai. Xin một thoáng xuất trần để tìm về lạc thú tạo nhân : vọng nguyệt ngâm thơ - những vần thơ gửi gắm "NỖI NHỚ NIỀM THƯƠNG"...

(tháng 6-89)

■ Thi hữu THANH BÌNH: Thi Chơn Ngô Ngọc Diệp là Ông chữ không phải là Bà. "Thi" này không phải là biểu tượng của phái nữ mà là chữ đầu của Pháp danh đệ tử của TT. Thích Như Điển. Vì có nhiều người hiểu lầm "Thi" này là đàn bà con gái, nên TT. Thích Như Điển mới đổi lại là "Thiền" cho những đệ tử mới quy y với Thầy sau này.

■ Thi hữu PHƯƠNG CHÂN/Braunschweig Về bộ môn Thơ, Báo Viên Giác thực tình chưa có đủ điều kiện tài chính để trả tiền nhuận bút tương trưng. Dù sao cũng xin cảm ơn hào tâm của Thi hữu đã có ý ủng hộ vào quỹ xây Chùa VG.

Lời tòa soạn: Trong chiều hướng phát huy văn hóa của Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại CHLB Đức, báo Viên Giác sẽ chọn đăng những sáng tác văn nghệ (truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, tạp ghi,...) có nội dung lành mạnh hướng về Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Pháp của quý độc giả bốn phương.

Bài gửi về báo Viên Giác- tối đa 4 trang đánh máy hoặc 8 trang viết tay- ngoài bút hiệu, xin quý vị ghi rõ họ tên, địa chỉ và đề mục "SÁNG TÁC MỚI CÓ TIỀN NHUẬN BÚT" để Tòa Soạn gửi tiền nhuận bút khuyến khích là 50,-Đức Mã khi bài được chọn đăng.

DỨT KHOÁT

Trần Thị Thừa Thiên

LTS: "Tình chỉ đẹp khi còn đang dở", nhưng đời chẳng vui chỉ khi chưa trọn hương nguyên. Bởi trong ta còn đeo đẳng những kỷ niệm đau thương, những hình ảnh kinh hoàng của một chủ nghĩa đưa dân tộc đi đến tận cùng hố sâu tăm tối. Tình yêu có khi là những vớ vẩn ngọt, có khi là những trái đắng ưu phiền. Cuộc tình vốn không êm đềm như nước xuôi dòng, bởi những oan khiên ngang trái vẫn là những nghiệp duyên để chúng ta chọn lựa một thái độ...

Viên Giác xin giới thiệu đến quý độc giả, cây bút mới Trần Thị Thừa Thiên qua sáng tác "Dứt Khoát".

Viên Giác

Hoài mở mắt khi trời còn sẫm sẫm tối. Nhìn đồng hồ, chỉ mới 6 giờ. Đối với mùa đông ở xứ này đến 6 giờ mà ông mặt trời vẫn còn ngủ kỹ. Hoài vươn vai ngáp và chưa vội bước xuống giường vì cô vừa trải qua một giấc mơ tuyệt đẹp. Năm 10 mơ trên giường, cô mỉm cười hồi tưởng đến giấc mơ vừa qua. Đối với cô, đó là giấc mơ đẹp nhất vì trong đó có Hoàng. Hoàng xuất hiện thật bất ngờ và đĩnh đạc

bước vào đời sống của Hoài. Một đời sống mà dưới mắt mọi người là khép kín, là trầm lặng. Mà đời sống thực trong lòng Hoài là su cô đơn, an phận, lặng lẽ. Đến bây giờ mà lần gặp gỡ Hoàng đầu tiên vẫn còn in đậm nét trong trí nhớ của Hoài từng chi tiết nhỏ nhặt, tưởng chừng như mới gặp hôm qua...

Đang cầm củ ghi tên bệnh nhân, bệnh trang, quá trình diễn biến bệnh và tên thuốc đang dùng cho bệnh nhân vào hồ sơ bệnh án, chợt có tiếng gõ cửa mạnh. Hoài vẫn chăm chỉ làm việc, vẫn không ngừng đầu lên có cất tiếng Đức: "Mời vào!" Sau đó vẫn chăm chú theo nhịp chạy của cây bút đều đều trên mặt giấy trắng cứng, có nghe giọng người mới đến chào bằng tiếng Đức: "Chào Chi!", Hoài mới ngừng lên và thấy trước mặt mình một thanh niên Á Châu. Anh ta tiến đến bên cô và hỏi:

- Chi có thể cho tôi biết, giáo sư Schneider ở đâu vậy? Tôi muốn trình bày vài chuyện với giáo sư!

Vấn trả lời bằng tiếng Đức, Hoài đáp:

- Giáo sư Schneider hiện đang bận làm việc trong phòng giải phẫu B. Có lẽ đến 11 giờ trưa mới xong. Anh có việc gì cần gấp thì viết vào sổ này và cho số telephone chút nữa tôi sẽ gọi lại. Có thể anh phải chờ hơi lâu!

- Không sao, tôi có thể đợi ông ta đến khi xong việc.

Nói đoạn, anh ta ngồi vào chiếc ghế gần cửa sổ. Hoài cúi đầu tiếp tục công việc đang dở của mình, chợt nghe anh ta hỏi:

- Chi làm việc đây lâu chưa?
Hoài ngược lên và gặp anh ta đang tiến gần bàn làm việc cô

đang ngồi và mắt chăm chú nhìn đồng kẹp sách chất cao đúng hồ sơ tên họ từng bệnh nhân. Cô buống tay đáp:

- 6 năm rồi!

Và bây giờ có mới chú ý đến nét mặt của anh. Anh ta còn rất trẻ khoảng chừng 30, 32 tuổi trong chiếc áo sơ mi đơn giản sọc xanh và chiếc quần jean xanh đậm càng làm tăng dáng "Jugendlich"! Mái tóc cắt ngắn và chiếc trán cao làm Hoài thấy anh ta có vẻ không giống những người Đại Hàn Nhật Bản hay Phi Luật Tân đến Abteilung này học thêm về chuyên ngành. Dám anh ta là người Việt Nam lắm à. Vì từ trước đến giờ chưa có ai là người VN đến đây học cả. Máu tò mò hơi thúc Hoài hỏi về "nguồn gốc dân tộc" của anh ta. Có đánh bạo hỏi bằng tiếng Đức:

- Anh từ đâu đến vậy?

- Tôi từ Việt Nam đến!

Hoài mỉm cười và đổi qua tiếng Việt Nam:

- Vậy hả!

Anh ta tươi ngay nét mặt và mừng rỡ "đổi tông" qua tiếng Việt Nam theo!

- Trời ơi, hồi này gặp chi tui cùng ngõ ngợ, nhưng cứ tưởng là người Phi Luật Tân vì ở bệnh viện tui làm có mấy cô người Phi. Ai nè cũng là người "minh" cả!

- Anh tới đây gặp ông Schneider có chuyện gì vậy?

- A, nguyên tôi làm việc dưới Aachen. Nhưng bệnh viện lại gọi tui lên đây học thêm về Endos copy Chirurgie trong 9 tháng do đó tui mới "mò" lên đây "tìm thấy học đạo" đó! Mà chi tên là gì vậy? Thấy anh ta tự nhiên cười mở, Hoài vui vẻ bắt chuyện:

- Tui là Hoài, còn...

- Tui là Hoàng, qua đây có một mình à, ở đây làm việc có nhiều người Việt mình không chi?

Vui Đời Thanh Bạch

1. Giữa cảnh trời mây, mái lá nghèo
Hoa vàng, lá biếc mấy chùm leo.
Gửi vãn tâm sự vào mây nước
Bao nỗi ưu tư gió thổi vào
2. Danh lợi mặc cho gió thoảng vào,
Mặc người lẩn lướt, mặc ai leo.
Sắt son phó thác vùng trăng bạc,
THANH ĐẠM ta phó cái chữ NGHEÒ.
3. Thanh bạch ta vui cái cảnh nghèo
Bờ đời họa, phúc lăm treo leo.
Cảnh già thù phận bên con cháu,
Phú quý như ai cũng thoảng vào...

Thanh Nguyên



- Có cả thảy 9 người Việt - 1 ông bác sĩ và 8 cô làm y tá. - Chà, đông dữ há, chà bù ở Aachen chỉ có một mình tui làm trong bệnh viện thôi!

Sau cuộc trò chuyện "làm quen", Hoàng vui vẻ nhớ Hoài chỉ dùm chỗ ăn trưa trong bệnh viện và nhân tiện mời cô đi ăn luôn để ...nói chuyện Việt Nam cho vui! Hoài cảm thấy một chút sung sướng lên nhe vào hồn, vì đây là lần đầu tiên, từ ngày qua Đức Hoài được 1 người con trai Việt Nam mới cùng đi ăn - Không kể những lần trong Abteilung mọi người cùng tổ chức liên hoan cuối năm, hay những lần ông giáo sư già người Đức mời toàn bộ nhân viên trong khoa đi ăn thì ngoài ra chưa có ai mời Hoài đi ăn "riêng lẻ" cả - Hoài hiểu vẫn để đó là điều dĩ nhiên vì cô là một cô gái lưỡng tuổi không nhan sắc. Năm nay Hoài đã 30, vóc hình nhỏ nhắn thấp bé chứ không cao ráo tươi khỏe như những cô bạn Việt khác; còn so với Đức thì "sehr klein" như nhiều người vẫn nói. Da mặt đen sạm và lăm tăm mụn đỏ, dù qua xứ lạnh đã lâu mà không làm Hoài trắng thêm và ngay giữa trung tâm khuôn mặt "xuất hiện" một chiếc mũi "đổ số" sừng sững án ngữ khuôn mặt và trên đó cặp mắt một mí lơ lơ ánh lên vẻ buồn nản! Nhiều tên Việt Nam ở tỉnh cô đã ví von: "Mặt bà Hoài

âm đậm giống như mùa đông với những cơn mưa dầm! Bà tên Hoài nên số kiếp sẽ cho bà "ở vậy" hoài! "Đối với cô nụ cười cũng như những tia nắng hiu hắt trong mùa đông; nhưng nụ cười đó cũng không được rạng rỡ vì nó được tạo nên bởi một đôi môi đầy thô, đen tím. Biết mình không được trời phú cho một khuôn mặt để coi nên Hoài tự co cụm mình vào trong vỏ cảm lạnh an phận, tự ti mặc cảm. Đối với cô nguồn vui bây giờ là mỗi ngày đi làm về nhận được thư gia đình và mua quà gửi về cho gia đình. Cuộc sống lặng lẽ trôi qua như mặt hồ Alster sương phủ mà mỗi sáng khi ngồi trên chiếc S-Bahn, Hoài thường nhìn - không vui mà cũng không buồn chỉ có công việc để khóa lấp bớt thời gian trống trải hiu quanh trong hồn cô. Có một vài lần Mai - 1 cô bạn gái cùng làm Krankenschwester trong Abteilung của

cô - rủ Hoài đi Disco: "Chỉ cứ đi, đi ra ngoài cho nó... sáng khoái chứ ở nhà ru rú hoài làm gì cho tù túng, thử 1 lần là "mê" như em liền hà!" Hoài cũng nể tình Mai, nhưng khi đến nơi Hoài chỉ thấy xa lạ, trống trải giữa đám thanh niên ăn mặc thời trang, say sưa mê mải trong nhịp điệu cuồng loạn và ánh đèn quay cuồng thay đổi màu sắc. Trong Discothek thường làm Hoài chóng mặt - nên cô chỉ ngồi uống nước xem Mai nhảy. Sau đó Mai còn dẫn Hoài đi dự những buổi liên hoan văn nghệ, đa vũ do người Việt tổ chức. Đến những nơi đó, Mai quen hầu hết mọi người. Có vài tốp thanh niên gặp Mai là đùa "nữ hoàng Disco tới! Mai cười và giới thiệu với Hoài: "Xin giới thiệu chị Hoài, đây là Tuấn, Hải, Minh, Dũng, Sơn, v.v.. toàn những tay "thượng đẳng" trong ban Văn Nghệ cả đó! Còn đây là chị Hoài, bạn cùng sở, có ông nào "galant" chịu khó dạy chị Hoài "tanzen" đi, chứ chị của Mai còn...yếu lăm!" Hoài rút rề tiếp xúc với họ. Và qua một vài dịp nói chuyện, cô cảm thấy, nên rút về căn phòng nhỏ của mình thì hơn, vì ở đây cô hoàn toàn thấy xa lạ, ngưỡng ngiêu và tự ti mặc cảm dâng cao. Sau đó, cũng chẳng có một người con trai nào quan tâm và muốn kết bạn với Hoài cả. Vậy là Hoài vẫn tiếp tục cuộc sống "thầy tu" (như mọi người thường nói với nhau) khép kín của cô. Thứ hai đến thứ sáu đi làm, thứ bảy chủ nhật hết đọc sách báo rồi lại ngủ. Vậy mà bây giờ cuộc sống buồn lặng của cô bị xáo trộn vì Hoàng xuất hiện. Sau lần đầu tiên mời Hoài đi ăn trưa, như thành thông lệ trưa nào Hoàng cũng đợi Hoài đi ăn chung với mình. Rồi những lần trực đêm, những khi cùng mệt rã rời sau những trường hợp bệnh hiểm nghèo hay lúc Hoàng đang chăm chú tập trung dứt ống mềm vào một bệnh nhân, Hoài đều đứng bên anh thân trong chon để đưa anh từng cây kim hay điều chỉnh nút trên chiếc máy Endoscope theo lời đề nghị của anh. Ngày qua tháng lại, công việc cuốn hút hai người và làm cho họ gần gũi nhau hơn. Những thao tác hay những điều Hoàng cần làm khi chẩn đoán bệnh Hoài đều hiểu ngay ra không cần phải nói, qua một cử chỉ gạt hay lắc của Hoàng. Trong Abteilung của Hoài, ngoài Hoài ra còn có 3 cô y tá người Việt khác là Mai, Dũng, Thủy. Họ đều trong độ tuổi rất trẻ từ 21 đến 24, lai tươi tắn, xinh xắn và duyên dáng. Các cô gái đang độ tuổi trẻ trung nên

đều mơ ước một mẫu bạn trai "lý tưởng" và cả 3 cô đều tìm ở Hoàng những "ưu điểm" trong mẫu người của họ. Đó là nghề nghiệp bảo đảm, vóc dáng "sạch sẽ", cử chỉ "lễ phép", lịch sự. Thế là Hoàng làm cho các cô bị xao động và họ tìm dịp để bắt Hoàng phải chú ý đến họ. Nhưng đối với các cuộc "tấn công" của 3 cô gái trẻ, Hoàng đều cười cười và tìm đủ mọi lý do để "né", khi thì bận trực, khi thì có bạn phone hẹn gặp để tránh. Ban đầu họ tưởng vì công việc nên Hoàng và Hoài mới phải gần gũi nhau, nhưng dần dần họ nhận ra Hoàng chỉ muốn kết thân với Hoài thôi.

Thấm thoát mà thời gian học thêm về chuyên môn của Hoàng ở bệnh viện Đại học H. chấm dứt. Một tối trước khi về lại Aachen, Hoàng đã mời Hoài đi ăn và anh chậm rãi nói :

- Ngày mai anh sẽ về lại Aachen làm việc tiếp - Vì vậy trước khi đi, anh muốn có chuyện quan trọng cần nói với Hoài...

Từ lúc gặp Hoài anh đã tìm thấy ở Hoài nhiều đức tính mà tất cả những cô gái anh quen đều không đạt được - Đó là lòng vị tha, bao dung, thành thật, đoan trang và dịu dàng. Lúc gặp Hoài anh vẫn thương ước mơ là sau những giờ làm việc căng thẳng, mệt nhọc, lúc mở cửa cái Wohnung của mình, thay vì đèn đuốc tối om, căn phòng vắng vẻ yên tĩnh thì anh sẽ thấy có một người đang ngồi chờ anh, ra cửa đón anh với nụ cười dịu dàng, và lòng anh sẽ thấy ấm áp, yên ổn, bao nhiêu mệt nhọc sẽ tiêu tan hết, khi được sống suốt đời với một người có những đức tính trên - Và người đó chính là Hoài, người mà anh mong sẽ gặp được và anh đã gặp được. Hoài nghĩ như thế nào?

Hoài cảm động không biết nói gì với Hoàng, chỉ có ánh mắt cô là nói thay thế cả tấm lòng của cô đối với Hoàng thôi, Hoàng sung sướng nói tiếp :

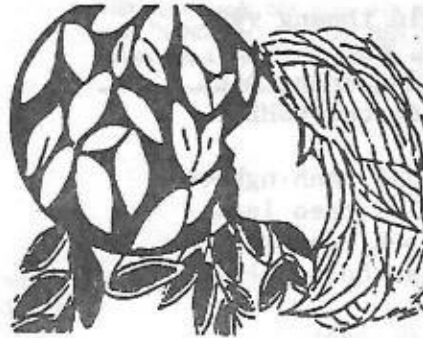
■ Bác Tâm Hoan /Paris:

Thật cảm động khi đọc bài "Khóc Mẹ" của bác. Sẽ cho đăng trong VG số tháng 8/89 nhân chủ đề Vu Lan Báo Hiếu. Thành thật cảm ơn bác đã có lời hỏi thăm. Kính chúc bác thân tâm thường an lạc. Kính (PV)

■ Cô Trần Thị Thừa Thiên /Hamburg

"Đứt Khoát" đã cho "đi" trong số này. Tiễn nhậm bút tương trưng 50DM sẽ do Tòa soạn chuyển tới theo địa chỉ của cô. Mong những sáng tác mới. Thân (PV).

- Anh về Aachen làm việc tiếp, trong khi đó Hoài ráng xin nghỉ làm ở đây nhé. Sau đó anh sẽ trở lại đón Hoài về chỗ của chúng ta ở Aachen. Minh sẽ làm đám cưới tại đó, có mời đồng đủ các giáo sư, bạn đồng nghiệp và các bạn trong "Hội" của anh nữa. Anh em trong "Hội" chắc mừng lắm vì anh chấm dứt cuộc sống "mơ cõi" của mình đúng lúc...



- Uả, "Hội" của anh là hội nào vậy ?

- A, đã yêu nhau anh không đâu Hoài làm gì, Hội của anh là "Hội Việt Kiều yêu nước" đó mà - Khi yêu nhau anh cũng muốn chúng ta cùng "lý tưởng", do đó Hoài cũng sẽ "gia nhập" Hội với anh luôn nhé. Hội của anh toàn là những anh em "trí thức", thời trước 1975 hoạt động chống "bọn Mỹ Ngụy" dưới sự lãnh đạo của "Đảng" !!!...

- Không, Hoài không thể nào tham dự cái Hội của anh được đâu, vì lý tưởng của Hoài là...

- Hoài là đàn bà con gái thì không nên tham gia làm chính trị, nhưng việc tham dự "Hội Việt Kiều yêu nước" của anh cũng rất đơn giản thôi, chỉ cần Hoài làm 1 đơn xin gia nhập, sau đó mỗi lần có họp thì đi họp với anh, nghĩa là anh đi đâu thì Hoài theo đó, không có chuyện gì "quan trọng" hay "nguy hiểm" gì đâu. Nếu có "chỉ thị" gì ở trên giao, do Đảng và Nhà nước "đề ra", thì mình "chấp hành" theo đúng "chủ trương, chính sách" thôi, chứ...

Hoài ngắt lời Hoàng lúc Hoàng đang "thao thao bất tuyệt" về cái "Hội Việt Kiều yêu nước" của anh, cô nghiêm mặt nói :

- Hoài đã nói là Hoài không thể tham gia cái "Hội" của anh được, và Hoài cũng xin khuyên anh 1 điều dù Hoài không có quyền "khuyên nhủ" anh - nhưng Hoài xin anh chấm dứt hoạt động trong cái "Hội" của anh, vì đó thực chất là 1 tổ chức làm tay sai cho bọn Cộng sản khát máu, đã chà đạp nhân quyền của đồng bào và đưa dân tộc Việt minh

đến chỗ cuối đường hầm là diệt vong. Cái "hội" đó đã gây biết bao nhiêu tội ác, đau khổ cho mọi người dân Việt Nam. Chính bọn Cộng sản đã làm cho người dân nghèo đói, bệnh tật, chết chóc. Ba Hoài đã chết trong trại học tập Hà Nam Ninh. Thăng em kể của Hoài trốn vượt biên bị cùng cực vì bọn chúng cả...

- Nếu Hoài không bằng lòng đi chung "lý tưởng" với anh thì chúng ta không thể nào chung sống được ! Hoài ạ, Hoài hãy nghĩ lại...

- Không, Hoài không cần suy nghĩ gì cả. Hoài biết khi quyết định, Hoài có thể mất anh nhưng Hoài không đánh mất lương tâm mình. Hoài không phụ lòng đất nước Việt mình, ông cha mình. Gia đình của Hoài còn kẹt lại ở VN, đang từng giờ từng phút đặt cả niềm tin ở Hoài. Hoài sẽ không bao giờ làm một đứa phản bội. Hoài sẽ không bao giờ đi ngược lại con đường ba Hoài đã đi, đã đổ máu. Hoài sẽ không bao giờ phản bội lại chính mình... Câu nói của Hoài làm Hoàng chùng hững ! Về dịu dàng, trầm lặng của Hoài bấy lâu nay Hoàng tưởng là ngoan ngoãn, vâng lời thì đến bây giờ những câu nói sắc gọn, cương quyết của cô làm anh phải giật mình. Anh ta mím môi nhấn mạnh lần cuối :

- Hoài không thể nào đi theo "lý tưởng" của anh được, và dĩ nhiên anh không thể nào đi theo con đường mà Hoài đang đi. Vì vậy hôm nay có lẽ là lần cuối ta gặp nhau, Hoài hãy suy nghĩ và trả lời dứt khoát đi, một là chúng ta không thể chung sống với nhau được, hai là chúng ta cùng nhau đi chung một con đường suốt đời, tùy Hoài chọn lựa đó !

Hoài dứt khoát xác định lại :
- Hoài quyết định đi theo con đường Hoài đã chọn, con đường mà ba Hoài đã dẫn lối cho Hoài đi - không thể có một sự việc gì ngăn cản Hoài nổi đâu. Chúng ta sẽ phải xa nhau mãi mãi, vậy Hoài chúc anh lên đường bình an gặp nhiều may mắn, thành công trên đường sự nghiệp...

Hoài lặng lẽ rời quán ăn - Ngoài trời mưa đổ lệ thế mang theo cái ướt cái lạnh thấu xương đang len lỏi vào người cô. Những hạt mưa đập mạnh vào mặt, Hoài cảm thấy tê buốt; những hạt mưa đập vào mắt cô, rơi trên khuôn mặt cô đầm đìa. Nhưng Hoài tự biết trên gương mặt cô không có giọt nào là giọt nước mắt của cô cả. Đó chỉ là những "giọt nước mắt vô tình" của trời đất thôi...

Thích Như Điển

mười năm làm báo VIÊN GIÁC

Báo Viên Giác đã có mặt tại Tây Đức từ năm 1979, đến nay (1989) đã đúng 10 năm. Ban biên tập báo Viên Giác đầu năm Kỷ Ty đã họp tại chùa và quyết định chọn số báo 51 làm chủ đề kỷ niệm 10 năm báo Viên Giác. Vì thế hôm nay có bài viết này gửi đến quý độc giả xa gần.

Đây là một bài viết có tính cách hồi ký mà cũng có tính cách tường thuật lại những sự việc đã qua trong 10 năm làm báo về mọi phương diện, để độc giả có một cái nhìn tổng quát về tờ báo của chúng ta.

Trong những năm 72,73,74 khi còn ở Nhật, tôi đã bắt đầu tập viết báo cho các báo Việt ngữ cũng như Nhật ngữ; nhưng mãi cho đến năm 1975 sau khi Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Nhật quyết định ra tờ báo Khuông Việt hằng tam cá nguyệt thì tôi được giữ trọng trách chủ biên của tờ báo bằng 2 thứ tiếng Nhật ngữ và Việt ngữ. Kể từ đó đã làm quen với ngành báo chí; nhưng không chuyên nghiệp và cũng không có kinh nghiệm của một người tu. Năm 77 tôi rời Nhật, giao lại tờ báo này cho Chi Bộ và Thượng Tọa Thích Chơn Thành lo đảm trách việc ấy. Sau này Thượng Tọa Thích Chơn Thành đi Hoa Kỳ thì Thượng Tọa Thích Minh Tuyến lại đảm nhận công việc trên. Cho đến nay gần 15 năm, tờ Khuông Việt mới chỉ ra được gần 40 số báo.

Khi đến Đức tôi chưa có ý định ở lại xứ này, nên chưa có ý nghĩ gì về việc ra báo. Đến tháng 4 năm 1978 khi Niệm Phật Đường Viên Giác được thành lập, sau một thời gian hoạt động, tôi nhận thấy rằng một tổ chức mà

không có một cơ quan ngôn luận thì khó có thể đi vào quần chúng được. Vì thế đầu năm 1979 tôi đã đơn phương thực hiện ý nguyện này. Tờ báo Viên Giác bộ cũ số 1 ra ngày 1.1.1979, khổ A5 bìa in màu vàng và phát hành lần đầu tiên 300 số. Những bài viết chỉ chuyên về Đạo và lúc bấy giờ không có một người nào chuyên nghiệp cả, chỉ toàn là những người viết vì bị bắt buộc mà thôi. Những số báo đầu có sự đóng góp bài vở của tôi, anh Tuấn, chị Cúc, Thị Minh và phần kỹ thuật do Thị Chơn trình bày. Tờ báo rất khiêm nhường, nội dung rất khô khan và việc trình bày cũng không có gì sáng sủa lắm. Năm 1979 ra được 3 số tiếng Việt và 1 số tiếng Đức. Năm 1980 cũng ra được 3 số tiếng Việt và 1 số tiếng Đức. Số lượng báo tăng từ 300 số của năm 1979 đến 500 số của cuối năm 1980. Tờ báo Viên Giác số 6 bộ cũ hình thức in sáng sủa hơn những số trước. Vì chùa vừa mới nhận được máy in mới của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức giúp đỡ. Tiện đây cũng xin trình bày về diễn tiến của nhà máy in để quý vị tương. Bắt đầu từ năm 1980 chùa Viên Giác đã nhận được sự giúp đỡ tài chánh của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức; trong đó đặc biệt về vấn đề văn hóa. Vì thế chúng tôi có đề nghị với bộ là xin một số máy móc cũ để in báo Viên Giác. Thấy trò chúng tôi lo đi xin giá cả của những máy in cũ để gửi lên bộ. Sau khi nhận được thư của chùa, Bộ Nội Vụ trả lời rằng: hãy mua tất cả máy mới, chứ đừng mua máy cũ. Vì dễ bị hư; nhưng mỗi một loại máy phải có 3 giá biểu của 3 hãng bán khác nhau; sau đó gửi lên Bộ và Bộ sẽ chọn máy nào rẻ nhất, sẽ cho chúng ta mua. Thấy trò chúng tôi lại một phen nữa giờ số điện thoại ra để tìm nhà máy in đến đó dò hỏi về máy móc và để hoàn thành một tạp chí như Viên Giác phải cần những máy nào v.v... Sau khi biết được rằng muốn in một quyển báo điều đầu tiên phải cần là một máy in offset, một máy làm bản kẽm, một máy làm hình, một máy đóng gáy, một máy photocopy, một máy cắt. Đó là những máy cần thiết nhất mà chúng tôi đi lấy giá cả; không phải chỉ một hãng mà 3 hãng khác nhau bán cùng một loại máy như trên. Đây là vấn đề khá vất vả và chẳng đơn giản chút nào đối với chúng tôi vào thuở ban

đầu; nhưng cuối cùng rồi cũng xong. Chúng tôi đã gửi lên Bộ duyệt xét và trong một thời gian ngắn chúng tôi đã nhận được thư trả lời là Bộ sẵn sàng tài trợ cho những máy móc của chúng tôi để nghị và họ đã chọn 1 hãng rẻ nhất trong 3 hãng đã gửi lên. Việc máy in đã tam xong. Bấy giờ là kỹ thuật in, cũng chẳng phải là việc đơn giản chút nào đối với một người Tăng sĩ như tôi. Lúc bấy giờ Thị Chơn đã đi làm, rất bận rộn, không giúp được tôi gì nhiều, ngoài việc trang trí cho tờ báo; Thị Minh, anh Tuấn, chị Cúc thì ở xa và bà con Phật tử ở Hannover thuở bấy giờ cũng chưa có mấy người; nên tôi lại phải bắt đầu học nghề in của một ông thợ già có nhiều năm kinh nghiệm tại hàng họ. Sau một thời gian dừng máy đã tự tin, tôi đã chỉ lại cho Thị Chơn và Linh giúp tôi trong vấn đề ăn loát.

Cuối năm 1980 anh Mai Vi Phúc có viết cho báo Viên Giác bộ cũ số 6 bài "Ngon bắc xoay chiều" đã làm cho nhiều độc giả ưa thích và sau đó anh có ý định về Hannover để giúp tôi trong công việc điều hành tại đây; nhưng sau vì có việc làm tại Bonn nên anh đã không cộng tác trực tiếp cho Viên Giác nữa. Anh cũng đã đề nghị là nên đổi lại hình thức của tờ báo Viên Giác, thay vì A5 như trước, kể từ năm 1981 trở đi nên đổi lại thành A4 và hình thức ấy đã giữ từ số 1 bộ mới cho đến số 51 ngày hôm nay. Bìa của những số Viên Giác bộ mới chúng tôi đã dùng tranh của họa sĩ Võ Đình và nội dung cũng có một vài thay đổi nhờ có sự cộng tác của những người làm báo chuyên môn như Đạo Hữu Hồ Trường An, ĐH Nguyễn Hồng Kỳ, bà Huyền Châu, chị Trần Thị Cẩm Thi v.v... Về kỹ thuật thì cũng đã cải cách ít nhiều; nhưng vì in số lượng ít (500 - 700 số); nên phải in bằng giấy Folie, thay vì bản kẽm giá hơi đắt so với số lượng kia.

Năm 81,82,83 tờ báo ra đều đặn mỗi năm 6 số và số độc giả bấy giờ đã tăng lên đến 1.500 người. Ngày xưa khi mới bắt đầu làm báo, số lượng ít, chỉ cần in, xếp, đóng, dán tem, bỏ bì thư gửi đi, chỉ cần một cái cuối tuần là xong; nhưng trong những năm này phải chuẩn bị lâu hơn nữa và nhân sự không phải là 2 hay 3 người mà 7 đến 8 người để lo cho việc này.

Đến cuối năm 83 chúng tôi nhận

thấy báo Viên Giác cần phải thay đổi thêm về nội dung cũng như hình thức. Vì thế có đề nghị thêm phần tin tức thời sự thế giới và những mục sáng tác văn nghệ. Cuối năm 84 đã được sự công tác của anh Vũ Ngọc Long, Nguyễn Hòa (Tùy Anh, Phù Vân), Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa. Mục thời sự thế giới và những bài sáng tác của những Đạo Hữu này đã làm say mê độc giả không ít. Từ đó sự ủng hộ càng ngày càng tăng và vì thế độc giả cũng không ngừng tăng theo cấp số nhân, chứ không phải là cấp số cộng.

Chúng tôi xin ghi lại đây những diễn tiến về việc làm một tờ báo như sau: Đầu tiên là nhận và đọc những bài vở của các Tác giả gửi đến. Không phải bài nào nhận là cũng đăng được đâu. Sau đó người chủ nhiệm và chủ bút phải phân tích nội dung của bài báo, giá trị của văn chương, cách hành văn v.v...

Sau đó phải sắp xếp theo thời gian của nó. Ví dụ như một bài viết ca tụng về mùa Thu thì không thể nào đăng trong số báo mùa Xuân hay mùa Hạ được. Ngược lại những bài viết cho Vu Lan thì không thể nào đăng trong Phật Đản được. Bài phải được phân chia ra làm 2 loại thuộc về Đạo và Đời. Trong phần Đạo lại phải chọn ra nhiều loại khác nhau như Thiên, Tịnh Độ, Đại Thừa, Nam Tông, mật tông, Phật Giáo và khoa học, Phật Giáo và triết học v.v... Phần Đời thì chia ra văn nghệ, sáng tác, sưu khảo, ký sự, văn thơ, nhạc, v.v... Có nhiều người viết rất hay; nhưng thuộc về văn chương ru ngủ, hoặc giá phẩm tuyên truyền thì người đọc phải có nhiệm vụ để riêng ra, không cho vào xấp bài được tuyên chọn. Khi người gửi bài, thấy bài mình không được đăng, dĩ nhiên ai cũng buồn và không muốn viết tiếp nữa. Nhưng nếu người chủ nhiệm hoặc chủ bút, vì nề tình riêng người đó cho đăng thì sẽ có nhiều vấn đề rắc rối sẽ xảy ra. Độc giả không hài lòng, sẽ gửi thư về chùa than trách. Trách nhiệm thuộc về vị chủ nhiệm và chủ bút. Vì thế cho nên việc chọn bài phải thận trọng rất nhiều.

Sau khi chọn bài xong, giao qua cho người đánh máy. Trong những số đầu có Thị Nhân phụ tôi đánh máy và bỏ dấu, sau đó có Sư cô Diệu Ân cũng đã giúp cho việc này trong một thời gian. Từ 5,6 năm nay có chị Nga phụ trách việc đánh máy thường trực cho tờ Viên Giác thì tôi lại không phải lo nhiệm vụ này nữa. Sau khi bài đánh xong thì Thị Chánh

và gia đình Đạo Hữu Trần Văn Quang ở Hannover bỏ dấu dùm. Việc bỏ dấu cũng không phải đơn giản chút nào, nhất là dấu hỏi, ngã, chấm, phết v.v... Độc giả, hoặc chính tác giả khi đọc bài của mình, thấy sai lỗi chính tả nhiều quá cũng cảm thấy bức mình. Vì thế việc này cũng phải cẩn thận trọng. Sau khi bỏ dấu xong, tôi phải đọc lại một lần nữa để thêm dấu vào chỗ thiếu, hoặc bỏ đi những chỗ thừa. Tiếp theo là giao cho Thị Chơn về nhà trang trí. Sau khi trang trí xong, tôi kiểm soát lại lần cuối và bắt đầu cho máy chạy để làm băng kẽm rồi quay. Từ năm 84, 85 trở về sau này có nhớ Bác Thị Tâm, Thị Đạo, Thiên Pháp, Thiện Thịnh và Thiện Tấn chuyên lo cho vấn đề kỹ thuật này nên tôi có nhiều thì giờ hơn để lo cho những chuyện khác. Tuy nhiên lúc nào thiếu người tôi cũng phải thay vào làm thợ in để cho kịp rút báo, xếp thành tập. Thời gian này phải cần có nhiều người phụ hơn nữa. Vì thế những vị ở gần chùa đã được động viên để phụ giúp phần công quả này. Sau khi sắp thành từng quyển xong, phải có một ban kiểm lại giấy trắng trong tờ báo. Dấu cổ công kiểm soát đi bao nhiêu chằng nửa nhưng nhiều lúc lơ dềnh không để ý vào tờ báo, nên vẫn còn sót lại giấy trắng như thường. Vì thế có nhiều độc giả sau khi nhận được báo, đang đọc say sưa, bỗng nhiên phát giác ra một tờ giấy trắng và viết thư về chùa khiếu nại bố tức. Thật ra chỉ vài trang, chứ không có nghĩa là mọi tờ báo trang ấy đều bị giấy trắng. Đây là lỗi của việc in và của người lựa báo. Khi lựa xong phải giao qua cho khâu đóng báo. Đầu tiên đóng bằng kim và cắt báo bằng tay nên quá cực nhọc. Sau này đóng báo bằng keo và cắt bằng máy điện nên đỡ vất vả rất nhiều. Một tờ báo được gọi là xong, khi nào đã cho vào bao thơ dán tem và mang ra bưu điện. Trên đường trở về chùa, người làm báo có thể thở phào nhẹ nhõm là đã làm xong một số báo rồi. Làm báo cực khổ như thế nhiều lúc đến nhà ai thấy tờ báo bị lốt dưới nơi còm là người làm báo cảm thấy xốn xang vô cùng. Không phải vì tiếc cho thân phận tờ báo, mà tiếc cho ai đó không và chưa hiểu được công lao của người làm báo.

Kể từ năm 1985 trở đi có sự đóng góp bài của Đạo Hữu Thiện Nghĩa, Đạo Hữu Lê Thị Bạch Nga, Đạo Hữu Trần Phong Lưu và một số quý vị viết không thường xuyên cho báo Viên Giác. Đạo Hữu Thiện Nghĩa và Đạo Hữu Trần

Phong Lưu có nhiều bài viết rất hay và Đạo Hữu Lê Thị Bạch Nga đã mang Đạo và Đời và hướng Đời vào Đạo trong thể văn nhẹ nhàng, dễ hiểu đã làm say mê các độc giả năm châu bốn bể lâu nay. Cũng trong năm này chúng tôi đã thành lập được Ban Biên tập báo Viên Giác, mỗi người có một trách nhiệm lo cho phần mình phụ trách. Đạo Hữu Thiên Căn Phạm Hồng Sáu, Đạo Hữu Nguyễn Thị Nhiên cũng đã đóng góp thường trực các bài ký sự cũng như cho trang Thiếu nhi của Viên Giác. Nhiều nhà thơ Hoài Khê, Đỗ Cao, Bảo Vân Hà Phong, Huyền Thanh Lữ, Hà Phước Thảo, Tuệ Nga, Quang Kính, An Lai Thôn Nữ, Đặng Trinh, Tùy Anh v.v... đã làm say mê các độc giả Viên Giác đó đây qua những văn thơ đạo thanh cao hay những điệu thơ du dương trầm bổng của Đời.

Năm 86, 87, 88 báo Viên Giác càng ngày càng cải tiến nhiều hơn, ban biên tập hùng hậu hơn, kỹ thuật cũng như nội dung thay đổi luôn để đáp ứng nhu cầu của độc giả. Ví dụ như bìa Viên Giác đã in tới thiếu là 2 màu và chọn những hình bìa thích hợp với nội dung của tờ báo của các họa sĩ Phạm Thăng, Đặng Văn Nhâm v.v... để làm nổi bật bộ mặt cho tờ báo. Ban biên tập mỗi năm họp tại chùa 1 lần để rút ra những ưu khuyết điểm và từ đó sửa soạn cho những số báo tiếp tục cho năm mới.

Nhà báo lão thành Nguyễn Ang Ca, nhà văn trẻ Vũ Nam cũng đã đóng góp nhiều bài báo giá trị cho Viên Giác lâu nay. Trên báo Viên Giác đã có nhiều bài hồi ký như "Đường Không Biên Giới"; "Tôi Đi Học Tập Cải Tạo" của Tích Cốc làm cho độc giả đã hâm mộ lại càng hâm mộ nhiều hơn nữa. Mục trang thiếu nhi mà người lớn vẫn đọc như thường, do Vũ Nam phụ trách, sau này Thiện Hạnh và Tâm Bạch phụ trách đã làm cho cả các bậc phụ huynh lẫn các em đều ưa thích. Mặc dầu phần đất của các em rất nhỏ nhưng các anh chị đã lo lắng cho các em đủ các nhu cầu. Phần Vườn Thơ Viên Giác đã được nhà thơ Hoài Khê chăm bón từ mấy năm nay đã mang chất liệu văn chương vào tâm hồn độc giả rất nhiều. Phần Văn nghệ sáng tác do Đạo Hữu Phù Vân phụ trách đã đưa độc giả từ hình ảnh này qua cảm giác khác trong mọi thể tình. Gần đây báo Viên Giác có thêm phần xã hội do Đạo Hữu Nguyễn Văn Thịnh, Thị Chơn và Thiện Đức lo đã được nhiều độc giả hoan nghênh. Phần thời sự, tin tức và biên khảo về chính trị do Đạo Hữu Vũ Ngọc Long phụ

Hư Huyền

Đời và mộng như sông dài biển rộng
Đời thăng trầm theo lớp lớp phù sa
Con huyền mộng nhấp nhô từng đợt sóng
Vỡ vào đời đoài đoạn nối chia xa.

Sông dâng nước vẫn không đầy biển cả
Mộng qua đời không với được khuấy quên
Như con nước chảy qua dòng quá khứ
Tuy âm thầm nhưng ray rứt hằng đêm.

Trong hư ảo, mộng có khi là thực
Từ vô thường-chuyển hóa-không hư
Trong phiêu bạt đời còn mang huyền lực
Từ hư danh-tham luyến-tôn phù.

Sông ra biển mất lẫn ranh chia biệt
Nước đầu nguồn mù chùng tích cửa sông
Không và có như phù du cỏ biếc
Mộng và đời như từng sợi sắc-không.

Khi tỉnh giấc, thấy sông dài trước mặt
Chợt bàng hoàng, nghe biển gọi ngàn xanh
Biển chờ người đi, đưa người trở lại
Mộng chuyển vào đời lửa ấm đấu tranh...

Tùy Anh

trách đã làm cho độc giả rất ưa thích và nâng cao giá trị của tờ báo Đạo, hiện hữu trong cuộc đời. Về phần tiếng Đức Thị Chơn và chủ Thiện Tín lo. Về phần đạo do chính tôi đảm trách và trích một số bài vở trong kinh điển Phật Giáo đã được xuất bản trước đây. Phần chủ bút Thị Chơn vẫn lo và phần chủ nhiệm tôi vẫn đảm trách. Nhưng bây giờ Thị Chơn lo tổng quát cho tờ báo. Vì tôi công việc Phật sự quá đa đoan, không thể chăm bón trực tiếp được. Tôi chỉ xem lại lần cuối trước khi báo lên khuôn. Cách đây gần 1 năm báo Viên Giác không cần phải bỏ dấu tay như trước kia nữa, vì Thị Đạo đã tìm ra dấu tiếng Việt trong máy Computer. Rồi đây Viên Giác sẽ có Laser Druck và dĩ nhiên kỹ thuật in lại cải tiến hơn nữa để khỏi phụ lòng độc giả đó đây. Ngày xưa báo Viên Giác chỉ cần 1 người đánh máy trong vòng 1 tháng là xong; nhưng bây giờ có thêm Đạo Hữu Như Thân phụ vào việc đánh máy; tuy cả hai người làm việc mà hơn 1 tháng mới xong. Điều đó chứng tỏ rằng có nhiều bài đã được đăng và nội dung tờ báo chứa đựng cả

phẩm lẫn lượng nhiều hơn là những số trước.

Có nhiều độc giả than rằng chữ báo Viên Giác nhỏ quá đọc không nổi. Thiết tội cho những vị lớn tuổi nhưng chúng tôi vẫn chưa có cách gì hơn vì những lý do sau đây :

- Thông thường, tâm lý ai cũng vậy, bài đã gửi đến thì muốn được đăng ngay; nếu không, lần sau sẽ không siêng năng viết tiếp nữa. Và lại Viên Giác gần đây có rất nhiều mục, vì thế có nhiều bài, mà muốn đăng được nhiều bài thì phải rút nhỏ lại.

- Mặt khác nếu tăng số trang lên 96 hoặc hơn nữa thì tiền tem không còn ở mức 250 gram cho một tờ báo trị giá 80 Pf loại Büchersendung trong nước Đức nữa, mà có giá trị cho 500 gram, với giá là 1 DM 20Pf. Có thể nói giá tem lên rất cao chùa không thể chịu nổi và không thể gánh vác được lâu dài.

Độc giả báo Viên Giác cho đến giữa năm 89 này là 2.800 người. Nếu tăng chừng 2 trang báo nữa thì tiền tem có thể tăng lên mỗi lần hơn cả ngàn Đức Mã. Vì thế có lẽ Viên Giác giới hạn ở

số trang 94 cho mỗi số vậy. Chưa có báo nào ở Đức này sống không nhờ vào sự trợ giúp của các cơ quan từ thiện cộng với sự ủng hộ của quần chúng cả. Ở đây Viên Giác cũng không phải là thương mại, cũng chẳng phải là một tờ báo chuyên nghiệp như những tờ báo khác; nên chỉ trông mong vào sự hỗ trợ của Phật Tử và dĩ nhiên có sự ủng hộ một phần nào của Bộ Nội Vụ Tây Đức. Chúng ta có thể tính một con số khiêm nhường như sau : Mỗi năm báo Viên Giác phát hành 6 lần. Mỗi lần 2.800 số, trị giá cho mỗi lần là gần 7.000DM. Cộng chung một năm gần 42.000DM. Trung bình mỗi tờ báo kể cả tiền tem gửi đi hơn 2DM. Mặc dầu báo Viên Giác đã được các độc giả xa gần nhiệt liệt hỗ trợ; nhưng trung bình mỗi năm được 10.000 đến 15.000 DM là cùng. Số tiền còn lại nếu không có chính phủ giúp thì sẽ không thực hiện được. Đó chỉ kể tiền giấy mực, tem thư và không kể một đồng tiền công nào cả. Vì tất cả các Phật Tử đều làm công quả. Nếu tính tiền công theo người Đức thì báo Viên Giác phải tính theo cấp lũy thừa, không còn là cấp số nhân nữa. Vì thế cho nên hầu như người làm báo nào cũng mong mỏi ở mọi độc giả một việc đơn giản là sau khi nhận được 1 tờ báo, chỉ cho lại tiền tem thôi là tờ báo có thể sống rồi. Trên thực tế thì lại khác, không bao giờ giống như điều mong ước, nên đã có nhiều tờ báo đành bỏ dở giữa đường, mặc dù họ còn thừa kinh nghiệm và khả năng để điều động một tờ báo, chỉ thiếu một điều kiện duy nhất là nguồn tài chánh mà thôi. Làm báo có lẽ ai cũng vui khi thấy độc giả vui và có lẽ ai cũng buồn khi thấy một tờ báo sắp đình bản. Nhiều khi tôi cầm một tờ báo số đình bản trên tay, lòng cảm thấy nao nao khi suy nghĩ về cuộc đời, nhân tình và thế thái.

Ở đây chúng ta có thể đặt câu hỏi rằng : Tại sao những tờ báo thương mại lại sống được? - Câu trả lời rất đơn giản và dễ hiểu - Vì tờ báo đó đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của độc giả, chỉ đơn giản có thể thôi - nhưng ở đây nhu cầu và thị hiếu phải được chia ra làm 2 loại. Loại hướng thượng và loại bình dân. Loại hướng thượng thì rất ít người đạt tới. Loại bình dân thuộc về đại chúng - những chuyện tò mò, to nhỏ, dở dở ương ương v.v...chuyện này rất nhiều người thích đọc, đơn giản và dễ hiểu. Đó là một tờ báo thương mại; còn tờ báo Đạo hoặc những tờ báo đứng đắn khác làm

sao có thể hạ bút để viết những bài, những chữ, những câu chỉ có mục đích giải quyết được những chuyện hạ đẳng của con người. Quả thật một tờ báo đứng đắn và một tờ báo Đạo không ai có thể can đảm làm được việc đó cả. Cũng có nhiều tờ báo sống chỉ nhờ vào quảng cáo. Vì thế nội dung của tờ báo thì chẳng có gì để đáng đọc được. Tóm lại chỉ chờ vào sự thông cảm và ủng hộ của độc giả mà thôi. Nhiều tờ báo Đạo bên Mỹ, Canada, Úc xuất bản không biết bao nhiêu lần, cũng đành phải đình bản. Vì thiếu hụt tài chánh. Riêng Viên Giác đã 10 năm có mặt với làng báo Việt Nam, đời cũng như đạo kể từ năm 1979 đến nay qua 6 số bộ cũ, 2 số tiếng Đức và 51 số bộ mới; tổng cộng là 59 số. Trung bình mỗi năm là 6 số. Điều đó chứng tỏ rằng Viên Giác vẫn còn tồn tại là nhờ Bộ Nội Vụ Tây Đức đã yểm trợ tài chánh một phần, cũng như lo cho nhà máy in và sự gia tâm hỗ trợ của quý Phật Tử khắp nơi. Nhưng nhà máy in sau 10 năm hoạt động, có một số máy đã cũ, nay cần phải được thay thế. Dĩ nhiên chúng ta phải chịu phần đóng góp chính trong này. Vì Bộ chỉ cho có số lúc ban đầu để chúng ta phải tự tồn và phát triển, không ai có thể lo cho ta suốt cả cuộc đời mà ta không phải tự mình lo cho mình cả. Cha mẹ nuôi con cũng thế, khi còn nhỏ lo cho mọi điều; nhưng khi đã lớn khôn rồi thì tự người con đó phải lo cho chính mình. Vì không còn là đứa trẻ thơ ngây như ngày xưa nữa. Vì thế những độc giả của Viên Giác, nếu có ủng hộ cho báo, chúng tôi cũng sẽ dành dụm cho việc trang trải cho tờ báo; nếu có thừa, ngoài sự giúp đỡ của Bộ, chúng tôi sẽ cho vào phần trang bị máy móc cho nhà in.

Người ta thường bảo :
 "Đường dài mới biết ngựa hay
 Ở lâu mới biết lòng ai chánh tà"
 nên chúng ta có thể nói rằng: sở dĩ Viên Giác còn tồn tại được cho đến ngày nay là do lòng thương mến của các độc giả và công lao đại hộ pháp của Bộ Nội Vụ Cộng Hòa Liên Bang Đức. Ôn ấy xin hơi hướng lên Tam Bảo chứng tri và nguyện cầu cho mọi người, mọi loài được an lạc giải thoát.
 Có lần tôi đã viết trong "Đường Không Biên Giới" hay đầu đó rằng : Khi mới vào chùa tu, tôi không nghĩ rằng phải đi học. Vì tôi quan niệm rằng tu là chỉ tụng kinh gõ mõ mà thôi; nhưng trên thực tế thì không phải thế và ngay từ khi ở Nhứt cũng như ở Tây Đức, tôi cũng đã không

nghĩ rằng phải làm chủ nhiệm những tờ báo Đạo như thế kia, hay thỉnh thoảng phải viết cho một vài tờ báo khác khi có sự yêu cầu. Ấu đó chỉ là một nhân duyên mà nhân duyên ấy tôi cũng đã chẳng chờ đợi và mong ước. Chẳng qua đó là một bổn phận một trách nhiệm phải làm mà thôi.
 Trên đây tôi đã tường thuật lại những gì trong 10 năm qua về mọi vấn đề; nhưng tin rằng vẫn còn thiếu sót. Mong quý vị cộng tác cho Viên Giác niềm tinh hy thứ cho những sơ sót ấy của tôi. Vì trí nhớ con người chỉ có giới hạn trong một phạm vi có thể nào đó mà thôi.
 Viết bài này tôi có ý trình bày lại mọi diễn tiến trong 10 năm để quý độc giả tường và mong rằng những cảm tình mà lâu nay

quý vị đã đối đãi với Viên Giác vẫn còn hiện hữu như xưa nay và mong rằng có nhiều người mới khác cộng tác cũng như hỗ trợ cho mọi vấn đề. Có như thế Viên Giác mới có thể tiếp tục trong sứ mạng của mình là mang Đạo vào Đời và mong Đợi được tòa ngát hương Tứ Bi, giải thoát do sự tắm rửa Đạo lý ấy.
 Tôi hy vọng rằng 15 năm sau nữa sẽ còn viết cho Viên Giác để kỷ niệm lần thứ 25 năm Viên Giác tồn tại nơi đây và sẽ cải thiện mỗi ngày để Viên Giác xứng đáng là một tờ báo của mọi người.
 Chắp tay nguyện cầu cho mọi người thấm nhuần giáo lý của Đức Phật và cư xử với nhau trong tình thương của đồng loại để không còn chiến tranh và thù hận xảy ra trên quả đất này.
 A Di Đà Phật

Phù Vân

**BÁO ĐỜI
 BÁO ĐẠO**

* Tạp luận PHÙ VÂN
 (Mây trôi nổi như cuộc đời
 phiêu bạt)

Sư bố cậu! Hết chuyện báo... đời rồi hay sao mà lại tính chuyện báo... đạo nữa đây! Cậu lại muốn đem bụi hồng trần nhuộm vào cửa Phật hay đem mù tục lụy vấy bẩn của Thiên? Đó là lời chửi rủa... thân ái của tên băng hữu "bụi đời" từ hơn 5 năm trước, khi được tin Phù Vân cộng tác với báo Viên Giác. Hơn ai hết, bạn bè hiểu rõ "văn chương thế tục" của Phù Vân kể từ ngày phải trách nhiệm thực hiện một tờ báo đời. Chúng bạn e rằng Phù Vân sẽ làm mất mùi... đạo vị của một tờ báo tôn giáo - báo đạo. Thương nhau đến thế là cùng!

Một thời làm báo, một thời phải kiêm nhiệm hầu hết các phần vụ. Kể ra anh em hồi đó cũng... để tinh nên mọi chuyện đều "gom bi" cho Phù Vân... lãnh búa. Thế là, sau 8 giờ công lưng với công việc ở Sở, Phù Vân về đến nhà phải cúi mũi vào đánh máy. Không thể đợi đến tối, sợ bà con xóm giềng mất ngủ vì tiếng máy đánh chữ loại "cà khổ" kêu lóc cóc - mà âm thanh thì không thể "văn vữa dù nghe để khỏi mất lòng hàng xóm đang cần giấc ngủ để sáng mai đi... cày!", nên Phù Vân phải "nặn đầu, nặn óc" để viết bài. Chao ôi đúng là cái nghiệp... báo!
 Khi qua xứ người Phù Vân không thể nghĩ rằng mình làm báo. Khi nghe bạn bè rù rê, vui miệng cũng "Ủa". Khi ra được vài số báo đầu, thấy cuộc đời làm báo chẳng phải là báo... bở, mà coi bộ tổn thọ quá, nên bạn bè "nửa chừng xuân bỗng gãy cành thiên hương", lặng lẽ rút lui để cho Phù Vân "ôm của nợ". Từ đó, tờ báo phát hành khi sớm khi muộn. Dĩ nhiên, tờ báo do Phù Vân đảm trách hồi đó không phải là một tờ báo... đời chuyên nghiệp, mà đúng là tờ báo... lô can, tờ báo địa phương. Tờ báo chỉ gửi cho những ai có... chi viện hay ủng hộ ít nhiều. Vì vậy cũng không thể gọi là tờ báo... biểu hay báo... chợ sống nhờ quảng cáo, mà cũng không thể nói là tờ báo... thường mãi vì nếu có đem bày bán thì cũng chẳng có ai dám... bởi kỹ thuật ấn loát... kèm kèm còn mang dấu tay dấu chân tùm lum. Thế mà mấy tên trời đánh, điếc không sợ súng lại hăm hờ hăng say tột độ để lăn thân vào

làng báo; bởi quan niệm rằng, một tờ báo dù thế nào đi nữa cũng mở được một mặt trận đấu tranh văn hóa với Vem; "có đất dụng võ" cho một số "giang hồ hiệp khách" vùng cường kiểm sát phạt những tên ma đầu chuyên môn tạo loạn, tạo phản; hoặc sử dụng đủ mọi độc chiêu nhằm "trừ gian diệt nịnh", dấm đá loạn xà bần. Người ta thường bảo "đánh lớn thua lớn, đánh nhỏ thua nhỏ, càng đánh càng thua, đánh đâu thua đó", nhưng tờ báo... đời không giống ai đó lại được độc giả chiêu cổ tận tình, ngày càng đông, nên nó vẫn sống... phây phả, có đủ... sở hụi cho việc ăn ăn, phát hành. Chỉ tội nghiệp cho Phù Vân từ đó bị dọa vào nghiệp... báo và đành cam chịu cho miệng đời xía xối, xỉ và tận tình. Người thương thì khích lệ, kẻ ghét thì thư tử, điện thoại chửi rủa lia chia. Viết tục cũng chửi, viết sách mé cũng chửi, viết dụng chàm cũng chửi. Chửi là phước ba đời cho Phù Vân. Khờ nổi mấy bà bạn lại không "hỏi thăm sức khỏe" trực tiếp với Phù Vân, mà chỉ "nhấn nhủ rần rề" hay "than phiền, tỉ tê, tâm sự" với chị Hai Phù Vân.

Vốn thấy Phù Vân "làm chuyện bao đồng", ăn cơm nhà, vác gà voi", đã mất thì giờ, mất sức khỏe, mất tiền xăng nhớt - cà phê - thuốc lá, lăm lăm còn mất bớt bạn bè, mất bớt hạnh phúc; nay lại bị "chửi cạnh, chửi khỏe" thì lăm sao chịu đời cho thấu, nên chị Hai Phù Vân "nổi trận lôi đình" bắt buộc Phù Vân ở nhà "rửa tay gác kiếm" để làm tròn bốn phận công dân! Đừng là báo hại, báo đời, báo vợ, báo con! Thế rồi, cho đến một ngày, bạn bè gặp lại, giết mình thấy "dung nhan mùa hạ" của Phù Vân đã tàn phai theo năm tháng - gầy còm, xanh xao, võ vàng, lại ngỡ là Phù Vân bị hồ ly tinh hớp hồn hớp vía, nên khuyên nhủ Phù Vân nên tìm... thấy lang chuyên bắt mạch bằng chân để chữa trị!

Ghi lại đoạn này, Phù Vân không nhằm "tả oán, mà chỉ xin bà con có bác mở lượng hải hà xót thương cho thân phận những tên làm báo - dù là báo... chùa, báo hiếu, báo chợ, báo lá cải, đặc san hay bán tin... họ cũng đã làm một phát hy sinh cho tập thể, mà cá nhân họ chẳng hưởng được một cái giải gì cả! Vậy xin bà con cũng nên tỏ lòng hân hoan khi ở xứ mình, ở địa phương mình có một tờ báo - một tiếng nói, một cơ quan ngôn luận. "Con cá sống nhờ nước, tờ báo sống nhờ vào sự ủng hộ của độc giả", nên cũng xin quý vị hào tâm hào sảng mở lòng đại bác 85 ly mà ủng hộ cho tờ báo sống qua ngày

Thơ: Đan Hà



Bên Vườn Vô Ưu

Tiếng chuông đổ giọng ngân chiều
 Nắng vàng le lói gió hiu hiu sầu
 Bầy chim chấp cánh về đầu
 Áng mây bàng bạc trên đầu ngọn sương
 Và ta trăm nhớ nghìn thương
 Tựa lưng ngồi nghĩ bên vườn vô ưu

Ngọt Ngào Tiếng Đêm

Chiều nghiêng đổ bóng trăng gầy
 Lời kinh hòa lẫn tiếng cây rì rào
 Dưới trời lấp lánh trăng sao
 Trong ta bỗng thấy ngọt ngào tiếng đêm

đoạn tháng. Xin đừng xem đó là một hành động bở thí, mà nên quan niệm rằng đó là một nghĩa cử, một hành vi "báo ân thí" trong "bát chùng thí" để đáp lại sự giúp đỡ của kẻ khác mà biết đâu trong nhiều đời tiền kiếp mình đã thụ lãnh. Cũng đừng xem đó là sự báo đáp, sự báo ứng hay quả báo nhãn tiền bởi có thể là do nghiệp báo hay phước báo từ duyên lành hay nghiệp dữ mà mình đã tạo ra từ thời tam báo (hiện báo, sanh báo, hậu báo)...

Báo, báo, báo... - Chao ôi chữ nghĩa Việt Nam với nhiều ý nghĩa phong phú đến vậy, cho nên thanh hay tục là do quan niệm của thế gian - tức là sinh vật trên cuộc đời ở trọc nấy (theo quan niệm của đời), hay là chúng sanh xoay vần trong tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) hoặc cao siêu hơn là sự vật hữu tình và vô tình trong một cõi thế gian Tam Thiên hay Đại Thiên (theo quan niệm của Đạo).

Quan niệm giữa Đạo và Đời có một lần ranh vô hình do chấp nê vị ngã - tức là cho ta, vì ta. Vì vậy, nếu đem tâm Đời để làm việc Đạo thì việc Đạo hóa ra tầm thường theo lối thế gian. Nếu đem lối suy nghĩ của thế gian để tìm hiểu Đạo, thì Đạo hóa ra khô khan... Bởi với Đời thì "phước báo hữu lậu" có tính cách so đo, lượng ước, tính toán những việc mình làm, làm cho ai, vì ai. Ngược lại với Đạo thì "phước báo vô lậu" không so sánh, không còn nghĩ đến những việc mình làm, không thấy mình làm cho ai, vì ai, bởi theo quan niệm của Đạo thì "phước báo xuất thế

gian", tức là phước báo vượt ra ngoài vòng thế tục...

Đời - phạm tục đến thế, Đạo - cao siêu vô lượng. Thế cho nên khi Thấy Chủ Nhiệm ngộ ý mới - hay đúng hơn là kêu gọi Phù Vân viết cho tờ báo chùa... Viên Giác thì Phù Vân e ngại quá, chỉ "da da, vâng vâng" bởi vì khả năng hiểu biết về Đạo của Phù Vân chưa thấm đầy chiếc lá... Bớ Đẽ! Viết cho một tờ báo tôn giáo, e rằng mình đã không làm tròn nhiệm vụ hộ đạo (báo vệ Đạo Pháp) mà còn sinh ra... báo Đạo (phá hoại Đạo Pháp). Lăn lữa hen rầy hen mai - thái độ nửa với còn nặng mùi đời, còn mang bản chất thế tục. "Có hay Không" phải dứt khoát ngay thẳng, chứ "nửa Có, nửa Không" lấp lửng hàng hai thì hẳn là không đúng "đạo lý" ở đời. "Có-Không, Không Có", "Có Có-Không Không" hoặc "Sắc Sắc- Không Không" - một triết lý vi diệu của Đạo Phật. Có đời với Không. Không trái nghịch với Sắc. Chao ôi làm sao Phù Vân hiểu được tuyệt đích Sắc - Không về lý Trung Đạo. "Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệt phục như thị..." (trong Ma Ha Bát Nhã Mật Đa Tâm Kinh). Thôi đành mặc nhận "Có cũng như Không, Không cũng như Có" - dù trong tham luận của đời ở trước này, con người luôn nghĩ rằng "Có còn hơn Không", nên Phù Vân "an bản lạc đạo", an tâm tự tại đắp chăn năm ngủ... Thế rồi một lần, có một Phật Tử hỏi Phù Vân "đi vào chùa bằng cửa nào?". Bởi sân, si, mạn còn quá lớn nên Phù Vân tức mình

như bị bỏ đá vì nghĩ rằng anh này mĩa mai mình ở trong "quả đao" của chùa. Tuy nhiên, biết anh ta có nhiều "đạo tâm" nếu đã không sử dụng "vương đao", nở nào lại dùng trò "bá đao" để chơi mình sát ván. Phù Vân đầu có đủ "đạo hạnh", thông minh tài trí để hiểu rõ ý nghĩa triết lý cao thâm có liên quan về Sắc-Không qua một câu hỏi đơn giản như vậy. Dù Chùa (ở Việt Nam) có 3 cửa - thường gọi là tam quan, thì cửa nào vào Chùa cũng chẳng được! Nhưng thực tế mỗi cửa đều có một ý nghĩa riêng. Hai bên là cửa Hữu và cửa Không Có - Không là hai thái cực đối nghịch. Ngược đời - hay phạm phụ tục tử, khi nhận thấy hình

đi vào Đời. Đó là Trung Đạo-tức là con đường chính của Đạo Phật, ở chánh trung, không nghiêng, không lệch, không phân hai, không thái quá, không bất cập. Hoặc "chăng một mà cũng chẳng hai, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng lại cũng chẳng đi, chẳng sanh cũng chẳng diệt" (theo Tam luận Tông". Trung Đạo cũng là con đường chính để người Phật Tử đi làm việc Đạo trong đời sống hàng ngày. Đạo đi vào Đời rồi chuyển hóa Đời đến với Đạo (Hóa Đạo) để trở thành một vòng chuyển luân viên mãn. Vâng, đạo đi vào cuộc đời đau khổ-Đạo đi gần với chúng sanh đau khổ để đưa chúng sanh đến nẻo Đạo, đến cõi giác ngộ...

vươn lên trong tinh thần "cải tiến" để đáp ứng theo nguyện vọng của độc giả. Có thể tam chia ra 3 giai đoạn :

- Giai đoạn thành hình : Từ 1979 - 1980 với 6 số VG khổ A5 (Bộ cũ). Lượng phát hành 500 số/lần.

- Giai đoạn phổ biến giáo lý, hoằng dương đạo pháp : Từ 1981

- 1984, nhờ được trang bị máy copie, máy in và sự tài trợ của Bộ Nội Vụ CHLB Đức cùng nhu tiến ủng hộ của độc giả, tờ VG bộ mới ra đời, khổ A4, từ VG số 1 đến số 24 (ra định kỳ 2 tháng 1 lần). Trong giai đoạn này lượng phát hành 2.500 số/lần.

- Giai đoạn đem Đạo vào Đời hải hòa hay là giai đoạn cải tiến : từ 1985 trở đi. Trong giai đoạn này lượng phát hành là 2.800 số/lần và VG từ số 51 tháng 6-89 này được ấn hành 3.000 bản.

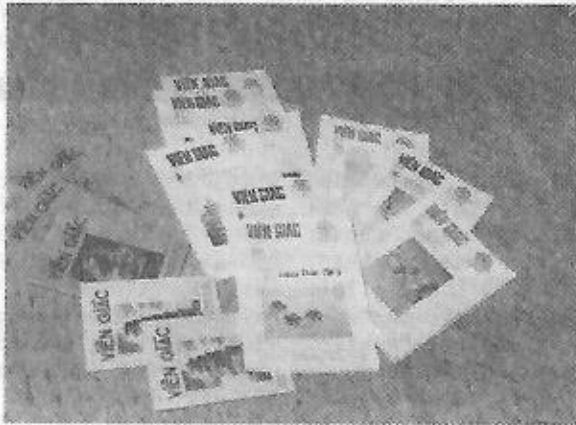
Từ giai đoạn đem Đạo vào Đời, tờ VG không còn thuần túy là "tờ báo...đạo nữa, mà nửa đạo nửa đời. Do đó người viết cho VG cũng như độc giả của VG vừa là Phật Tử cũng như không Phật Tử. Nhìn chung tờ VG đã có những tiến bộ đáng kể, tuy nhiên anh chị em trong Ban Biên Tập, những công sự viên đều có những yêu cầu cải tiến hơn nữa; nhưng vẫn để để thực hiện cũng còn tùy vào hoàn cảnh, bởi vì đó là một tờ báo...chùa - nhân sự ít, "công quả" bất thường, công việc chùa và tòa soạn lại đa đoạn, nên báo VG vẫn còn một vài khuyết điểm. Báo VG, ngoài số trợ cấp văn phòng phẩm của Bộ Nội Vụ, mọi chi phí khác đều phải trông nhờ vào sự ủng hộ của độc giả, nên dù biết rằng cái máy in bây giờ đã...già, đã lỗi thời và mấy bàn máy đánh chữ cũ đã muốn...về hưu, thế mà tòa soạn vẫn chưa sắm nổi dàn máy Computer và máy in hiện đại để đỡ...hại điện ! Vì vậy kỹ thuật thực hiện, khổ thay vẫn còn ở tình trạng "thợ mã": cắt-dán-ráp-nối...

Tuy nhiên VG dù với giai đoạn chuyển mình cải tiến đến mức độ nào cũng là một tờ báo...chùa-một tờ báo đạo, tờ báo đem đạo vào đời: tờ báo ĐẠO và ĐỜI.

- Viên Giác là tờ báo ĐẠO và ĐỜI, cơ quan ngôn luận của Phật Giáo tại CHLB Đức, vừa thông tin liên lạc giữa Phật Tử và cộng đồng VN tỵ nạn khắp nơi.

- Viên Giác là tờ báo ĐẠO và ĐỜI, vừa phổ biến giáo pháp Phật Đà, nghiên cứu triết lý Phật Giáo, hoằng dương chánh pháp, vừa duy trì phát triển văn hóa dân tộc.

- Viên Giác là báo ĐẠO và ĐỜI, cùng với cộng đồng người Việt tỵ nạn đấu tranh bảo vệ lý



Hình ảnh về sự thay đổi hình thức báo Viên Giác

sắc muôn tượng, nhận thấy các pháp mới cho là Có, đó là cửa Hữu. Ngược lại, khi thấy là Có, nhưng lại cho là không phải cái thật tướng mà thực ra chỉ do tứ đại hoặc do nhân duyên hòa hợp tạo ra mà thôi, đó là Không. Người đạo - thông hiểu đạo lý uyên thâm, lại nhận rằng cái Có và cái Không vốn là một (Hữu Không bất nhị), bởi vì sự vật khi có hình tướng thì mang sẵn cái tánh Không. Trong cái tánh Không ấy vẫn hiện diện cái hữu tướng. Vậy thì Hữu và Không chẳng khác gì nhau. Trung hòa hai cửa Hữu-Không là cửa giữa, gọi là cửa Trung, mang ý nghĩa "Không Trung diệu Hữu, thị tức Trung Đạo" (trong cái Không có cái Hữu, gọi là diệu Hữu). Thế thì :

Có thì có tự mây may,

Không thì cả thế gian nấy cũng không

*Thử xem bóng nguyệt dòng sông
Có hay không có, có không là gì!
Cái Có mầu nhiệm, thần diệu. Có để đổi thay, nhưng không có gì để thay đổi cả! Đó là diệu hữu. Đó là cửa Trung.*

Vâng, cửa Trung để đi vào Chùa. Cửa Trung đi vào Đạo. Cửa Trung

Phù Vân đến với báo Viên Giác từ những "biến ngộ" la thường như rứa và ngay cả những anh chị em khác chắc cũng có những "nhơn duyên" như vậy. Trước hay sau, ngắn hay dài, bất thường hay thường xuyên cũng là những đóng góp "công quả" cho sự phát triển của Đạo Phật trên xứ người kể từ bước chân "hoằng pháp độ sanh" của một vị tu sĩ từ Nhật đến Tây Đức vào năm 1977, cũng như sự lớn mạnh của tổ chức Phật Giáo kể từ ngày có "làn sóng thuyền nhân Việt Nam Tỵ nạn" đến định cư tại xứ này cuối năm 1978, đầu năm 1979.

Từ đó tờ Đặc San VIÊN GIÁC, khổ A5, được xuất hiện - là cơ quan thông tin liên lạc của Phật Tử Việt Nam do Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử tại CHLB Đức đảm trách thực hiện. Qua nhiều thăng trầm và biến chuyển của thời gian, tờ VG có những bước chuyển mình theo tình hình phát triển của tổ chức Phật Giáo cũng như theo những nhu cầu đấu tranh cho quê hương, dân tộc, đạo pháp với tinh thần "dẫn thân bất thối chuyển", "uy vũ bất năng khuất".

Mỗi lần chuyển mình là một bước

Tha Hương Cảm Tác

Lạnh lẽo sương chiều dầm giọt sương rơi.

Xa lìa cố quốc mấy thu rồi.

Non cao, biển rộng ngăn phương biệt,

Đèo cao, rừng sâu cách nẻo với.

Tiếng cuốc náo nức xa vắng vọng,

Đường quê thăm thẳm tím mù khơi.

Tha hương ngắm cảnh se lòng khách,

Trần lụy chẳng qua chuyện khóc cười !

Đồ Cao

tướng quốc gia, dân tộc, đao pháp. Trong quá trình 10 năm, ít ra VG cũng đã manh dạn đặt vấn đề với một cơ quan mang danh đại diện cho văn hóa VN mà đường lối hoạt động chưa làm sáng tỏ chính nghĩa ty nạn của người VN. VG cũng đã đấu tranh tích cực và tố cáo một tổ chức mệnh danh Phật Giáo không thuộc thành phần Phật Tử VN ty nạn có ý đồ gia nhập vào TĐ chức Phật Giáo Thế Giới tại CHLB Đức...

Dĩ nhiên trong những trường hợp nêu trên, VG gặp sự "đối kháng", kiên tung. Nhưng cuối cùng "lực đối kháng" bị triệt tiêu; kẻ tranh tung tự ý xin "bãi nại" để đỡ mất mặt... Bấu cua! Chánh nghĩa và chánh pháp lúc nào cũng thắng - đó là quan điểm của kẻ trần tục như Phù Vân, nhưng đối với người có tâm đạo thì coi đó chỉ là... Từ Bi - Hỷ Xả. Mồ Phật! Phước Phật như hải! Chỉ có người tu mới có lòng khoan hòa nhân ái đến như vậy!

Ban thân mến,

Bằng tất cả chân tâm gửi đến những bằng hữu mến mộ; bằng tất cả những hoài niệm gửi đến những bạn bè nặng nợ hồng trần:

Sưu Vượng
Giang hồ quen thói hồng trần,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

gửi đến những người "đứng chàng hàng giữa Đạo và Đời"; những người lỡ mang mặc cảm khi buông tay nhắm mắt lìa bỏ cuộc đời ô trọc sẽ được Diêm Vương gọi về A Tỳ Địa Ngục; gửi đến những người đã từng "chửi đống cuộc đời" bởi "thói đời đen bạc" thường đời trắng thay đen; những người đã từng bị "miệng đời dèm pha"; gửi đến những người đã từng coi :

*Sự đời như chiếc lá đa,
Đen như mồm chó, chém cha sự đời !*

những người đã từng cay đắng:

*Mùi tục vì lưỡi lê tân khổ,
Đường thế đổ gót rở khi khu.*

hoặc đã cam chịu "mùi tục lụy đường kia cay đắng" nên đã :

*Ngâm thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ, bèo dẫu bên*

mé.
và đối chiếu với cuộc đời lưu lạc của mình để chỉ thấy rằng:

*Phong trần đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả hoa kia có*

này !
để những lần tìm vui với men cay rượu đắng cất tiếng ngâm nga "Than ôi cuộc đời trôi nổi, như gió thổi, như chiêm bao...".

Chao ôi, bi quan yếm thế đến như vậy là cùng. Phải chăng, thưa các bạn, trong con mắt của cuộc đời phiêu bạt đều là đám mây trôi nổi (Nhấn trung phù thế tổng phù vân - Các bạn đã từng quan hoài đến Phù Vân, xin xem đó là ý nghĩa của cái bút hiệu này).

Thế nhưng chợt một ngày nào đó - dù gần hay xa trong cuộc đời còn lại, bạn sẽ tỉnh thức để cảm nhận rằng mình đã "trả xong nợ đời", đã giải phóng toàn diện những ràng buộc, những biến thái, những biến tướng để trung hòa mọi chuyển hóa sinh động. Đến lúc đó chắc bạn không có ý niệm vi kỷ để chỉ một mình tiêu đến thu hưởng :

*Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm, đuốc tuệ làm duyên
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.*

Cũng không ai đòi hỏi bạn phải đủ thần lực hay khả năng "tế thiên hành đạo", nhưng với 3000 năm hoa ưu đàm mới nở một lần mỗi khi có Đức Phật ra đời (Kinh Pháp Hoa) để "đem lửa trí huệ cứu độ chúng sanh ra khỏi bể khổ trầm luân (Kinh Hoa Nghiêm) thì quá xa với vội. Thế nhưng khi đã có chân tâm, chợt do một tương duyên sinh biến nào đó, bạn bỗng "ngộ đạo", qua chi thành và khiêm cung bạn nhận thức được con đường Đại Từ Bi "khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô dao..." đó là khoan hồng mềm dịu, không báo oán kẻ vô đạo làm sáng tỏ con đường nhân ái để an tâm tự tại đi trên con đường gìn giữ được tính "Thiên mệnh chi vị tánh, xuất tánh chi vị đạo". Tính và Trời. Giữ được mệnh trời, giữ được tính chỉ có con người mới thể hiện được để bảo trọng cho mình, cho người, cho chúng sanh.. Hoặc chợt một ngày nào đó, bạn lại "hiện diện trong nhà của Như Lai, mặc áo của Như Lai và ngồi vào chỗ của Như Lai" (Kinh Pháp Hoa) tức là lòng xót thương tâm cứu không ngừng, là lòng hòa hòa nhân nhục và thể hiện pháp tánh Không tức là bạn đã rửa sạch lòng trần, xóa tên trong sổ bụi đời để tìm về với đạo.

Thế là bạn đã "giác ngộ", bạn sẽ trở về cõi Chân Như, về cõi Niết Bàn. Bạn, lúc đó xin bạn đừng quên Phù Vân - người đã tung "cay đắng mùi đời", mà hủ cho một tiếng để Phù Vân kịp thôi... (cảnh mẹ) niu theo chân bạn "vượt biên" về cõi Tây Phương Cực Lạc. Mong lắm thay !

(Tháng 5/89)

SỬ

**Nhà Hậu Lý
(1010 - 1225)**

**Lý Thái Tổ
(1010 - 1028)**

Lá thư trang thiếu nhi

Chậm bước rào đều trên con đường đầy hoa nắng. Nắng thù tình hay nắng của ngày xưa thân ái đang đơm cành kết nụ ở đây. Để chi không phải co ro trong chiếc áo ấm dày cộm, mà là nhe nhàng thú thả đón ánh dương nồng ấm vừa lan. Mới đó, phải mới đó mà mùa xuân gần trôi qua để nhường cho hạ buông nắng. Mới đó, phải mới đó mà báo Viên Giác đã được mười tuổi đời. Thời gian, chỉ là những chớp mắt, những khoảnh khắc để rồi có lúc phải giục mình than vãn "Mới đó... mà...".

Xuân-Hạ-Thu-Đông chỉ là những chuyển mình của vũ trụ, sẽ lặp đi lặp lại mãi hết năm này rồi năm khác. Nhưng các em thú một lần chú ý, để tâm xem xuân năm này và xuân năm tới có khác nhau không? Xuân năm nay cây hoa đào ngoài ngõ còn trong tầm tay với. Xuân tới chắc là em phải nhón gót mới hái được nụ hoa... Xuân, hạ, thu, đông nào có khác gì với sanh, lão, bệnh, tử. Một nụ hoa, một cành lá mới đâm chồi nảy lộc; qua Hạ thì xum xoe trường thành; mùa thu u ru bệnh hoạn để rồi rơi rụng bước vào mùa đông khô chết. Nhắm mắt, mở mắt đã thấy dòng thời gian đi đông. Ngày nào các em còn bé nhỏ trong vòng tay ấm yêu của mẹ, chu đã là con chim tung cánh đùa giỡn với trời cao. Mau quá phải không các em. Thời gian, người ta thường ví như bóng câu bay vèo qua cửa sổ. Không phải chỉ cứ nhắc mãi để các em bị quan trong cuộc sống, mà là để các em đứng uống phi thời gian. Không từ chẳng tung nói ư: "Hai lần lần lựa là hết cả cuộc đời". Cái gì làm được hôm nay thì cứ làm, cho đến ngày mai biết đâu không còn dịp. Chỉ còn nhớ mỗi lần thấy thuyết pháp cho thanh thiếu niên, thấy vẫn thường nhắc nhở:

Chớ đợi tuổi già mới học đạo,
Mỡ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Cũng trong tinh thần đó, chị em mình phải cố gắng lên để không bỏ phí tuổi hoa niên tràn đầy như sống. Cái mầm sống càng tròn đầy như một khả năng để học, để tu, để làm lợi ích cho xã hội. Cứ không phải là để hoang phí, để ăn chơi thỏa thích như những con thiếu thân tự tiêu hủy đời mình. Thời gian quả không chờ đợi một ai cho nên mình sẽ không lãng phí, bỏ qua một mùa xuân, mùa hạ dấu yêu.

Các em biết không, chi đã có dịp gặp gỡ những thanh thiếu niên nam nữ Phật Tử Việt Nam. Họ với chiếc áo sơ mi lam hiền hậu, họ với chiếc áo dài lam nhu mì. Những ngày chủ nhật họ quây quần bên nhau cùng tu, cùng học; họ nói, họ cười trong sáng. Với đôi mắt tinh anh, với bàn tay không ngại lao nhọc đang âm thầm xây dựng những con người Việt Nam không vong bản trên đất người. Chị vẫn mang thắm một hy vọng sẽ gặp tất cả các em của chị trong đó. Hãy vẽ đây cùng chung xây dựng tinh người như bài hát sinh hoạt của anh em Gia Đình Phật Tử.

Mỗi người là một cành hoa
Vẽ đây, vẽ đây góp gió
Làm thành vườn hoa
Vườn hoa, vườn hoa trử tình.

Tâm Bạch

Năm 1010, Lý Công Uẩn được triều thần tôn lên làm vua, tức là vua Thái Tổ nhà Hậu Lý. Với những kinh nghiệm rút ra được từ các tiền triều, Lý triều đã dựng một nền quân chủ quy mô vững chắc, đưa dân tộc ta bước nhanh trên con đường tiến hóa, đánh dấu một thời kỳ cực thịnh của dân tộc Việt Nam.

Lý Công Uẩn có một tiểu sử khá ly kỳ, ông người làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tục truyền mẹ ông là bà Phạm Thị đi chùa Tiêu Sơn năm mộng gặp thần nhân rồi thụ thai sinh ra ông. Năm ông lên ba mẹ ông cho ông làm con nuôi nhà sư Lý Khánh Vân trụ trì chùa Cổ Pháp; do đó, ông được đặt tên họ là Lý Công Uẩn. Lúc tuổi trưởng thành, ông ra làm quan dưới triều Tiền Lê tới chức "Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ" chức võ tướng chỉ huy cao cấp - ông đã tỏ ra là người có tài đức nên được mọi người quý mến. Khi vua Lê Ngọa Triều mất, sư Vạn Hạnh và Đào Cam Mộc lập mưu tôn ông lên làm vua, lúc đó ông đã 35 tuổi.

VIỆC DỜI ĐÓ :

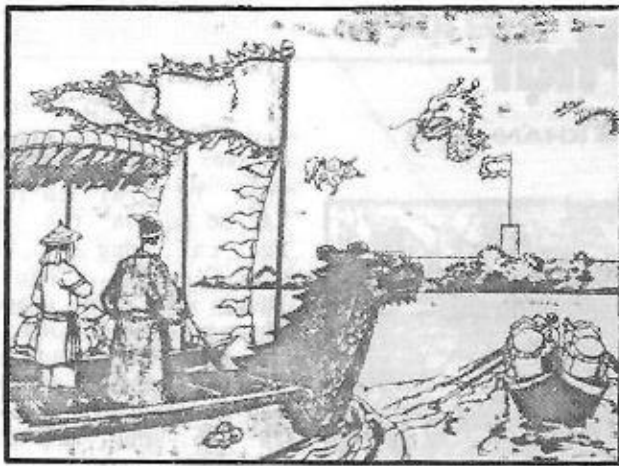
Ngay sau khi lên ngôi vua, Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La (tức là Hà Nội bây giờ). Tục truyền rằng, khi thuyền nhà vua ra đến Đại La thì có rồng vàng bay lên, nhân điểm ấy mới đặt tên là Thăng Long thành (1).

VIỆC NỘI TRI :

- **Hành chánh** : Lý Thái Tổ chia các quan văn võ ra làm 9 phẩm : Đại thần bên văn là Thái sư, Thái phó; bên võ có Đông thống, Nguyên soái. Chia nước ra làm 24 bộ và 2 trại, đặt Trấn thủ cai trị.

- **Quân sự** : Lý Thái Tổ tổ chức quân đội rất có kỷ luật(2); các hoàng tử được phong tước vương phải luyện tập binh lính và cử đi trấn tại các nơi trọng yếu. Thử ấy, các vương hầu có rất nhiều người giỏi nghề dụng binh.

- **Luật pháp** : Trước đó pháp



Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long

luật thành văn đã có, nhưng điều luật còn tàn bạo, việc xét xử có tính chất tùy tiện và chưa có tiêu chuẩn chung. Lý Thái Tổ đã đặt cơ sở pháp lý cho việc xét xử, có tác dụng hạn chế sự lộng hành và tùy tiện của quan lại các cấp. Một số phạm nhân dưới đời Lê ngoại triều được thả ra, cấp quần áo thuốc men để trở về quê quán.

- **Thuế má** : Lý Thái Tổ định ra 6 hạng thuế. Những năm mất mùa, các hạng thuế đều được miễn. Các quan lại không được trả lương, thường được phong cấp ruộng đất một số hộ trong vùng cai quản để thu thuế làm bổng lộc và sống bằng các khoản thu của dân. Riêng một số quan lại giữ việc ngục tụng thì được cấp lương bổng hàng năm tính theo tiền và thóc.

- **Dep loan** : Dưới đời Lý Thái Tổ chỉ có những loan nhỏ nổi lên ở Thanh Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, các hoàng tử đem quân đi dẹp tan, làm tăng thêm uy thế cho triều đình.

- **Tôn giáo** : Vì xuất thân từ cửa Phật, Lý Thái Tổ rất trọng đãi các nhà sư, cho làm chùa, đúc chuông rất nhiều, lại sai người sang Tàu thỉnh kinh Phật đem về truyền bá trong dân gian (3).

- **Văn học** : Lý Thái Tổ cũng rất săn sóc đến việc văn học, ông cho lập văn miếu, phát triển nho học và mở khoa thi Tam giáo (Phật, Lão, Khổng).

- **Việc ngoại giao**: Vừa lên ngôi Thái Tổ sai sứ sang Trung Hoa để giữ tình giao hảo. Vua Tống sắc phong cho Thái Tổ làm Giao Chỉ quân vương, sau lại gia phong là Nam Bình Vương. Nước Chiêm Thành và nước Chân Lạp chịu triều cống nước ta. Năm 1028, Lý Thái Tổ mất, thọ được 55 tuổi, làm vua được 18 năm, nổi tiếng là ông vua nhân đạo có công giữ được an ninh và

gây được thịnh vượng cho đất nước !

(1) Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp, chỉ có địa thế núi non hiểm trở, thích hợp cho 1 vị trí phòng ngự lợi hại về quân sự. Còn Thăng Long, ở giữa vùng đồng bằng, với những điều kiện giao thông thủy bộ thuận tiện mới có thể trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của một quốc gia độc lập, hùng cường. Chiều dời đô của Lý Thái Tổ có nói rõ mục đích : đóng đô nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu đời sau. Tại kinh thành Thăng Long, nhà Lý cho xây dựng nhiều lâu đài, cung điện, đền chùa và thành lũy bảo vệ. Từ đó, Thăng Long với hình ảnh "rồng bay lên" đẹp đẽ và kiêu hãnh, tượng trưng cho khí thế vươn lên của dân tộc.

(2) Đời Lý được lập nên vào lúc nạn ngoại xâm còn là nguy cơ trực tiếp và thường xuyên. Do đó, nhà Lý quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng lực lượng quân sự; quân đội bao gồm quân cấm vệ và quân các bộ. Quân cấm vệ bảo vệ kinh thành được huấn luyện tinh nhuệ và chu đáo. Quân các bộ là quân đội địa phương canh phòng và bảo vệ các bộ, phủ, châu. Nghĩa vụ quân dịch và tuyển lính chặt chẽ. Dân đinh từ 18 đến 20 tuổi gọi là hoàng nam, từ 21 đến 60 tuổi gọi là đại hoàng nam. Khi có chiến tranh, căn động viên quân lính, chính quyền căn cứ vào sổ tuyển lính. Khi hết chiến tranh, quân lính lại chia làm những bộ phận luân phiên nhau về làm ruộng. Gọi là chính sách "ngụ binh ư nông" (có nghĩa gửi quân lính ở nhà nông). Quân đội được phiên chế thành các đơn vị : quân vệ bao gồm các binh chủng: bộ binh, thủy binh, kỵ binh, tượng binh.

Vũ khí trang bị như giáo mác, cung nỏ, khiên, máy bắn đá...

(3) Lý Thái Tổ xuất hai vạn quan tiền để dựng 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức; tại Thăng Long lập chùa Thiên Ngự, chùa Vạn Tuế, cung Thái Thanh; ngoài Thăng Long lập chùa Thăng Nghiêm, Thiên Vương, Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thổ, Thiên Quang, Thiên Đức. Ở các nơi khác, các chùa bị đổ nát đều được tu bổ. Năm 1018, sứ bộ của ta sang Tống xin được kính Tam tạng về để tại nhà Đại Hưng là kho chứa kinh.

Thiện Hạnh

(Còn tiếp)

Con Chó và Miếng Thịt

Một hôm, một con chó vào hàng thịt cơm ngoam trôm miếng thịt. Người nhà hàng trông thấy, vác gậy đuổi theo. Con chó dầm đầu chạy. Khi chạy đã xa, đến một cái cầu, con chó đứng lại để ăn. Nhìn xuống sông, thấy có miếng thịt to hơn miếng thịt đang ngậm trong miệng. Nó liền nhả ngay miếng thịt ấy ra, nhảy xuống sông định lấy miếng thịt ở dưới nước. Nhưng nào có lấy được! Chẳng qua chỉ là cái bóng miếng thịt nước chiếu mà thôi. Còn miếng thịt kia bị dòng nước cuốn cuốn kéo đi, con chó hết sức đuổi theo cũng không sao lấy lại được nữa. Ôi ! con chó lấy trôm thịt là có tội, con chó nhả bỏ miếng thịt lại là khờ dại. Thả mỗi bắt bóng, bóng bắt chẳng được, mỗi kia không còn, chẳng là đáng tiếc lắm sao! Người ta ở đời chẳng nên đứng núi này trông núi nọ, đã được voi còn đòi tiên. Cái gì đã nắm chắc trong tay, ta chớ nên buông ra mà chực những cái ảo huyền đầu đầu.

Ca dao :

- Thả mỗi bắt bóng
- Đứng núi này trông núi nọ
- Được voi đòi tiên

Hồng Nhiên (Lingen)



CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

● Chùa KHÁNH ANH

tiếp theo



Thái Tử trải cỏ lau dưới gốc cây Bồ Đề và thề nguyện rằng Ngài chỉ đứng lên khi nào đạt được Giác Ngộ. Thần cám dỗ, Ma Vương Ba Tuần (Màra) biết rõ thề nguyện của Ngài, bèn đem quý thần đến đó. Ma cố hết sức làm Ngài sợ hãi, và đưa ra mọi mồi mớm đủ thứ cám dỗ. Nhưng Thái Tử vẫn vững như thường, không một chút chuyển động trong cơn thiền định của Ngài.

Mọi nỗ lực của Ma Vương đều

không kết quả. Gã cùng đồng đảng rút lui, hoàn toàn thất bại. Thái Tử đạt được Giác Ngộ. Ngài trở thành một vị Phật. Sau khi thành Phật Đạo, Ngài đến thành Ca Thi (Ispatana) Ngài thuyết con đường Giác Ngộ cho năm vị Bà La Môn đã theo Ngài từ bước đầu tu tập và đã thất vọng khi thấy Ngài bỏ rơi khổ hạnh. Năm Bà La Môn này là những người đầu tiên đón nhận phước đức của Đức Phật.



Dần dà con số tín đồ bắt đầu tăng gia. Ngài bắt đầu chuyển bánh xe Pháp tại một nơi tên Lộc Dã Uyển (Saranatha) gần thành Ca Thi. Sau đây là bốn chân lý trong giáo thuyết của Ngài gọi là Tứ Đế.

- (1) Khổ đau là gì?
- (2) Làm sao khổ đau phát sinh?
- (3) Đau là kết thúc khổ đau?
- (4) Làm sao khổ đau chấm dứt?

Đó là Tứ Diệu Đế để đạt Giác

Ngộ. Ngài chỉ ra con đường gồm tám nguyên tắc cao cả gọi là Bát Chánh Đạo (Aniya Atthangika - Magga) gồm:

- (1) Chánh Kiến
- (2) Chánh tư duy
- (3) Chánh ngữ
- (4) Chánh nghiệp
- (5) Chánh mạng
- (6) Chánh tinh tấn
- (7) Chánh niệm
- (8) Chánh định



Nhiều người theo giáo lý của Đức Phật. Trên đường đi du hóa, Đức Phật đến nơi các bà la môn Kashyapa. Trong điện thờ lửa của người Kashyapa, có con rắn cực độc. Khi Đức Phật ngồi thiền, con rắn bò ra và sấn đến phía Ngài. Nhưng ngay khi Đức Phật đưa mắt nhìn nó, con rắn cuộn hẩn lại và nấp gọn vào trong bình bát của Ngài.

(còn tiếp)

"Một điều khẩn thiết và cấp cứu là chúng tôi đang bị đe dọa cùng cực là biến chúng tôi trở thành những người Khmer kháng chiến..." trên đây là 1 phần trong lá thư của đại diện hơn 1.000 bộ nhân tại trại tỵ nạn Site 2 South biên giới Thái Lan và Kampuchea gửi 1 số báo chí ở hải ngoại kêu cứu. Như chúng ta biết trong tháng qua những biến chuyển của tình hình chính trị thế giới liên quan tới vấn đề Đông Dương đã diễn ra thật đột ngột với những thay đổi lập trường của các phe phái liên hệ làm vấn đề Kampuchea ngày thêm nhiều uẩn khúc vào 5.4.89, đồng loạt từ Hà Nội Van Tượng Nam Vang tuyên bố bộ đội CSVN sẽ rút hết số quân còn lại ước tính từ 50.000 - 70.000 ở Kampuchea vào cuối tháng 9/89. Đồng thời phe Khmer Nam Vang đề nghị có thể thay cơ và tên "Công hòa nhân dân Kampuchea" chính quyền CS Nam Vang vẫn duy trì và đứng ra tổ chức bầu cử. Mặt khác phía CSVN cũng đề nghị 1 lực lượng kiểm soát quốc tế gồm Ba Lan, Ấn và Canada sẽ làm nhiệm vụ duy trì hòa bình. Được biết các đề nghị trên chỉ diễn ra vài ngày trước cuối tháng 3/89 sau khi phiên họp đặc biệt ủy ban trung ương đảng CSVN tại Hà Nội được diễn ra, cùng như áp lực mạnh mẽ của Sô Viết sau khi lịch trình cuộc họp thượng đỉnh Nga Hoa sẽ diễn ra vào trung tuần tháng 5/89 tại Bắc Kinh được công bố. Nhìn thấy vấn đề Kampuchea bị 2 đàn anh trao đổi ký kết với nhau nên phía CSVN muốn không bê mặt trước việc đã rồi. Nếu ngày 5.4.89 tuyên bố hạn ký rút quân là 30.9. Như chúng ta biết chỉ trước đó vài tuần tại Jakarta thù đồ Nam Dương, phía CSVN và chính phủ bù nhìn Nam Vang lên tiếng bác bỏ mọi đề nghị của các phe phái liên hệ và Nguyễn Cơ Thạch tuyên bố dứt khoát sẽ rút quân vào cuối 1990.

Trước những thay đổi nhanh chóng lập trường của CSVN, vấn đề bộ đội CSVN rút quân khỏi Kampuchea và 9/89 này đưa tới nhiều quan điểm khác nhau của các phe phái liên hệ. Phía Mỹ và Tây Âu thì tỏ ra lạc quan, tuy nhiên với đề nghị 1 lực lượng quốc tế gồm 3 nước Ba Lan Ấn và Canada để kiểm soát thì dăm ra nghi ngờ, CSVN còn toan tính gì khác. Trong khi đó tại Nam Vang chính quyền bù nhìn ở đây tuyên bố sẵn sàng yêu cầu bộ đội CSVN trở lại nếu cảm thấy cần thiết.

Phía Thái từ Sihanouk cũng đã có những thay đổi lập trường, ông trở lại vấn đề yêu cầu chính quyền Khmer Nam Vang từ chức, 1 chính phủ lâm thời gồm 4 phe thành hình và đứng ra tổ chức bầu cử. Cũng như 1 hội nghị quốc tế được triệu tập ở Paris, đồng thời giới Sihanouk cũng đạt lời mời Hun Sen thủ tướng Khmer Nam Vang tới thảo luận cùng như 1 hội nghị 4 phe vào đầu tháng 5/89 tại Jakarta.



KAMPUCHEA

Canh bài bịp của CSVN bắt đầu

Trên đây là những thay đổi của các phe phái Khmer liên hệ. Tuy nhiên các siêu cường thì có những vấn đề riêng của họ. Sau khi mối quan hệ Nga Hoa ấm lại, phía CSVN bắt liên lạc được với Trung Quốc, Thái Lan có thái độ ồm chân Trung Quốc sẽ vào trong khối Asean. Thủ tướng Thái mới Hun Sen qua Bangkok họp bàn. Có những dấu hiệu cho thấy Nga Hoa muốn gạt Mỹ ra ngoài để quyết định với nhau trong vấn đề Kampuchea. Chính giới Mỹ đã có những phản ứng cấp thời. Phó tổng thống Mỹ Dan Quayle bắt ngớ mớ chuyển viếng thăm Thái Lan, bao gồm cả cuộc viếng thăm 1 số trại tỵ nạn người Đông Dương ở biên giới Thái Miên. Ngoài ra Dan Quayle cũng viếng Úc và Singapore. Mặt khác tại Mỹ sau khi CSVN tuyên bố rút quân vào tháng 9/89 1 số lãnh tụ quốc hội Mỹ đã gặp đại sứ Trung Quốc Han Xu ở Hoa Thịnh Đốn, yêu cầu Trung Quốc ngưng yểm trợ Khmer Đỏ: Trong khi đó Stephen Solarz Chủ tịch ủy ban A Châu và Thái Bình Dương ở thượng viện Mỹ đã cấp tốc làm chuyến viếng thăm Bắc Kinh, Nam Vang, Hà Nội và 1 số thủ đô A Châu khác. Sau khi trở lại Mỹ ông thúc dục Mỹ phải mau chóng yểm trợ vũ khí cho phe Khmer không Cộng Sản ở Kampuchea để có thể đương đầu với phe Khmer Đỏ. Phía chính quyền Bush đang thúc dục phía quốc hội nhanh chóng yểm trợ chính phủ của ông trong vấn đề viện trợ chiến cụ cho phe Sihanouk và Son

Sann. Trong khi đó 2 phe Khmer không CS này đã sốt sắng tuyển thêm quân cũng như kiện toàn thêm lực lượng. Đối tượng là các thành phần tỵ nạn Đông Dương trong các trại tỵ nạn gồm Miên, Việt và Lào. Hai phe Khmer Sihanouk và Son Sann hy vọng rằng sau khi nhận được viện trợ của Mỹ họ có thể tăng giảm quân số của 2 lực lượng lên khoảng 60.000 tay súng, với số quân này may ra cầm chân được sự trở lại năm quyền của phe Khmer Đỏ ở Nam Vang. Thái độ sốt sắng của phía chính phủ Bush trong vấn đề viện trợ cho Sihanouk và Son Sann vì hầu hết giới quân sự và ngoại giao Âu Mỹ ở Bangkok đưa ra lời tiên đoán sau khi bộ đội CSVN rút khỏi Miên, trận chiến sẽ diễn ra giữa phe Nam Vang và Khmer Đỏ, cuối cùng sẽ có sự trao đổi với nhau, 2 phe CS sẽ nhanh chóng gạt Sihanouk và Son Sann ra bên lề.

Vấn đề gia tăng quân số cho 2 phe Khmer không CS đã được Mỹ bàn tính trước đây khi còn chính quyền Reagan. Vấn đề chính quyền Thái tập trung các trại tỵ nạn dọc biên giới trong năm qua là trong toan tính dùng khối người tỵ nạn này làm hậu phương lớn cho lực lượng kháng chiến. Như chúng ta biết hơn 1 năm trước đây chính giới Mỹ và Thái Lan đã đưa lời tuyên bố họ tiếc rẻ về 1 sự sai lầm chiến lược quan trọng. Nếu trên 1 triệu người tỵ nạn Đông Dương được gom về tập trung trong các trại tỵ nạn dọc

biên giới Thái Miên, thay vì cho đi định cư các xứ Âu Mỹ, thì ngày nay bỏ mặt Đông Dương đã đổi khác. Sự chiến thắng của kháng chiến quân A Phú Hãn là 1 sự chứng nghiệm. Lời kêu cứu của 1 số người tỵ nạn VN ở trại Site 2 về vấn đề phải gia nhập kháng chiến quân Khmer, là một chuyện phải diễn ra. Vấn đề Đông Dương lại bắt đầu bước vào những gút mắc mới. Nhưng 1 điều chắc chắn rằng hoà bình chưa thể nào đến với nhân dân Khmer trong lúc này. Mặt khác CSVN không bao giờ tôn trọng những gì họ hứa, vấn đề rút quân vào tháng 9/89 này chỉ là bàn đầu trong canh bạc bịp của đám lãnh tụ Hà Nội. Viên ảnh 1 trận nội chiến ở Kampuchea đã hiện ra, trong đó CSVN đứng sau giết giết và yểm trợ cho chính phủ bù nhìn Nam Vang. Ngoài ra yếu tố chiến lược quan trọng phòng thủ của lãnh thổ Kampuchea đối với suốt dọc miền cao nguyên Trung phần và Nam Việt Nam không thể nào CSVN dám nhà Kampuchea. Nếu Hà Nội thất sự rút hết quân khỏi Miên là chiến trường đã được dây gần tới lãnh thổ VN. Tuy nhiên những gì lo ngại của Hà Nội chẳng phải là lo ngại của Sô Việt và Trung Quốc. Trong thân phận là 1 chủ hầu với kiểu căng là những người đỉnh cao trí tuệ loài người, đám lãnh tụ Hà Nội đang cố vùng vẫy để xoa dịu tự ái. Hội nghị thường định Nga Hoa vào tháng 5 này, vấn đề quốc hội Mỹ chấp thuận ngân khoản viện trợ chiến cụ cho Sihanouk, Son Sann, hội nghị kinh tế Thái Lan, Miên và 3 nước Đông Dương cũng như mối quan hệ bình thường giữa Mỹ và CSVN được nối lại. Chắc chắn sẽ có những đổi thay lớn cho vấn đề Đông Dương, tuy nhiên chiến tranh sẽ vẫn còn diễn ra trong phần đất máu lửa này. Sau đây là diễn trình sự sa lầy của đám lãnh tụ Hà Nội trong toán tính diencuonghieu chiến xâm lăng.

25.12.1978 bộ đội CSVN ở ạt vượt biên xâm lăng Kampuchia.
22.6.1982 Khmer Đỏ và 2 phe không

CS liên minh dưới sự lãnh đạo của Sihanouk.
11.1984 tới 3.1985 tổng công kích của bộ đội CSVN vào lực lượng Khmer Đỏ.
12.1987 CSVN tuyên bố rút 22.000 quân.
5.4.1989 áp lực đè nặng của Sô Việt, CSVN tuyên bố rút hết quân khỏi Miên vào 30.9.1989.
Một tương lai sáng sủa cho dân tộc thống khổ Khmer vẫn còn nhiều triển vọng, khi các phe liên hệ chỉ muốn bày lại "cuộc chơi" thay vì muốn tìm 1 sự ổn định và hoà bình cho dân chúng Khmer. Vì nếu chiến tranh chấm dứt thì các lò sản xuất vũ khí không có nơi tiêu thụ và khủng hoảng kinh tế sẽ xảy ra cho các xứ này. "Chiến tranh là 1 thảm kịch, điều đó dĩ nhiên, nó làm nhiều người thống khổ. Nhưng nó là 1 nghiệp vụ thường mồi béo bở..." trên đây là lời tâm tình của 1 thương gia A Phú Hãn ở Kabul với 1 kỹ giả Tây phương. Lời tâm sự này phản ánh rất trung thực toan tính của các xứ liên hệ tới trận chiến Kampuchea.
Mặt khác chính phủ bù nhìn Nam Vang mới thực hiện 1 cuộc cải tổ trong hàng ngũ đảng cách mạng của nhân dân tức đảng CS đang nắm quyền. Bộ chính trị có thêm 4 người mới, ủy ban trung ương đảng cũng tăng từ 44 lên 65 người hầu hết là các cán bộ kinh tế và hành chính tinh.

Ngoài ra chính quyền bù nhìn Nam Vang cũng giới thiệu 1 loạt cải cách kinh tế và chính trị. Những thay đổi của Nam Vang đồng nhịp với 1 vài thay đổi nhân sự ở Hà Nội như Võ Đông Giang được cử làm chủ tịch ủy ban kinh tế, Phan Văn Khải từ chủ tịch ủy ban nhân dân thành Hồ về nắm chủ tịch ủy ban kế hoạch nhà nước.v.v...
Các thay đổi của bao quyền Hà Nội và chính quyền bù nhìn Nam Vang không ngoài mục đích bịp bợm là để có sự thay đổi mới nơi lòng để dụ dỗ các xứ tư bản Tây phương bỏ vốn đầu tư hầu cứu gỡ nền kinh tế đường cùng của cả 2 xứ./.

HOA KỶ

Chính phủ BUSH đang vất vả né tránh những đòn hỏa mù của Liên Sô

Sau hơn 3 tháng nắm quyền, chính phủ của Tổng thống Bush đã loay quay trước muôn vàn khó khăn đổ tới trong cả hai lãnh vực quốc nội và quốc ngoại. Tại quốc nội vấn đề thâm thủng ngân sách, nạn lạm phát gia tăng, số thất nghiệp cũng không suy giảm. Trong khi đó trên lãnh vực ngoại giao quốc tế chủ tịch nhà nước Sô Việt Gorbatchev đã khởi đầu những thành quả thu được sau khi tung những đòn phép ngoại giao hòa giải hòa hợp. Sự chia rẽ đã đến với Mỹ và các xứ Tây Âu đứng đầu là Tây Đức. Vấn đề tới tận hỏa hòa tiến tằm ngắn Lance ở

Tây Âu. Đã đưa tới cuộc tranh cãi và bất đồng sâu xa giữa Mỹ và Tây Đức. Chính phủ Bonn càng ngày càng tỏ ra thân thiện với Liên Sô. Ngoài vấn đề tri hoãn tới tận hỏa hòa hòa tiến tằm ngắn lý do đám chúng Tây Đức không ủng hộ. Tây Đức còn thúc dục Mỹ và các hội viên NATO mau chóng tới bàn hội nghị để ký kết với Liên Sô gỡ bỏ hết tất cả các hỏa tiến tằm ngắn ở Tây và Đông Âu. Hans Stereken chủ tịch Ủy ban ngoại giao quốc hội Tây Đức tuyên bố "hầu hết các nước ủng hộ giải pháp của Tây Đức". Cho tới nay 16 nước trong khối NATO đã đi

tới những bất đồng. Chỉ Mỹ, Anh, Hòa Lan là lên tiếng chống đề nghị của Tây Đức. Bỉ, Tây Ban Nha, Hy Lạp ủng hộ mạnh đề nghị của chính quyền Bonn, Na Uy tuyên bố giữa thái độ "sao cũng được", Đan Mạch tuyên bố rất gần quan điểm với chính quyền Bonn, Ý tuyên bố tỏ ra hiểu rõ quan điểm của Tây Đức. Riêng Canada, Thổ Nhĩ Kỳ thì ủng hộ đề nghị của Mỹ. Ngoài ra Pháp không nằm trong phần lực lượng quân sự với NATO, Pháp có lực lượng nguyên tử riêng biệt. Mặt khác Pháp đã tỏ ra dè dặt không có lời bình luận nào về quyết định của chính quyền Tây Đức cả.

Vào thượng tuần tháng 5/89 chính quyền Bonn đưa ra những lời tuyên bố mập mờ là sẽ đồng ý chậm lại hội nghị với Liên Sô và chờ đợi hội nghị giữa các đồng minh NATO vào cuối tháng 5/89. Ngoài ra chính quyền Bonn cũng tuyên bố rời đây sẽ tháo gỡ các hỏa tiến tằm ngắn ở Tây Đức. Đại diện chính quyền Tây Đức cũng từ chối lời hỏi liên Tây Đức có tự sản xuất và thiết bị hệ thống hỏa tiến tằm ngắn để phòng thủ không?

Như chúng ta biết hiện nay có trên 225.000 lính Mỹ đóng ở Tây Đức. Phía chính quyền Hoa Thịnh Đốn nêu lý do bảo vệ an ninh tính mạng cho binh lính họ, nên không thể chậm trễ vấn đề tàn tiến hỏa các hỏa tiến tằm ngắn phòng thủ này. Về phía Liên Sô sẽ hỏa tiến tằm ngắn hiện có 1.600 cái 1 đầu nguyên tử, trong khi NATO có 88 cái với 600 đầu nguyên tử. Mặt khác Liên Sô mới kiện toàn hóa loại SS-21S và SS-23S có thể mang được 10 đầu đạn nguyên tử. Thái độ khôn khéo của Liên Sô muốn tới bàn hội nghị để đưa đề nghị tháo gỡ những hỏa tiến thành xong những hỏa tiến tới tàn và đa đầu. Về phía Tây Đức chính quyền Bonn dĩ nhiên biết những điều này. Nhưng trước những hứa hẹn của Liên Sô dành cho Tây Đức nhiều ưu quyền kinh tế. Mặt khác sau hơn 40 năm bị Mỹ chi phối mọi quyết định chính trị kinh tế v.v... Ngày nay Tây Đức đã cảm thấy mình tự dám đương lấy trách nhiệm bảo vệ an ninh của mình. Cũng như muốn trở thành 1 cường quốc đích thực đứng giữa 2 thế lực siêu cường Nga - Mỹ.

Về phía Hoa Kỳ ngày một suy yếu, cũng như những thay đổi nhanh chóng trong chính sách ngoại giao, làm cho các quốc gia đồng minh lo ngại. Mặt khác 1 số chính giới ở Tây Âu lo ngại rằng đã có những điều đổi chất bí mật giữa Mỹ và Liên Sô. Cũng như mục đích tối tân hỏa nhanh chóng các hệ thống hỏa tiến phòng thủ, để Hoa Kỳ mang lực lượng bộ binh trên 326.000 lính Mỹ ở Tây Âu về. Như chúng ta biết trong năm qua những nhà ngoại giao hàng đầu của Mỹ, thường đưa ra những lời tuyên bố là để tránh 1 cuộc chiến ở Âu châu, một là cả 2 siêu cường Mỹ Nga có quân ở Tây và Đông Âu, hai là cả 2 đều rút. Tại Hoa Kỳ chính quyền Bush trong hơn 3 tháng nắm quyền sở dĩ chậm chạp tuyên bố 1 chính sách ngoại giao toàn cầu rõ ràng, là cần nhắc và điều nghiên

kỹ hơn những đòn phép của lãnh tụ điện cầm linh. Mặt khác để giải quyết những thâm thù của ngân sách chính quyền Bush đã quyết định cho cắt giảm những chi phí quốc phòng như giảm thiểu ngân quỹ cho chương trình SDI từ 5 tỷ xuống 4 tỷ 6, cho giải ngũ bớt 8.000 quân loại oanh tạc cơ Stealth cũng bị ngưng sản xuất để cắt giảm được 1 tỷ cho ngân sách của tài khóa 1990. Lý do tổng trưởng quốc phòng Mỹ Cheney nói "ông cảm thấy không hài lòng với 68 tỷ cho lực lượng không quân, trong khi loại oanh tạc cơ Stealth quá đắt giá và đòi hỏi nhiều kỹ thuật."

Về vấn đề A Phú Hãn Tổng thống Bush tuyên bố vẫn tiếp tục yểm trợ chiến cụ cho phe kháng chiến quân. Tuy nhiên 7 lực lượng thuộc phe kháng chiến đã có những chia rẽ. Cuộc tấn công vào thành phố lớn thứ 2 của A Phú Hãn là Jalalabab của phe kháng chiến đã không đạt được kết quả mong đợi. Cũng như sự bao vây kinh tế thủ đô Kabul cắt đường nối liền Kabul và Liên Xô phe kháng chiến cũng không làm được. Vì hòa lực quá hùng hậu của Xô Việt viện trợ dồi dào cho chính quyền bù nhìn Kabul.

Về phía chính quyền Mỹ lực lượng C.I.A quyết cùng Pakistan, Ả Rập Saudi yểm trợ mạnh để lực lượng kháng chiến tiến về Kabul khai tử chế độ bù nhìn ở đây. Nhưng cho tới nay sau hơn 5 tháng chính phủ lưu vong của kháng chiến quân ra đời nhưng vì những bất đồng nên chưa thành công. Chính quyền Mỹ đang cố gắng yểm trợ phe kháng chiến tìm được chiến thắng, hầu phía hành pháp Mỹ mới để ẩn nói với phe quốc hội của đảng đối lập Dân chủ.

Trong khi đó vào đầu tháng 5/89 bộ ngoại giao Mỹ tuyên bố lịch trình chuyến viếng thăm BaLan của Tổng thống Bush, chuyến đi này mang một tầm mức tương tự như chuyến viếng thăm của chủ tịch Gorbachev tới Tây Đức vào trung tuần tháng 6/89 này. Được biết BaLan mới đây chính quyền đã có những đối thoại với phe nghiệp đoàn Đoàn Kết của Walesa Có những chiếu hướng cởi mở như chúng ta biết bộ tư lệnh khối Đông Âu đặt ở Varsovie thủ đô của BaLan. Nếu có 1 sự chuyển biến chính trị ở BaLan sẽ ảnh hưởng tới sự đoàn kết của khối Đông Âu và Xô Việt.

Là 1 người có nhiều kinh nghiệm ngoại giao và từng nắm chức giám đốc cơ quan tình báo C.I.A Tổng thống Bush của Mỹ đang dè dặt từng bước để thoát những đòn phép bủa vây của Liên Xô, trong chiến lược tấn công hòa bình và tạo chia rẽ giữa Tây Âu và Mỹ. Sau khi rút quân khỏi A Phú Hãn, Nga tiếp tục rút 1 số chiến xa và bộ binh ở Hung và Đông Đức. Thật ra cho tới nay cán cân sức mạnh quân sự của Nga và Đông Âu so với Mỹ + NATO có 1 sự chênh lệch rõ rệt nên dù Nga có rút 1 số bộ binh và các chiến cụ lõi thời về cũng chẳng ảnh hưởng tới sức mạnh quân sự của Nga ở Đông Âu cả.

Trong những thay đổi bất thường của các biến động thế giới, 1 điều cho mọi người thấy cho tới nay một sự suy thoái nào về sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ đều kéo theo những bất ổn cho nền an ninh thế giới. Mặt khác các xứ CS sau nhiều tin tưởng vào lý thuyết Marx Lénine ngày nay họ đã và đang tỉnh ngộ. Quyết thực hiện 1 cuộc cải cách kinh tế để đưa vào với các xứ tư bản Âu Mỹ, chẳng ai có thể cả quyết rằng 10,15 năm nữa họ không có thể bắt kịp hay qua mặt. Cuộc chạy đua về lãnh vực không gian giữa Mỹ và Nga làm người ta suy nghĩ nhiều. Mặt khác một giả thuyết nếu vào những thập niên đầu của thế kỷ 21 này Liên Xô và các xứ Đông Âu hoàn toàn chới tư chủ nghĩa CS. Liệu 1 xứ Nga không CS, có chắc chắn bảo đảm là các nhà lãnh đạo của Nga lúc đó không theo đuổi 1 mục đích bành trướng lãnh thổ không? Con gấu Nga đang cạo móng vuốt về để ve vãn nhân dân thế giới, nhưng sức lực của nó đang được bồi dưỡng tới đa. Trong khi con ở Mỹ đang rũ liệt dần đôi cánh từng dang ra che cho nhiều đồng minh của Mỹ.

Trong khi đó cuối tháng 5 và đầu tháng 6 tình hình thế giới bỗng chợt sôi động, những biến chuyển dồn dập đổ tới. Từ hội nghị NATO ở Bruxelles, Tổng thống Bush đã tung radon "phản pháo" lại kế hoạch tấn công hòa bình của chủ tịch nhà nước Gorbachev bấy lâu nay trong màn trình diễn giảm thiểu vũ khí và quân số ở Âu Châu. Khác với những năm trước đây, Liên Xô thường đưa đề nghị tài giảm vũ khí trước với những chọn lựa cắt giảm những vũ

khí nào Liên Xô thấy đã lỗi thời hoặc số lượng nhiều hơn Mỹ và NATO phần này Bush đã tung ra đề nghị Mỹ rút 20.000 lực lượng chiến xa, 28.000 thiết giáp, 16.500 pháo binh (hòa tiến đầu đạn nguyên tử) 3.800 chiến đấu cơ, 2.200 trực thăng võ trang và rút 30.000 G.I khỏi Tây Âu. Mặt khác để dung hòa những bất đồng giữa Mỹ và Tây Đức. Tổng thống Mỹ cũng chấp thuận đề nghị của chính quyền Bonn là chậm lại vấn đề tân trang hóa hòa tiến tầm ngắn vào sau 1992. Tiếp sau đó là cuộc thăm viếng trong 2 ngày của Bush ở Tây Đức. Chính quyền Mỹ đã cố gắng thỏa mãn những đòi hỏi của Tây Đức hầu phá tan đòn ly gián của Liên Xô đang nhắm vào mục tiêu chính là kéo Tây Đức ra khỏi NATO.

Tiếp theo những biến chuyển chính trị ở Tây Âu, tình hình Trung Quốc đột nhiên biến động mạnh với sự lên chân trở lại của phe cánh bảo thủ. Cuộc đàn áp đẫm máu phong trào đòi dân chủ của sinh viên và dân chúng ở Bắc Kinh do phe bảo thủ trong đảng CS Trung Quốc hành động. Biến cố này đã đẩy chính quyền Mỹ vào một tình trạng khó xử. Phe Dân chủ của quốc hội Mỹ mạnh mẽ thúc đẩy chính quyền Bush phải có thái độ với chính quyền CS Trung Quốc. Trong khi phía hành pháp Mỹ thì đang dấn đo không muốn làm tan vỡ mối giao hảo tốt đẹp giữa Mỹ và Trung Quốc đã thành hình từ 10 năm qua. Để dung hòa các ý kiến nghị sĩ Claiborne Pell chủ tịch ủy ban liên lạc ngoại giao thượng viện Mỹ đã tuyên bố "nếu các vụ đàn áp còn tiếp tục diễn ra, chắc chắn nó sẽ ảnh hưởng tới mối quan hệ Mỹ, Hoa.

IRAN

Ông Đạo KHOMEINI không còn nữa

Người chính thức lên tiếng kết án Mỹ là một đại Satan của thế kỷ, Ayatullah Khomeini, lãnh tụ của cuộc cách mạng Hồi Giáo Iran đã qua đời ở tuổi 89.

Khomeini ! một tên tuổi rất quen thuộc với báo chí và dân chúng Âu Mỹ. Người mà thế giới Tây Phương nhiều phen làm họ phải lên ruột qua các hành động liều lĩnh mà chẳng một chính khách Tây Phương nào dù tài giỏi tới đâu có thể tiên đoán được Khomeini muốn gì và sẽ làm gì.

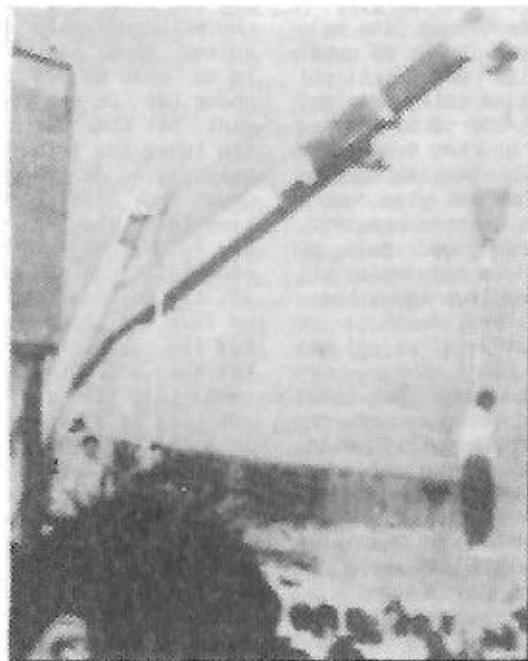
Khomeini, cá một chuỗi dài gần trọn thế kỷ của cuộc đời con người với rất nhiều thật và hư, chẳng ai biết đích xác tên thật của Khomeini là gì và ngày sinh chính xác. Khomeini và dân chúng Iran tin rằng ông ta chết ở tuổi 89. Nhưng lại có những nguồn tin khác Khomeini ra đời trong khoảng từ 1900, 1901 hoặc 1902 và có lẽ là 1903 thì sát thực tế. Tuy nhiên 27.5.1900 được coi là ngày sinh nhật của Khomeini. Ra đời tại thị trấn Khomeini, 300km phía Nam thủ đô của Iran, lớn lên sống với mẹ và người cậu, cha là 1

tu sĩ Hồi Giáo nhiều vợ. Khomeini là 1 chủng sinh của 1 thánh đường Hồi Giáo ở Khomein. Vào những năm đầu của thập niên 1920. Khomeini lên tỉnh Qum theo học, sau khi tốt nghiệp làm nghề dạy học và thời gian này Khomeini đã tỏ ra say mê triết lý của Hồi Giáo, cùng tư tưởng Công Hòa của triết học Platon. Cùng trong thời gian này Kho-



Thủ Tướng Ali Chameini, người tạo kế vị Khomeini

meini lập gia đình, có được 1 người con gái nhưng chết lúc còn nhỏ và 1 người con trai vào những năm 1970 theo cha chống chế độ độc tài Shah và bị cảnh sát bắt đánh chết. Nhưng cũng có tin người vợ đầu tiên của Khomeini chết sớm, Khomeini lấy con gái 1 địa chủ, và người vợ này sinh 3 gái, 1 trai. Khởi đầu 1941 Khomeini bắt đầu hoạt động chính trị và lên tiếng chống chế độ Shah. Và tới 6/1963 ảnh hưởng của Khomeini trong quần chúng ngày một nhiều, trong tháng này Khomeini đã kêu gọi được trên 100.000 người tập trung ở thánh đường Hồi Giáo thuộc tỉnh Qum, chính quyền Shah được gọi quân đội và cảnh sát tới giải tán cuộc mít ting này, Khomeini bị bắt. Sau đó được thả nhưng bị quản thúc tại gia, kể đó bị đưa ra tòa, nhưng Khomeini từ chối xin chống án với thủ tướng Hassan Ali Mansour. Sau đó Khomeini bị ép buộc phải rời khỏi Iran, nhưng chỉ trong 1 tuần đó thì thủ tướng Hassan bị 1 thanh niên bắn chết hung thủ đeo trên cổ hình Khomeini. Nội vụ căng thẳng Khomeini phải trốn qua Thổ Nhĩ Kỳ sau chạy qua Irak, tại đây Khomeini tiếp tục chống Shah. Từ 1.1978 nhiều cuộc biểu tình đã diễn ra khắp nơi ở Iran, hình của Khomeini



Treo cổ đời lập, bắt dân chúng xem



Năm 1987, những trẻ em trong quân phục diễn hành tại Teheran. Trong cuộc chiến 8 năm, Khomeini đã tung các trẻ này qua những bãi mìn ở biên giới Iraq. Ông hứa là: "Nếu chết, chúng bây sẽ lên ngay Thiên đàng!"

được rước đi các nơi. Tới 9/1978 nhiều cuộc đình công của các công nhân mỏ dầu ở Iran. Chính quyền Shah phải tuyên bố tình trạng thiết quân luật. Trong thời gian này Khomeini thì bị trục xuất khỏi Irak phải chạy qua Pháp và bộ chỉ huy tranh đấu của Khomeini đặt ở ngoại ô Paris. Tại đây Khomeini và các đồng chí của ông đã liên hệ được với hàng trăm các tu sĩ Hồi Giáo ở Iran. Tháng 12/1978 Shah phải thoái vị và 16.1.1979 Khomeini tuyên bố thành lập chính phủ lưu vong. Nhưng phe quân đội còn trung thành với vua Shah, thủ tướng Shahpur Bakhtiar đã phong tòa phi

trường Teheran, không cho Khomeini từ Pháp trở về. Ngày 1.2.1979 Khomeini về được tới Iran, trên một chuyến bay của hàng không Pháp. Cùng ngày thủ tướng Bakhtiar từ chức và Khomeini nắm trọn quyền nhiều giáo luật Hồi giáo đem áp dụng, phụ nữ phải mặc áo dài phủ kín tay chân và che mặt (trừ 2 con mắt). Cộng Hòa Hồi Giáo Iran chính thức ra đời, Khomeini nắm cả thần quyền lẫn thế quyền. Ngày 4.10.79, lực lượng thanh niên Hồi giáo Iran tấn công tòa đại sứ Mỹ và bắt 52 nhân viên sứ quán làm con tin, và tuyên bố sẽ lần lượt đem bắn từng người và sẽ trực tiếp truyền hình cho thế giới xem. Trong khi đó tại Mỹ mùa vận động bầu cử sắp khởi đầu. Tháng 4/80 chính quyền Carter của Mỹ đã cho biệt kích đổ bộ để bắt lại con tin, những cuộc hành quân này thất bại, một trực thăng dung phải 1 chiếc C.130 phát nổ làm 8 lính Mỹ tử nạn. Cuộc bắt con tin Mỹ này của Iran đã làm cho Tổng thống Carter thất cử thảm bại trong lần tái tranh cử. Ngày 20.1.1981 tân Tổng thống Ronald Reagan lên nhậm chức, chính quyền Khomeini đã vội vàng tuyên bố phóng thích 52 con tin Mỹ, tính tổng cộng kéo dài 444 ngày. Ngay khi nắm quyền Khomeini đã thực hiện một cuộc thanh trừng mạnh mẽ và trong sạch hóa xứ Iran với hàng chục ngàn người gồm các sĩ quan của chế độ Shah, trộm cắp, homosexuals, gái điếm bị tử hình qua các hình thức bắn, treo cổ, ném đá và đốt chết. Kế tiếp sau khi bắt con tin Mỹ, Khomeini tuyên bố thực hiện cuộc cách mạng Hồi giáo, trong các xứ láng giềng, Khomeini hô hào dân Irak theo Hồi giáo hệ phái Shi'it hãy nổi lên làm cách mạng. Chính phủ Irak liền ra tay trước vào 9/1980, binh lính Irak vượt biên giới tấn công chiếm Shatt al Arab. Sau nhiều năm giao tranh, sau Iran

phản công chiếm tỉnh Basra vào cuối 1987; sau đó Irak tổng phản công dùng hơi ngạt tấn công lực lượng Iran ở Basra làm quân đội Iran tổn thất nặng, và Iran chịu vào bàn hội nghị 2 xứ ngưng chiến. Sau 7 năm chiến tranh số tổn phí của cả 2 xứ ước tính 500 tỷ US. Iran chết 900.000 và Irak 300.000 cả quân lẫn dân. Cuộc cách mạng Hồi giáo của Khomeini ở Iran tạo một ảnh hưởng khá mạnh trong thế giới Hồi giáo và nhiều sử gia thế giới đã cho rằng cuộc cách mạng của Khomeini mang tầm mức như cuộc cách mạng của Lenin ở Nga, Mahandas Gandhi ở Ấn độ và Mao ở Trung Hoa. Tuy giấc mơ của Khomeini chưa thực hiện được trọn vẹn là xuất cảng cách mạng đi các xứ Hồi giáo láng giềng nhưng mầm mống của 1 cuộc cách mạng Hồi giáo vẫn còn là nỗi lo sợ cho các xứ tư bản Âu Mỹ, vì người ta hình dung ra rằng nếu cuộc cách mạng của Khomeini lan rộng chắc chắn một cuộc thánh chiến sẽ diễn ra giữa Hồi giáo và Thiên chúa giáo như thời trung cổ. Như chúng ta biết hệ phái Hồi giáo Shi'it không như hệ phái Hồi giáo Sunni, những người Shi'it tin tưởng có một giới làm trung gian giữa thượng đế và con người. Đó là những siêu lãnh tụ, người được coi như thay mặt thượng đế và có 1 quyền hạn sinh sát rộng lớn cả thần quyền và thế quyền. Hình ảnh Ayatollah Ruhollah Khomeini biểu tượng cho loại siêu lãnh tụ này. Kể từ lúc chiếm được quyền lực ở Iran cho tới những ngày cuối trước khi lìa đời, Khomeini luôn luôn trở thành 1 biểu tượng của những gì sắt máu và bất ổn. Tháng 2/89 vừa qua cả thế giới ngỡ ngàng khi Khomeini tuyên bố treo giải thưởng cả triệu dollars cho bản án tử hình nhà văn Salman Rushdie người Anh gốc Ấn tác giả của tác phẩm "The Satanic Verses". Vì theo Khomeini tác phẩm

này có ý xúc phạm tới giáo chủ Muhammad của Hồi giáo. Kết quả Anh đổi cắt liên lạc ngoại giao với Iran và nhiều đại sứ Tây Âu được triệu hồi về nước.

Một ngày sau khi Khomeini qua đời, hội đồng chức sắc giáo quyền và thế quyền ở Iran đã chọn Ali Khomeini lên nắm quyền. Cho tới nay người ta chưa biết Khomeini có tiếp tục cuộc cách mạng của Khomeini không. Dù sao sau 10 năm Khomeini đã tạo cho giới tu sĩ Hồi giáo Iran 1 chất keo gắn bó cùng như 1 thế lực với quần chúng. Ali Khomeini và Akbar Hashemi Rafsanjani chủ tịch quốc hội Iran, cả 2 đều được coi là ít cực đoan và có tinh thần thực dụng; người ta hy

vọng rằng 1 xứ Iran dưới sự chân đất của ông đạo Khomeini thì bớt sắt máu và ổn ào.

Với thế giới Âu Mỹ, hình ảnh của Khomeini ít được kính trọng như tại Iran và các xứ Hồi giáo hệ phái Shi'it thì Khomeini được coi như một vị thánh. Tại toàn xứ Iran, khi hay tin Khomeini qua đời, hàng triệu người đã đổ xô ra đường ôm nhau vất vả khóc. "Một người dân Iran nói với 1 ký giả Anh Khomeini chết như tôi mất 1 người cha già, tôi đã tôn sùng ông với tất cả trái tim của tôi. Barry Rosen 1 trong 52 người Mỹ bị bắt làm con tin trong tòa đại sứ Mỹ ở Teheran 1979. Giờ ở New York nói "Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, như quên đi phần nào của một đêm kinh hoàng./.

sát, công an trong những cuộc bạo động về vấn đề sắc tộc khiến 71 người chết, trên 600 người bị thương và 400 người bị bắt. Tuy vậy cuộc bạo loạn vẫn còn tiếp diễn. Một khắc vào 15.5 Gorbachev đã mở chuyển công du Bắc Kinh, nối lại mối quan hệ với Trung Quốc sau 30 năm đứt mẻ. Đây được coi là 1 thành công lớn của Gorbachev trong lãnh vực ngoại giao quốc tế. Tiếp đến phe cứng rắn toàn thắng ở Trung Quốc sau khi đề bẹp phong trào tranh đấu của sinh viên và dân chúng Bắc Kinh. Mối quan hệ giữa Trung Quốc và các xứ Âu Mỹ bỗng trở thành vấn đề. Người ta nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để Liên Xô kéo Trung Quốc trở lại thăm thiết với họ.

Trong khi đó tại Đông Âu, xứ Balan cũng theo gót Liên Xô trong chánh sách cởi mở, nối lòng. Đảng CS cầm quyền ở Balan đã đổi thoai với phe Công đoàn Đoàn Kết và cho thực hiện cuộc bầu cử quốc hội. Các đại biểu thuộc Công đoàn Đoàn Kết đưa ra tranh cử đã đánh bại hầu hết các đại diện đảng CS Balan. Sau kết quả thảm bại này, Tổng bí thư đảng CS Balan tướng Jaruzelski nói có lẽ vào 1993 trong cuộc bầu cử các đảng viên CS sẽ bị loại hết. Tuy nhiên để theo như đúng lời cam kết phe đối lập của Công đoàn Đoàn Kết chỉ chiếm 35% số ghế trong quốc hội để 65% cho đảng CS và các đảng liên minh. Một khác 1 số đại biểu thuộc Công đoàn thì nghĩ rằng có thể chính quyền sẽ tuyên bố cho giải tán quốc hội và tổ chức bầu cử lại. Tuy nhiên trong cuộc phỏng vấn dành cho một nhật báo ở Anh. Tướng Jaruzelski nói "qua kết quả cuộc bầu cử ông thì không hời hợt, tuy nhiên rõ ràng là 1 kinh nghiệm lịch sử quý giá. Chúng tôi đã bắt đầu có..." Trong khi đó theo nguồn tin của hãng Reuter thì sau cuộc thất bại này 1 số đảng viên cao cấp của đảng CS Balan muốn đổi tên thành 1 đảng khuynh tả. Nguồn tin cũng cho rằng đa số trong 17 ủy viên bộ chính trị trong đó có cả tướng Jaruzelski cũng bằng lòng. Cũng tại Đông Âu, các xứ Hung Gia Lợi cũng đang trong chiều hướng nối lòng, cởi mở theo sát Balan. Một khác tại Ý Đại Lợi, đảng CS và mạnh nhất ở Tây Âu, sau cuộc đàn áp đẫm máu ở Bắc Kinh, do các lãnh tụ đảng CS Trung Quốc chủ xướng. Đảng CS Ý đang thảo luận vấn đề đổi tên. Các tên được 1 số đảng viên cao cấp đề nghị là đảng Lao Động, đảng Công Nhân, hay đảng Dân Chủ.

Nhưng thất bại kinh tế của chủ nghĩa CS ngày một trầm trọng, người ta nghĩ rằng để tồn tại các chính quyền CS sẽ hóa thể dần dần. Hoặc xét ra trong giai đoạn khó khăn hiện tại, lý thuyết Marx Lenin hết còn ăn khách nữa, họ phải thay hình đổi lối trong thể rắn lết da. Để cho cơ hội sẽ vung lên lại, 10 năm xa lìa dần chủ nghĩa CS ở Trung Quốc, bỗng chốc họ thay đổi trở lại sắt máu. Bài học Bắc Kinh mới đây làm cả thế giới Tây Phương ngó ngang. Tuy nhiên dân chúng Âu Mỹ

SỐ VIẾT và ĐÔNG ÂU

Rắn lột da trong trần trở

Vào năm 2017, tức tròn 100 năm kể từ ngày cuộc cách mạng vô sản ở Nga thành công, lăng Lenin trong công trường Đỏ, lúc ấy đã đổi tên là công trường Tự Do. Lăng đã được sửa sang lại tất cả, phía dưới đã được biến thành bãi đậu xe cho du khách và phía trên là 1 viện bảo tàng. Ngay cửa vào có hàng chữ "100 năm uống phở - 50 triệu mang người oan uổng". Trên đây là lời tiên đoán của Zbigniew Brzezinski, nguyên là cố vấn an ninh cho Tổng thống Mỹ Carter và tác giả của cuốn "The grand Failure".

Hơn 3 năm nắm quyền Gorbachev đã mở mặt trận tấn công ngoại giao tới tập Mỹ. Cũng như làm sao chia rẽ giữa Mỹ và Tây Âu, đứng đầu là Tây Đức. Nhiều đề nghị tài giảm vũ khí rồi tới quân số ở Châu Âu được Liên Xô đưa ra. Bỗng nhiên người CS Nga khoác bộ mặt mới thật hiền hòa, êm dịu. Đây Mỹ và các xứ Tây Âu vào thế thu đông, nhưng cục diện đã có những thay đổi sau hơn 4 tháng nắm quyền vào cuối tháng 5/89 trong hội nghị các xứ NATO ở Bruxelles, Tổng thống Mỹ Bush đã tung ra đề nghị mới về tài binh ở Âu Châu với con số nhiều hơn cả những đề nghị của Gorbachev trước đây. Trong khi đó tại Liên Xô để thực hiện những lời cam kết trong chủ trương Perestroika và Glasnost cả cơ chế Đảng và nhà nước Liên Xô đã có những thay đổi, Gorbachev muốn chơi trò chơi bầu cử dân chủ theo kiểu các xứ tư bản. Một cuộc bầu cử quốc hội đã diễn ra nhiều tay đảng viên kỳ cựu đã thất cử trước các ứng cử viên không phải là người do đảng CS đưa ra. Trò chơi dân chủ của Gorbachev đã là 1 con dao 2 lưỡi giúp Gorbachev có cơ hội dùng thế nhân dân để thanh trừng các đảng viên kỳ cựu nhưng bảo thủ có ý chống lại chủ trương cải cách của Gorbachev. Tuy nhiên với 1 số đại biểu chính thức được sự tín nhiệm của dân chúng bầu ra. Nay họ đã có những

hành động làm Gorbachev mất ăn, mất ngủ. Mỗi đây trong khóa họp đầu của quốc hội nhân dân mới được bầu ra. Các đại biểu của 3 cộng hòa vùng Baltic đã cùng nhau đứng lên bỏ phòng họp đi ra, phản đối vấn đề mà các đại biểu này cho rằng chính quyền Trung ương ở Mạc Tư Khoa đã lấn quyền các cộng hòa này. "Đồng chí! các đồng chí! hãy bình tĩnh; đây không phải là vấn đề đơn giản xin hãy trở lại để cùng thảo luận". Đó là những lời trấn an các đại biểu của 3 cộng hòa vùng Baltic các đại biểu của cộng hòa Estonia và Lithuania phản đối về luật bầu cử phải do Trung ương quyết định. Cuộc đàn xếp không ổn, có 25 đại biểu đã bỏ phòng họp đi ra. Qua vấn đề kinh tế, nhiều đại biểu đã lên tiếng về tình trạng kinh tế của Liên Xô đang tiến tới giai đoạn sụp đổ, và yêu cầu ngưng những khoản viện trợ quá lớn lao cho các xứ vùng Mỹ châu Latin, Cu Ba và Nicaragua ước tính từ 6 tới 8 tỷ SUS mỗi năm). Mong đại biểu lên tiếng nếu tình trạng lạm phát hiện tại và mức thâm thủng ngân sách có thể từ 2 tới 3 năm tới kinh tế Liên Xô sẽ khủng hoảng nặng. Đại biểu này cũng lên tiếng đã kích chính sách kinh tế của thủ tướng Nicolai I. Ryzhkov đã không có tính toán nên tạo ra sự rối loạn. Được biết Ryzhkov đưa ra chương trình giảm chi tiêu quốc phòng và tăng phụ cấp cho 40 triệu người dân Nga được xét là có mức sống quá thấp. Từ tháng 3/85 Gorbachev cho phát động phong trào chống nghiện ngập, nhiều hãng rượu bị đóng cửa số thuế thu từ rượu bị hao hụt khá nhiều cho ngân sách nhà nước. Vấn đề đòi cắt viện trợ cho Cuba và Nicaragua được nhắc tới nhiều. Một đại biểu nói không ai hiểu số tiền to lớn đó họ dùng làm gì? Trong khi đó tại thành phố Kokand thuộc Cộng hòa Uzbekistan hàng ngàn người say rượu và nghiện hút đã xô xát mạnh với cảnh

hơn 40 năm sống trong hòa bình, quay cuồng trong hưởng thụ vật chất họ mau chóng quên tất cả. Và chỉ khi nào hàng chục ngàn chiến xa của Xô Viết và khối Công Đồng Âu dân hàng ào ạt tiến vào Tây Âu,

ngiên nát tất cả nhu nhưng chiến xa quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc dan hàng cần lên các sinh viên và dân chúng ở Quảng trường Thiên An Môn, thì lúc đó tất cả cất tiếng kêu trời./.

tiếng hứa hẹn với các sinh viên tranh đấu là không dùng quân đội để đàn áp các cuộc biểu tình bất bạo động của sinh viên. Nhưng chỉ sau đó vài ngày tình trạng thiết quân luật được Li Peng trong chức vụ thủ tướng đã cho ban hành. Và chiến xa, thiết giáp cùng tất cả các loại vũ khí lớn nhô trứ các loại hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử là không được đem xử dụng, để bắn giết dân chúng Trung Quốc. Con số thương vong lên tới mức độ hàng ngàn, người ta không có một con số nào chính xác, vì nhiều xác của sinh viên bị lực lượng quân đội cướp mang đi. Tuy nhiên trong đêm tắm máu ở Thiên An Môn, hầu hết các bệnh viện ở Bắc Kinh, các nhà xác từng đồng xác người, máu nhiều nơi ngập các giày của các nhân viên cấp cứu.

Sau đây là lược qua diễn trình của cuộc tranh đấu đòi Dân chủ tự do của sinh viên Bắc Kinh.

- Khởi đầu vào ngày 18.4. nhiều ngàn sinh viên tuần hành trên đường

TRUNG QUỐC

Mùa Xuân tắm máu kinh hoàng

Tính đến ngày 1.10.1989 là tròn 40 năm ngày lực lượng quân đội giải phóng nhân dân do Mao lãnh đạo oai hùng tiến vào quảng trường Thiên An Môn ở Bắc Kinh. Và cũng chính nơi đây Mao đã xuất hiện tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc trong tiếng hoan hô của hàng triệu dân Tàu lúc bấy giờ. Gần 40 năm sau cũng tại nơi chốn này người Cộng Sản Trung Quốc đã lấy máu của nhân dân họ bôi đỏ thêm trang sử đầy hận thù và nước mắt của chính dân tộc họ, kể từ ngày người Cộng Sản Trung Quốc chối từ những tinh hoa sáng ngời của tổ tiên họ, cũng như giạt đổ, phá vỡ tan những hào quang của lịch sử với cả trên chục ngàn năm của một nền văn hóa bao trùm cả Đông phương. Mao đã mang tổ phụ Marx Lenine về cho dân chúng Trung Quốc tôn thờ.

Khi đoàn chiến xa dàn hàng ngang ào ạt tiến tới thì hàng trăm sinh viên học sinh đứng sát vào nhau và cùng cất cao giọng hát bài quốc tế ca. Súng nổ hàng loạt ngã gục, và kế tiếp như vậy, tới lần thứ 3 các sinh viên khác lại hứng lên và họ lại gục chết dưới những viên đạn, hoặc dưới xích những chiến xa do quân đội mang danh quân đội giải phóng nhân dân. "Tôi luôn luôn nghĩ quân đội giải phóng nhân dân thì yêu mến nhân dân" đó là lời tâm tình của một anh bồi bàn ở khách sạn Bắc Kinh với một kỹ giả Mỹ. Một hình ảnh bi hùng khác của những người trẻ Trung Quốc đã được một kỹ giả Anh ghi lại "họ cùng nhau nhảy vào lấy chính thân xác họ làm hàng rào cản những lần xích chiến xa đang hùng hổ xà hết tốc lực đâm vào họ", nhưng những chiếc xe không ngừng, họ đã bị nghiền nát... một hình ảnh "lấy lũng" khác của người lính CS Trung Quốc. "Tôi thấy một thiếu nữ đang đứng nói với các binh lính, các anh là quân đội của nhân dân, vậy các anh phải có cái đầu buồn chung với nhân dân chứ. Nàng đã được trả lời bằng 1 tràng súng, xác nàng đã bị quân đội nhân dân của nàng đạp lên". Một hình ảnh bi thương khác của một người trẻ Trung Quốc yêu chuộng tự do đã chết dưới mũi súng của quân đội nhân dân, được kỹ giả Jay Mathews của tờ Washington Post ghi lại "Chen Laishun 22 tuổi sinh viên Đại học nhân dân ở Bắc Kinh, tham gia phong trào sinh viên tranh đấu cho Dân chủ là một trong những phát ngôn viên của ủy ban tranh đấu. Vào khoảng giữa đêm, Chen đã leo lên nóc một nhà lầu ở phía Tây đại

sảnh đường nhân dân, Chen muốn chụp một vài tấm hình đám lính đang tập trung bao quanh gần đó. Ánh sáng lóe lên, Chen đã rơi từ nóc nhà xuống, đạn đã làm nát sọ Chen. Chen cố gắng thở hắt thêm vài cái trong vòng tay của người bạn gái đang ôm sát Chen vào ngực, nhưng không còn hy vọng gì, Chen đã ra đi". Hay những tiếng kêu thất thẫn trong tuyệt vọng của các sinh viên tranh đấu cho Dân chủ ở Bắc Kinh với các kỹ giả ngoại quốc hay bất cứ một người ngoại quốc



Thiên An Môn -
Xe tăng ngạo nghệ cán
tự do. Quân đội nhân dân
bắn vào dân chủ.



Thách thức với bạo lực

nào, nói với Liên Hiệp Quốc! nói với thế giới! những gì đang xảy ra ở Trung Quốc! nói với mọi người rằng chính quyền Trung Quốc đang tàn sát dân chúng Trung Quốc. Chúng tôi là công nhân và nông dân, chúng nó đã dùng đạn thật chứ không phải đạn giả để bắn chúng tôi. Mao Trạch Đông đã dạy cho đảng CS Trung Quốc rằng thế nào là quyền lực có được trên đầu súng. 13 năm sau khi Mao qua đời Đặng Tiểu Bình đã thuộc lòng những lời dạy của Mao và thượng tuần tháng 6/89 vừa qua Đặng đã thực hành và những người trẻ Trung Quốc không tất sát trong tay đã trở thành những bia đỡ đạn cho cuộc thí nghiệm của Đặng. Với số tuổi 84 đang mang trong người chứng bệnh ung thư và luôn luôn bệnh hoạn. Đặng Tiểu Bình cùng phe nhóm già nua cứng rắn trong giới lãnh đạo cao cấp Trung Quốc, lần đầu tiên trong lịch sử đảng CS Trung Quốc công khai dùng lực lượng quân đội võ trang bắn giết dân chúng ngay tại thủ đô của Trung Quốc. Đặng và Li Peng người đã trực tiếp lên

phố Bắc Kinh, trưng những biểu ngữ đòi dân chủ, ca những bài hát cách mạng và để cao tinh thần tranh đấu cho cái cách của cựu tổng bí thư đảng Hồ Diệu Bang đã chết vào 15.4.

- Ngày 22.4. hơn 100.000 người tụ họp về quảng trường Thiên An Môn hô hào đòi Dân chủ. Hơn 10 ngàn sinh viên cần lều chiếm đóng quảng trường này suốt đêm.

- Ngày 29.4. hàng triệu người tuần hành trên đường phố đòi tự do và Dân chủ.

- Ngày 13.5. 2000 sinh viên tuyên bố khởi đầu cuộc tuyệt thực ở Thiên An Môn.

- 14.5. một buổi họp cấp tốc của Bộ Chính trị và sau đó lời tuyên bố mềm dẻo của chủ tịch đảng CS Trung Quốc Triệu Tử Dương đặt vấn đề đối thoại với phe sinh viên.

- 15.5. Chủ tịch Gorbatshev của Liên Xô viếng thăm Bắc Kinh. Sinh viên tiếp tục tuyệt thực, chính quyền đã yêu cầu di chuyển để đón tiếp Gorbatshev nhưng sinh viên từ chối.

- 19.5. Thủ tướng Trung Quốc Li Peng cảnh cáo sự lộn xộn ở Bắc Kinh sẽ ảnh hưởng lan rộng ra toàn quốc.

Phía chính quyền muốn biết rõ nguyên vọng của sinh viên. Chủ tịch đảng Triệu Tử Dương đã tới thăm các sinh viên tuyệt thực và nói trong nước mắt. "Chúng tôi thì tới quá trễ... và ca ngợi lòng yêu nước của các sinh viên tranh đấu."

- 20.5. Quân luật được ban hành nhiều đơn vị quân đội được gởi tới Bắc Kinh. Hàng triệu dân chúng Bắc Kinh kéo biểu tình trên đường phố chống quân luật. Cùng ngày tin tức loan truyền phe cứng rắn do Đặng và Li Peng loại Triệu Tử Dương ra khỏi chức vụ Chủ tịch đảng.

- 25.5. Li Peng tuyên bố chính phủ do Peng cầm đầu đã yêu cầu gởi quân đội tới Bắc Kinh để thi hành quân luật.

- 27.5. Một số lãnh tụ sinh viên kêu gọi các sinh viên chấm dứt sự chiếm đóng quảng trường Thiên An Môn. Nhưng tuyên bố tiếp tục tổ chức các vụ biểu tình và đòi Li Peng từ chức.

- 2.6. Lực lượng quân đội không võ trang cố chiếm lại quảng trường nhưng bị ngăn lại bởi lực lượng dân chúng và sinh viên tranh đấu.

- 3.6. Lực lượng quân đội trở lại với cuộc xô sát với phe tranh đấu.

- 4.6. Giữa đêm ngày 3 rạng 4.6. Lực lượng chiến xa, thiết giáp cùng binh lính võ trang ào ạt tấn công phe tranh đấu, biến máu đã diễn ra, phe tranh đấu hàng ngàn sinh viên bị nghiền nát dưới xích xe tăng, cũng như gục ngã dưới hàng loạt súng do quân đội bắn sới xả vào.

- 9.6. Đặng Tiểu Bình xuất hiện trên hệ thống truyền hình ở Bắc Kinh sau 24 ngày im hơi lặng tiếng. Đặng đã nhận là có tham dự cuộc tàn sát đẫm máu ở Thiên An Môn và ca ngợi các binh lính trong lực lượng đàn áp phong trào tranh đấu. Cũng như trước đó một ngày Li Peng cũng xuất hiện trên hệ thống truyền hình, tổng kết thành quả phá tan cuộc tranh đấu đòi Dân chủ do sinh viên ở Bắc Kinh phát động. Mặt khác chính phủ cũng kêu gọi các lãnh tụ lực lượng tranh đấu ra đấu hàng. Một ký giả Trung Quốc nói với một du khách ngoại quốc "phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ coi như chấm dứt". Một bác sĩ trẻ kể bên nói tiếp "chúng tôi không có súng, chúng tôi không thể chiến đấu được" nhưng sau một vài tháng phong trào sẽ tái phát trở lại. Một nữ sinh viên ở Bắc Kinh nói với một ký giả Anh "họ đã thắng chúng tôi trong cuộc đấu tranh này, nhưng họ đã mất đi tất cả những niềm tin yêu của dân chúng".

Sau thảm kịch đẫm máu ở Thiên An Môn, cả thế giới Âu Mỹ đã sững sờ trước hành động sắt máu của giới lãnh đạo CS Trung Quốc. Báo chí truyền thanh truyền hình thế giới đã đặc biệt theo dõi và tin tức được đưa lên hàng đầu. Mặt khác các chính quyền Âu Mỹ đã nhanh chóng đưa những lời phản đối mạnh mẽ chính quyền Trung Quốc. Trước hết phía Hoa Kỳ xử hơn 10 năm qua có mối quan hệ tốt với Trung Quốc cũng như Mỹ đã ký kết nhiều thương ước

cũng như hiệp ước liên minh quân sự. Hàng trăm công ty Mỹ bỏ vốn đầu tư khuyếch trương kỹ nghệ Trung Quốc, nhiều phái đoàn quân sự cao cấp 2 nước qua lại thăm viếng nhau. Trước hành động dùng vũ khí đàn áp phong trào tranh đấu dân chủ của sinh viên, phía chính quyền Mỹ, cả lập pháp và hành pháp đã có phản ứng nhanh chóng. Tổng thống Bush đã tuyên bố đình chỉ tất cả những buôn bán giữa 2 nước và ngưng các cung cấp chiến cụ cho Trung Quốc.

- Đình chỉ các cuộc thăm viếng giữa các giới quân sự cao cấp.

- Sẵn sàng dành để dãi có trên 30.000 sinh viên Trung Quốc đang theo học ở Mỹ trong vấn đề muốn xin ở lại.

- Viện trợ thực phẩm và thuốc men qua cơ quan Hồng thập tự tới các nạn nhân cuộc đàn áp.

- Duyệt xét lại mối quan hệ nếu chính quyền Trung Quốc tiếp tục đàn áp dân chúng.



Sau cuộc tàn sát, binh sĩ của quân đội nhân dân đứng trước đồng xe đạp và rào cản nằm ngổn ngang. Phía trên đầu có một biểu ngữ viết: "Hãy xây dựng một thành phố đẹp!"

Tại Tokyo thủ đô Nhật, cuộc hội nghị kinh tế lẽ ra sẽ diễn ra đầu tháng 6/89 giữa 2 nước, với số vốn hơn 2 tỷ dollars từ bản Nhật bỏ vào đầu tư ở Trung Quốc. Sau vụ đàn áp đẫm máu chính phủ Nhật tuyên bố ngưng cuộc họp. Tại London ngoại trưởng Anh tuyên bố hủy bỏ chuyến viếng thăm Trung Quốc trong đầu tháng 6, và ông tuyên bố chính phủ Anh vô cùng kinh ngạc và ngỡ ngàng trước hành động đàn áp dân chúng bằng vũ lực của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc.

Tại Âu Châu, công đồng kinh tế Tây Âu đã tuyên bố đình chỉ cuộc hội họp giữa giới lãnh đạo cao cấp của Cộng đồng và Trung Quốc.

Tại Bonn, thủ tướng Kohl của Tây Đức đã nói quân đội Trung Quốc đã hành động quá hung bạo, tàn ác đối với sinh viên.

Tại Ấn Độ, ngoại trưởng Ấn tuyên bố tỏ ra đau buồn về vụ đàn áp ở Bắc Kinh. Trong khi đó giới lãnh đạo

Liên Xô không có một phản ứng cũng như lời tuyên bố nào. Nhật báo Sứ Thật ở Mạc Tư Khoa trong bài bình luận nói đây là vấn đề nội bộ của Trung Quốc và cho rằng quân đội Trung Quốc buộc phải dùng vũ khí để tự vệ. Riêng về phía chính quyền CS Trung Quốc, ngay sau đêm cuộc đàn áp diễn ra, hệ thống truyền thanh truyền hình đã loan tin quân đội đã dẹp bẹp âm mưu lật đổ chính quyền của bọn phản động được gọi là bọn khủng bố trắng.

Sau 7 tuần lễ phong trào tranh đấu cho dân chủ của sinh viên ở Bắc Kinh được phát động, cao điểm của phong trào với cuộc tuần hành trên 1 triệu dân chúng ở Bắc Kinh cùng các tỉnh phụ cận kéo về Thiên An Môn và 1 tượng nữ thần tự do được dựng lên ngay giữa quảng trường. Và kết cục với một cuộc đàn áp bằng xe tăng và súng máy của lực lượng quân đội nhân dân Trung Quốc. Sau nhiều ngày im lặng, chủ chốt của cuộc tằm máu này là lãnh tụ Đặng Tiểu Bình cấm đấu phe cứng rắn đã xuất đầu lộ diện. Một thần tượng trên 10 năm qua của dân chúng Trung Quốc đã hoàn toàn sụp đổ. Sau đây lược qua vài hàng về cuộc đời và sự nghiệp của con người CS nhiều mặt này. Đặng ra đời trong 1 làng nhỏ ở phía Tây Nam tỉnh Sichuan (gần phía Nam Trung Quốc) vào 1905. Cuộc đời của Đặng là cả một cuộc thăng trầm đầy mâu thuẫn. Là con trai lớn nhất trong một gia đình địa chủ. Đặng đã lớn lên trong giai đoạn lịch sử Trung Hoa đầy biến động và chấm dứt bằng cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại cả ngàn năm ở Trung Quốc. Là một học sinh xuất sắc ở bậc tiểu học và trung học năm 16 tuổi Đặng được cha cho qua Pháp học, khi Đặng và 88 sinh viên Trung Hoa khác tới Marseilles vào năm 1920 Đặng và các sinh viên khác đã phải kiếm việc vừa làm vừa học. Đặng đã có thời gian làm công nhân ở hãng xe hơi Renault ở Montargis phía Nam Paris. Đặng đã sinh hoạt cùng các sinh viên Tàu khác trong đó có Chu Ân Lai, Đặng đã nhanh chóng có ý hướng khuyếch trương khi hoạt động với các nhóm chính trị cực đoan ở Paris. Như các sinh viên Tàu khác Đặng gia nhập đảng CS Pháp. Sau đó là đoàn viên liên minh thanh niên xã hội Trung Quốc ở Pháp. Đặng giữ phần trình bày cho nhật báo Ánh Sáng Đỏ. Tới 1925 Đặng rời Pháp qua Mạc Tư Khoa theo học đại học Sun Yat Sen. Đặng và các sinh viên khác theo học lớp lịch sử cách mạng và căn bản huấn luyện quân sự cũng như triết lý Marxít. Sau đó Đặng trở về Trung Hoa và tham gia cuộc trường chinh vạn dặm của Mao vào 10.1934. Sau đó Đặng trở thành chính ủy của sư đoàn 129 thuộc lộ quân thứ 8 của Mao. Nhiều quan sát viên quân sự Mỹ đã gặp Đặng trong giai đoạn này. Trong thời gian quốc cộng ở Trung Quốc liên kết để chống Nhật, Đặng là một trong những cấp lãnh đạo. Sau khi Mao tiến vào Bắc Kinh, Đặng có tên trong ủy ban chính trị vùng hành

chánh quân sự Tây Nam Trung Quốc. Sau đó là ủy viên hội đồng trung ương chính phủ nhân dân. Làm phó thủ tướng 1952 và ủy viên trong bộ chính trị 1955. Đảng bắt đầu xuất hiện bên Mao và Chu trong các cuộc thăm viếng. Năm 1957 trong một lần thăm viếng Nga, Mao đã chỉ Đặng nói với Tổng bí thư đảng CS Nga là Khrushchev "Hãy nhìn con người nhỏ bé kia (Đặng cao 1,52m), hẳn rất thông minh và cả một tương lai vĩ đại trước mặt hẳn". Năm 1958 Đặng yểm trợ tích cực cho Mao trong phong trào bước tiến nhảy vọt với chương trình tập thể hóa sản xuất của nông dân. Phong trào này đã làm 27 triệu dân Trung Hoa chết vì nạn đói trong thời gian từ 1958 đến 1962. Sau đó Đặng và Lưu Thiệu Kỳ tìm cách sửa sai phong trào nhảy vọt này, Đặng đã bị sự dè dặt của Mao. Năm 1966 Mao cùng vợ nhỏ là Giang Thanh và một nhóm đảng viên trẻ ở Thượng Hải thực hiện cuộc cách mạng văn hóa. Năm 1967 Giang Thanh ghép tội Đặng có tư tưởng tư bản chủ nghĩa thuộc thành phần xét lại. Đặng bị tước hết chức vụ ở cả hai bên Đảng và nhà nước. Đặng và vợ trốn xuống tỉnh Jiangxi may nhờ có bạn cũ che chở nên Đặng đã thoát cảnh bị vệ binh Đỏ khủng bố. Năm 1973 Đặng trở về lại Bắc Kinh và nắm lại chức phó thủ tướng. Sau đó Đặng tiếp tục nắm quyền bên Đảng và quân đội. Tới tháng 4.1976 nhóm Tứ Nhân Bang do Giang Thanh cầm đầu bắt Đặng rời bỏ tất cả các chức vụ. Đặng đã được Xu Shiyou tư lệnh quân sự vùng che chở và cho về ở Canton.

Tháng 9.1976 Mao chết, tháng sau nhóm Tứ Nhân Bang bị bắt. Đặng trở lại nắm quyền và từ đó cuộc đời quan lộ của Đặng thăng tiến vùn vụt tuy chỉ nắm chức chủ tịch ủy ban quân đội nhưng quyền hành của Đặng bao trùm cả bên Đảng và nhà nước ở Trung Quốc. Năm 1979 Đặng chính thức cho thực hiện một cuộc cách mạng thứ 2 ở Trung Quốc, trao trả dần một vài tự do cho dân chúng, như buôn bán, trả đất lại cho dân, đẩy mạnh liên hệ trao đổi với các xứ Âu Mỹ. Tuy nới lỏng vài tự do kinh tế, nhưng Đặng và nhóm lãnh tụ già trong đảng CS Trung Quốc quyết giữ vững chủ trương độc tài chính trị, không chấp nhận chế độ đa đảng. Cũng như nhiều quyền tự do cơ bản còn bị giới hạn. Đó là lý do đưa tới phong trào đòi tự do dân chủ của sinh viên Bắc Kinh nhân cái chết của cựu Tổng bí thư đảng Hồ Diệu Bang, người được coi là chủ trương cái cách cả kinh tế và chính trị nhanh chóng và đồng loạt.

Sau cuộc đàn áp đẫm máu ở Thiên An Môn hầu hết các nước lâu nay buôn bán trao đổi với Trung Quốc đều băng hoại. Các chuyên viên ngoại giao, kinh tế lũ lượt cho vợ con nhanh chóng hồi hương. Nhiều kỹ giả ngoại quốc đã bị hành hung, một lực lượng thủy quân lục chiến Mỹ ở Nhật đã được tập dượt, sẵn sàng đổ bộ xuống Bắc Kinh, Thượng Hải để cứu các công dân Mỹ, kể cả trường hợp có giao tranh. Mỹ e sợ một vụ

Iran thứ hai xảy ra cho Mỹ. Trong khi đó các người Tàu và sinh viên ở hải ngoại đã biểu tình trước các sứ quán Trung Quốc ở khắp nơi để phản đối cuộc đàn áp đẫm máu ở Bắc Kinh.

Vài nét về Trung Hoa sau hơn 10 năm Đặng cho một vài nới lỏng cái cách được mệnh danh cuộc cách mạng thứ hai ở Trung Quốc.

Với dân số trên 1 tỷ 2 (hơn 1/5 dân số thế giới) 42 triệu đảng viên CS có 33 tỉnh trên triệu dân (Bắc Kinh 9 triệu dân), 38 Đại học, 902 trường cao đẳng, tròn 1/3 dân không biết đọc, biết viết. Toàn quốc có 67.169 bệnh viện hơn 1 triệu 4 bác sĩ. Cả nước có 450.000 xe hơi, giá một cái truyền hình hàng trung bình lương một người đi làm 2 năm, hơn 200 người đỡ đồng xử dụng 1 điện thoại. Trận chiến quốc cộng đưa tới chiến thắng cho Mao và đẩy Tưởng Giới Thạch ra Đài Loan khiến 10 triệu dân Tàu bỏ mạng. Nạn lạm phát đang ở mức độ 50%.

Giữa lúc phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ ở Bắc Kinh lên cao độ thì cuộc thăm viếng của chủ tịch nhà nước Gorbatshev diễn ra. Mối quan hệ Trung Sở ấm lại sau 30 năm lạnh giá. Cuộc tiến lại gần nhau này đó cũng là nguyên nhân

sâu xa của phong trào đòi dân chủ được đẩy lên ở Trung Quốc. Nhiều giới quan sát tinh hình thế giới

đều tin rằng, sự quan hệ trở lại giữa Nga Hoa là mối lo ngại không nhỏ cho các xứ tư bản Âu Mỹ. Mặt khác một số giới lãnh đạo trẻ ở Trung Quốc hiện nay đều là những người có thời gian dài sống và học ở Liên Xô. Trong 4 ngày viếng thăm Trung Quốc, Gorbatshev đã gặp gỡ hầu hết các yếu nhân của Trung Quốc nhiều hiệp ước được ký kết trong nhiều lãnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hóa v.v. cũng như vấn đề bỏ đôi CSVN rút khỏi Miền vào 9/1989.

Trên một trăm năm trước Napoléon của Pháp đã nói: hãy để cho con rồng Trung Hoa nó yên ngủ, đừng đánh thức nó tỉnh dậy. Nó thức dậy là có nhiều chuyện bất ổn xảy ra. Cuộc tắm máu ở Bắc Kinh là một bài học cho nhân dân Trung Quốc nói riêng và thế giới nói chung, biết rõ ràng hơn thế nào là những con người CS. Và cũng hiểu rõ hơn thế nào là bạo lực cách mạng và những mâu thuẫn trái ngược trong chủ nghĩa CS - quân đội của nhân dân, nhưng sẵn sàng tàn sát nhân dân không gồm tay - chính phủ của nhân dân nhưng sẵn sàng tắm máu dân.

Phượng Đông thi Đò

Mặt trời đang lên

Máu dân Trung Hoa còn đỏ

Vì có Mao, Đặng và đảng Cộng-Sản.

TÂY ĐỨC

Cơn sốt hòa tiến trôi qua -

Tây Đức chính thức đóng vai trò trụ cột của quan hệ Đông Tây

Hơn hai năm qua kinh tế Tây Đức ngày một phát triển, 1988 Tây Đức đã trở thành một quốc gia đứng đầu thế giới về số tiền đầu tư hóa xuất cảng thu được. Mặt khác Tây Đức cũng trở thành chủ nợ của Hoa Kỳ, đồng thời đó 1 chính sách hòa dịu của Liên Xô với Mỹ và các xứ Tây Âu. Thêm vào đó với niềm tự hào của dân Đức về một sự độc lập chính trị, không còn muốn bị chi phối bởi Mỹ nữa. Đó là lý do đưa tới sự rạn nứt trong vấn đề liên hệ giữa Tây Đức, Mỹ và các xứ Tây Âu khác. Năm qua nhiều mối bất đồng giữa Tây Đức và Mỹ, từ vụ thịt bò Mỹ có nhiều chất hóa học độc, Tây Đức từ chối không tiếp tục mua, tiếp đến vụ Tây Đức yểm trợ cho Libya để xây nhà máy làm vũ khí hóa học. Từ những bất đồng trong những mối quan hệ giữa Mỹ và Tây Đức ngày một gia tăng. Mới đây ngoại trưởng Tây Đức Hans Dietrich Genscher đã lên tiếng phiến trách Mỹ và các xứ đồng minh NATO nhất là Anh đã tìm cách tấn công Tây Đức. Từ vụ Libya, tới vụ hạ lãi suất cho Liên Xô vay. Là một nhà ngoại giao trên 16 năm trong nghề Genscher thường tự cho mình không có đối thủ. Chính sách ngoại giao của chính phủ Kohl đều do Genscher quyết định vấn đề đã thực sự trở

nên gay go, khi Mỹ và Anh cùng một số quốc gia trong NATO muốn đi tới quyết định cải tiến hóa hòa tiến tầm ngắn (80 Miles) mang tên Lance. Phía Tây Đức đã nhất định bác bỏ đề nghị này của Mỹ và Anh.

Trong chuyến Âu du đầu tiên trong chức vụ ngoại trưởng Mỹ của James Baker, qua 15 nước Tây Âu trong 8 ngày. Chặng đầu tiên dừng chân ở BONN, Baker muốn mang vấn đề hòa tiến Lance ra bàn thảo với giới chức Tây Đức. Phía Mỹ muốn cải tiến 88 hòa tiến tầm ngắn Lance (đã số đặt ở Tây Đức), nhưng đã gặp ngay sự từ chối của thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl. Lý do được đưa ra là vấn đề dân chúng Tây Đức đa số không tán thành việc tái vũ trang lúc này, trước hết có thể làm tan vỡ mối quan hệ tốt mới có được giữa Tây và Đông, cũng như có thể làm chính quyền của Kohl thất bại trong cuộc tổng tuyển cử quốc hội liên bang vào năm 1990 tới đây. Với các lý do đó thủ tướng Kohl đề nghị hãy chờ đợi tới 1991 - 1992 các xứ NATO nên có quyết định về vấn đề hòa tiến Lance. Trong khi đó Mỹ và Anh thì muốn Tây Đức có quyết định sớm trước hội nghị thượng đỉnh NATO vào tháng 5 hoặc 6 này. Mặt khác phía Mỹ và Anh muốn trì hoãn cuộc họp giữa NATO và VARSAW về vấn đề

tài giảm vũ khí nguyên tử qua các hòa tiến tầm ngắn. Trong khi Tây Đức thì muốn nhanh chóng có thỏa hiệp với Warsaw, phía Mỹ và Anh nói, không có một sự cắt giảm nào hơn nữa về vũ khí ở Tây Âu vì tỷ lệ hiện nay khỏi Warsaw vẫn nhiều gấp 2 khỏi NATO. Với những thay đổi của Tây Đức trong đường lối ngoại giao, người ta thấy mạnh mẽ cách nay hơn 2 năm, sau khi những lời hứa hẹn hòa dịu của lãnh tụ điện Cẩm Linh Gorbatschow. Mặt khác chính sách ngoại giao của Mỹ cũng nhiều thay đổi, năm cuộc gặp gỡ Reagan - Gorbatschow với nhiều đổi chất bí mật. Từ lâu Mỹ vẫn nghĩ mọi vấn đề thế giới đều do Mỹ quyết định nhưng giới lãnh đạo Mỹ đã không nhìn thấy một xứ Tây Đức ngày nay đang là chủ nợ của Mỹ và kéo được 1 số các xứ Tây Âu về phe mình. Cũng như Tây Đức đã trở thành trụ cột của NATO, và cả cộng đồng kinh tế Âu châu (EC). Từ những chủ quan về quyền quyết định tối thượng của mình nên ngoại trưởng Baker và Tổng thống Mỹ Bush đã phải nghe những lời chối tai từ Thủ tướng Kohl, Tổng thống Richard von Weizsäcker và ngoại trưởng Genscher của Tây Đức: "đây là vấn đề của người Đức chúng tôi - hòa tiến Lance không quan trọng cho vấn đề an ninh Âu châu- chỉ là lời "test" của Mỹ về chính sách ngoại giao của xứ Tây Đức chúng tôi..."

Trong khi đó tại Hoa Thịnh Đốn quốc hội Mỹ đã bỏ phiếu bác bỏ đề nghị chuẩn chi 32,8 triệu US để cải tiến hòa tiến Lance, dù Tây Đức có đồng ý kế hoạch canh tân hóa loại hòa tiến này. Vì quốc hội Mỹ bác bỏ kế hoạch này, giới chức bộ quốc phòng Mỹ lại tung ra chương trình cải tiến hòa tiến Lance ở tầm xa 280 Miles thay vì 80 Miles và hy vọng sẽ thiết bị ở Tây Đức vào 1995.

Cho tới nay Tây Đức càng ngày càng muốn theo đuổi 1 chính sách ngoại giao độc lập, tách dần khỏi những ảnh hưởng ở Mỹ. Nhiều dấu hiệu cho thấy mối quan hệ của Tây Đức với Liên Xô và các xứ Đông Âu ngày một xích lại gần (hơn 1,5 tỷ US tín dụng Tây Đức cho Nga vay, trao đổi buôn bán Tây Đức, Nga trong 3 năm qua trên 8 tỷ US) nhiều kỹ thuật cao Tây Đức đã bán cho Liên Xô cũng như các xứ Đông Âu, nhiều tỷ \$US Tây Đức cho Đông Đức vay mượn với lãi suất nhẹ. Trong khi đó Tây Đức quyết không chịu chi thêm những tổn phí về sự hiện diện của trên 200 ngàn lính Mỹ hiện đồn trú ở lãnh thổ Tây Đức. Hơn tháng qua nhiều đơn vị Mỹ đã khăn gói hồi hương. Tương lai về một cường quốc quân sự Tây Đức tự đảm đương lấy vấn đề an ninh đã được khuyến khích ra nhập quân đội ngày một đông, nhiều hệ thống phòng thủ, hầm hố an toàn khi chiến tranh xảy ra đều đã được chuẩn bị. Sau 44 năm kể từ thế chiến thứ 2 chấm dứt, dân chúng Tây Đức đã vươn lên với niềm tự hào dân tộc, chiếc dù an ninh của Mỹ nay đã cũ kỹ với thời gian. Trong khi đó đảng NAZI

đã bắt đầu sống lại phong trào kỳ thị ngoại kiều đã lan rộng nhiều nơi trong toàn xứ Đức: nhiều cuộc đốt phá, hành hung ngoại kiều đã xảy ra ở Tây Đức trong mấy tháng gần đây. Một đảng có chủ trương bài ngoại mang tên Cộng Hòa đã thắng cử với 7% số phiếu ở tiểu bang Berlin, và một vài thăm dò của báo chí đảng này có thể chiếm 18% số phiếu trong cuộc tổng tuyển cử vào 12/1990 tới đây.

Liệu Tây Đức có rút ra khỏi NATO không? Vấn đề đang được nhiều giới chính trị ngoại giao Mỹ, Tây Âu đặt ra những tiếng nói bi quan về sự đoàn kết của Mỹ và Tây Đức đã được cất lên. "Người ta đang nói về sự thiếu thành thật của chính phủ Bonn, với các đồng minh chính của họ" hoặc một giới chức cao cấp ở Paris nói "Pháp phải có những sự thay đổi trong mối liên minh với Tây Đức".

Trước những thay đổi của Tây Đức trong chính sách ngoại giao, với lý do được chính quyền Bonn đưa ra là trên 34% dân chúng Tây Đức tin là Gorbatschow muốn thực sự hòa dịu và quan hệ tốt Đông Tây. Với những lập luận tự tin như vậy của giới lãnh đạo Tây Đức. Mới đây trong cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống Mỹ Bush và Tổng thống Tây Đức Weizsäcker trong lễ đám tang Nhật Hoàng ở Tokyo. Tổng thống Mỹ đã phải thốt lên những lời với Weizsäcker "các chính phủ Tây Âu cần phải giáo dục dân chúng mạnh hơn, để cho họ biết mối lo sợ về hiểm họa xâm lăng của Xô Viết vẫn còn".

Trước những căng rãn của chính quyền Bonn trong vấn đề không chấp thuận đề nghị của Mỹ về việc cải tiến hòa tiến tầm ngắn. Còn sót chính trị ở Tây Âu tăng cao cường độ. Người ta lo ngại hội nghị NATO ở Bruxelles sẽ tan vỡ và Tây Đức tiến lại gần với Xô Viết thêm bước nữa. Tổng thống Mỹ Bush đã tới phó hội ở Bruxelles với một tinh thần mới có thể nói chính giới Mỹ đã tỏ ra khôn ngoan và mềm mỏng hơn. Bush đã tháo gỡ được những bất đồng giữa Mỹ và NATO mà xứ đứng đầu Tây Âu là Tây Đức. Vấn đề tân trang hòa tiến tầm ngắn đã được đặt xuống phần thứ yếu và Bush đã tấn công lại đòn độc hiểm mà lâu nay Gorbatschow dùng làm vũ khí để đánh phá Mỹ và Tây Âu đó là vấn đề tài giảm chiến cụ và rút quân khỏi Đông Âu. Tổng thống Mỹ đưa tung ra một loạt đề nghị cắt giảm chiến cụ và quân số, nhiều hơn cả những con số mà Gorbatschow bấy lâu nay để nghị.

Mặt khác để làm vừa lòng và cứu chính quyền thủ tướng Kohl, Mỹ đồng ý dời thời hạn tân trang hòa tiến tầm ngắn tới năm 1992. Tiếp đó Bush đã thăm Tây Đức hữu hòa giải các bất đồng, cũng như thăm dò những gì sẽ xảy ra vào cuộc viếng thăm của chủ tịch Gorbatschow tới Tây Đức trong tháng 6 này. Tuy nhiên trên mặt nổi chuyên công du Tây Đức của TT. Mỹ Bush vừa qua đã gặt hái được 1 số kết quả đáng kể. Chính quyền Bonn và dân chúng Tây Đức đã dành cho Bush một cuộc đón

tiếp thật long trọng và báo giới Tây Đức cũng dành thật nhiều cảm tình cho phái đoàn Mỹ. Đây phải nói là một sự hiếm hoi một Tổng thống Mỹ có được cảm tình đó. Cũng như khác với những lời tuyên bố nặng nề của chính giới Tây Đức, mấy tháng trước đây. Thủ tướng Kohl đã dùng những lời lẽ thật nồng ấm và chân thành để tiếp đón phái đoàn của T.T Mỹ, "chúng tôi rất hân hạnh được đón tiếp người bạn tốt của xứ sở chúng tôi, và như là một người bạn, ông đã giúp tôi vượt qua giai đoạn khó khăn này..." "nhưng trong niềm tự hào dân tộc và sự lớn mạnh kinh tế của Tây Đức, chắc chắn chính giới Tây Đức sẽ tách dần ảnh hưởng của Mỹ bằng cách tiến lại gần với phía Nga hơn. Điều cho thấy là nhiều tỷ \$US đã được tư bản Tây Đức cho Liên Xô mượn cũng như chính quyền Tây Đức đã và đang huấn luyện cho Nga nhiều chuyên viên kỹ thuật và quản trị; cũng như chính quyền Bonn đã tỏ ra thật sốt sắng cứu trợ bất kỳ một tai nạn nào xảy ra ở Nga. Sự căng rãn vừa qua của Tây Đức đối với đề nghị tân trang của Mỹ được coi như một bài học cho Mỹ. Từ Frankfurt Rundschau, một tờ báo lớn ở Tây Đức đã viết "... Tổng thống Mỹ đã bước ra ngoài khỏi cái bóng của ông ấy..., cũng như tờ The Guardian ở Anh đã viết "Bush - Bonn... đã làm cho dân chúng Mỹ hiểu thực vấn đề và có cái nhìn rõ hơn về dân chúng Âu Châu..." Cuộc tổng tuyển cử ở Tây Đức vào 11/1990 tới đây sẽ diễn ra nhiều sôi nổi, liệu sự nhượng bộ của Mỹ có cứu được chính quyền của thủ tướng Kohl không? Câu hỏi đang được đặt ra, và nếu đảng của Kohl mất quyền những gì sẽ xảy ra cho Tây Đức, Mỹ và Tây Âu.



Viên Giác số 51, kỷ niệm 10 năm báo Viên Giác, dành đi những tin tức và bài vở liên quan đến tình hình sôi động trên thế giới trong những tháng qua; cũng như việc cấp bách cứu trợ người Việt tỵ nạn tại Đông Nam Á. Vì thế Viên Giác đánh giá lại một số bài và sẽ đi tiếp trong số tới. Tòa Soạn kính mong Quý Văn Hữu và Độc Giả niệm tình hỷ thú cho



Viên Giác số 52 mang chủ đề:

Vu Lan - Tình Mẹ

Bài viết xin vui lòng gửi về trước ngày 20.7.1989. Thành thật cảm tạ.

Tòa soạn



Vết thương nhĩ máu của dân Việt

- Ngăn "du lịch VN" là cứu mạng các thuyền nhân ở Đông Nam Á
- Hòa giải, hòa hợp với CS là giúp giầy cho ngoại bang treo cổ thuyền nhân

75 thuyền nhân trong số trên 11 ngàn người bị xếp vào loại tỵ nạn kinh tế ở Hồng Kông đã bị trả về VN vào ngày 2.3.89 vừa qua. Chưa ai tiên đoán được số phận những thuyền nhân xấu số này sẽ ra sao. Mặt khác tất cả các trại tỵ nạn ở các xứ Đông Nam Á sẽ lần lượt đóng cửa số phận các thuyền nhân tỵ nạn cuối mùa sẽ trôi nổi về đâu, cũng chẳng ai trong số những người tỵ nạn này, biết được tương lai của họ. Nhiều vụ tự tử, viết huyết thư, tuyệt thực, mổ bụng, tự thiêu... đã đang và sẽ diễn ra tại nhiều trại tỵ nạn ở Đông Nam Á, để phản đối vấn đề bị bắt buộc trở về lại VN. Tuy nhiên dù với bất cứ hành động chống đối tuyệt vọng nào của những thuyền nhân bạc phước thân thuộc chúng ta việc đến nó cũng đã đến. 75 người trong đợt đầu đã đáp chuyến bay từ Hồng Kông xuống phi trường Nội Bài Hà Nội và đợt 2, với 77 người vào trung tuần tháng 5/89.

Mặt khác tại Bangkok thù đô Thái Lan hàng tháng có hàng trăm những đám tỵ nạn trả danh từ Âu Châu và Bắc Mỹ, "hồ hởi, phấn khởi" lũ lượt kéo nhau về "du lịch VN". Nơi mà trước đó một vài năm đám vô liêm sỉ này ngoác mồm tuyên bố vì không thể nào sống được phải bỏ ra đi. Sau 14 năm danh nghĩa tỵ nạn chính trị của các thuyền nhân VN đã bị lũ người này bỏ quên không thương tiếc. Việc làm như bản nầy đã là những sợi dây oan nghiệt đã đang và sẽ siết cổ những đồng hương khốn khổ ở các trại tỵ nạn Đông Nam Á. Và rồi đây nó cũng trở thành những sợi dây treo cổ đám háo lợi, mù lòa nầy tại các quốc gia lũ chúng đang định cư. Khi dân chúng địa phương nhìn thấy rõ rằng họ đã bị một nhóm dân da vàng mũi tẹt, từ một xứ chậm tiến mãi tận bên kia biển Đông lửa gát lòng nhân đạo của họ. Riêng với trên 30 ngàn người Việt mang danh tỵ nạn hiện đang

Thuyền Nhân

Vũ Ngọc Long

sống tại CH Liên Bang Đức, những ảnh hưởng nào sẽ tới trong tương lai tới đây, khi vẫn còn những kẻ võ ngực nói tỵ nạn chính trị nhưng hăm he toan tính đáp lời kêu gọi của lũ Cộng con, hưởng ứng du lịch về VN. Như chúng ta biết trong mấy tháng qua phong trào kỳ thị ngoại kiều đã lan rộng trong nhiều tiểu bang trên toàn xứ Đức. Mới đây trong 1 cuộc thăm dò của 1 tờ báo lớn ở Đức 62% dân Đức mong muốn các ngoại kiều rút khỏi quê hương họ. Mặt khác sự ra đời, hoặc sống lại những đảng có chủ trương bài ngoại. Đặc biệt các đảng nầy đã chiếm được sự ủng hộ không nhỏ qua các cuộc bầu cử ở địa phương. Điều này cho thấy một viễn ảnh đen mờ đã bắt đầu lộ dạng cho những người Việt tỵ nạn nói riêng và những ngoại kiều đang sống tại Tây Đức nói chung. Tuy nhiên vấn đề thật sự trở nên nguy hiểm cho người Việt chúng ta, vì đại đa số trên 4 triệu ngoại nhân sống trên xứ Đức họ là những khách thợ, từ Thổ, Ý, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha... nếu phong trào kỳ thị ngoại kiều lên cao ở Đức họ sẵn sàng trở về quê hương họ với số vốn to lớn có được về sống sung túc tại xứ sở cha ông họ. Nhưng đối với những người Việt Nam chúng ta, vấn đề thì lại khác, liệu ai trong chúng ta dám can đảm mạnh dạn tin những lời đường mật của bạo quyền CS VN trở về sống lại tại quê nhà. Thực tế, ngay những lũ Cộng con hiện đang sống tại Tây Đức, có mấy đứa dám bồng bế vợ con về

sống luôn tại VN. Kinh nghiệm xương máu bao năm sống dưới chế độ Cộng sản chắc nhiều người chúng ta vẫn chưa quên những lời hứa hẹn của CS đều là gió thổi mây bay. Trên 1000 người trên chuyến tàu Việt Nam Thương Tín hồi hương năm 1975, có ai thoát khỏi cảnh tù đầy lao lý với những bản án CIA, hay tay sai "Mỹ Ngụy"...

Trở lại vấn đề kỳ thị ngoại kiều tại Tây Đức, như mọi người chúng ta biết trong mấy tháng qua, nhiều vụ đập phá đốt cháy hay hành hung ngoại kiều đã xảy ra tại Tây Đức. Vấn đề chắc chắn sẽ không lè tè như các vụ xảy ra vừa qua. Rồi đây, nếu một khó khăn kinh tế, hoặc chính trị nào xảy đến cho trên 60 triệu dân Tây Đức. Vấn đề chống ngoại kiều chiêu bài xách động kích thích lòng ái quốc của dân Đức sẽ được các đảng phái sử dụng. Người ta sẽ liên tưởng tới ngày toàn dân Đức vùng lên diệt Do Thái vào 1939 do đảng Quốc Xã của Hitler phát động. Nếu vấn đề này ra chắc có nhiều người lại cho là trò hù ma nhác quí, vì bây giờ là hậu bán thế kỷ 20 làm gì có vụ giết người dã man như trước đây nữa. Vấn đề chắc sẽ không đơn giản như chúng ta nghĩ, mọi biến cố lịch sử sẽ đều có thể lặp lại. Ai trong chúng ta có thể tin vào thập kỷ 70, nhân loại đã lên mặt trăng mà trong khi đó Pol Pot trùm Khmer Đỏ ở Miên có thể giết trên 2 triệu người đồng hương của hân. Mặt khác riêng đối với người tỵ nạn Việt Nam ở Tây Đức 10 năm trước tức vào 1979, con tàu Cap Anamur do dân chúng Tây Đức quyên góp tiền bạc, gởi tới vùng Biển Đông để cứu vớt thuyền nhân Việt Nam. Người Đức lúc bấy giờ nghĩ rằng những người Việt Nam liệu chết ra đi vì chế độ kim kẹp, khát máu của CS tại VN. Đó là động cơ thúc đẩy cuộc ly xử. Nhưng nay với những chuyện về thăm quê hương không gặp khó dễ nào. Điều này đã nói lên sự lừa gạt lòng nhân đạo của đám thuyền nhân đối với dân chúng Đức. Thời gian qua nhiều câu hỏi từ phía dân chúng, cũng như chính quyền Đức, về sự tỵ nạn mang danh chính trị của người Việt Nam, liệu có còn giá trị không?

Như chúng ta biết trên 30 năm trận chiến Quốc Cộng tại Việt Nam, quân chúng Âu Mỹ đã bị báo chí và đám trí thức khuynh tả lừa dối. Chỉ cần hơn 10 năm sau họ đã tỉnh ngộ và đã phục hồi danh dự cho những chiến binh đã chiến đấu ở Việt Nam. Liệu những tháng ngày tới đây, dân chúng Tây Đức họ cũng "tỉnh ngộ ra

rằng 10 năm trước đây và còn kéo dài nhiều năm kế tiếp họ đã bị 1 đám người da vàng VN lừa gạt, nói với họ ra đi tìm tự do, chứ không phải ly xử, cục bộ nhưng thực tế nay trái ngược. Điều rõ ràng chứng minh là có những người trở về VN một cách dang hoàng không bị khó dễ. Sự tỉnh ngộ của dân Đức về đám thuyền nhân "tỵ nạn chính trị VN" hậu quả sẽ như thế nào, người viết dành cho quý độc giả tự tiên đoán ...

Bây giờ chúng ta phải làm gì ?

Cho tới nay xuyên qua những tin tức sinh hoạt từ các cộng đồng người Việt trên toàn 11 tiểu bang ở Tây Đức, cũng như những lời tuyên bố của các yếu nhân Đức về người tỵ nạn Việt Nam. Đại khái như cựu tổng trưởng nội vụ Liên Bang Zimmermann nói người Việt đi tỵ nạn kinh tế chứ không phải tỵ nạn chính trị hoặc 1 nhân viên cao cấp ở Bộ ngoại giao nói người Việt tỵ nạn là những người lưu manh, giả dối v.v... Cũng như những lời phàn nàn của 1 số dân chúng địa phương về những vụ đánh lộn, nhậu nhẹt, bài bạc v.v... của người Việt tỵ nạn tại nhiều nơi. Điều này cho thấy những người dân Tây Đức đẩy lòng nhân ái chủ của con tàu nhân đạo CAP ANAMUR bắt đầu dần "tỉnh ngộ" nhìn rõ dần những người mà họ từng cứu mang, giúp đỡ "đen" hoặc "trắng" "chính" hay "tà", "lương thiện" hoặc "gian dối", tỵ nạn chính trị hay kinh tế v.v...

Vấn đề đã thật sự trở nên cấp bách, nếu cá nhân cũng như các đảng, đoàn đang sinh hoạt ở Tây Đức hiểu rõ trách nhiệm của mình, thờ ơ, thụ động mặc cho các sinh hoạt cộng đồng trôi nổi về đâu. Mặt khác các đảng, đoàn không có 1 thái độ đồng nhất và dứt khoát với các trung tâm kêu gọi du lịch về Việt Nam của CS. Đây là vấn đề rất quan trọng danh dự của những thuyền nhân tỵ nạn chính trị, cũng như danh dự của các đảng đoàn quốc gia lâu nay hoạt động ở Tây Đức còn hay mất đều tùy thuộc vào vấn đề có chặn đứng được chương trình du lịch của CS hay không. Bây giờ đã đến lúc các tổ chức đảng, đoàn ở Tây Đức cần thành thật và can đảm nhìn vào thực tế. Để nhìn lại chính mình hầu tự vấn khả năng và thực lực của mình đạt được tới mức nào. Đã đến lúc chúng ta đừng nên tự dối gạt mình và dối gạt đồng bào nữa. Nếu chúng ta cảm thấy khả năng và sức lực của đảng đoàn

minh không thể trực tiếp chiến đấu cùng đồng bào ở quốc nội, thì chúng ta hãy dồn mọi khả năng, lực lượng vào mặt trận ở hải ngoại. Nơi mà chúng ta có được ưu thế trong mấy năm qua, từ khi làn sóng thuyền nhân ào ạt bỏ nước ra đi. Tuy nhiên trong gần 3 năm qua kể từ ngày CS phát động chương trình du lịch về VN và đã được 1 số người mang danh tỵ nạn hưởng ứng, kể từ đó cái ưu thế của chúng ta ngày đang bị gặm nhấm dần. Bây giờ là lúc các đảng đoàn quốc gia phải tự cứu mình giờ phút sinh tử cho các đảng đoàn quốc gia đã điếm.

Mọi nỗ lực phải dồn vào việc ngăn chặn, cũng như vạch rõ những âm mưu thâm hiểm của bạo quyền Hà Nội khi tung ra mặt trận kinh tài và chương trình du lịch. Bây giờ là lúc các đảng, đoàn quốc gia không thể né tránh luôn lách viện dẫn lý do này, lý do khác. Bằng những chiêu bài mị dân, dón gió. Như thời gian vừa qua chúng ta thấy một vài tên mang danh trí thức, nhưng thuộc loại "di mây về gió" sống trong tháp ngà, phùng mang, trợn mắt, hồ hào hòa giải, hòa hợp với bạo quyền C.Sản. Với mục đích thấp hèn là xin làm tối tổ cho bạo quyền. Đám hữu học vô trí này, đang cúi rạp mình tung hồ lũ dày dạn, phá nước ở Hà Nội để mong gió có đổi chiều thì cũng xin được 1 vài chân nâng khăn rửa chén. Mặt khác chúng ta cũng lại thấy một vài "lãnh tụ" đảng, đoàn lâu nay tranh đấu bằng mồm, và tuyên ngôn tuyên cáo. Cũng xuất đầu lộ diện làm trò dón gió "heo may" khi thấy bạo quyền CSVN bị áp lực nặng nề của Sở Viết cũng như các xứ Âu Mỹ, trong chính sách cởi mở phóng thích một vài văn nhân, nghệ sĩ cũng như một số quân cán chính VNCH. Bèn đứng ra thành lập tổ chức tranh đấu cho tự do, dân chủ... Rồi tự tuyên dương tổ chức đảng đoàn mình đã gạt bỏ thành quả là làm cho bạo quyền CS sợ hãi, phải thả các tù nhân ở VN. Ngoài ra còn 1 nhóm người khác núp dưới những chiếc khiêng che như tôn giáo tối không làm chính trị, hội đoàn tối do người Đức tài trợ thuận tụy làm văn hóa xã hội v.v... Xin tất cả hãy soi gương nhìn rõ lại mặt mình trò bôi mặt làm hề, đã hết ăn khách. Mặt khác việc làm thiếu suy xét của đám trí thức ngày thơ sống trong tháp ngà, hồ hào hòa giải vô tình hay cố ý mang dây treo cổ các thuyền nhân xấu số còn kẹt ở các trại Đông Nam Á. Trong khi các thuyền nhân ruột thịt chúng ta, không thể sống tại quê

nhà được vì lũ CS kìm kẹp dày ãi, chúng chà đạp các quyền tự do tối thiểu của con người. Tóm lại bạo quyền CS là đám xác người, hỗn thú. Nay đám trí thức "đón gió độc" này lại hô hào ngồi lại, nói chuyện hòa giải hòa hợp, nghĩa là còn công nhận bạo quyền biết điều phải trái. Vậy những thuyền nhân kia là đám người, liệu chết ra đi tìm bơ thừa, sữa cặn. Hay nói khác đi đám kêu gọi hòa giải hòa hợp, gián tiếp kêu gọi quốc tế công nhận CSVN và đẩy các thuyền nhân ở Đông Nam Á trở về lại VN. Đòn tiếp tay thâm độc này, là các sợi dây treo cổ các thuyền nhân ty nạn xấu số còn kẹt ở các trại Đông Nam Á. Mỗi chỉ vài biến chuyển của thế giới chưa rõ trắng đen, canh bài bịp của CSVN ở Kampuchea mới chỉ bắt đầu sửa soạn, rù rề được các con bạc vào sòng bài. Thắng bại chưa phân minh, vô quít dày chắc phải có móng tay nhọn. Mặt khác viễn ảnh một cuộc nội chiến ở Kampuchea vẫn còn hiện rõ. Dù 1 chính phủ Liên hiệp do Siha-nouk cầm đầu có ra đời. Tình hình thế giới cũng chưa có gì gọi là hòa dịu như một số các "lãnh tụ" đảng, đoàn quốc gia ở hải ngoại nhận xét. Các siêu cường đang bày lại cuộc chơi, các hòa tiền phi đạn lối thời được đẹp bỏ thay thế bằng các loại vũ khí tối tân hơn. Dù Liên

Sô dưới sự lãnh đạo của Gobat-chev giả thứ có tuyên bố chủ nghĩa CS đã cáo chung. Nhưng với gần 300 triệu dân một lãnh thổ rộng nhất thế giới và tài nguyên phong phú, kèm theo tính hiếu chiến, hiếu thắng của dân Nga, chắc chắn giới lãnh đạo ở Nga không chịu ngồi yên và từ bỏ mộng bành trướng đất đai. Mặt khác phía tư bản Âu Mỹ, với sự lớn mạnh do kỹ nghệ sản xuất hàng hóa và kỹ nghệ chiến cụ. Nếu giả thứ trên thế giới này không có một vụ xung đột nào chắc chắn nhiều xứ tư bản Âu Mỹ khủng hoảng. Một thế giới hòa dịu, mọi xứ sống trong hòa bình chỉ là điều không tưởng. Điều sáng suốt và khôn ngoan trong thân phận của các xứ nhược tiểu là chớp lấy thời cơ dành lại quyền dân tộc tự quyết như sau thế chiến thứ 2, hàng loạt các xứ trong thế giới thứ 3 đã dành được độc lập và ít tổn hao xương máu. Nhìn chung tình hình thế giới vẫn chưa có gì gọi là tốt đẹp cho một viễn ảnh sống chung hòa bình. Trong khi đó tại VN, với sự tồn tại của chế độ CS chắc chắn dân chúng VN ngày một cơ cực, kinh tế ngày thêm tuột dốc, dù giới lãnh đạo Hà Nội có hô hào cởi mở lòng đi nữa. Hình ảnh 1 nước Trung quốc với trên 1 tỷ dân, Đặng Tiểu Bình một người dám làm và thực tâm muốn cải cách nước Trung Hoa,

nhưng 10 năm qua, một nước Trung quốc nghèo đói lạc hậu vẫn chưa thoát được (cả xứ Trung quốc có 450.000 xe hơi, trong khi xứ Tây Đức dân số 62 triệu có 29,2 triệu cái; Một cái truyền hình mẫu loại nhỏ giá bằng lương 1 người thợ đi làm 1 năm lãnh được) giá nhu yếu phẩm tăng 40% 1 năm v.v...

Với xứ Trung quốc là một kinh nghiệm cho VN chúng ta, nên những ai còn tin tưởng vào 1 sự đổi mới của CSVN là có thể cứu dân cứu nước là một điều không kém gây thơ và nóng nôi. Một điều chắc chắn rằng còn chế độ CS ở VN là còn những người bỏ nước ra đi. Điều sáng suốt của những người may mắn ra đi trước như chúng ta hiện nay ở hải ngoại là nếu không giúp đỡ được gì cho những đồng hương xấu số chậm trễ thì cũng đừng nhấn tâm đưa những sợi dây oan nghiệt cho ngoại bang treo cổ dân mình như đám trí thức mù lòa, gây thơ hô hào hòa giải với CS trong mấy tháng qua.

Thuyền nhân! những giọt nước mắt bi thương đầy với biết bao giờ ngưng nghỉ... mọi người chúng ta nên tự hỏi làm được gì cho những đồng bào ruột thịt bạc phước này....

Đóm Lửa (chuyển ngữ)

Làm như người ty nạn Việt Nam chưa chịu đau khổ đủ trước khi họ quyết định vượt biển rời quê hương. Làm như vượt biển bằng những chiếc tàu nhỏ giữa đại dương chưa nguy hiểm đủ mức. Đối với cơ quan hành chánh Anh quốc tại Hồng Kông thì đây không là lý do để được nhận ty nạn. Ngược lại; Họ muốn trả người ty nạn về nước nhanh như có thể. Theo như phỏng đoán của các tổ chức có trách nhiệm thì năm 1975 trở đi đã có khoảng từ 200.000 đến 300.000 người ty nạn bỏ mạng sống nơi biển cả trên đường vượt biển. Hai tin tức đánh đi chỉ trong vòng 1 tuần lễ cho chúng ta thấy mức độ của thảm trạng này: Trong vùng biển Nam hải đã xảy ra một trong những vụ cướp bóc người ty nạn Việt Nam đẫm máu nhất do hải tặc Thái Lan chủ trương. Giới chức ở Kuala Lumpur đã tường thuật vào ngày thứ bảy rằng trong vụ cướp đó cách đây khoảng 1 tuần

HÃY THƯƠNG HẠI CHÚNG TÔI !

có 45 người đã bị tàn sát và khoảng 12 phụ nữ bị bắt đi. Chỉ có 1 cụ già và 1 em trai thoát khỏi vụ tàn sát này và họ đã kể lại cho chính quyền Mã Lai những gì đã xảy ra. (AP Kuala Lumpur 2-4-89)

Cuối tháng 3 vừa qua một chiếc tàu vận tải Nhật Bản đã đụng phải chiếc thuyền của 130 người ty nạn. Ông thuyền trưởng đang định vớt người ty nạn thì những đợt sóng mạnh đã gây ra thảm nạn. Người ta chỉ cứu được 35 người. Số còn lại dần ông, đàn bà và trẻ em đã chết đuối. (Radio Hessen 1-4-89)

Nhưng số phận của những người ty nạn đã vượt qua hiểm nguy và hiện sống tại Hồng Kông ra sao? Họ bị cảnh sát bắt và giam giữ trong một trại trừng giới (loại trại như lồng cũi). Theo qui định của chính phủ Anh Quốc, kể từ ngày 15.6.88 thì người ty nạn được

xem là những người di dân bất hợp pháp nên bị trả lại Việt Nam. Người ta qui trách người ty nạn vượt biển vì lý do kinh tế không thể có quyền ty nạn chính trị. chỉ có một ít người được công nhận là người ty nạn chính trị và được ở lại vì họ chứng minh bằng giấy tờ mang theo được rằng họ là người bị truy nã ở Việt Nam. Nhưng mấy ai có được giấy tờ để dẫn chứng? Đây là một đòi hỏi quái gở! Cũng giống như người ta đã đòi người Do Thái phải có giấy chứng nhận truy nã của Gestapo (cơ quan mật vụ của Đức Quốc Xã) sau khi họ thoát được bạo quyền Hitler đến nước Mỹ. Mặc dầu phải đương đầu với hoàn cảnh sống vô nhân đạo và áp lực của cơ quan hành chánh chỉ có 75 người (trong tổng số 11.000 người ty nạn đến sau qui định tháng 6.88) tuyên bố tự nguyện trở về. Số người còn lại chấp nhận cuộc sống trong trại

trung giới Hồng Kông hơn là sống trong "Tự do" tại Việt Nam. Một người viễn thám trai đã nhận được một lá thư viết bằng máu: "Hãy thương hai người Việt Nam chúng tôi! Đừng đẩy chúng tôi vào cõi chết!". Một trăm người ty nạn thuộc trại Hei Ling Chau đã tuyệt thực và bị băng những trăn đôn của viên trưởng trại đánh gục. Sau những cuộc thương lượng kéo dài, chính phủ Anh Quốc đã đạt được sự cam kết của bao quyền Việt cộng rằng: Những người ty nạn sau khi trở về nguyên quán sẽ không bị trừng phạt. Nhưng người ty nạn không thể tin điều đó. Vì ở Việt Nam hiện tại cũng giống như các nước Cộng sản khác như: Đông Đức, Cu Ba, Athiopien, Rumanie..., việc rời khỏi nước không có giấy phép là phạm pháp. Người ty nạn biết rằng con đường rời Hồng Kông trở về sẽ dẫn tới một đống mồi cá nhân phải ở từ 10 đến 15 năm, nếu họ còn sống sót.

Tại Anh Quốc chính sách này đã gây nên rất nhiều phản đối trong dư luận quần chúng. IGFM (Internationale Gesellschaft für Menschenrechte = Hội nhân quyền quốc tế) không đơn giản hóa vấn đề khó khăn của việc thâu nhận người ty nạn, nhưng IGFM cho rằng việc cưỡng bách trở về là một vi phạm nghiêm trọng văn kiện nhân quyền được long trọng ký kết sau Đệ nhị Thế chiến. Năm 1988 trong khi khắp nơi trên thế giới hân hoan chào mừng 40 năm ngày tuyên ngôn Quốc Tế Nhân Quyền thì Anh Quốc, một quốc gia lập hiến đã liên kết với chính phủ độc tài Việt cộng để mang hàng chục ngàn người ty nạn trở về sau hàng rào kẽm gai.

Hội IGFM tại Anh Quốc đang cố gắng dưới mọi hình thức ngăn chặn cuộc cưỡng bách trở về. Hội IGFM tại Úc, Tây Đức và Anh Quốc, muốn cùng nhau gởi một nhóm chuyên gia về Hồng Kông để nghiên cứu tại chỗ những gì có thể làm được. Sau đó sẽ thực hiện một văn kiện bằng nhiều ngoại ngữ và một chiến dịch cứu vớt những người ty nạn đang bị lãng quên. Trong giai đoạn đầu của dự án này, hội IGFM Tây Đức phải làm sao có được 15.000DM. Nếu chính phủ Anh Quốc dưới áp lực của dư luận quần chúng mà phải hủy bỏ qui định vô nhân đạo thì số tiền trên sẽ được dùng trực tiếp giúp người ty nạn tại Hồng Kông. Chúng tôi cảm ơn sự tham gia hỗ trợ của quý Ông Bà (ám hiệu: Việt Nam) (Hình chụp người ty nạn Việt Nam đi tìm tự do, nhưng họ đã rơi đống sau khung sắt và hàng rào kẽm gai.

J. Pavlovsky/Sygnma



Au camp de Pulo Bidong, en Malaisie, ces enfants attendent la grande traversée, les tempêtes, parfois les pirates.

„...Habt Erbarmen mit uns!“

Als ob die Flüchtlinge aus Vietnam nicht genug gelitten hätten, bevor sie sich zur Flucht aus ihrer Heimat entschlossen haben. Als ob das Fahren mit kleinen Booten im offenen Meer nicht gefährlich genug wäre. Aber für die britische Administration in Hongkong ist das alles kein Anlaß, um die Flüchtlinge aufzunehmen. Im Gegenteil! Man will sie möglichst schnell wieder zurückdeportieren. Nach Schätzungen zuständiger Organisationen sind seit 1975 zwischen 200.000 und 300.000 Flüchtlinge beim Versuch, über das Meer zu entkommen, auf verschiedene Weise umgekommen. Zwei Meldungen in nur einer Woche zeigen uns das Ausmaß der Tragödie:



Vietnamesische Flüchtlinge, die Freiheit gesucht und doch hinter Gittern und Stacheldraht gefangen sind (Foto: AP)

Im Südchinesischen Meer ist es zu einem der blutigsten Überfälle thailändischer Piraten auf vietnamesische Bootsflychtlinge gekommen. Beamte in Kuala Lumpur berichteten am Samstag, bei dem Überfall, der sich vor etwa einer Woche ereignet habe, seien 45 Menschen massakriert und etwa ein Dutzend Frauen verschleppt worden. Nur ein alter Mann und ein Junge hätten das Massaker überlebt und nach ihrer Rettung den malaysischen Behörden davon berichtet. (AP Kuala Lumpur/2.4.89)

Ende März rampte ein japanisches Containerschiff ein Boot mit 130 vietnamesischen Flüchtlingen. Der Kapitän wollte auf hoher See die Flüchtlinge aufnehmen. Doch ein starker Wellengang führte zur Katastrophe. Nur 35 Menschen konnten aus dem Wasser gefischt werden. Die restlichen Männer, Frauen und Kinder ertranken. (Hessischer Rundfunk/1.4.89)

Was geschieht nun mit den Flüchtlingen in Hongkong, die trotz aller Gefahren überlebt haben? Sie werden von der Polizei festgenommen und in ein Straflager eingesperrt - in käfigähnliche Behausungen. Nach einer Verordnung der britischen Regierung vom 15. Juni 1988 gelten die Flüchtlinge als illegale Einwanderer und sollen nach Vietnam zurückgeschickt werden. Man unterstellt ihnen, daß sie aus wirtschaftlichen Gründen geflohen sind und demnach kein Recht auf Asyl haben. Nur einzelne, denen es aufgrund von vorhandenen Papieren gelingt, zu beweisen, daß sie in Vietnam Verfolgungen ausgesetzt waren, werden als politische Flüchtlinge anerkannt und dürfen bleiben. Aber welcher Verfolgte hat schon entsprechende Papiere? Das ist ebenso ungeheuerlich, als wenn man von Juden, die vor den Nazis geflohen und nach langen Irrfahrten endlich in den USA ange-

Vietnamesen bekommen, daß die Flüchtlinge nach der Rückkehr nicht bestraft werden. Doch die Flüchtlinge haben keinen Anlaß, ihnen zu glauben. Denn das Verlassen des Landes ohne Genehmigung gilt auch in Vietnam - wie in anderen kommunistischen Staaten (z. B. DDR, Kuba, Athiopien, Rumanien u. a.) - als strafbar. Die Flüchtlinge wissen, daß der Weg aus Hongkong in eins der vielen Umerziehungslager führt. Dort muß jeder 10 - 15 Jahre bleiben, wenn er es überhaupt überlebt. In Großbritannien gibt es zahlreiche Proteste in der Öffentlichkeit gegen die Politik der Regierung. Ohne die Probleme der Unterbringung der vietnamesischen Flüchtlinge zu verhandeln, betrachtet die IGFM die Zwangsdeportation als absolute Verletzung der Menschenrechtsdokumente, die nach dem Zweiten Weltkrieg feierlich angenommen wurden.

Im Jahre 1988 wurde überall in der Welt der 40. Jahrestag der Allgemeinen Erklärung der Menschenrechte groß gefeiert. Zur gleichen Zeit verbündete sich ein Rechtsstaat - Großbritannien - mit einem totalitären Staat - Vietnam - um die Zehntausende von Flüchtlingen wieder hinter Stacheldraht zu bringen.

Die britische Sektion der IGFM bemüht sich, auf verschiedene Weise die Deportation zu verhindern. Die IGFM-Sektionen in Australien, Großbritannien und die deutsche Sektion wollen gemeinsam eine Expertengruppe nach Hongkong entsenden, um vor Ort zu prüfen, was getan werden kann. Danach soll eine mehrsprachige Dokumentation erstellt und eine weltweite Kampagne zur Rettung der versperrten Flüchtlinge gestartet werden. Für die erste Phase dieses Projekts muß unsere Sektion DM 15.000,- aufbringen. Sollte die britische Regierung unter dem Druck der öffentlichen Meinung ihre unumkehrliche Verordnung zurücknehmen, so wird das Geld direkt für die Unterstützung der Flüchtlinge in Hongkong verwendet. Wir danken Ihnen für Ihre Beteiligung (Kernkraft Vietnam).

Impressum

Herausgeber: Internationale Gesellschaft für Menschenrechte - Sachliche Redaktion: v. Kasperstraße 72, Postfach 101732, D-4000 Düsseldorf, Markt, Telefon: (0210) 203971-2
 Redaktion: Prof. Dr. Dieter Eigenreich, Prof. Dr. Hubertus J. Hoffmann, Dr. G. Jandt, Dr. G. M. Thomsen, Dr. G. Hofmann, Prof. Dr. Hans-Joachim Lauth, Prof. Dr. Theodor Weiler u. a.
 Redaktion: J. J. Röhne, Erziehungswissenschaftler, Prof. Dr. Hans-Joachim Lauth, Prof. Dr. G. Jandt, Prof. Dr. G. M. Thomsen, Prof. Dr. G. Hofmann, Prof. Dr. Hans-Joachim Lauth, Prof. Dr. Theodor Weiler u. a.
 Dieses Mitteilungsblatt wird mit Unterstützung der IGFM kostenlos verschickt. Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.
 Diese Ausgabe legt eine Zahlkarte der IGFM bei.
 Postvertriebsstelle: Dohren bei Land
 © 2001

**Chúng ta phải làm gì trước thảm cảnh não lòng này
hay là xin hãy nghĩ đến số phận các trẻ mồ côi, cô
đơn, lạc loài ở các trại tỵ nạn**

Đứa bé gầy gò quá, xanh xao quá!

Không cần biết nó sẽ khai tuổi thật hay giả, nhưng mình có cảm giác khi trời nổi gió, nó đứng ở bãi đáp phi cơ, gió sẽ bay thổi nó lên, như đã cuốn hút bụi cát và lá vàng, ở cô đảo "Bướn Lâu Bi Đất"!

Bé ngồi ngay ngắn trước phái đoàn Pháp. Bé tên Phong 7 tuổi. Khi người ta - qua lời người thông ngôn - hỏi Bé :

- Phong muốn đi Pháp hay muốn đến quốc gia nào?

Nghe hỏi, Phong rơi nước mắt. Sự tức tưởi nghẹn ngào của trẻ thơ khiến cho người thông dịch xúc động, phải quay mặt nhìn về hướng khác, bâng khuâng...

Phong móc trong lưng quần ra hai mảnh giấy nhỏ và một thẻ bằng chì mỏng tanh.

Phái đoàn Pháp ngạc nhiên. Trên miếng kim khí ấy của Phong có ghi rõ địa chỉ của một người Di hiện ở tại vùng LA CIOTAT thuộc miền "Bouches du Rhône", Pháp Quốc. Trong phái đoàn Pháp, có người lộ vẻ cảm động. Có thể họ nghĩ cuộc phỏng vấn hôm nay là lần sau cùng của họ vì chánh phủ Mã Lai Á đã nhất định đóng cửa vĩnh viễn trại tỵ nạn Poulo Bidong!?

Riêng người thông ngôn Việt Nam thì hình ảnh cảnh sát Mã Lai Á đã cương quyết đuổi xô 3 thuyền tỵ nạn chỡ nhóc người đã tập được vào bãi cô đảo Bidong ở một chiều cuối tháng 3/89 dường như vẫn còn làm cho anh đau lòng! Thậm chí đến 1 trong 3 thuyền tỵ nạn hết cả lương thực, có Cao Ủy đặc trách người tỵ nạn có mặt ở đảo can thiệp quyết liệt, cảnh sát Mã Lai Á mới chịu cung cấp lương thực cho thuyền nhân, rồi nhất định uy hiếp bằng võ lực, áp tải 3 chiếc thuyền mỏng manh chỡ gần 500 người vượt biển, có hơn phân nửa phụ nữ nhí đồng, phải tiếp tục vượt trùng dương sóng gió! Lối 6.000 người tỵ nạn trên đảo cũng như anh thông dịch Phápngữ này, đã bất lực, không có phản ứng nào, trước tấm thảm kịch bi thảm đó !



Nguyễn Ang Ca phỏng thuật theo tài liệu báo chí ngoại quốc

Vào tháng 4/89, tại Poulo Bidong còn 600 trẻ vì thành niên, vượt biên mình ên, không thân nhân, hóa thành tiểu đoàn... "đám trẻ thiếu tình thương"!

Trong khu vực dành riêng cho trẻ bơ vơ nơi cô đảo, khi gặp phái đoàn Pháp các trẻ rập nhau hát bài :

"Frère Jacques"!

Sáu trăm đứa trẻ!

Tìm hiểu sâu xa hơn, ta lo ngại tương lai của chúng. Nếu quá thiếu tình thương, tủi hân đói, có thể sau này rất nhiều đứa trẻ sẽ tăng cường vào hàng ngũ các băng du đảng... quốc tế, làm đau đớn chung cho cả công đồng người Việt tỵ nạn ở hải ngoại này! Chúng ta những người Việt ở hải ngoại, ngay bây giờ, cần nghĩ ra một biện pháp thế nào để hướng dẫn, giúp đỡ tích cực các trẻ bơ vơ đó!

Ta không thể bỏ rơi 600 đứa trẻ ở Poulo Bidong cũng như hàng ngàn trẻ mồ côi ở Hương Cảng và Thái Lan... Vì có nhiều, thật

nhiều đứa trẻ Việt Nam mới tí tuổi đầu mà ra đi với một trong trách, một "sứ mệnh". Khi ổn định đời sống ở thế giới tự do, trẻ có nhiệm vụ giúp đỡ gia đình còn kẹt lại ở địa ngục Việt Nam được sống.

Nếu may mắn được nhận làm "nghĩa tử" trong một gia đình khá giả, bề thế, các trẻ sẽ có phận sự "xúi cho cha mẹ, anh chị em ruột được qua đoàn tụ gia đình"! (Ở Việt Nam vẫn còn tin tưởng sự việc này!)

Trong số 600 trẻ bơ vơ đó, chắc chắn sẽ có lối 400 trẻ vô cùng thông minh. Khi vào trường, chúng nó sẽ đứng đầu lớp và bất cứ Đại học nào, ngành nào, ở khắp bốn phương trời, trẻ Việt Nam luôn là sinh viên xuất chúng!

Cả báo chí Mỹ, Âu, Úc... đều phải nhìn nhận sự thông minh tuyệt đỉnh của thanh thiếu niên Việt Nam!

Các phái đoàn khi viếng các trại tỵ nạn đều lưu ý đến trẻ thơ bơ vơ cô độc của nước Việt! Họ cho là trẻ Việt là những người kiên tâm và can đảm! Vì có lắm đứa bé đã chứng kiến cha mẹ bé chết thảm trong cuộc hải hành, vì bão tố hay do bon hải tặc...mặt người lòng thú!

Đáp lại các câu hỏi, nhiều bé không hiểu sao là tất cả gia

đình đều chết hết, thuyền nhân chết nhiều quá, mà... bé lại được sống!

Trở lại nhiệm vụ của các hội đoàn người Việt tự do. Quý vị cần "quây" thế nào cho nhà cầm quyền địa phương "bốc" sớm các trẻ đang sống trong cảnh "đầu xanh vương khổ hân" này !

Pháp quốc ! quốc gia đáng cho chúng ta tri ân

Dưới đây là những con số mà ta cần chứng minh cho chánh phủ các nước nhớ rõ, biết rành, và nắm vững:

Trong số 5.000 trẻ vị thành niên, vượt biển một mình mà nước Pháp nhận từ năm 1975 đã có :

* 2.100 trẻ tìm được thân nhân gần hay xa.

* 2.500 trẻ có cha mẹ nuôi, có mái nhà ấm cúng, chan chứa tình cảm gia đình.

Trong số 5.000 trẻ vị thành niên thuyền nhân Việt Nam được Pháp nhận không có trường hợp nào gây phiền toái cho chánh phủ cả! Pháp Quốc thẳng thắn nhìn nhận :

Trẻ Việt chăm chỉ học hành từ các lớp tiểu, trung đến Đại học. Khi ra trường trẻ Việt tìm được việc làm ngay, không ai chịu "lãnh trợ cấp xã hội" hết!

Ở Mỹ và ở Pháp, trẻ Việt Nam tốt nghiệp với hạng "uù".

Niên khóa rồi, người sinh viên giỏi toán nhất ở Đại học đường danh tiếng Hoa Kỳ Harvard là một cựu thuyền nhân Việt Nam.

Bé Tranh là con lớn trong một gia đình có 4 con. Cha của Bé là một sĩ quan cấp úy của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Vì tho thường, cha của bé được giải ngũ sớm. Chỉ còn một chân, cha bé xê dịch, sanh hoạt khó khăn nhưng nhờ thế đã tránh khỏi bị VC lừa vào trại tập trung!

Mẹ của Tranh phải tần tảo bán buôn nuôi chồng, nuôi con.

Dù cực khổ quá đời, gánh chèo cháo nhỏ làm sao nuôi nổi 6 miệng ăn!

Mới 10 tuổi, Tranh đã phải rời ghế nhà trường. Tranh và đứa em út được cha mẹ thuận, tìm cách cho vượt biển, vì nếu "ở lại", tương lai của hai trẻ sẽ âm u tăm tối trong không khí ngột ngạt của một xứ chậm tiến, thiếu đủ các thứ tự do tối thiểu của con người!

5 lần đi hụt, lần thứ 6, anh em Tranh mới tìm được thuyền cho hai bé ra đi! 10 ngày lênh đênh trên biển vì máy tàu hư và anh



Trẻ thơ tôi tình gì mà phải ở tù !!!

em Tranh đã ôm nhau, mỗi sức khi quanh hai đứa trẻ, có nhiều người trên thuyền chết vì khát. Chỉ chặm lưỡi 6 tiếng đồng hồ nữa thôi, anh em Tranh sẽ không sao chịu đựng nổi!

May thay, chiếc tàu Pháp "Mary" đã đến kịp.

Trước phái đoàn, Tranh yêu cầu cho em của Tranh được nhận vào một gia đình người Pháp, còn Tranh xin được học một nghề nào đó, để sớm có tiền mua quà gửi về giúp Ba Má và hai em...

Dũng đã 17 tuổi! Khi Dũng 10 tuổi, em được tàu Pháp "GOELO" của "Médécins du Monde" cứu sống!

Là con một của gia đình mà cha đã chết vì cuộc chiến và mẹ là một thợ may nghèo ở Saigon... Khi được vớt lên tàu, vì quá khủng khiếp sau cuộc hải hành, Dũng bỏ ăn cả 3 ngày!

Bây giờ Dũng là một học sinh xuất sắc ở Pháp. Niềm ước vọng của em là..xin phép T.T Mitterrand cho mẹ em được qua Pháp với em!

Duyên là một thiếu nữ, đã đến Pháp vào năm 1979 nhớ con tàu "Ile de lumière".

Khi được tin chồng đã kiệt sức, gục ngã bởi đòn thù của Cộng Sản, với sự đồng ý của mẹ - nữ giáo sư một phân khoa Đại Học Saigon - bất chấp hiểm nguy, Duyên đã vượt thoát.

Mới đây, nhớ sự can thiệp, vận động ráo riết của cha mẹ nuôi, Duyên đã đưa được mẹ sang Pháp với diện "đoàn tụ gia đình".

Khi đến Pháp hay đến các nước vẫn còn chan chứa tình người như Anh, Tây Đức, Na Uy, Thụy Điển trẻ vị thành niên phải tạm trú trong các trại.

Phần lớn các trẻ này đều cần sự an ủi, tựa nương, giúp đỡ về mặt tinh thần.

Kể từ ngày 15.3.1989 trại Poulou Bidong đã đóng cửa chánh thức.

Trước hơn Mã Lai Á, các nước Thái Lan, Phi Luật Tân, Hương Cảng đã phân loại hai hạng thuyền nhân.

Có một hạng được xem là tốt, có thể định cư mà không có vấn đề phiền toái gì cả. Hạng này chiếm 8% tỷ lệ.

Còn hạng xấu (do chính nhà cầm quyền địa phương "cho điểm") chiếm tới 92%.

Số người này, tức 92% tổng số thuyền nhân có mặt ở các trại Mã Lai Á, Phi, Hương Cảng, Thái sẽ bị áp tải về Việt Nam. Việt Cộng mặc cả, "ăn tiền đó la" trên mỗi đầu người tỵ nạn, được giao hoàn về cho ... Cộng Sản. Cao Ủy đặc trách về người tỵ nạn đang kỳ kèo giá cả với Việt Cộng !

Vào sáng thứ tư 14.6.89, tại Genève, nhiều nước - đã đóng góp vào quỹ cứu trợ người tỵ nạn - sẽ họp nhau để quyết định số phận của 92% thuyền nhân còn kẹt trong các trại tập trung Đông Nam Á. Có thể từng như hội nghị Ba Lê đầu xuân 1973 mà các nước tự do đã... bán rẻ số phần miền Nam Việt Nam cho Bắc Cộng, lần này đến lượt mấy vạn người vượt biển sẽ bị bỏ rơi chăng?!

Từ nay đến ngày 14.6 cùng không còn bao lâu, ta phải làm gì đây hỡi quý vị trong các tổ chức công đồng người Việt tự do ở các nước ?!

Từ năm 1975 - không kể số người đi tỵ nạn thẳng - đã có : 1.469.273 người vượt biển hay vượt biên thùy bằng cách đi bộ đến các trại tỵ nạn.

Mỹ nhận : 705.987 người (kể cả 363.143 thuyền nhân).

Canada nhận : 119.609 người (79.493 thuyền nhân)

Úc nhận : 119.609 người (88.837 thuyền nhân)

Pháp nhận : 108.058 người (20.809 thuyền nhân)

và một số khác chia rải rác ở các nước Tây Đức, Anh, Hòa Lan, Bỉ, Ý, Bắc Âu...

Kolakowsky là một trí thức Ba Lan, chủ nhiệm tờ báo Po-Prostu. Tờ báo bị cấm đoán, bắt chấp tù tội. Anh gửi những bài bị kiểm duyệt ra nước ngoài đăng. Anh đã viết như sau :

" Thế nào là một quốc gia Cộng Sản?"

"Đó là một quốc gia trong đó con người luôn luôn sợ công an, một xã hội trong đó con người thành ra phạm nhân nếu bộc lộ tư tưởng của mình, trong đó một quân đội sẵn sàng đi chiếm đóng đất đai của dân tộc khác, trong đó kẻ nào ca tụng triết để kẻ cầm quyền là có thể sống ung dung như cá trong nước".

"Đó là một xã hội trong đó mỗi công dân có thể bị kết án mà không có phiên tòa xử, và 10 công dân chỉ có 1 buồng. Một xã

hội không cho ai ra ngoại quốc. Một xã hội mà lính kín nhiều hơn y tá!".

"Đó là một xã hội cưỡng bách mọi người trở nên ăn cắp, một xã hội bắt nhân dân làm máy bay mà không sao làm cho nhân dân có được đôi giày để đi."

"Đó là một xã hội mà bọn hèn nhát sống như đế vương, còn những người can trường, xứng đáng thì chết đói hay chịu ngục tù. Một xã hội mà trạng sư lúc nào cũng đứng ở phe biện lý. Một xã hội tung ra nhiều tiền để nuôi bọn thi sĩ giả mạo, và tưởng rằng hiểu hội họa giỏi hơn các họa sĩ."

NGHĨ GÌ VỀ CỘNG SẢN

"Trong xã hội đó, mọi người không phải chỉ chịu trách nhiệm về việc mình làm, mà còn chịu trách nhiệm về cha mẹ, về ông bà, về tổ tiên từ ngũ đại."

"Một xã hội mà triết gia, văn hào, thi sĩ chỉ có công việc ca tụng các tổng trưởng và các thống chế. Một xã hội mà kết quả các cuộc tuyển cử được biết trước khi bỏ phiếu."

"Một xã hội căn bản trên sự nò lệ, một xã hội mà kẻ vô học được coi như là bác học."

Bài viết của Kolakowsky vào năm 1962 (Người dịch Phan Tiến Anh - Hòa Lan -)

Việt Cộng kêu gào cải thiện điều kiện lao động của công nhân bị gửi đi làm trả nợ ở Liên Xô và các nước CS Đông Âu

LTS: Do chính sách của nhà nước CSVN xuất cảng sức lao động ra nước ngoài, đặc biệt là ở Liên Xô và các nước CS Đông Âu, công nhân VN phải làm việc dưới những điều kiện lao động vô cùng tồi tệ, miễn sao để nhà nước đạt được mục đích kiếm ngoại tệ và để khấu trừ vào những món nợ mà Hà nội đã vay mượn để duy trì bộ máy chiến tranh xâm lược miền Nam trước năm 1975. Nhưng do sự phản đối của những công nhân bị áp bức và nhất là để phụ họa với chính sách gọi là "đổi mới" của Nguyễn Văn Linh, mới đây tờ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN của Hà nội đã phải đề cập đến vấn đề này và la o đòi cải thiện tình trạng lao động của họ sau khi so sánh với công nhân của Nam Hàn hoặc Ấn Độ được gửi sang làm việc ở các nước Tây phương.

Viên Giác trích dịch bài dưới đây trong tờ "SUDOSTASIEN aktuell" số tháng 3/89

Việt Nam, một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới, đã thu được một số ngoại tệ nhờ sức lao động của lớp thanh niên sau nhiều năm được gửi ra làm việc ở ngoại quốc. Tờ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN cho biết, từ năm 1980 đến năm 1988 đã có 80.000 công nhân VN được gửi sang Liên Xô, 30.000 ở Tiệp Khắc, 60.000 ở Đông Đức và 25.000 ở Bảo gia lợi.

Việc sử dụng lao động bằng cách này không phải hoàn toàn bất

đắc ý (unbeliebt), tuy nhiên cũng đem lại nhiều hiện tượng tiêu cực như tờ báo này đã ta thán: công nhân VN trong các nước Đông Âu phải làm những công việc nguy hiểm hoặc bẩn thỉu, thậm chí đôi khi còn phải làm việc chung với tù nhân. Đôi lại họ chỉ nhận đồng lương rất khiêm nhường so với số lương được trả ở các quốc gia khác cho cùng một công việc như vậy. Thêm vào đó, tiền lương được trả theo loại bản vị bất hoán chuyển (in nichtkonvertierbarer Währung) nên họ gặp khó khăn khi muốn gửi tiền về nhà giúp thân nhân.

Trong tương lai VN nên đòi hỏi, công nhân làm việc ở nước ngoài không phải làm việc ở những nơi nguy hiểm, tất cả "những bất công" phải được san bằng như đã ghi trong các hợp đồng hiện nay Các quốc gia hàng năm đã thu được ngoại tệ đáng kể nhờ gửi công nhân ra làm việc ở nước ngoài là: Ấn Độ từ 6 đến 7 tỉ Mỹ kim, Hồi quốc 2 tỉ, Nam Hàn 1,9 tỉ.

Nhưng tờ QĐND đã quên không đề cập là công nhân Nam Hàn và Ấn Độ làm việc ở các nước Tây phương, còn công nhân VN được gửi đến các nước XHCN anh em làm việc với mục đích để trả nợ Ngày 15.12.1988, bà Nguyễn Thị Bình, Chủ tịch Ủy ban Ngoại giao của Quốc Hội, đã làm một bản phúc trình về vấn đề này và xác

nhận một sự kêu ca của tờ báo. Theo phúc trình này, cho dù sự xuất cảng sức lao động VN ra ngoại quốc xét về mặt ngoại tệ có lợi cho nhà nước, cũng như về phương diện huấn nghệ cũng có lợi cho công nhân VN; nhưng mặt khác phải thừa nhận đã có vô số khó khăn trở ngại mà những cuộc điều tra ở 4 nước XHCN trong thời gian 8 năm đã chứng tỏ.

VN phải làm thế nào để thương thảo lại về những điều vừa nêu ra, mặc dầu nó đã có hiệu lực trong những hợp đồng đã ký kết, đồng thời cũng duyệt xét những điểm này ngay từ bây giờ trong những hợp đồng sắp được ký kết chẳng hạn ấn định lại tiền lương tối thiểu hay đòi cải thiện tình trạng lao động cũng như một số quyền lợi về du lịch, chỗ ở, biện pháp chăm sóc sức khỏe, hoặc việc gửi quà về nhà và nhất là phải được đối xử bình đẳng như những công nhân ở các nước khác. Đa số công nhân VN ở nước ngoài thuộc giới trẻ, trong số đó hết 80% đã gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM (Hồ Chí Minh Jugendliga) để nói lên sự đảm bảo về phẩm chất của họ, cũng như trong tương lai đảm bảo sự sẵn sàng phục vụ tổ quốc.

Như tin chúng tôi đã loan, (SOAa Nov.1988, S.498f.), ngày 18.10.1988, Hội đồng Bộ trưởng VN đã ban hành một đạo luật chính thức cho phép công nhân VN, nếu muốn tiếp tục sống và làm việc ở các nước XHCN, có thể ở lại nước đang làm việc, với điều kiện là không bị áp đặt phải làm những nghề hèn hạ.

TÌM HIỂU THẾ GIỚI NGÀY NAY



1.1.1992 Cộng Đồng Âu Châu sẽ có gì thay đổi ?

Cộng đồng Âu Châu (Europäische Gemeinschaft hay European Community) gồm có 12 quốc gia: Tây Đức, Anh, Pháp, Ý, Ai Nhĩ Lan (Ireland), Đan Mạch, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (Portugal), Bỉ, Hòa Lan và Lục Xâm Bảo (Luxemburg).

Kể từ ngày 1.1.1992 thị trường mậu dịch trong cộng đồng Âu Châu sẽ trở thành 1 khối thống nhất. Những hàng rào cản chẵn ngang biên giới được dẹp bỏ. Mỗi người trong 320 triệu dân của cộng đồng có thể đi tự do từ Perth (Anh) đến Palermo (đảo Sizilien của Ý) với cái giấy thông hành của nước mình mà không bị kiểm soát. Họ được quyền sống tự do bất cứ nước nào trong cộng đồng mà họ muốn. Điều này chứa đựng những ưu và khuyết điểm như sau:

- Người dân trong cộng đồng có quyền lựa chọn nước nào trả lương cao thì đến làm việc. Tây Đức là một trong những nước trả lương tốt nhất. Khi đó ở Bồ Đào Nha tiền lương công nhân mỗi giờ chỉ có 5 Đức Mã. Trên cơ sở đó sẽ có nhiều người đến Đức để làm việc. Nhà cửa sẽ thiếu hụt và tiền thuê nhà sẽ tăng lên khoảng 25%.

- Kientung về hôn nhân, người dân trong cộng đồng sẽ nhớ một luật sư Ai Nhĩ Lan biện hộ vì tiền thù lao chỉ bằng 1/4 ở Đức. Chứng nhận giấy tờ mua bán nhà cửa thì nhớ chương khế Bồ Đào Nha vì lệ phí chỉ bằng 1/2 lệ phí tại Đức.

- Mỗi người dân trong cộng đồng có thể lợi dụng nước nào có trợ cấp xã hội cao thì sẽ đến đó ở để hưởng. Tây Đức trả trợ cấp xã hội tốt nhất như: Tiền trợ cấp con cái (Kindergeld), tiền trợ cấp nhà ở (Wohn-

geld), trợ cấp xã hội (Sozialhilfe), tiền trợ cấp thất nghiệp (Arbeitslosengeld)... Trung bình một gia đình có 4 người, hằng tháng với trợ cấp trên lãnh khoảng 1600 Đức Mã, hơn lương của một người thợ chuyên môn trong 9 của 12 quốc gia trong cộng đồng.

- Một bác sĩ chuyên môn về bệnh phụ nữ chẳng hạn, ở 1 phương trời nào đó, đầu vấn khăn và tên là X.Y.Z... Ông ta người Ấn nhưng với giấy thông hành của Anh, ông được quyền đi tất cả các nước trong cộng đồng để hành nghề.

- Sự cạnh tranh sẽ trở nên gay go hơn, chỉ có những việc làm rất cần thận và tốt mới được tồn tại. Do đó những nhà máy, xí nghiệp của Đức sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi nhất; người thợ chuyên môn sẽ được hưởng lương nhiều hơn bây giờ.

- Tự do di chuyển, hàng rào quan thuế được dẹp bỏ, mỗi du khách có thể mua 1 số lượng không hạn chế và không bị đánh thuế như rượu vang của Ý, Cognac của Pháp, thuốc lá của Anh v... đem về dùng chơi.

Đây là tất cả của sự khởi điếm. Nhưng từ nay đến 1.1.1992 còn 279 đạo luật cần phải được hoàn tất để thống nhất hóa những điều kiện sinh sống của người dân trong cộng đồng. Từ chiếc xe hơi có Katalysator, thức ăn chứa đựng ít chất hóa học, đến viên thuốc Aspirin cũng phải được đóng gói như nhau...

Còn vô vàn khó khăn trở ngại mà những lãnh tụ các quốc gia trong cộng đồng phải vượt qua để xây dựng 12 quốc gia Âu Châu thành một khối thống nhất có một nền kinh tế vững mạnh nhất trong thế kỷ này.

Riêng về sự thống nhất tiền tệ trong cộng đồng thì chưa thực hiện được trước năm 2000.



Quân Đội Ấn Độ

Quân lực Ấn hiện nay đứng vào hàng thứ 4 trên thế giới sau Liên Xô, Trung Cộng và Hoa Kỳ. Sự xây dựng lực lượng này bắt đầu từ nhiệm kỳ của bà cố Thủ Tướng Indira Gandhi.

Ấn Độ hiện nay có trên 1000 xe tăng, những chiến đấu cơ tối tân như MIG.29, MIG.27, Mirage 2000 và Jaguar. Hải quân Ấn Độ cũng lần lần giành được ưu thế trên mặt biển. Một hạm đội gồm có 5 khu trục hạm, 23 diệt lôi hạm, 15 tàu ngầm trong đó có một tàu chạy bằng nguyên tử lực của Liên Xô và sẽ được Xô Viết cung cấp thêm nhiều chiếc nữa. Hai hàng không mẫu hạm, chiếc thứ ba sẽ được cung cấp sau.

Trong khi đó một vài quốc gia láng giềng của Ấn chỉ lo chú tâm trang bị quân đội của nước mình bằng những loại vũ khí qui ước. Do đó các quốc gia này rất lo ngại, mất ăn mất ngủ với xưởng làm vũ khí nguyên tử của Ấn.

Ấn đã thử loại hỏa tiễn địa địa tên là Prithvi, tầm xa khoảng 250 c/s; loại hỏa tiễn này có thể mang đầu đạn nguyên tử. Theo người quan sát thời cuộc cho biết thì Ấn đã có đầu đạn nguyên tử để trang bị cho loại hỏa tiễn trên.

Với sự ra đi của Anh quốc và với sự bận tâm hoạt động thường xuyên của Hải quân Mỹ ở vịnh Ba Tư, rồi đây Hải quân Ấn sẽ giữ một vai trò quan trọng có ảnh hưởng rất lớn ở Ấn Độ Dương theo như địa thế địa dư của đại dương. Có nghĩa là biển Ấn Độ sẽ do người Ấn kiểm soát.

Mặc dù Ấn là 1 trong những quốc gia thuộc thế giới thứ 3, từ lâu theo đuổi chánh sách trung lập nhưng chiều hướng chánh trị của Ấn từ trước tới nay vẫn thiên về khối Cộng. Bằng chứng là sau hiệp định Genève 1954, Việt Nam bị chia đôi hai miền Nam Bắc. Một ủy ban kiểm soát đình chiến được thành lập gồm có Gia Na Đại

(khởi Tự Do), Ấn Độ (Trung Lập) và Ba Lan (khởi Cộng). Nhưng, thành viên Ấn Độ luôn luôn thiên về chánh quyền CS Hà Nội. Do lập trường thiên tả của Ấn nên đã gây ra rất nhiều bất lợi cho các quốc gia chống Cộng trong vùng.



MIG-27 của Sô Viết trong cuộc duyệt binh ngày Quốc Khánh của Ấn

của diện tích trồng trọt toàn liên bang, nhưng đã cung cấp cho Sô Viết khoảng 1/3thịt, 40%trứng và 60%khoai tây. Không thể tưởng tượng được.

Hiện tại giới lãnh đạo Sô Viết chia ra hai khuynh hướng rõ rệt. Một bên là cải cách, muốn trả lại quyền tư hữu cho nhân dân có nghĩa là cái gì của dân mà trước đây đảng tịch thu và nhà nước quản lý, dân làm nô lệ thì bây giờ trả lại cho dân tự quản trị và sản xuất. Một bên là cố bám chặt chính sách tập sản hóa để dễ dàng bóc lột và hưởng thụ. Nhưng, nếu trả lại quyền làm chủ cho nhân dân để tự sản xuất mà nhà nước đánh thuế quá nặng như ở Việt Nam thì dân cũng đâu dại gì dờ mỡ hời sôi nước mất tạo ra bao nhiêu của cải vật chất để cho đám lãnh đạo ngồi không vơ vét, ngồi mát ăn bát vàng!!! Có qua có lại mới toại lòng nhau. Kề tám lạng người nữa cân thì mới quân bình được cuộc sống hợp đồng giữa nhà nước và dân.

Gorbatschow đã dự trù đưa số dân ở thành thị về thôn quê bằng cách cho họ thuê dài hạn những nhà cửa đất đai của các nông trường tập thể để tự lo canh tác. Họ có quyền tự chọn loại giống để trồng không theo chỉ thị của đám lãnh đạo quan liêu ngồi trong 4 bức tường ở công trường dò nhìn biểu đồ thảo kế hoạch.

"Hãy cho người dân cái quyền và điều kiện thích hợp rồi họ sẽ tìm ra một con đường tốt nhất để tăng gia sản xuất" Gorbatschow nói.

Nhưng, đừng vội nghe tin những lời người CS nói, mà hãy nhìn xem những gì người CS sẽ làm. Chính sách của họ là lùi một bước rồi sau đó tiến lên 7, 8 bước. Cởi mở, nhưng hãy thận trọng để phòng, mở một gút sau đó sẽ thắt lại 5, 10 gút! Bằng

Dân số Ấn trên 800 triệu người, đứng thứ nhì trên thế giới sau Trung Cộng (trên 1 tỷ). Đời sống nhân dân ở thôn quê còn quá thấp, nghèo đói, bệnh tật (xin quý vị đọc hồi ký "Đường Sang Thiên Trúc" của Từ Hùng Trần Phong Lưu đăng mỗi kỳ trong báo Viên Giác thì rõ). Chính phủ chưa có chương trình cụ thể về cải tiến dân sinh, cứ mãi lo chạy đua vũ trang. Thử được một trái bom nguyên tử, dân Ấn đã đói lại càng nghèo đói hơn. Tình hình ở Đông Á rồi đây sẽ biến chuyển như thế nào với căn cứ Hải quân Cam Ranh và phi trường Đà Nẵng do Liên Sô chiếm đóng, và với hạm đội Ấn mà hầu hết các tàu chiến đều do Sô Viết cung cấp đang hoạt động ở Ấn Độ Dương? Hãy chờ xem.

Ngày tàn chủ nghĩa tập sản

Nhiều lương thực - Chôn tập sản
Thật vậy muốn có nhiều lương thực, thực phẩm thì phải đưa sự tập sản hóa vào nghĩa địa, nghĩa là phải triệt tiêu những hợp tác xã chăn nuôi, những nông trường tập thể. Đó là đường lối cải cách của Liên Sô dưới sự lãnh đạo của trùm đỏ điện Cẩm Linh M. Gorbatschow.

Sau 70 năm xây dựng XHCN qua chính sách tập sản (đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ) hằng triệu triệu người dân Sô Viết bị truất hữu, bị dày ai và bị giết chết. Hậu quả là ngày nay nhân dân Nga phải sắp hàng hằng giờ, hằng buổi mà chưa

mua được 1 ký thịt, 1 ký khoai. Lương thực thực phẩm được phân chia theo khẩu phần. Không riêng gì trong liên bang Sô Viết mà cả những nước CS chủ hầu ở Đông Âu, Á hay Phi châu cũng vậy. Những hợp tác xã chăn nuôi, những nông trường tập thể là ở tham những, là nơi ăn cắp của công của đám cán bộ đảng viên. Và cũng là nơi mà xã viên làm việc ngày hai buổi tà tà, sáng xách đít đi chiều xách đít về, thành bại không cần biết vì cha chung ai hơi đâu mà lo mà khóc. Do đó sự sản xuất rất kém không đủ cung ứng cho nhu cầu cần thiết tối thiểu của nhân dân.

Gorbatschow và những thiết kế viên chính sách tập sản đã nhìn thấy kết quả của sự sản xuất như trong ảo ảnh, không bao giờ mang lại đúng chỉ tiêu đã được đề ra.

Ngược lại những miếng đất tư hữu nhỏ, chỉ chiếm 1,3 phần trăm



Nông trường tập thể. Nơi trình diễn đẹp nhưng là ở tham những và sản xuất tối.

chúng là CS Việt Nam, bao nhiêu lần cởi mở và bấy nhiêu lần đổi tiến? Bao nhiêu lần đổi mới và bấy nhiêu lần kêu án tử hình? Cởi mở, đổi mới để dân chúng trút hết hổ bao ruột tượng ra làm ăn, một thời gian sau có lệnh đổi tiến là dân cạn túi. Theo người quan sát thời cuộc, thì đây là khởi điểm cho ngày tàn của chế độ Cộng Sản, một chế độ phi dân tộc, phi nhân, tàn bạo dã man hơn bất cứ một chế độ nào từ trước tới nay. Một chế độ hạn chế sự phát minh, kềm hãm sự sản xuất, phong tỏa sự giao thương v.v...

Như một cái áo lới thời, cù rách phải bị đào thải theo tiến trình phát triển khoa học hiện đại của cuối thế kỷ 20 này.

Tổng sản lượng sản xuất trên thế giới

Theo nguồn tin của Trung ương tình báo Mỹ tiết lộ thì năm 1986 tổng sản lượng sản xuất trên thế giới trị giá là 16.800 ngàn tỷ (billion) Mỹ kim (Total world GNP for 1986).

So sánh giữa 4 khối chúng ta thấy ngay về sự sản xuất của khối Cộng Sản thua xa các khối khác. Vì sao? rất dễ hiểu vì chánh sách tập sản hóa của chế độ chặn đứng sự phát minh, kềm hãm sự sản xuất. Ngày nào còn chủ nghĩa tập sản, ngày đó người dân còn đói rách dài dài.

Sản xuất nhiều nhưng nợ cũng nhiều

Những quốc gia trong thế giới thứ 3 đang đứng trước một cái núi nợ khổng lồ, hơn 2,5 ngàn tỷ (billion) Đức Mã.

Những nước mắc nợ nhiều nhất là Ba Tây (Brasil) 114 tỷ Đức Mã, Mê Tây Cô (Mexico) 105 tỷ, và những quốc gia kém mở mang khác trong đó có Cộng Sản Việt Nam. Chính quyền CSVN vay nợ không phải để lo phát triển và tăng gia sản xuất hầu cải tiến dân sinh, nâng cao đời sống xã hội mà vay nợ để mua sắm vũ khí làm phương tiện đe dọa và xâm chiếm các nước láng giềng thỏa mãn mộng bành trướng xâm lăng của quan thầy Sô Viết.

Những quốc gia cho vay nợ nhiều nhất là Hoa Kỳ 135 tỷ Đức Mã, Nhật Bản 73 tỷ, Pháp 73 tỷ và Tây Đức 52 tỷ.

Những quốc gia thiếu nợ hiện không trả nổi tiền lãi chờ mong gì trả nổi tiền vay. Bộ trưởng tài chánh của những nước kỹ nghệ, ngân hàng thế giới và quỹ tiền tệ quốc tế đã đề nghị hoặc là cho những quốc gia thiếu nợ trả góp từng phần lần lần số nợ mà không lấy lãi, hoặc là đình chỉ sự cho vay tiếp tục.

Ông tân bộ trưởng tài chánh của Mỹ Nicolas Brady thì đưa ra một kế hoạch là trong 3 năm những ngân hàng chỉ cho vay khoảng 5 tỷ Đức Mã mà thôi. Những đơn xin vay quá nhiều tiền đều sẽ bị từ chối.

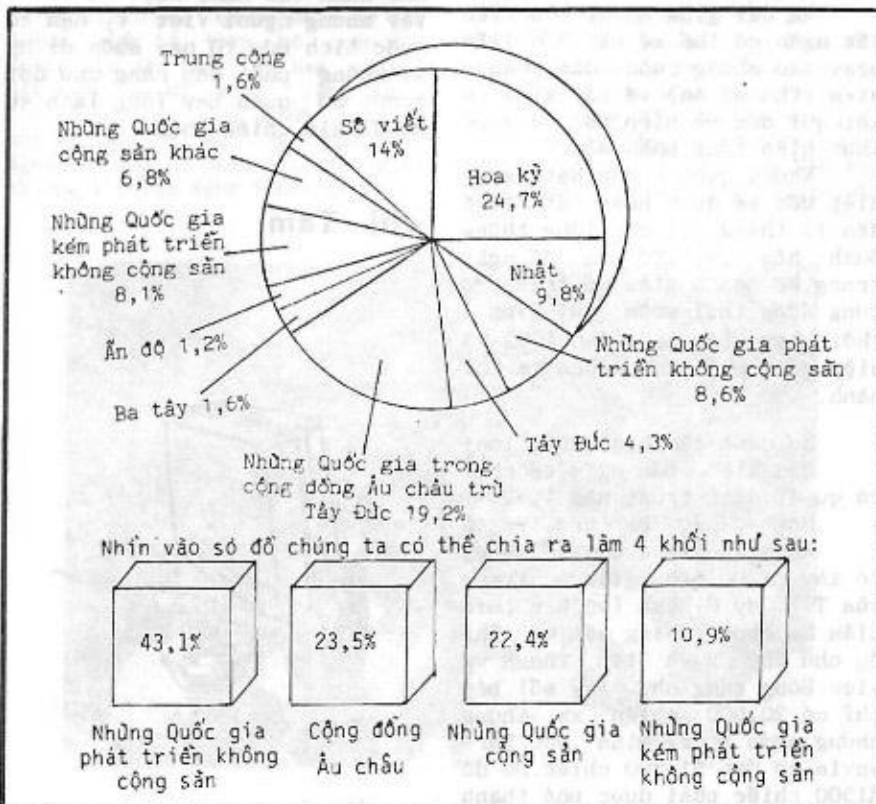
Tai nạn tàu ngầm nguyên tử

Ngày 7 tháng 4/89 vừa qua 1 tàu ngầm của SôViết mà Tổ chức minh ước Bắc Đại Tây Dương (Nato) cho một mật hiệu là "Mike" đã bị chìm ở Bắc Hải (Nordmeer) gần bờ biển Na Uy.

Tàu dài 108m, 9700 tấn, thủy thủ đoàn gồm có 95 người, trang bị 2 lò phản ứng hạt nhân (Atom Reactor) có thể hoạt động bí mật dưới lòng đại dương vô hạn định. Tàu được trang bị loại hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử hiệu SS-N-21, tầm xa 3145 c/s, có thể phóng từ dưới đáy biển xuyên qua mặt nước như loại tàu ngầm Polaris của Mỹ.

Tàu bị nạn không rõ nguyên do, trước khi bị chìm sâu dưới lòng đại dương tàu đã nổi lên mặt biển lần cuối, có một số khoảng năm mươi mấy thủy thủ bị cháy khắp thân thể nhẩy được ra khỏi tàu và trôi lênh bênh trên mặt biển. Họ được chánh quyền Na Uy vớt và đưa vào bệnh viện điều trị. Nhưng thuyền trưởng tàu ngầm không kêu gọi cứu cấp và ngay đến chánh quyền Liên Sô vẫn giữ im lặng trong 14 tiếng đồng hồ sau khi tàu bị nạn. Tuy nhiên sự bùng bít giấu kín vẫn bị phát giác và bị chụp hình. Người ta tự hỏi, trên tàu có trang bị loại vũ khí tối mật gì mà Liên Sô phải hy sinh một số thủy thủ đoàn không cho thuyền trưởng gọi cứu cấp "SOS".

Từ năm 1954 tới nay. Có 8 tai nạn tàu ngầm đã xảy ra như sau:



- 10.4.1963. Tàu ngầm nguyên tử của Mỹ tên Tresher chìm trong khilặn sâu thí nghiệm. 129 người chết.

- 27.5.1968. Tàu ngầm nguyên tử của Mỹ tên Scorpion chìm ở Đại Tây Dương. 99 người chết.

- Cũng cùng trong năm 1968, tàu ngầm nguyên tử của Sô Viết nổ gần đảo Hạ Uy Di.

- 15.5.1969. Tàu ngầm nguyên tử của Mỹ tên Guitaro bị chìm.

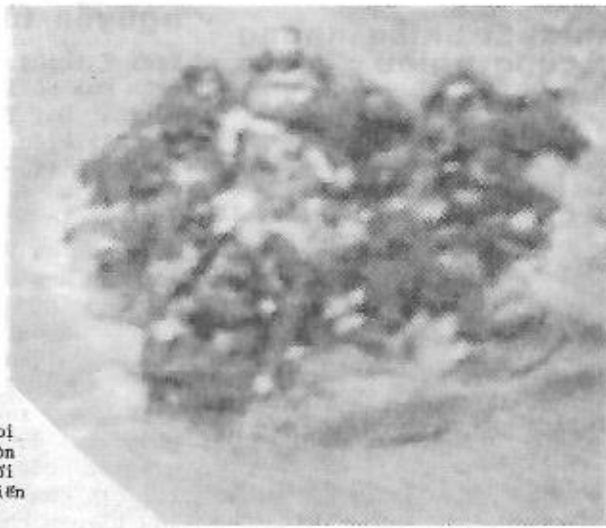
- 12.4.1970. Tàu ngầm nguyên tử của Sô Viết chìm trước bờ biển Tây Ban Nha.

- 5.1974. Tàu ngầm nguyên tử của Mỹ tên Pindado bị chiếc tàungầm của Sô Viết đụng trước bờ biển Tây Bá Lợi Á, tàu của Mỹ được kéo về đảo Guam.

- 21.8.1980. Tàu ngầm nguyên tử của Sô Viết bị nạn trước bờ biển Nhật Bản, ít nhất 9 người chết.

- 6.10.1986. Tàu ngầm nguyên tử Sô Viết bị cháy và chìm 800 c/s phía Đông Nam đảo Bermuda. 3 người chết.

Nguyên tử phục vụ hòa bình hay hủy diệt nhân loại?



Những thùy thủ , bị cháy khắp thân thể, còn sống sót đang trôi nổi lênh bênh trên mặt biển chờ cứu cấp.

Như con dao hai lưỡi, nếu theo chánh đạo thì phục vụ mục tiêu thứ nhất; còn theo tà đạo thì sẽ hủy diệt mục tiêu thứ hai. Rồi đây những lò phản ứng hạt nhân đang chìm sâu dưới lòng đại dương một ngày nào đó sẽ nổ tung ra như nhà máy điện nguyên tử của Nga ở Schernobyl trước đây, phóng xạ vào nước lan tràn khắp bốn bề năm châu. Tất cả chúng sinh và vạn vật đều bị những phóng xạ và sẽ gây ra biết bao tai họa không lường trước được! Trong cuộc vận hành song song giữa khoa học và đạo đức của con người; nếu khoa học chạy mau như thỏ, còn đạo đức đi chậm như rùa thì chắc chắn một ngày nào đó không xa nhân loại và tất cả muôn loài cùng cỏ cây hiện hữu trên hành tinh này sẽ bị hủy diệt bởi con người khoa học nhg không đạo đức.

Giảm võ trang và binh bị - Hòa Bình cho thế giới

Tổng Thống G. Bush của Hoa Kỳ và Chủ tịch Cộng đảng Liên Xô M. Gorbatschow sẽ bắt đầu đem lại hòa bình thực sự cho nhân loại. Nhân dân Đông cũng như Tây có thể thở phào nhẹ nhõm. Vì trong cuộc họp thượng đỉnh cuối tháng 5/89 của tổ chức minh ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) tại Brussel thủ đô Bỉ gồm có những lãnh tụ của 16 quốc gia dưới sự hướng dẫn của Tổng thống Mỹ G. Bush đã đưa ra kế hoạch giảm võ trang và binh bị để đem lại hòa bình thực sự cho thế giới trong nhiều năm. Kế hoạch này cũng được Gorbatschow đồng ý. Bộ trưởng ngoại giao Xô Viết, ông Schewardnadse đã nói tại Paris là: "Cảm tưởng đầu tiên của tôi đây là một bước đi quan

trọng và đúng hướng". Trong một phiên họp đêm, những ngoại trưởng của Nato cũng đã tìm ra một thỏa hiệp trong cuộc tranh chấp về sự canh tân hóa loại hỏa tiễn tầm ngắn giữa Washington và Bonn. Thủ tướng Tây Đức Kohl nói: "Một cơ hội lịch sử". Còn ngoại trưởng Genscher thì nói: "Chúng ta nhận thấy cuộc điều giải này với sự toại ý".

NATO đề nghị Liên Xô choáng váng !

Qui ước về thỏa hiệp những hỏa tiễn mang đầu đạn nguyên tử như sau :

- Những cuộc thương thuyết về cắt giảm những hỏa tiễn tầm ngắn có thể sẽ bắt đầu liền ngay sau những cuộc đàm phán ở Wien (thủ đô Áo) về cắt giảm vũ khí qui ước và hiệp ước sẽ được thực hiện từng phần một.
- Những nước trong Nato muốn hiệp ước sẽ được hoàn tất từ 6 đến 12 tháng tới như Tổng thống Bush hôm 29.5.89 đã đề nghị trong kế hoạch giảm võ trang. Họ cũng đồng thời muốn qui định 1 thời hạn từ nay đến 1992-93 hiệp ước phải được đem ra thi hành.
- Sự canh tân hóa những loại hỏa tiễn tầm ngắn sẽ chưa có quyết định trước năm 1992.
- Một sự hủy bỏ trở về về không (Null-Lösung) sẽ không có xảy ra. Đề nghị giảm võ trang của T.T. Mỹ G. Bush làm bên phía Liên Xô choáng váng mặt mày. Thí dụ như ông Bush tán thành về việc Đông cũng như Tây mỗi bên chỉ có 20.000 chiến xa. Nhưng những nước trong minh ước Varsovie có đến 51.500 chiếc. Do đó 31500 chiếc phải được phá thành

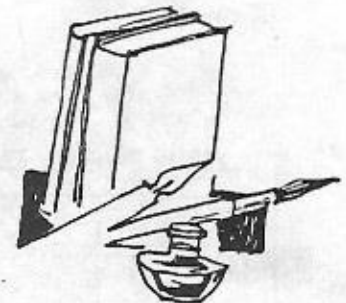
sắt vụn. Nhưng từ nay đến 1992-1993 việc phá hủy 31.500 chiếc không phải giản đơn !

Ngoài ra đề nghị giảm võ trang còn dự định :

- Chiến đấu cơ và trực thăng được giảm xuống cả đôi bên 15%.
- Pháo binh mỗi bên phải bớt đi 16.500 khẩu đại bác.
- Quân đội Xô Viết và quân đội Mỹ đang trú đóng ngoài lãnh thổ của nước mình (ở nước ngoài) mỗi bên phải giảm đi 275.000 người !

Đến ngày 7.9.89 những chuyên viên về giảm võ trang và binh bị của Nato tại Wien sẽ hoàn tất và đệ trình trước ủy ban nguyên bản của chương trình. Thủ Tướng Tây Đức ông Kohl nói: "Bây giờ ông Gorbatschow có nhg đề nghị về tài giảm võ trang và binh bị trong tay". Tất cả nhân dân Đông cũng như Tây đang chờ đợi sự đáp ứng của ông Gorbatschow. Hòa bình trên thế giới sẽ đến hay không đến với chúng ta tùy thuộc vào hành động thiện chí hay không thiện chí của Bộ Chánh trị Trung ương Cộng đảng Liên Xô đứng đầu là Gorbatschow. Ngoài ra sau khi tham dự cuộc họp thượng đỉnh ở Bỉ xong, bất thần ông Bush đến thăm viếng Tây Đức. Trong buổi ăn tối do Thủ tướng Kohl khoảng đãi tại Godesberger Redoute, T.T. Bush tặng cho dân Tây Đức một món quà bất ngờ là kể từ nay những du khách và những thương gia người Đức đi Mỹ không phải xin chiếu khán. Đặc ân này trước kia chỉ dành cho Anh, Nhật và Ý. Vậy những người Việt tỵ nạn có quốc tịch Đức từ nay muốn đi Mỹ sẽ không phải sắp hàng chờ đợi trước Sở quán hay Tổng lãnh sự Mỹ để xin chiếu khán.

Thị Tâm



Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng

● Văn Nghệ Tại Tübingen

Cứu Trợ Người Ty Nạn

Nhằm mục đích quyên góp một số tiền để giúp đỡ đồng bào tỵ nạn tại Thái Lan, vào ngày 1.4.89, người Việt tỵ nạn tại Tübingen đã tổ chức một đêm văn nghệ cứu trợ với chủ đề "Hát cho quê hương". Ban tổ chức đã được sự hợp tác và giúp đỡ tận tình của các ban văn nghệ vùng phụ cận, của các Liên Đoàn Hướng Đạo München và Trossingen cùng sự ủng hộ hết lòng của ban nhạc Sài Gòn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ mọi mặt của quý vị để đêm văn nghệ được thành công; cũng như khán thính giả tham dự đã đóng góp tài chánh giúp người ty nạn tại Thái Lan. Số tiền thu được là 4.109,02 DM; trong số đó, LD HD Trossingen đã đóng góp một số tiền không nhỏ là 754,78 DM. Tổng số tiền này sẽ được dành cho chương trình y tế tại trại tỵ nạn VN mang tên là "Khao-I-Dang" ở Thái Lan và sẽ do Diakonisches Werk ở Tübingen chuyển qua Cao Ủy ty nạn LHQ gửi về trại đó.

(Tin: T.P.Đường)

● Lễ Quốc Khánh Việt Nam

1989 tại CHLB Đức

Thứ bảy, ngày 15.4.89, tại hội trường Clauberg Halle-Duisburg, Lễ Chào Mừng Quốc Khánh Việt Nam và Ghi Nhớ Tổ Hùng Vương năm 1989, do 12 tổ chức, hội đoàn người Việt ty nạn tại CHLB Đức tổ chức, đã diễn ra thật trọng thể với sự tham dự của khoảng 1300 đồng bào từ khắp nước Đức. Từ 9 giờ sáng là phần khai mạc Giải Thể Thao Chào Mừng Quốc Khánh 89; gồm có 4 bộ môn: bóng bàn, bóng chuyền, cờ tướng và đua xe đạp chậm. Có gần 500 đấu thủ tham dự giải này. Các cuộc tranh giải đã kéo dài đến hơn 5 giờ chiều. Lúc 17 giờ, phòng triển lãm hình ảnh đấu tranh của dân tộc được khai mạc. Đặc biệt bộ tranh "Việt Điếu" của họa sỹ Đức Âm gồm 8 bức, diễn tả toàn bộ cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam từ khi đất nước ta rơi vào vòng thống trị của VC, đã đưa người xem đến một kỷ nguyên mới của dân tộc. Ngoài ra còn có phần triển lãm giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Quốc

Khánh của hai năm 1987 và 1988; cũng như các quầy thông tin, tuyên vận của Cơ Sở Đồng Tiến, UB Chống Kinh Tài VC tại CHLB Đức đã được đồng bào đặc biệt quan tâm.

Chương trình Văn Nghệ Quốc Khánh bắt đầu lúc 18 giờ 30 cùng ngày. Ông Phạm Công Hoàng, Chủ Tịch Tổ Chức Sinh Hoạt NVTN tại CHLB Đức, đại diện ban tổ chức, đọc diễn văn khai mạc và chào mừng đồng bào cùng quan khách Đức tham dự. Đại diện Cơ Sở Mặt Trận tại Đức đã trình bày về ý nghĩa của ngày Quốc Khánh, ghi ơn Quốc Tổ. Đại diện Thị trường thành phố Duisburg, ô.Helmut Kanngiesser, đã đáp từ và cầu chúc buổi lễ được thành công tốt đẹp. Sau đó là nghi thức tế Quốc Tổ thật trang trọng do các cụ cao niên trong cộng đồng đảm trách.

Chương trình văn nghệ do sự đóng góp của ban Văn Nghệ các hội đoàn và thân hữu như: Ban vũ Dorsten, Oberhausen, Ban văn nghệ Bremen, Nhóm Đóm Lửa, Ban Dân ca Lửa Hồng, ... và Đoàn Văn Nghệ Kháng Chiến. Những tiết mục văn nghệ thật đặc sắc, nêu cao được những đặc thù văn hóa và tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt trải bao thời đại, đã được đồng bào nồng nhiệt tán thưởng. Xen kẽ trong chương trình văn nghệ là phần trao giải thưởng thể thao Quốc Khánh 89, và xổ số Tombola ủng hộ chi phí tổ chức Quốc Khánh. Đêm văn nghệ Quốc Khánh chấm dứt lúc 23 giờ trong niềm phấn khởi của đồng bào. (Huyền Trân tóm lược)

● Quốc Hội Úc tìm hiểu về công cuộc Kháng Chiến tại VN

Đáp lời mời của hai Chủ Tịch Đới lập của Đảng Tự Do Úc Đại Lợi trong 2 Ủy Ban Ngoại Giao Quốc Phòng và Di Trú, ngày 13 tháng 4 vừa qua, Chiến Hữu Nguyễn Kim, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hải Ngoại đã hướng dẫn một phái đoàn của Mặt Trận viếng thăm

Úc Đại Lợi và đã đến Quốc Hội Liên Bang Úc Châu tại thủ đô Canberra để thảo luận về các vấn đề liên quan đến triển vọng Kháng Chiến VN, tình trạng VC chiếm đóng và đồng hóa Cam Bốt và về sự khùng hoảng của chế độ VC. Hội diện trong buổi họp về phía Úc Đại Lợi có Chủ Tịch Đới lập của UB Ngoại Giao Quốc Phòng Dân biểu Robert Halverson, CT Đới lập UB Di Trú Nghị Sĩ Chapman Teague, các nhân viên trong Nội Các Dự Bị của đảng Đới lập là Bộ Trưởng Quốc Phòng Dân biểu Peter White, Bộ Trưởng Di Trú Dân biểu Alan Cadman, các Dân biểu David Hawker, Jim Carlton, Don Dobie thuộc Ủy Ban Ngoại Giao Quốc Phòng và Tiến sĩ Mark Higgins, cố vấn đặc biệt của cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng trong Nội Các Dự Bị, Dân biểu John Spencer.

Được biết là buổi gặp gỡ của phái đoàn Mặt Trận với Quốc Hội Úc sau đó đã được đài phát thanh Australian Broadcasting Corporation loan tải trên mọi chương trình phát thanh toàn nước Úc ngày hôm sau, nêu rõ quan điểm kháng chiến VN về việc rút quân của Hà Nội cũng như một giải pháp lâu dài cho vấn đề của Đông Dương.

(Tóm lược tin của MTQGTNGPVN)

● Ra tòa vì tội

tổ chức du lịch VN

Connecticut-Công Ty Lindblad Travel ở Westport, tiểu bang Connecticut (Mỹ), chuyên tổ chức các chuyến du lịch VC đã bị quan thuế Hoa Kỳ khám xét văn phòng và tịch thu tất của mọi hồ sơ về tài chánh. Sau đó, Bộ Tài Chánh cũng đã phong tỏa các trương mục của công ty ở ngân hàng; đồng thời các giới chức tòa án Liên Bang đã xúc tiến các thủ tục để truy tố giám đốc công ty, ô. Lars Eric Lindblad. Được biết công ty này bị khám xét và truy tố vì đã vi phạm đạo luật cấm buôn bán với kẻ thù. (Bản Tin TD)

● Du lịch VN

bị công an VC bắt giam

Sydney-Chương trình phát thanh "Me Việt Nam", truyền đi trên băng tần 107.5FM ở Sydney, đưa tin một người "ty nạn giả hiệu" đi du lịch VN bị công an VC bắt giam ngay tại phi trường Tân Sơn Nhất. Người "ty nạn giả hiệu" này sinh sống tại Sefton, đã đi du lịch VN cuối năm 88. Được biết gia đình người này ở VN làm tranh sơn mài và được VC móc nối để gửi sang Úc bán qua trung gian của người này, ngược lại người này chuyển tiền và vàng về VN. Ngay khi vừa đặt chân xuống phi trường, người này đã bị Công an VC khám xét và tịch thu khá nhiều tiền cùng như vàng mà ông ta mang theo trong hành lý, dù ông ta hết sức giải thích rằng chính những tên VC ở Úc đã khuyến khích ông ta mang vàng về để



"cứu giúp kinh tế nước nhà". Sau khi tước đoạt hết tài sản của người này, công an VC liên lạc với gia đình của ông ta để đòi tiền chuộc. Nộp đủ tiền chuộc, ông ta vẫn không được thăm gia đình mà bị đưa ra phi trường đuổi về Úc.

Chương trình phát thanh "Mẹ Việt Nam" còn nêu lên trường hợp của một phụ nữ "tỵ nạn" ở Úc đi du lịch VN đã bị VC buộc phải bán thân cho chúng trong suốt thời gian về thăm nhà. Ngoài ra công an VC còn nhiều thủ đoạn tống tiền khác, chẳng hạn họ tìm cách trihoãn chuyến bay, tập trung những người đi du lịch VN vào một nơi và tính tiền ăn trên từng đầu người là 44 Mỹ kim một ngày, nếu không có tiền trả thì kêu thăm nhân ở nước ngoài trả đùm. (Bản Tin TD)

● Tuyên Ngôn của

Người Việt Tự Do tại Hoa Kỳ

Một số anh chị em Người Việt Tự Do, gồm mọi thành phần tôn giáo, nghề nghiệp, tuổi tác, họp ở Tampa, Florida, trong hai ngày 6 và 7.5.89, để trao đổi ý kiến và thảo luận về thời cuộc. Kết luận về tình hình VN, Cam Bốt, Lào, Đông Nam Á và thế giới được đúc kết trong bản Tuyên Ngôn Người Việt Tự Do. Nhân dịp này, Hoàng Thân Sihanouk từ Bắc Kinh có gửi điện văn chào mừng hội nghị, cảm ơn tổ chức Người Việt TD đã tận tình ủng hộ kháng chiến Quốc Gia Cam Bốt ngay từ lúc sơ khởi, tuyên bố hưởng ứng mạnh mẽ cuộc tranh đấu của Người Việt TD cho một "quốc gia Việt Nam độc lập, tự do, không cộng sản, không có xu hướng bành trướng, không đế quốc, không thực dân", và hoan hô tinh thần nghị Khờ Me-Việt Nam. Tướng Vàng Pao từ Á Châu cũng gửi văn thư hóa tặc chào mừng hội nghị, chúc VN thành công tái lập độc lập, tự do, hòa bình, thịnh vượng và hợp tác tranh đấu chặt chẽ với hai dân tộc Lào và Cam Bốt trong tinh thần tôn trọng chủ quyền và vẹn toàn lãnh thổ của nhau và chân thành hợp tác đặc biệt về kinh tế và văn hóa.

Quy vị nào muốn có hai văn kiện về Tuyên Ngôn của Người Việt Tự Do xin liên lạc qua địa chỉ sau:

Phan Quang Đán, PO Box 16940 Temple Terrace, Florida 33687, USA. Tel.: (813)971-7513

● Mitting tố cáo

tội ác Hồ Chí Minh

Việc UNESCO chấp thuận quyết nghị làm lễ sinh nhật lần thứ 100 của HCM tại Paris và Hà Nội vào năm 1990 là một quyết định sỉ nhục danh dự Dân Tộc VN. Vì danh dự của Dân Tộc, vì an ninh của bao người đã năm xương cho đất nước, vì nỗi thống khổ của đồng bào trong nước dưới ách thống trị của VC, Ban tổ chức Ngày Tố Cáo Tội Ác Hồ Chí Minh đã thực hiện một cuộc Mitting vào lúc 14 giờ ngày Chủ Nhật 21.5.89 tại Parvis des Droits de L'homme, Place Trocadéro, Paris 16, vạch tội ác HCM. Buổi Mitting đã thành công tốt đẹp và có rất đông đồng bào tham dự.

● Chiến dịch cứu trợ đồng bào tỵ nạn tại Đông Nam Á

● Tai Mannheim

Sau khi báo Viên Giác số 50, tháng 4.89, đăng tin về tình trạng bithâm cùng cực của đồng bào tỵ nạn bằng đường bộ tại trại Dongrek Platform ở Thái Lan, Đạo hữu Nguyễn Xuân Phúc, cư ngụ tại Mannheim đã vận động nhóm Thanh niên, sinh viên học sinh Mannheim phối hợp với Chùa Viên Giác tổ chức cuộc lạc quyền giúp những đồng bào này. Cuộc vận động khởi đầu qua thư ngỏ của nhóm Thanh niên, sinh viên học sinh Mannheim ngày 9.5.89. Danh sách cùng số tiền ủng hộ xin xem trong phần phương danh cùng đường, cột cứu trợ "Trại Tỵ nạn". Số tiền quyên được tính đến nay là 1.375,00 DM.

● Trung Tâm Độc Lập

Theo tinh thần buổi hội thảo từ 22 đến 23.4.89 tại Herdecke (Dortmund) do Trung tâm Độc Lập, Trung tâm VIDDI và Hiệp hội Caritas Paderborn phối hợp tổ chức, TT Độc Lập đã thực hiện văn thư gửi đến Phủ Cao Ủy tỵ nạn LHQ, nhân dịp một hội nghị quốc tế về người tỵ nạn Đông Dương đã được tổ chức vào ngày 13 và 14.6.89 tại Genève (Thụy Sĩ). Văn thư phản đối việc cưỡng bách trả người tỵ nạn về nước cũng như kêu gọi các quốc gia tự do tiếp tục thu nhận người tỵ nạn.

● UB Tranh Đấu Cho Tự Do

và Nhân Quyền tại Việt Nam

Ủy ban đã ra 2 "Thư Kêu Gọi" số 1 và số 2 kêu gọi cuộc vận động "Người Việt Cứu Người Việt". Ngoài những chiến dịch chung cứu trợ người tỵ nạn, UB đã đưa ra chiến dịch: "Mối địa phương bảo lãnh một gia đình tỵ nạn Đông Nam Á". Mỗi địa phương

sẽ cam kết với chính quyền sở tại là sẽ chu toàn mọi phifton ban đầu, sẽ lo nhà cửa, chỗ làm, sẽ trả tiền để sinh sống trong thời gian đầu cho những người được bảo lãnh sang. Phần tài chánh cho chiến dịch này có thể thu qua những lễ di quyên góp nhà thờ, tổ chức văn nghệ,...

Địa chỉ liên lạc: Ủy Ban Tranh Đấu Cho Tự Do và Nhân Quyền tại VN, c/o Vũ Quốc Dung, Dr. Sasse Str.4, D-2804 Lillienthal, Tel.: 04298 - 8232.

● Ngày yếm trợ

Tỵ Nạn Việt Nam tại Genève

Trước việc quốc tế cường bách người Việt tỵ nạn CS tại Đông Nam Á về nước và không tiếp tục thu nhận họ; cũng như Phủ Cao Ủy Ty Nạn LHQ tổ chức một hội nghị quốc tế tại Genève vào ngày 13, 14.6.89 để bàn về việc hồi hương và các biện pháp đem ra áp dụng cho các thuyền nhân, Tổng Hội Người Việt Quốc Gia tại Thụy Sĩ đã tổ chức "Ngày Yếm Trợ Ty Nạn VN" trước trụ sở của LHQ tại Genève vào ngày 13.6.1989. Với sự truyên thố bất khuất của Dân Tộc, với tinh nghĩa đồng bào và chính nghĩa của người tỵ nạn, hàng ngàn người Việt tỵ nạn khắp Âu Châu, hàng trăm tổ chức, hội đoàn đã hưởng ứng lời kêu gọi tham dự ngày nói trên. Chương trình gồm có: Mít tinh, cầu nguyện, tuyệt thực, họp báo, biểu tình tuần hành, hội thảo và văn nghệ.

Cuộc tuyệt thực yếm trợ tỵ nạn VN có sự hiện diện của T.T. Thích Minh Tâm (Paris), T.T. Thích Như Điển (Hannover), T.T. Thích Thánh Thiệt (Lyon), Chủ Tăng Ni thuộc Chi Bộ GH PGVN Thống Nhất tại Tây Đức và đại diện các Giáo Hội, tổ chức, hội đoàn và đồng bào tham dự. Chương trình văn nghệ đã được Ca Sĩ Việt Dũng và Nhạc Sĩ Huỳnh Công Anh (Hoa Kỳ) yếm trợ. Ngày Yếm Trợ Ty Nạn VN đã thành công rực rỡ.

Mercredi 14 juin 1989

LE COURRIER ETRANGER

9

Manifestation contre le retour des «boat people» au Vietnam Libérer les prisonniers politiques d'abord

Ils sont près d'un millier venus manifester sur la place des Nations devant l'ONU. Moins bouddhistes, moins de taigues oranges, dans la tête certains d'un bandeau à l'inscription «non-rapatriement». Ils sont là car c'est le sort de leurs frères qui se joue ici à Genève. «Renvoyer les réfugiés vietnamiens c'est les envoyer à la mort», affirme donc leurs caillots. Ils resteront là jusqu'à ce soir, dernier jour de la conférence, après avoir dormi sur la place, jeûné, prié et chanté.

Réfugié en France depuis 1975, le vénéral Thich-Minh-Tam (représentant l'Association bouddhiste Khanh Anh de Paris), s'insurge: on veut aujourd'hui renvoyer au Vietnam quelque 100 000 personnes réfugiées dans les camps des pays de la région. On les qualifie de «réfugiés économiques» alors que les raisons de leur exode n'ont pas changé depuis 1975. C'est le régime totalitaire vietnamien commence un peu à ouvrir parce que le Gouvernement veut attirer les capitaux étrangers. Mais le peuple vietnamien est toujours opprimé.

Actuellement, pour l'ONU, il y a au Vietnam quelque 50 000 personnes vivant dans des camps de rééducation ou dans les prisons. Depuis 1975 des millions de Vietnamiens ont ainsi péri en camps de rééducation, en mer de Chine ou aux frontières du Cambodge ou encore dans des «nouvelles zones communiques». Aujourd'hui le Vietnam pratique la répression religieuse et il est toujours interdit de se rendre dans les monastères. L'Eglise bouddhique du Vietnam a été dissoute en 1982 et une grande partie des moines ont émigré à l'étranger. L'oppression est pratiquée également envers les catholiques. Les religieux, les intellectuels les cadres sont enfermés dans des camps pour être rééduqués.

Pas des réfugiés économiques

Pour le vénéral Thich-Minh-Tam ceux qui fuient le Vietnam ne sont pas des réfugiés économiques. Mais leurs conditions de vie sont liées au politique. Spirituellement, intellectuellement et socialement il est difficile, impossible même de vivre en liberté dans ce pays. Le Vietnam a pourtant connu, au cours de son histoire, des périodes de grande misère, de famine. Mais les gens ne partaient pas, affirma-t-il. Aujourd'hui les conditions du régime communiste sont tellement oppressives qu'il est extrêmement difficile d'y vivre.

Comment expliquer que les départs se soient accélérés (il y a eu, en effectif dans la région, près de 22 000 nouveaux arrivants dont 13 500 «boat

peoples») ? Certes les conditions économiques ont empiré mais elles ne sont pas seules en cause. Le fait est que les Vietnamiens ne croient pas dans ce régime. Il y a ainsi de nombreuses personnes qui vivent en marge de la société dans une misère totale parce qu'écartées de tout, puisqu'elles ont des idées qui ne correspondent pas à celles des autorités. C'est donc bien un problème politique, estime le vénéral. Avant de vouloir apporter une solution à l'afflux des réfugiés, il faudrait mieux régler le problème politique, pense donc M. Thich-Minh-Tam. Il faut demander au Gouvernement vietnamien de respecter les droits de l'homme concrètement c'est-à-dire libérer les prisonniers politiques et de coexistence.

Preços recueillis par
Angelica Roget



Devant le Palais des Nations à Genève, ils étaient des centaines hier matin.

Keystone



● Ngày Quân Lực 19.6.1989

Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm

Những chữ đã được viết bằng máu trên lá Quân Kỳ của tất cả Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa. Để tưởng niệm đến những người đã ra đi vĩnh viễn cho lá Quốc Kỳ và nhắc nhở đến những cựu QuânCánChính nên coi sự ra đi và đang sống nơi xứ người chỉ là phương tiện chứ không phải là cứu cánh,nên ngày Quân Lực năm nay đã được tổ chức thật long trọng vào ngày 17.6.1989 tại Gemeindehaus Bergatreute (Kreis Ravensburg). Chương trình bắt đầu lúc 10 giờ, gồm có nghi lễ rước Quốc và Quân Kỳ,hội thảo và Văn Nghệ đấu tranh. Buổi lễ đã thành công và có sự tham dự đông đảo của các cựu Quân Cán Chính hiện cư ngụ tại Tây Đức. Chương trình chấm dứt vào lúc 17 giờ cùng ngày. Được biết việc liên lạc tổ chức do quý vị sau đây đảm nhận: ô. Nguyễn Kinh Tân (0751-31749), ô. Huỳnh Ngọc Minh (07231-32568) và ô. Nguyễn Tiến Điều (030-4961396)

DỰ ÁN VĨ ĐẠI CỨU GIÚP NGƯỜI VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI ĐÔNG NAM Á

Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài, Chủ Tịch Văn Phòng Trung Ương Tổng Đốc Mục Hải Ngoại (Coordinating Office of the Apostolate for Vietnamese in the Diaspora) vừa từ Thủ Đô Giáo Hội Công Giáo Vatican đến CHLB Đức tham dự Đại Hội Công Giáo Việt Nam lần thứ XIV, do Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại CHLB Đức tổ chức từ ngày 13 đến 15 tháng 5 năm 1989 tại Königstein. Trong buổi thuyết trình với đề tài: "Vai trò người tín hữu giữa Giáo Hội và trần thế" trước hơn 1.000 giáo dân từ khắp nơi đổ về tham dự Đại Hội, Đức Ông Trần Văn Hoài đã thông báo một dự án vĩ đại cứu giúp người tỵ nạn tại Đông Nam Á đang lo sợ bị cưỡng bách trả về Việt Nam.

Theo Đức Ông cho biết, đây là một sáng kiến của chính Ngài, được sự tiếp tay của Cơ Quan Cứu Trợ Tỵ Nạn Công Giáo tại Genève (ICMC = International Catholic Migration Commission) ngày sau khi Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolo II nhận được lá

thư thỉnh thiết với 2.900 chữ ký của người tỵ nạn tại Đông Nam Á kêu cứu. Dự án cứu giúp vĩ đại này nhằm vào những người tỵ nạn Việt Nam năm ngoài tiêu chuẩn được định cư do các quốc gia nhận người tỵ nạn để ra, kêu gọi các quốc gia Tây Phương tiếp tục nhận thêm người tỵ nạn Việt Nam, đồng thời kêu gọi tập thể người Việt tỵ nạn hải ngoại yểm trợ tài chánh, nhân và vật lực. Một chương trình di dân từ các trại tỵ nạn đến các quốc gia Nam Mỹ như Ba Tây, Á Căn Đình... cũng nằm trong dự án này.

Được biết, dự án cứu giúp người tỵ nạn này đã được soạn thảo giữa hai cơ quan Công Giáo: Văn Phòng Trung Ương Tổng Đốc Mục Vụ Việt Nam Hải Ngoại tại La Mã, do Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài làm chủ tịch và Cơ Quan Cứu Trợ Tỵ Nạn Công Giáo Quốc Tế tại Genève qua ông Nguyễn Văn Châu, Tổng Thư Ký. Dự án đã được trình lên Bộ Ngoại Giao Tòa Thánh La Mã, sau đó đã được đưa qua Cơ Quan Tỵ Thiện của Tòa Thánh (COR-UNUM),

một cơ quan lãnh đạo tất cả các cơ quan từ thiện Công Giáo trên thế giới và sau cùng đã được đệ trình lên Đức Giáo Hoàng, và Ngài đã chuẩn y dự án này. Ngay sau khi Đại Hội Công Giáo tại Tây Đức chấm dứt, vào ngày 16.5.1989 Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài đã tiếp xúc trực tiếp với Tiến Sĩ Rupert Neudeck, Chủ Tịch Ủy Ban Cap Anamur tại Tây Đức để trao đổi những kinh nghiệm về những công tác cứu trợ người Việt tỵ nạn. Dịp này, Tiến sĩ Rupert Neudeck chobiết, ông và Ủy Ban Cap Anamur cương quyết chống lại bất cứ hành động nào nhằm cưỡng bách người Việt tỵ nạn phải trở về lại nơi mà họ đã liều mình trốn chạy vì một chính sách phi nhân và sẽ nỗ lực hợp tác yểm trợ dự án cứu giúp người tỵ nạn Việt Nam do Đức Ông đề xướng. Mọi chi tiết về dự án cũng như những kêu gọi thiết thực sẽ được công bố sau khi dự án đã được soạn thảo hoàn chỉnh.

Nguyễn Hữu Huân

Tin Xã Hội

Tin về tiền trợ cấp BAFÖG dành cho sinh viên và học sinh

Luật trợ cấp Bafög (Bundesausbildungsförderungsgesetz) dành cho sinh viên học sinh sẽ được tu chỉnh từ ngày 1.7.1990. Số nhận trợ cấp của Bafög hiện nay là 275.000, con số sẽ tăng thêm vào khoảng 70.000 trong tương lai vì số sinh viên đại học gia tăng. Trong số này có vào khoảng 180.000 sinh viên sẽ nhận được tiền trợ cấp cao hơn.

Sau đây là những sự thay đổi quan trọng nhất và những kết quả do nó mang lại:

- Nhờ được tăng "khoản miễn" (Freibetrag) khi khai thuế nên điều kiện tài chánh của những gia đình trung lưu có lợi tức vào khoảng từ 40.000 đến 70.000 Mark một năm sẽ được cải thiện. (Đĩ nhiên ở đây chỉ đề cập đến những gia đình có con em nhận trợ cấp BAFÖG).

- Nhằm khuyến khích sinh viên càng sớm tốt nghiệp càng tốt, sẽ có tài khoản giúp đỡ cho sinh viên tốt nghiệp và có hiệu lực 3 năm.

- Chính phủ tài trợ tiền đóng bảo hiểm sức khỏe theo luật định (gesetzliche Krankenversicherung) cho những người nhận trợ cấp BAFÖG).

- Học sinh cũng có thể làm đơn xin nhận trợ cấp BAFÖG, tuy nhiên không áp dụng cho các học sinh của các trường Gynasisum đệ nhị cấp (in der gymnasial Oberstufe).

- Trong tương lai tiền trợ cấp BAFÖG dành cho sinh viên được chia làm hai: một nửa do chính phủ đài thọ và một nửa do sinh viên phải vay dưới hình thức tín dụng (Darlehen). Nhưng tiền trả góp sau khi mãn học trình hiện nay là 120 DM sẽ tăng lên 200DM trong tương lai.

(Trích từ bản tin Politik-Informationen aus Bonn)

Tin về nhập tịch Đức Có thể giữ hai quốc tịch (Doppelstaatsbürgerschaft möglich)

Liên minh các đảng cầm quyền ở Bonn trên nguyên tắc đã thông nhất luật về người ngoại kiều (Ausländergesetz), một vấn đề đã được thảo luận từ lâu nhưng chưa ngã ngũ.

Theo "tập quan điểm" (Positionspapier) - tài liệu quen thuộc trong chính giới ở Bonn-, trong tương lai việc nhập quốc tịch Đức nên được cứu xét để dài và việc cư trú dài hạn dành cho ngoại kiều cũng sẽ được đảm bảo; nhưng đồng thời cũng nhấn

manh rãng: Tây Đức không phải là một quốc gia di dân (kein Einwanderungsland). Theo đó sự chấp thuận người có ý định qua Đức tìm công ăn việc làm (Anwerbestopp) có hiệu lực từ năm 1973, vẫn phải được duy trì thực thi.

Mục đích của liên minh các đảng cầm quyền là làm thế nào để ban hành luật này khi còn trong tầm tay lập pháp.

"Tập quan điểm" là kết quả làm việc của nhóm thuộc liên minh cầm quyền được thành lập và ngày 14 tháng 2 gồm các dân biểu quốc hội Johannes Gerster (CDU), Burkhard Hirsch (FDP) và Hermann Fellner (CSU).

"Tập quan điểm" đã bác bỏ đề nghị của cựu bộ trưởng nội vụ Zimmermann (CSU) là nên chia luật này ra làm hai: luật hội nhập và luật cư trú (ein Integrations- und ein Aufenthaltsrecht).

Không có vấn đề nhập tịch tự động (automatische Einbürgerung) nhưng ứng hộ sự dễ dãi trong việc cứu xét. Thanh thiếu niên ngoại kiều của thế hệ thứ hai và những thế hệ kế tiếp khoảng từ 16 đến 21 tuổi có nhập quốc tịch Đức, nếu họ chịu từ bỏ quốc tịch đang giữ khi họ đủ tuổi vị thành niên. Điều kiện kế tiếp là họ đã ở Đức 8 năm và việc hội nhập xã hội tốt. Ngoài ra phải học ở trường Đức 6 năm, không can án và có công ăn việc làm đảm bảo.

Quốc tịch đôi có thể được "chấp nhận" trong trường hợp người ngoại kiều vì những lý do khách quan hoặc bị làm khó dễ nhiều lần nên không thể bỏ được quốc tịch hiện đang giữ.

Người ngoại kiều sẽ bị trục xuất nếu phạm pháp trầm trọng hay bị can án nặng, thí dụ như đã bị một lần kết án 5 năm tù, hoặc bị nhiều lần tù cộng chung lại là 8 năm.

(WR - Nachrichtendienste)
(Trích từ báo Westfälische Rundschau ngày 21.4.89)

Thiên Dũng

Thông Báo

● Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Theo văn thư ngày 2.5.89 của Văn Bút VN Hải Ngoại-Trung Tâm Québec cho biết, Đại Hội Văn Bút VN Hải Ngoại sẽ được tổ chức tại Montréal vào những ngày 28, 29 và 30.9.1989. Ban Tổ Chức hiện đang nỗ lực tối đa trong công tác sửa soạn từ hình thức cũng như nội dung. Đại Hội sẽ có 2 sinh hoạt chính:

1. Hợp Đại Hội Đồng Văn Bút với đại biểu của các Trung Tâm thành viên Văn Bút VN HN (Âu Châu, Đông Hoa Kỳ, California, Úc Châu, và Canada) để chính thức hóa cơ cấu VBVNHN qua việc biểu quyết Bản Điều Lệ và bầu Ban Chấp Hành Liên Trung Tâm;

2. Hội thảo chủ đề "Văn Nghệ Sĩ VN Tự Do-Sơ Kết 14 Năm Sinh Hoạt Hải Ngoại".

Để tiện việc tổ chức, Trung tâm VBVN HN cũng như Ban Tổ Chức Đại Hội xin quý vị tham dự ghi danh cùng với phiếu đóng tiền ghidanh gửi về Ban Tổ Chức, địa chỉ như sau: Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại-Trung Tâm Québec, 5064 Henri-Julien, Montréal (Québec) Canada H2T 2E3.

Mọi chi tiết về Đại Hội xin liên lạc qua: 0. Trang Châu (514) 287-1123 (Chủ Tịch VBVNHN/Québec) hoặc 0. Nguyễn Hải Bình (514) 466-3978 (Trưởng Ban Tổ Chức).

● Đoàn Tụ Gia Đình

(Thông báo của Bộ Ngoại Giao)

Bộ Ngoại Giao Tây Đức có gửi văn thư đến báo Viên Giác, ngày 2.5.89, nhờ thông báo đến quý đồng hương tỵ nạn tại TD về việc đoàn tụ gia đình. Nội dung như sau:

về việc: Người Tỵ Nạn Đông Dương. (đoàn tụ gia đình trong khuôn khổ cứu trợ nhân đạo của Cộng Hòa Liên Bang Đức cho người tỵ nạn Đông Dương) Bộ Ngoại Giao chân thành cảm tạ quý vị về việc đăng tải những điều sau đây: "Bộ Ngoại Giao xin thông báo: Như quý vị đã biết, những trẻ em dưới tuổi thành niên có thể xin đoàn tụ với cha mẹ tại Tây Đức trong khuôn khổ cứu trợ nhân đạo của Cộng Hòa Liên Bang Đức. Trong nhiều trường hợp, việc xuất cảnh của cha mẹ bị kéo dài nhiều năm vì không được cấp giấy xuất cảnh. Trong khi đó, những em này đã đến tuổi trưởng thành (volljährig). Và khi các em này có lập gia đình thì Bộ Ngoại Giao sẽ bác đơn xin đoàn tụ với cha mẹ, vì việc này không cần thiết nữa. Chúng tôi yêu cầu các em đã lập gia đình gửi lập tức giấy hôn thú (Heiratsurkunde) đến chúng tôi. Những em còn độc thân thì gửi ngay đến chúng tôi giấy chứng nhận còn độc thân (örtlicher Melderegister) khi biết tin cha mẹ ở Việt Nam nhận giấy xuất cảnh.

Thay mặt (0. Günter ký tên)
Địa chỉ của Bộ Ngoại Giao TD:
Auswärtiges Amt, Postfach 1 148,
5300 BONN 1



Boat-people in Hongkong

Giới Thiệu

● Nguồn Sáng

(Phòng Cung Cấp Tin Tức và Hình ảnh VN Tự Do tại Pháp, Đức)

Sẽ tổ chức một cuộc triển lãm hình ảnh do Nguồn Sáng đã thực hiện trong 5 năm qua mang chủ đề "14 Năm Ly Hương-5 Năm Tranh Đấu" nhân dịp trại hè Hướng Đạo "Vượt Sóng" do Hội Hướng Đạo VN tại Pháp sẽ tổ chức từ 9 đến 16.7.89 và tiếp theo trại hè của Cộng Đồng VN tại Âu Châu mang tên "Hùng Vương 2" từ 12 đến 16.7.89 cũng một địa điểm trại JAMBEVILLE. Nguồn Sáng xin kêu gọi sự ủng hộ, nâng đỡ tinh thần cũng như tài chính của Quý đồng hương.

Mọi liên lạc và hỗ trợ Nguồn Sáng xin qua địa chỉ: Nguồn Sáng, c/o Bà Dũng, 12 Passage Gergovie, 75014 Paris, Tel.: 45 39 11 06

● Thụy Sĩ có gì lạ?

1. Một tuần lễ sống Đạo từ thứ bảy 8.7 đến chủ nhật 16.7.89 tại Militarunterkunft Hofmatt Schulhaus, Kirchweg Horw (Luzern-Lucerne), Suisse.

Chương trình gồm: Phật Pháp, Thiền, Yoga, hội thảo, ... Do sự phối hợp giảng dạy của Chư Tăng, Ni, Phật Tử tại Mỹ, Pháp, Thụy Sĩ dưới sự chứng minh của Thầy Hộ Giác.

2. Một tuần lễ sống với truyền thống Văn Hóa Dân Tộc

từ thứ bảy 5.8 đến 13.8.1989 tại TOURISTENHAU, Anton Arnold, Sonneggstrasse 8, 6463 BURGLEN/Uri (Luzern), Tel.: 044-2 47 98

Chương trình gồm có: Sử, Địa VN, 3 lớp Việt ngữ, Nữ công gia chánh, hội thảo, văn nghệ, hiểu biết phong tục VN, ... Do quý giảng viên đến từ Đức Pháp, các vùng tại Thụy Sĩ.

Trái phí tượng trưng "Một tuần sống với truyền thống Văn Hóa Dân Tộc" là: 250F (Thụy Sĩ), 800F (Pháp) 300, DM, 130 Mỹ kim.

Thủ tục ghidanh và mọi chi tiết về 2 tuần lễ nói trên xin liên lạc về địa chỉ: Nguyễn Văn Nghiêm, Moosstrasse 13, 6003 LUZERN, SUISSE-SWITZERLAND, Tel.: 041 - 23 42 04

TIN GIỜ CHÓT

Kết quả Hội Nghị Quốc Tế về người tỵ nạn Đông Dương tại Genève

Ngày 13 và 14 tháng 6 năm 1989 vừa qua, gần 60 quốc gia đã tham dự Hội Nghị Quốc Tế về người tỵ nạn Đông Dương tại Genève để giải quyết vấn đề người tỵ nạn hiện còn đang ở tại Đông Nam Á. Kết quả cụ thể được biết như sau: Số người đến Hồng Kông trước tháng 3 năm 1988 và đến các trại tạm cư tại các nước Đông Nam Á Châu trước tháng 4 năm 1989 sẽ được tất cả các nước tự do trên thế giới đón nhận vào định cư (khoảng 55.000 người). Hoa Kỳ nhận 22.000 người, Úc nhận 12.000 người, Canada 10.000 người và các nước Âu Châu nhận 13.000 người.

Những người đến sau thời điểm trên sẽ được phân loại tỵ nạn. Có khoảng 10% được định nghĩa chính thức là tỵ nạn chính trị. Số này sẽ được đi định cư tại các trại tạm cư quốc gia mà Hoa Kỳ sẽ nhận 1/2 số người này. Khoảng 90% kia bây giờ các quốc gia hội nghị đã quyết định không có vấn đề cưỡng bách hồi hương, mà Liên Hiệp Quốc chỉ giúp đỡ cho những người nào tự nguyện ký giấy hồi hương mà thôi. Số người còn lại Phi Luật Tân đề nghị là sẵn sàng cho ở lại trong một trại đặc biệt tại Phi, cho đến khi nào họ tự nguyện hồi hương (không có vấn đề cưỡng bách). Hoặc giả sẽ được các tổ chức tư nhân bảo lãnh đi các trại tạm cư quốc gia.

Một cuộc biểu tình và tuyệt thực rộng lớn đã được Tổng Hội Người Việt Quốc Gia tại Thụy Sĩ, phối hợp với Pháp, Hòa Lan, Đức tổ chức trong 2 ngày trên đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Hơn 1.000 người Việt từ khắp các quốc gia tại Mỹ Châu, Âu Châu tỵ nạn về đây để tham gia cuộc tranh đấu và cầu nguyện này.

Đại diện Thiên Chúa Giáo có Linh Mục Văn (Thụy Sĩ), Linh Mục Sơn (Hoa Kỳ); Tin Lành có Mục Sư Huấn (Thụy Sĩ). Đại diện Phật Giáo có Hòa Thượng Thích Hộ Giác (Hoa Kỳ), Thượng Tọa Thích Minh Tâm; Thượng Tọa Thích Minh Lễ, T.T Thích Tánh Thiệt (Pháp)

T.T Thích Như Điển (Đức), D.Đ Thích Quảng Ba (Úc); D.Đ Thích Minh Phú (Đức), D.Đ Thích Quảng Hiền (Thụy Sĩ); Ni Sư Thích Nữ Như Tuấn (Pháp); Ni Sư T.N Diệu Tâm, Sư Cô T.N Diệu Tâm, Sư Cô T.N Minh Loan (Đức), Sư Cô T.N Trí Hạnh (Thụy Sĩ) và Sư Cô T.N Trí Hải (Pháp). Cùng với khoảng 30 vị Cư Sĩ khác đã tuyệt thực 30 tiếng đồng hồ trước Trụ Sở Liên Hiệp Quốc, đã chung lời cầu nguyện với hơn 1.000 đồng bào trong những buổi lễ tôn giáo và sinh hoạt chung.

Nguyệt Ánh và Nguyệt Dừng đến từ Hoa Kỳ cũng đã cất cao lời ca cho người tỵ nạn cùng với các nghệ sĩ dân ca khác, cũng như những ban văn nghệ của các Tổ chức, Hội Đoàn tại Âu Châu.

Kết quả đáng mừng nhất là LHQ không giao trả những người tỵ nạn về lại Việt Nam như trước đây có nhiều tin đã được báo chí loan tải. Nhưng cũng không khách quan chút nào là Hội Nghị này cũng có ý nghĩa là chấm dứt vấn đề tỵ nạn Việt Nam của chúng ta, để cho các quốc gia này giải quyết những vấn đề khác của họ. Nhưng đâu sao đi nữa, đây cũng là một niềm an ủi nho nhỏ cho đồng bào chúng ta hiện đang còn ở trong các trại tạm cư.

* Trong thời gian qua Chi Bộ Tây Đức và Hội Phật Tử tại đây đã lạc quyền được 6.375 DM cho người tỵ nạn tại Thái Lan. Số tiền này đã được chuyển qua Cô Từ Ngọc để nhờ cô giúp đỡ và phân phối cho người tỵ nạn. Ngoài ra nhân lễ Phật Đản tại Hòa Lan vừa qua Hội Phật Giáo tại đây đã lạc quyền được 2.110 Gulden (tương đương 1.900 DM) cũng đã sáp nhập chung vào để gởi qua Thái Lan. Trước đây có ý định là mua quà để phát cho bà con nghèo, hoặc tiền mặt để đồng bào tỵ nạn chi dùng. Nhưng gần đây, sau khi chư Tăng Âu Châu và Úc Châu tham dự cuộc tuyệt thực tại Thụy Sĩ đã họp chung lại và đã đồng ý với nhau là kể từ đây giáo hội PGVN tại ngoại quốc sẽ mở một văn phòng chính thức tại trại tỵ nạn Banthad tại Thái Lan qua sự giúp đỡ về hành chánh và pháp lý của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Đại Học Phật Giáo

Thái Lan để chúng ta có một cơ quan từ thiện của PGVN tại đó. Chúng ta sẽ tuyển chọn người làm thiện nguyện vào trại giúp đỡ hằng ngày và sẽ huấn luyện trực tiếp cho đồng bào về sinh ngữ, giải quyết những chuyên giấy tờ, giúp đỡ cho các trẻ em thiếu dinh dưỡng bằng cách chế tạo sữa đậu nành v.v. như thế mọi sự giúp đỡ của chúng ta có ý nghĩa hơn là phát ra mỗi người 5,10 Bath, họ tiêu xong là không còn một ý nghĩa nào khác. Vì thế số tiền của Phật Tử Đức và Hòa Lan đã đóng góp bên trên sẽ được sung vào Phật sự này. Dĩ nhiên số tiền này vẫn chưa đủ; nhưng đó là cái nhân lúc ban đầu, sau khi văn phòng đã thành lập chính thức, sẽ có sự kêu gọi đóng góp của các GHPGVN chúng ta trên khắp năm châu, nhằm hỗ trợ cho công việc từ thiện này.

Vài vấn đề cần thiết chúng tôi xin thông báo đến quý vị PT xa gần. Kính mong quý vị thông cảm và hỗ trợ cho.

A Di Đà Phật.

Thích Như Điển



Phật sự ngoài Tây Đức

● Trong năm 1988 vừa qua Đại Đức Thích Minh Giác trụ trì Niệm Phật Đường Niệm Phật tại Hòa Lan và đồng bào Phật Tử tại đây đã gây quỹ giúp người tỵ nạn tại Đông Nam Á và ngày 19.2.89 vừa rồi chùa Viên Giác có nhận được thư của Đại Đức Thích Bốn Đạt từ trại Bidong viết như sau :



Thái và sản phụ tại bệnh viện Sick Bay được Quý Thầy tận tay trao tặng phần quà tình nghĩa. (19.9 năm Mậu Thìn)



Phát quà cho các em cô nhi trong gia đình Phật Tử Long Hoa. (19.9 năm Mậu Thìn)

"Nhân ngày vía Phật Quan Âm 19.9. Mậu Thìn, Giáo Hội Bidong chúng con có tổ chức một buổi phát quà cứu trợ cho các đồng bào khó khăn trên đảo, do sự trợ cấp tình tài từ GHPG Hòa Lan của ĐP Thích Minh Giác chuyển đến chúng con. Với số tiền 1500 Mỹ kim chính con đã nhận tiền này và đã tổ chức buổi lễ Phát quà cho đồng bào khó khăn trên đảo. Với số tiền này chúng con đã mua sắm hiện vật được 700 gói quà, tương đương với 5\$ Mã kim mỗi gói, gồm: (1 lon sữa, 1 tập viết thứ, 1 cục xà phòng tắm, 1 chai dầu xanh, 1 xấp bi thứ, 1 cuốn vở, 1 cây viết, và 1 ít thuốc đau đầu, cảm cúm) số quà trên chúng con đã đưa đến tận tay các đồng bào khó khăn trên đảo gồm diên già yếu, đồng con không thân nhân, diên Handicap (thần kinh) bệnh nhân và thai phụ sản phụ tại bệnh viện. Còn 500\$ tiền mất chúng con giúp đỡ cho các trường hợp phụ nữ bị hãm hiếp do cướp Thái Lan gây ra và các em cô nhi không thân nhân (con có gói kèm một số hình ảnh). Buổi tổ chức phát quà được hoàn thành tốt đẹp dưới sự chứng kiến của Trưởng Văn phòng Trai, Đại diện Bệnh viện và người già, cùng cố vấn diên Handicap và sự giúp đỡ của 2 đoàn thể thanh niên Khuông Việt và GDPT Quảng Đức cũng như sự tham gia của toàn thể chư tăng ni chùa Từ Bi trên đảo Bidong".

● Chùa Pháp Hoa tại Marseille, Pháp Quốc vào ngày 26.3.89 vừa qua dưới sự chủ lễ của Hòa Thượng viên chủ Thích Thiện Định đã cử hành lễ đặt đá xây đài Quan Âm lộ thiêng và hồ sen. Mọi sự hỷ cúng xin quý vị liên lạc về: chùa Pháp Hoa, 3 rue de la Pagode (Vallon des Tuves) 13015 Marseille-France.

● Trong thời gian qua Ban Từ Thiện Xã Hội của Chi Bộ PGVN tại Tây Đức dưới sự hoạt động của Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm và sự đóng góp của các Phật Tử xa gần, đã gửi trực tiếp hiện vật qua bưu điện Tây Đức về các chùa tại Việt Nam cũng như giúp các trại cù và trại mù tại Saigon cũng như miền Trung. Quà đã được quý Sư Cô tại Việt Nam đến thăm viếng cũng như phát trực tiếp cho các chùa và các em tại các trại mù cũng như trại cù. Mọi sự ủng hộ cho Phật sự này, quý vị có thể liên lạc với Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm qua địa chỉ: Bảo Quang Ni Tự, Rennbahnstr.167, 2000 Hamburg 70.

● Gần đây tại Hoa Kỳ và Thụy Sĩ có tổ chức khóa giáo lý hàm thụ cho các Phật Tử ở xa, không có phương tiện đi chùa để học hỏi thường xuyên. Quý vị nào muốn có tài liệu này, xin liên lạc về hai địa chỉ dưới đây để được hướng dẫn thêm:

Rev. Dang Pham, 8535 S.Meadow Houston TX. 77071 - USA. Tel. 713-988-3156

hoặc

M. Nguyễn Văn Nghiêm c/o Chùa Phật Tổ Thích Ca, Moosstr. 15 6003 Luzern - Suisse. Tel. 041-234204

● Một ngôi chùa tại Valence, Pháp Quốc.

Valence là một thành phố cách Lyon chừng 100 cây số về phía Nam trên đường đi về Marseille. Thành phố này đã đón nhận, từ sau biến cố 1975, khoảng 600 người tỵ nạn Đông Dương mà đa số là người Việt đã từng sinh sống ở Lào.

Đây là một cộng đồng người Việt và là một cộng đồng Phật Tử tuy nhỏ nhưng khá thuần nhất. Lâu nay vào những ngày lễ lớn, một số đã về Lyon hoặc thỉnh thoảng tổ chức tại Valence.

Gần đây một duyên lành đưa đến, thị xã Valence đồng ý cho cộng đồng Phật Tử xứ dựng miễn phí một ngôi nhà (7mx30m) trên khoảng đất 1000m² để làm nơi tổ chức các sinh hoạt Phật sự.

Thượng Toạ Thích Tánh Thiệt và Ông Thị Trường Valence Rodolphe Pesce đã chính thức ký một văn kiện vào ngày 13.3.89 giữa sự chứng kiến của hội đồng thành phố và khoảng 50 Phật Tử VN tại Valence.



Những món quà Tết cho trại mù Saigon



Lễ đặt đá xây đài Quan Âm và hồ sen của Chùa Pháp Hoa, Marseille, ngày 26.3.1989



Lễ dâng hoa cúng đường Đại Lễ Phật Đản, Phật lịch 2533, của Chùa Khánh Anh, Paris.



Đạo hữu và Phật tử thọ Bát Quan Trai tại Thụy Sĩ, ngày 14.5.1989.

Sau đó, Cộng đồng Phật Tử đã hội họp để cùng tiến việc chỉnh trang ngôi nhà để có thể làm Lễ An Vị vào dịp Phật Đản năm nay : ngày 21 tháng 5 năm 1989.

Trước hết là đặt tên : Chùa Phật Quang (ánh sáng của Đức Phật) và bầu Ban Chấp Hành. Hội Trưởng: Thệ Tọa Thích Tánh Thiết, Tổng Thư Ký: ĐH Văn Tấn Viên, Nghi Lễ : ĐH Phạm Hoàng, Thủ Quỹ: ĐH Nguyễn Văn Long. Xin chúc mừng Cộng đồng Phật Tử VN tại Valence và cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho mọi Phật sự từ nay sẽ có cơ hội tiến triển khả quan hơn nữa.

● Thuy Điển là một nước thuộc về Bắc Âu. Trong thời gian qua các Phật sự tại đây được sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Quảng Nhiên và việc chung lo Phật sự của các Đạo Hữu tại Malmö cũng như các vùng phụ cận. Vừa qua Đại Đức Thích Quảng Nhiên đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2533 năm vào ngày 5 tháng 5/89 có sự tham dự và chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển đến từ Tây Đức.

● Ngày 13 tháng 5 vừa qua tại Niệm Phật Đường Trí Thủ, dưới sự chủ trì của Đại Đức Thích Quảng Hiền, Đại Lễ Phật Đản 2533 đã được tổ chức vô cùng trọng thể tại Bern dưới sự chứng minh của T.T. Thích Minh Tâm, T.T. Thích Tánh Thiết, T.T. Thích Như Điển, Ni Sư Thích Nữ Như Tuấn, Sư Cô Trí Hải và Cô Trí Hiền.

Sau lễ chính thức là buổi giảng pháp của T.T. Thích Như Điển về ý nghĩa Đản Sanh của Đức Phật và sau đó là phần văn nghệ với sự cộng tác của nghệ sĩ Chí Tâm đến từ Paris cũng như ban văn nghệ địa phương. Có hơn 200 Phật Tử đã tham dự lễ này.

Ngày hôm sau T.T. Thích Như Điển đã hướng dẫn một khóa tu bát quan trai tại NPĐ Trí Thủ. Có khoảng 14 Phật Tử đã tham dự khóa Thọ Bát này.

● Ngày 28 tháng 5 vừa qua chùa Khánh Anh tại Pháp, dưới sự lãnh đạo tinh thần của T.T. Thích Minh Tâm đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2533 năm gồm 2 phần Nghi lễ cùng đường và Văn nghệ Phật Đản. Phần nghi lễ do sự chủ trì của chư

tôn Thượng Tọa Nam cũng như Bắc Tông tại Pháp, Đức, Hòa Lan, Thụy Sĩ. Phần Văn nghệ cùng đường do GEPT Quảng Đức phụ trách và Đoàn Cải Lương của nghệ sĩ Chí Tâm. Có khoảng gần 2.000 Phật Tử đã tham dự Đại Lễ Phật Đản năm nay.

● Ngày 10 tháng 6 năm 1989, ĐĐ. Thích Minh Giác tại Hòa Lan đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản tại Hoorn dưới sự chứng minh của T.T. Thích Minh Tâm và T.T. Thích Như Điển, chư Đại Đức, Tăng Ni tại Pháp và Đức. Buổi lễ đã quy tụ khá đông đủ bà con Phật Tử về tham dự.

PHẬT SỰ TRONG TÂY ĐỨC

■ Vào ngày 19.4.1989 vừa qua có vị khách tăng đến từ Hoa Kỳ. Đó là Hòa Thượng Thích Chơn Điển, viện chủ chùa Quan Âm tại Houston-Texas. Hòa Thượng đã lưu lại chùa Viên Giác 2 ngày và đã ban cho Phật Tử tại đây một thời pháp vô cùng quý báu.

■ Ngày 26 tháng 4; 11 tháng 5; 24 tháng 5; 7 tháng 6; 9 tháng 6 và 29 tháng 6 năm 1989, tại chùa Viên Giác đã tổ chức các khóa Thiển, tìm hiểu về người tỵ nạn Việt Nam, học Phật Pháp, dùng cơm chay v.v.. cho các học sinh của các trường trung học Đức tại Hannover, cho nhóm Lion Club và phân khoa Tôn giáo học của các sinh viên thuộc Đại học Hannover. Các buổi thuyết giảng này đã được T.T. Thích Như Điển trực tiếp hướng dẫn với sự hỗ trợ của Chú Thiện Tín và ĐH. Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp.

Nhiều người Đức đến chùa sau khi học hỏi đã phát tâm ăn chay và đi chùa thường xuyên cũng như tìm hiểu giáo lý Phật giáo nhiều hơn xưa.

■ Từ 28 đến 30 tháng 4 năm 89, Ban Huỳnh Trưởng GEPTVN tại Tây Đức đã tổ chức khóa Thi Huỳnh Trưởng Sơ Cấp Lộc Uyên II tại Nürnberg, T.T. Thích Như Điển, Ni Sư T.N. Diệu Tâm, Sư Cô T.N. Diệu Ân đã về chứng minh và hướng dẫn giáo lý trong khóa thi này. Ngoài Ban Huỳnh Trưởng GEPTVN tại

Tây Đức ra có khoảng 22 anh chị tân Huỳnh Trưởng đã tham dự và trúng cách trong khóa thi này. Đây là những kết quả cụ thể mà GEPTVN tại Tây Đức trong thời gian qua đã gặt hái được. Cũng không quên tán thán Chi Hội PTVNTN tại Nürnberg + Pürth + Erlangen và GEPT Chánh Dũng đã đứng ra bảo trợ cũng như tổ chức cho khóa huấn luyện này được thành công viên mãn.

■ Ngày 1 tháng 5 năm 1989, Ban Chấp Hành Hội PTVNTN tại Tây Đức cùng các Chi Hội địa phương đã họp tại Nürnberg dưới sự chứng minh của chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ để bầu chính thức thành phần Ban Huỳnh Trưởng của GEPT VN tại Tây Đức, gồm có những vị sau đây :

Trưởng Ban: Huỳnh Trưởng Nhứt Định Nguyễn Kim Sơn. Phó Trưởng Ban: HT Thị Lộc Võ Văn Mai. Thư ký kiêm tu thư: HT Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp. Thủ quỹ: HT Chúc Phước Trần Hữu Đức. Ủy viên Nghiên Huấn: HT Tâm Cừ Trương Tôn Châu. Văn mỹ nghệ: HT Tâm Bạch Trần Nguyễn Huyền Đan. Ủy viên báo chí và thanh niên: HT Thiện Căn Phạm Hồng Sáu.

■ Ngày 30 tháng 4 năm nay do Liên Hội Người Việt TNCS tại Tây Đức tổ chức biểu tình tại Bonn trước sự quán CSVN. Đại Diện cho Chi Bộ và Hội Phật Tử, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Ban Chấp Hành Hội PTVNTN tại Tây Đức đã tham gia cuộc biểu tình này.

■ Ngày 6 tháng 5 năm 1989 vừa qua Đại Đức Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa tại München -gladbach đã tổ chức lễ Phật Đản, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Thích Thiện Định đến từ Pháp, T.T. Thích Như Điển từ Hannover và chư Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ. Trong đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản quy tụ khoảng 400 Phật Tử tại địa phương và quanh vùng tham dự.

■ Ngày 7 tháng 5 năm 1989 tại München Niệm Phật Đường Tâm Giác đã tổ chức Lễ Phật Đản dưới sự chủ trì của T.T. Chi Bộ Trưởng. Sau thời thuyết pháp có lễ quy y Tam Bảo cho một số Phật Tử mới phát tâm. Buổi lễ có khoảng 100 Phật Tử về tham dự.

■ Cùng ngày trên Chi Hội PTVNTN tại Münster cũng đã tổ chức 1 buổi lễ Phật đản kỷ dưới sự hướng dẫn của ĐH Nguyễn Thông Võ Hữu Xán và ĐH Phó HTHPT Thị Minh Văn Công Trâm. Buổi lễ có đông đủ Phật Tử tham dự.

■ Ngày 13 tháng 5 vừa qua 10 Hội Phật Giáo gồm các nước Tây Tạng, Đức, Việt Nam, Thái Lan v.v.. đã tổ chức một Đại Lễ Phật Đản chung cho các Phật Tử tại Hamburg và vùng phụ cận. Đây là một hình thức tốt đẹp mà trong tương lai Phật Tử chúng ta tại Tây Đức cần thể hiện và tham gia Đại Lễ này. Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm trụ trì Báo Quang Ni Tự đã cùng với quý Cô, quý Chú và quý Phật Tử tham gia Đại Lễ trên.



Một lớp Thiển và Phật Pháp cho học sinh Đức



Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni chứng minh Đại Lễ Lễ Phật Đản, Phật lịch 2533, tại Chùa Viên Giác Hannover ngày 21.5.1989



Chánh điện Chùa Viên Giác đông đảo Phật Tử đang chấp tay thành kính hướng về Phật điện.

Buddhas Geburtstag

Asien — ein Stück liegt direkt vor der Haustür

WIRTSCHAFTSBEREICH
 Wie schon seit 2500 Jahren, so auch heute sind die asiatischen Märkte für die westliche Welt ein Magnet. Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Stück Asien liegt direkt vor der Haustür.

Asien ist der Weltmarkt der Zukunft. Die asiatischen Märkte sind ein Magnet für die westliche Welt. Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Stück Asien liegt direkt vor der Haustür.



Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Magnet für die westliche Welt. Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Stück Asien liegt direkt vor der Haustür.

Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Magnet für die westliche Welt. Die Zahl der Auswanderer ist stetig wachsend. Die asiatischen Märkte sind ein Stück Asien liegt direkt vor der Haustür.



Mit einem Lächeln auf den Lippen begrüßt der Mönch die Gäste. Foto: Spilker



In dieser vorläufigen Phase können die Zuhörer zu den letzten Gedanken kommen.



Feierliche Atmosphäre bei der Zeremonie in der Pappel. Kinder spielen auf dem Boden, während ihre Mütter den Vätern die Hände waschen.



Ban Văn Mỹ Nghệ GEPT Chánh Niệm thuộc Chi Hội PTVN ty nạn tại Bálính đang hát Quốc Ca, Phật Giáo VN khai mạc đêm văn nghệ cúng dường Phật Đản trong đêm 20.6.89 tại Niedersachsen Halle



Thủ Tướng tiểu bang Niedersachsen, Dr. Ernst Albrecht, đang cho "lì xì" cho lân Viên Giác. Euro-Treff, tại Goslar ngày 10 đến 11.6.1989.



Thủ Tướng niềm nở đến bắt tay thân mật với các thiếu nữ trong đội vũ của GDPT Tâm Minh.

■ Ngày 14 tháng 5 tại Bảo Quang Ni Tự, dưới sự chủ trì của Ni Sư T.N. Diệu Tâm, đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản 2533 năm. Có hơn 100 Phật Tử quanh vùng về tham dự.

■ Từ 20 đến 21 tháng 5 năm 1989 là lễ Phật Đản do chùa Viên Giác tại Hannover tổ chức dưới sự chứng minh của T.T. Thích Minh Tâm (Pháp), T.T. Thích Như Điển (Đức), Đ.D. Thích Minh Giác (Hòa Lan), Đ.Đ. Thích Quảng Hiến (Thụy Sĩ), Đ.Đ. Thích Minh Phú, Thầy Thích Thiện Sơn, Ni Sư T.N. Diệu Tâm, Sư Cô T.N. Diệu Ân, Sư Cô T.N. Diệu Hạnh, Sư Cô T.N. Minh Loan cùng với quý Cô, quý Chú. Buổi lễ quy tụ khoảng 3.000 Phật Tử tham dự, đến từ các tiểu bang trên nước Đức và một vài nước Âu Châu.

Trong đêm văn nghệ cúng dường Đại Lễ, Chi Bộ và Hội Phật Tử đã vận động chữ ký để gọi cho Liên Hiệp Quốc sẽ nhóm họp tại Genève vào ngày 13 và 14 tháng 6 sắp tới về việc người tỵ nạn tại các trại Đông Nam Á và đã lạc quyền cứu trợ cho đồng bào tại trại tỵ nạn Ban-thad Thái Lan. Số tiền thù được trong đêm văn nghệ là 2.000.-DM. Cộng thêm 3.000.-DM trong quỹ giúp người tỵ nạn của Chi Bộ và 1.375DM của đồng bào miền Trung Nam Đức. Số tiền 6.375.-DM này đã được gửi đến Sư Cô Từ Ngọc tại Thái Lan nhờ chuyên giúp và các chi tiết sẽ được tường thuật đầy đủ trong Viên Giác số tới.

Nhân Lễ Phật Đản năm nay, đúng vào ngày rằm tháng tư, chùa Viên Giác đã khởi công xây cất, sau bao nhiêu năm tháng chờ đợi. Phật Tử đã vô cùng phấn khởi khi về tham dự Phật Đản và thấy được điều này (xin xem thêm chi tiết trong bài viết về "Diễn tiến xây chùa Viên Giác" trong số này).

■ Ngày 3 tháng 6 năm 1989 tại Pforzheim, Sư Cô T.N. Minh Loan đã tổ chức kỷ niệm Đại Lễ Phật Đản 2533 năm dưới sự chứng minh của chư T.T., Đại Đức Tăng Ni trong Chi Bộ và sự tham gia đông đủ của đồng bào Phật Tử địa phương cũng như vùng phụ cận. T.T. Thích Như Điển đã về tham gia đại lễ này.

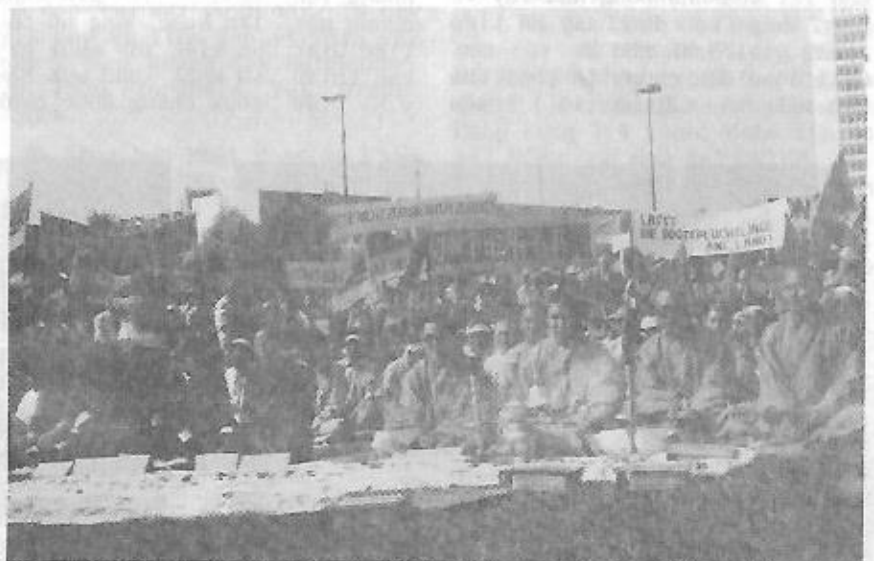
■ Từ 9 đến 11 tháng 6 năm 1989 tại chùa Viên Giác, Phật Tử Thiện Tâm Hugo đã tổ chức một khóa thiền, khí công, và võ thuật cho các môn sinh người Đức. T.T. Thích Như Điển đã hướng dẫn về Thiền và BH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp đã thuyết trình cho các môn sinh Đức nghe về giáo lý căn bản của Đạo Phật.

■ Vào 2 ngày 10 và 11 tháng 6 năm 1989, văn phòng chính phủ tiểu bang Niedersachsen đặc trách người ngoại quốc đã tổ chức "Ngày Họp Mặt Âu Châu" (Euro-Treff) tại Goslar. Văn phòng đã mời Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội PGVN của chùa Viên Giác đóng góp cho chương trình văn hóa của ngày này. Thế theo lời mời BH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp, điều hành trưởng Trung Tâm, đã hướng dẫn đội lân và vũ của GDPT Tâm Minh tham dự. Có khoảng 120.000 người đã tham dự 2 ngày trên. Những màn vũ và múa lân đã được mọi người tán thưởng nhiệt liệt.

Nhân dịp này, GDPT Tâm Minh cũng đã thực hiện 2 buổi sinh hoạt (picnic) ngoài trời tại Goslar thật vui vẻ.

■ Ngày 13 và 14 tháng 6 năm 89 là ngày mà các quốc gia thân nhân người tỵ nạn nhóm họp tại trụ sở Liên Hiệp Quốc Genève, Thụy Sĩ. Trong phiên họp này các quốc gia sẽ quyết định về số phần của những đồng bào còn ở lại tại các trại Đông Nam Á Châu. Vì thế đại diện Chi Bộ cũng như Hội PTVNTN tại Đức đã đến Thụy Sĩ tham gia biểu tình và tuyệt thực nhằm kêu gọi thế giới đứng gởi người tỵ nạn trở lại Việt Nam. Vì rất nguy hiểm đến tánh mạng của họ.

■ Ngoài những lớp học Phật cho người Đức cũng như các trường học Đức được tổ chức tại chùa Viên Giác, những hiệp hội và các trường học ở xa cũng đã mời chùa đến thuyết giảng về những đề tài Phật Pháp hoặc Văn Hóa VN. Vào ngày 19 tháng 6/89, BH Thị Chơn đã thay mặt Thượng Toạ trụ trì đến trường Trung học Vorsfelde ở Wolsburg, cách Hannover khoảng 80km, để giảng cho các học sinh lớp 9 và lớp 12 của trường về Phật Pháp cũng như chiếu những Dias về đề tài này; gồm những hình ảnh về cuộc đời của Đức Phật, Văn hóa Phật giáo và Việt Nam.



Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni tại Pháp, Đức và Quý Cha đang tuyệt thực trước trụ sở của LHQ tại Genève, ngày 13.6.1989

diễn tiến việc xây Chùa Viên Giác



Vị khách Tăng người Népal chụp hình lưu niệm với Thượng Tọa trú trì Chùa Viên Giác trong công trường xây cất Tân Viên Giác tự.
(Hình ngày 19.6.1989)

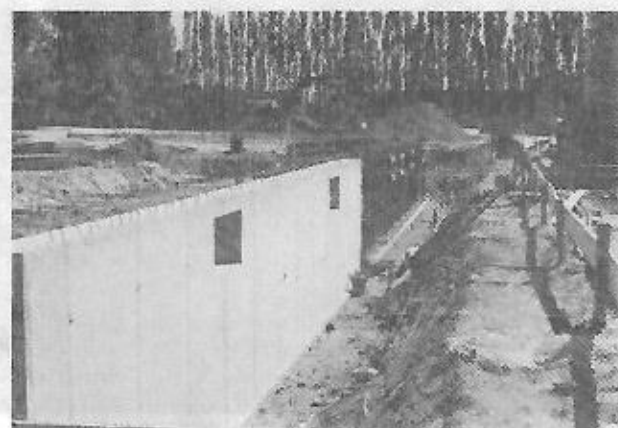
Hơn mấy năm nay chùa Viên Giác đã vận động việc mua đất cất chùa và sau bao nhiêu tháng ngày chờ đợi nay đã chính thức khởi công xây cất vào ngày rằm tháng tư năm Kỷ Ty - Ngày Đức Phật giáng sinh lần thứ 2533 năm. Hôm nay chúng tôi xin viết một bài tường thuật ngắn về vấn đề này và mỗi số báo Viên Giác sẽ tiếp tục trình bày những diễn tiến của việc xây chùa để các Phật Tử ở xa có thể theo dõi được.

Sau khi khảo giá 7 hãng thầu của Đức, Pháp và Trung Hoa, chúng tôi đã chọn được một hãng xây cất của người Đức tại Hannover, mà hãng này năm cũng không xa nơi xây cất chừng 500 thước. Đây có lẽ cũng là một nhân duyên mà chư Phật, chư Bồ Tát và LongThần Hộ Pháp gia hộ cho vậy. Lại nữa, chùa mới cũng chỉ cách xa chùa cũ có một con đường nhỏ, tiện lợi moi bể trong khi xây cất. Ấy chẳng phải là một nhân duyên đã được sắp đặt trước sao? Và chẳng "hữu cầu tất ứng"?.

Nhà thầu này sẽ xây cất phần Keller (tầng hầm) của nhà Đông, nền móng chánh điện và cả 2 tầng chánh điện vào đợt đầu. Đến tháng 12 năm này (1989) là xong phần Rohbau (khung sườn chùa, có tường vách, tô hồ). Phần còn lại của nhà Đông, nhà Tây và bảo tháp sẽ được xây kế tiếp trong giai đoạn thứ 2. Giai đoạn đầu chúng ta phải trả cho việc xây cất này là 1 triệu

400 ngàn DM trong thời gian từ tháng 5 năm 89 này đến tháng 5 năm 1990. Đứng ra chúng ta phải trả hết số tiền này khi chánh điện được xây xong vào tháng 12 năm này; nhưng chúng tôi đã thương lượng với chủ thầu sẽ chia ra trả trong từng tháng một và kéo dài cho đến tháng 5 năm 1990. Số tiền cúng dường và cho mượn Hội Thiện của Phật Tử khắp nơi cho đến nay đã được hơn 600.000 DM. Còn gần 800.000 DM nữa chùa phải trả cho chủ thầu từ nay cho đến tháng 5 năm 1990. Vì vậy chúng tôi mong rằng quý Đạo Hữu và quý Phật Tử gia tâm cho chùa mượn cố phần Hội Thiện để công việc này chóng hoàn tất. Mỗi cố phần 1.000 DM. Nếu quý vị không có đủ một lần, xin gởi làm nhiều lần. Nếu quý vị nào cần lai sớm, chùa cũng có thể hoàn lai trước theo yêu cầu của quý vị và cũng không nhất thiết là phải trả theo việc rút thăm vào Phật Đản năm 1991. Quý vị cũng có thể ủng hộ việc xây chùa bằng cách đóng đinh kỳ như những lần trước, hoặc gia cúng dường một lần hoặc ủng hộ bảo Viên Giác cho việc xây chùa hay các thiện sự khác như mua hàng v.v... để chùa chóng được hoàn

thành. Mọi công đức ấy, xin hồi hướng lên Tam Bảo chứng minh và gia hộ cho hữu duyên của quý vị được vạn sự kiết tường như ý. Giai đoạn thứ 2 là xây nhà Đông, nhà Tây và bảo tháp phí tổn khoảng 600.000 DM nữa. Giai đoạn này chỉ thực hiện được, sau khi giai đoạn một đã xong. Bây giờ đến tháng 12 năm 1989 là xong phần chánh điện; nhưng phần trang trí bên trong như điện, Gas, nước, cửa sổ v.v... phải kéo dài trong nhiều tháng. Vì những phần này do các Phật Tử của chúng ta đóng góp công sức vào tự làm, để đỡ tốn hao cho chùa. Vì những phần chính hãng thầu đã làm hết, chúng ta chỉ cần làm những phần còn lại mà thôi. Nếu chúng ta đầy đủ điều kiện tài chánh thì việc xây cất không có khó. Chỉ cần thời gian trong 1 đến 2 năm là xong hoàn toàn; nhưng vì chúng ta chưa đủ phương tiện, vì thế phải cần nhiều năm tháng hơn. Do đó chúng tôi xin kêu gọi quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần kiên nhẫn và phát tâm để đại sự của chúng ta sớm viên thành.
NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỔ TÁT MA HA TÁT.



Bức tường hầm nội đường đã được đúc xong
(Hình ngày 19.6.1989)



Đóng ván khuôn chuẩn bị đổ bê tông xây Chánh Điện
(Hình ngày 19.6.1989)

THÔNG BÁO

● Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ I

Thời gian: Từ thứ sáu 14.7.1989 đến chủ nhật 23.7.1989.

- Thứ sáu: Tiếp nhận học viên và sắp xếp chỗ nghỉ.

- Thứ bảy: Khai giảng khóa tu học. Đại Lễ Vu Lan năm nay sẽ được tổ chức trong thời gian khóa tu học. Chương trình chi tiết Đại Lễ Vu Lan sẽ được thông báo sau.

- Ngày cuối của khóa tu học sẽ có một buổi tham quang thắng cảnh Hòa Lan.

Địa điểm: Vormingscentrum "De Glind", Postweg 65,3794 MK De Glind * Hòa Lan. Điện thoại trong thời gian tu học: 03425 - 1510.

Ghi danh tu học: Tất cả mọi người đều có thể ghi danh tham dự khóa tu học Phật Pháp Âu Châu Kỳ I bằng hai cách: Chính Thức hoặc Dự Thỉnh - Học viên chính thức: Tu học và ăn ngủ tại trung tâm.
- Học viên dự thỉnh: Chỉ tham dự các khóa tu học.

1. Ghi danh: Học viên muốn tham dự khóa tu học có thể ghi danh nói Quý Thầy tại Chùa, Niệm Phật Đường hoặc Hội Phật Giáo nơi mình cư ngụ

Đại Đức Thích Minh Giác:

Tel 02290 - 39478

Anh Đỗ Đức Hiến:

Tel 02290 - 40167

2. Lệ phí tu học: Lệ phí tu học cho mỗi học viên tham dự Khóa Tu Học là 250 Gulden hay 130 \$US.

3. Thời hạn ghi danh: Kể từ hôm nay đến ngày khai giảng.

4. Đóng lệ phí: Các học viên tham dự khóa tu học có thể đóng lệ phí bằng cách chuyển tiền vào giro của Hội Phật Giáo tại Hòa Lan.

Stichting V.B.S.N.

* Gironummer: 5030958.

Dụng cụ cá nhân: Nói tu học sẽ có đủ mền và gối. Học viên có thể tự mang theo tấm trải giường và bao áo gối. Nên mua bảo hiểm sức khỏe nơi mình cư ngụ và mang theo giấy chứng nhận bảo hiểm sức khỏe. Nếu quý vị nào có áo tràng và bộ vật hồ thì nên mang theo. Tập và viết để ghi bài, vệ sinh cá nhân.

Đến De Glind:

- Từ A28 Utrecht/Zwolle, bạn rẽ hướng Amersfoort(C) Hoevelaken. Sau khi xuống xe lộ sẽ có bảng chỉ Achterveld, trên đường bạn đi Achterveld sẽ gặp De Glind.

- Từ A1 Hilversum/Apeldoorn, bạn rẽ hướng Zwolle/Utrecht (A28) và sau đó đi hướng Utrecht, trên đường rẽ vào Amersfoort(C)/Hoevelaken, sau khi xuống xe lộ sẽ có bảng chỉ Achterveld. Trên đường đi Achterveld sẽ gặp De Glind.

- Từ A12 Arnhem / Gouda, A20 Rotterdam, A15 Doetinchem/Ridderkerk, A27 Breda, A2 Eindhoven đi hướng Utrecht/Amersfoort (A28) và sau đó rẽ hướng Amersfoort (C)/Hoevelaken, sau khi xuống xe lộ sẽ có bảng chỉ Achterveld và trên

đường đi Achterveld sẽ gặp trung tâm De Glind.

Ghi chú: Sau khi xuống xe lộ Amersfoort/Hoevelaken bạn sẽ thấy bảng chỉ dẫn bằng lá cờ Việt Nam được dán trên trụ đèn theo hình mũi tên, từ đó bạn có thể đến địa điểm dễ dàng.

- Trong trường hợp bạn đi bằng xe buýt hoặc xe lửa đến ga Amersfoort. Hãy gọi điện thoại cho trung tâm sẽ có người ra đón (Tel. 03425-1510) - Giờ khởi hành của xe lửa từ Phi trường Schiphol - Amsterdam - Amersfoort. Từ phi trường Schiphol có xe lửa đi thẳng đến Amersfoort qua Amsterdam.

Schiphol : 7.21 - 7.33 - 7.51 - 8.04 - 8.21 - 8.35

Amsterdam: 7.43 - 8.02 - 8.13 - 8.32 - 8.43 - 9.02

Amersfoort: 8.29 - 8.36 - 8.59 - 9.06 - 9.29 - 9.36

Sau 8.35 cách 1/2 giờ 1 chuyến Địa chỉ liên lạc: * Hội Phật Giáo VN tại Hòa Lan - Niệm Phật Đường Niệm Phật - Đại Đức Thích Minh Giác, ketellapper 42 - 1625 WE Hoorn Hòa Lan.

* Anh Đỗ Đức Hiến, watermolen 6-1622 LG Hoorn Hòa Lan.

● Chùa Thiện Hòa tại Wilhelm Strausstr.70, 4050 Mönchengladbach (Rheyt). Tel. 02166-611379 dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Minh Phú trong thời gian mấy năm qua đã sinh hoạt tạm tại địa điểm này; nhưng vì quá chật chội và đôi khi cũng bị đông đảo đến dự lễ. Do đó Đại Đức Thích Minh Phú quyết định sẽ mua lại một ngôi nhà cũ rộng rãi và tiện lợi hơn để làm nơi thờ Phật. Vậy mọi sự hỷ cúng, xin quý vị liên lạc về địa chỉ trên.

● Chùa Khánh Hòa trước đây ở tại Rottershausen nay đã được Sư Cô T.N. Minh Loan dời về địa chỉ mới dưới đây. Từ nay xin quý vị liên lạc về địa chỉ này: chùa Khánh Hòa, Luisenstr. 28, 7530 Pforzheim. Tel. 07231-15004.

● Khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ I sẽ được tổ chức tại Hòa Lan từ ngày 14 đến 23 tháng 7 năm 1989. Quý vị tại Tây Đức muốn tham dự khóa này, xin liên lạc về chùa Viên Giác để biết thêm chi tiết.

● Đại Lễ Vu Lan năm nay chùa Viên Giác sẽ tổ chức từ 18 đến 20 tháng 8 năm 1989 tại Chùa. Đặc biệt năm nay có thuê Hội trường rộng rãi hơn mọi năm và tương cái lương Tế Công Hòa Thương (hay Tế Điện Tăng) sẽ do đoàn cải lương của nghệ sĩ Chí Tâm từ Paris đến trình diễn. Kính mong quý vị dành thì giờ để về chùa tham gia đại lễ.

● Thư viện của chùa Viên Giác vẫn cho các độc giả tại Tây Đức mượn sách. Quý vị nào cần, xin liên lạc về chùa để biết thêm chi tiết.

● Quý vị độc giả báo Viên Giác khi thay đổi địa chỉ mới, xin viết về chùa cả địa chỉ cũ lẫn địa chỉ mới và tên họ người nhận báo, để văn phòng để điều chỉnh hồ sơ. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

GIỚI THIỆU

● SANG NHÀ HÀNG

Muốn sang nhượng lại Nhà Hàng 70 chỗ ngồi tại phố Mönchengladbach, giá tiền rất thích hợp. Xin liên lạc địa chỉ China Restaurant CANTON, Lüpertzender Str.150, 4050 Mönchengladbach 1. ĐT. 02161-206405.

NHẮN TIN

● TÌM CHA

Vương Quốc Nam 9 tuổi, Vương Tuyết Mai 8 tuổi tìm cha Bác sĩ LOAN. Có ai biết xin liên lạc với Trần thị Hương hoặc Nguyễn thị Hương 8600 Theta 77034 N = 74 Houston Texas USA. Tel. 713-947-2481.

● TÌM ÔNG

Phạm Toàn Thắng tìm ông ĐUÔNG VĂN KÝ trước ở Gue-rickestr.19, 8000 München 40. Xin liên lạc về Ông Buôn Thanh Box 242 Vientian Lào hoặc anh Mã văn Yên Ulrich V.Hassellweg 7, 1000 Berlin 47. Tel.: (30) 6021876.

● TÌM THÂN NHÂN

Được tin anh Bé Ba con của dì Tư Tình và Huỳnh Trung con của dì Sáu Dê và hai Minh, cả hai là cháu ngoại Ông Tư Sấm quê ở Rach Bàng xã Đức Mỹ quận Càng Long Trà Vinh. Nghe tin cả hai hiện cư ngụ tại CHLB. Hãy tin về cho thân nhân là Nguyễn Ngọc Diệp con của Bùi thị Hai và Nguyễn văn Hạp hiện ngụ tại địa chỉ Gell'schestr.62b, 4040 Neuss Holzheim - West Germany. ĐT.: 02101-467966.

● TÌM BẠN

Tìm bạn: CHUNG XU HA trước ở Phan Hiến Đạo Mỹ Tho. Nghe nói đã định cư tại Tây Đức và học Đại học ở Đức. Các bạn sinh viên nào có quen anh Há xin nhắn giúp hộ. Xin liên lạc về địa chỉ Đỗ Đình Tham, Katzenbachstr.71, 7000 Stuttgart 80-West Germany. ĐT.: 0711-6855530 từ 9-12 giờ trong ngày làm việc

HỘP THỜ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua, Viên Giác đã nhận được những thư tín, tin tức, tài liệu và bài vở của quý vị và tổ chức hội đoàn dưới đây. Viên Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng những sáng tác của Văn, Thi Hữu gửi về, chúng tôi đã chuyển đến Ban đọc và chọn đăng. Xin cảm ơn và mong đón nhận thêm những sáng tác mới.

Nguyễn Việt Biểu (Hamburg), Mai Tiến Tiêm (Wiesbaden), Lê thị Bạch Nga (Canada), Nguồn Sống (Paris), Chí Tài Phòng (Berlin), Nguyễn thị Phương Tường (Braunschweig), Nguyễn Hữu Huấn (Hamburg), Nguyễn Ang Ca (Bỉ), Nguyễn Xuân Hòa (Pháp), Lê thị Bích Tiên (München), Quan (Eimeldingen), Lưu Hoảng Nguyễn (Australia), Lưu Nhơn Nghĩa (Australia), Văn Bút VN-Hải Ngoại (Québec), Huỳnh Dung (Thụy Sĩ), Tổng Hội Người Việt Quốc Gia (Thụy Sĩ), Thích Trí Chơn (Mỹ), Đỗ Cao (Pháp), Thanh Nguyên (Pháp), Phan Công Thành (Thụy Điển), Đóm Lửa (Speyer), Hà Ngọc Dư (Krefeld), Vương Thúy Liễu (Köln), Nguyễn Kết (Ban Mạch), Diễm Đan

Thanh Niên (Hamburg), Fédération des Réfugiés Vietnamiens en Europe (Pháp), Phan Quang Dân (Mỹ), Thiên Dũng (München), Phan Tiến Anh (Hòa Lan).

Ngoài ra trong thời gian qua, chùa Viên Giác đã nhận được những kinh, sách, báo chí của các chùa, các tổ chức, hội đoàn khắp nơi gửi về biểu. Viên Giác xin thành thật cảm tạ và xin trân trọng giới thiệu đến quý đọc giả xa gần.

Tây Đức : Măng Non Nr.37, Bản Tin Hamburg số 3+4, Bản Tin Tây Đức 4+5/89, Thông Tin ViDi số 3-4, Flüchtlinge Nr.1+2/89, Politik Nr.1/89, Das Beste Nr.5+6/89, Kháng Chiến số 87, Tây Đức Kiểu Báo số 189+190, Độc Lập số 4+5/89, Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.4+5/89, Bản Tin Cap Anamur 4+5+6/89, Woche im Bundestag Nr.7+8+9/89, Cao Đài giáo lý số 11/89, Hướng Việt số 6, Development and Cooperation Nr.2/89, Développement et Coopération Nr.2/89, Sinh hoạt công đồng 5/89, Chân Trời mới số 31, Dân Chúa Âu Châu số 82+83.
Pháp : Nhân Bản số 145+146, Khánh Anh số 38, Colloque sur les Droits de l'homme au Vietnam, Thông Luận số 15, Chiến Hữu số 43, Ái Hữu số 80+81, Bản Tin Khánh Anh số 4/89, Quê Mẹ 100, Thông Luận số 16, Hoảng Pháp số 54, Hiền Đạo số 1.

Hoa Kỳ : Phật Giáo Thống Nhất số 3 Hoa Sen số 6, Ch'an Magazine Nr.2, Đắc San Viên Văn Đông Dân Chủ cho VN, Chính Nghĩa Dân Tộc số 1+2+3, Chân Trời Mới số 30+31, Ch'an Newsletter Nr.71/89, Tự Do Dân Bản số 40, Đuốc Tỳ Bi số 34, Đắc San Phật Đản Chùa Phật T8, Phật Giáo VN số 68, Chính Nghĩa 4/89.

Canada : Pháp Âm số 4/89, Đắc San Bát Nhã, Liên Hoa số 62, Thiên Tôn số 7, Liên Hội số 28, Sen Trắng số 7. **Đài Loan :** Phật Giáo Hiện Đại số 95+96+97, Trung Ngoại số 394 và 395, Thường Lạc Ngã Tịnh - Hội Phật Giáo Thế Giới. **Bỉ :** Bản Tin Vượt Sóng số 76+77, Tuệ Giác số 14, Bản Tin Linh Sơn số 2. **Hòa Lan :** Việt Nam Nguyệt San số 61. **Úc :** Pháp Báo số 23. **Ban Mạch :** Bản Tin HPG.

Kinh, sách : Die Naturwissenschaften und die Lehre des Buddha (Dr. W.Kruckenbergh(Dức), Bayrische u.a. Sinnprüche (Đức), Nghi Thức Tung Niệm Hằng Ngày - Chùa Phật T8 (Hoa Kỳ), Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục-Thích Thiên Tâm - Niệm Phật Đứng Bờu Quang (Mỹ), Weltreligion (Đức) Ngựa h'ng trên đời cò, Cát vàng-Vi Khuê (Hoa Kỳ), Những bí ẩn lịch sử dưới chế độ Ngô Đình Diệm (Hoa Kỳ), Lương Hoàng Sám - TX Tỳ Bi Âm (Đức), Kinh Pháp Cú (Hoa Kỳ), Ba ngày luận đạo (Hoa Kỳ), Kinh Phật Di Giáo, Kinh Tứ Thập Nhị Chương-Chùa Pháp Hoa (Mỹ).

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông NGÔ QUANG HUY

thân phụ của ban Ngô Nguyên Dũng chủ biên hai báo "Độc Lập", "Măng Non", đã từ trần ở Việt Nam, thọ 86 tuổi.

Xin thành kính phân ưu cùng Bà quả phụ Ngô Quang Huy cùng tang quyến. Nguyên cầu hương hồn người quá vãng được tiêu diêu miền Cực Lạc.

Ông Bà Nguyễn Ang Ca
Tòa Soạn Viên Giác

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

Tính đến ngày 6.6.1989

Ấn Tống

BH Thiện Tấn Vũ Quang Từ (Seelze) 120DM/10 cuốn TMNT. Cồ Diệu Hiếu (Laatzten) 60DM/5 cuốn TM NT. BH Chung Thị Hồng (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Thiện Ý (Hannover) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Võ Ngọc Thanh (Norden) 20DM TMNT. BH Ấn danh (Ban Mạch) 300Kr/TM NT. BH Lý Kiến Không (Saarbrücken) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Tom Thomas (USA) 20US TMNT. BH Lâm Bích Trân (Nordenham) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Minh Tấn Lý Quốc Kinh (Rotenburg) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Minh Hiếu Lý Quốc Nghĩa (*) 120DM/10 cuốn. BH Diệu Hương Lý Tô Huệ (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Diệu Thông Lý Tô Hương (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Lý Thị Xuyên (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Châu Bảo Chương (Bayreuth) 24DM/2 cuốn TMNT. BH Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 60DM/5 cuốn TM NT. BH Nguyễn Thị Loan (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Trần Văn Búp (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Tâm (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Thu Hà (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Đỗ Thị Thuần (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Lâm Thu Huệ (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Thu (*) 100DM/8 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Hoa (*) 50DM/4 cuốn TM NT. BH Nguyễn Thị Thiệp (*) 50DM/4 cuốn TMNT. BH Trần Thị Hồng Sương (*) 10DM/1 cuốn TMNT. BH Lê Thị Giàu (*) 10DM/1 cuốn TMNT. BH Nguyễn Hữu Lạc (*) 10DM/8 cuốn TMNT. BH Phan Thị Lan (Berlin) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Hồ Sĩ Tiên (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Văn Hoàng (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Em (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Nguyễn Long Phi (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Phạm Thị Tâm (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Nguyễn Thị Thân (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Phạm Thị Chèo (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Lý Tâm (*) 24DM/2 cuốn TM NT. BH Huỳnh Tường Hoàn (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Huỳnh Thị Chi (*) 24DM/2 cuốn TMNT. BH Lâm Liêng Nguyệt (*) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Cao Minh

Miền (*) 15DM/1 cuốn TMNT. BH Trinh Kim Mỹ (*) 15DM/1 cuốn TMNT. BH Nguyễn Văn Phó (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Lê Thị Mót (*) 60DM/5 cuốn TM NT. BH Triệu Thị Mầu (*) 30DM/2 cuốn TMNT. BH Nguyễn Văn Sáu (*) 30DM/2 cuốn TM NT. BH Đoàn Thị Luân (*) 24DM/2 cuốn TMNT. BH Cao Thị Chi (*) 120DM/10 cuốn TMNT. BH Lâm Anh (Heppen) 80DM/TMNT. BH Nguyễn, Thị Song (Berlin) 30DM/TMNT. BH Nguyễn Thị Út (Wetzlar) 100DM/8 cuốn TMNT. BH Trần Văn Biểu (Münster) 60DM/5 cuốn TMNT. BH Ấn danh (Pháp) 500FF/Kinh Pháp Hoa. BH Võ Phước Nguyễn (Unna) 30DM. BH Cao Thị Yến (Berlin) 20DM. BH Lê Thị Bích Tiên (München) 20DM. BH Đức Thị Hòa (Neunkirchen) 30DM. BH Nguyễn Hồng Kỳ (Pháp) 500FF /Kinh Pháp Hoa. BH Chánh Ngọc 20DM. BH Nguyễn Thị Giới (Bỉ) 200FB. BH Nguyễn Thị Hải (USA) 30US. BH Nguyễn Hữu Phong (Dillingen/Saar) 10DM. BH Trần Văn Nam (Pforzheim) 60DM/5 cuốn TMNT. C.A cho thân mẫu Liu tuổi Giáp Dần. BH Trần Sấm Sơn (Bad Homburg) 50DM/42 cuốn TMNT.

Tam Bảo

BH Bà Thị Mỹ Hồng (Oberhausen) 20DM. BH Xú Xích Lương (Stadthagen) 50DM. BH Vương (Wuppertal) 20DM. BH Võ Văn Long (Aschaffenburg) 250DM HHL. BH Đinh Thị của tuần Đại tướng. BH Trang Bửu Cầm (Göblenz) 50DM. BH Tăng Tiểu Bích (*) 20DM. BH GDBH Quách 90DM. BH Trang Quỳnh Hào (Hamburg) 40DM. BH Vương Quan Sen (Dorsten) 10DM. BH Tony (Wuppertal) 20DM. BH Nguyễn Thanh Hải (Schwab. Gmünd) 50DM. BH Trần (Köln) 110DM. BH Trí Ngọc (Laatzten) 20DM. BH Lâm Văn Nam (Berlin) 20DM. BH Phạm Thị Đợi (*) 400DM. Võ Linh Lạc (*) 50DM. BH Thiên Hiếu (*) 50DM. BH Ngô Thị Thương (*) 50DM. BH Nguyễn Ngọc Hùng (Minden) 20DM. BH Nguyễn Văn Anh (Holland) 50Guld. Regiionskurs 13 Jg. Gymnasium (Laatzten) 30DM. BH Trinh Văn (Idar-Oberstein) 20DM. BH Tô Khải Đức (Schweinfurt) 10DM. BH Ấn danh (Reutlingen) 20DM. Volkshochschule (Hannover) 80DM. BH Thiện Lễ + Giác Phở (Berlin) 200DM. BH Bửu Trì (T.S) 50DM. BH Diệp Năng Tài (Fürth) 20DM. GDBH Huỳnh Thành (Nürnberg) 60DM. BH Nguyễn Tinh (Fürth) 10 DM. BH Diệu Hương (Erlangen) 100DM. BH Diệu Thiên (*) 20DM. BH Diệu Tinh (Fürth) 30DM. CHEPTVN TN (Nürnberg) 50DM. BH Tô Thành Quy (Bayreuth) 50DM. GDBH Quảng Phước Phạm Thị Hiền (Minden) 100DM HHL. BH Bùi Thị Phụng Pd Tâm Thơ (Hố Hố Thị Mai (Pháp) 100FF. BH Trần Thị Thập (Nordhorn) 50DM HHL. BH Nguyễn Văn Bé. BH Đặng Thị

THÔNG BÁO

Cúng dường định kỳ xây Chùa VIÊN GIÁC, kính xin Quý vị đến nhà Bank của Quý vị làm đơn chuyển tịnh tài theo lối:

DAUERAUFTRAG

vào trường mục của Chùa như sau:

Congregation der Vereinigten Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Deutsche Bank Hannover
Bankleitzahl: 250 700 70
Konto-Nr.: 8657470 01

Xin cảm tạ Quý vị.

Chùa VIÊN GIÁC -Hannover.

(Sindelfingen)400DM. BH Trinh Thi Anh 100DM. BH Na Kim (Hoban)50Guld. BH Nguyễn Minh Trí (München)500DM. BH Tôn Thát Phương 300DM. BH Nguyễn Thị Kim Chi (Pháp)100DM. BH Thiên Chân Vũ Bá Cự (Sindelfingen)300DM. BH Thiên Xuân Vũ Đức Huỳnh Như (")80DM. BH Diệu Giác (Berlin)1.000DM. BH Châu Báo Chương (Bayreuth) 50DM. BH Nguyễn Trí & Nguyễn Tú (Uisingen) 600DM. BH Nguyễn Đình Phương (Stuttgart)50DM. Cô Diệu Niên (Hannover)180DM. BH Thiên Tân Lê Đình Tân (München)200DM. BH Quan Đoàn (Pforzheim)100DM. BH Rattanavong (Kiel)100DM. GBH Dr. Bùi Hạnh Nghi (Frankfurt)500DM. GBH Trần (")400DM. BH Diệu Khánh & Phạm Văn Tùng (M' Gladbach)1.000DM. BH Trần Hiền (T. S.F)500 FS. BH Đỗ Thị Hiền (")1.000FS. BH Cao Siêu Hân (Marzburg)10DM. BH Trần Anh Tuấn (Hannheim) 10DM. BH Anh Em (Ludwigshaven)10DM. BH Trịnh Quốc Trọng (Hannheim)20DM. BH Lương Khang (Ulm)70DM. BH Nguyễn Thị Thương (Stuttgart) 10DM. BH Nguyễn Hữu Vương (")20DM. BH Nguyễn Thị Nga (")20DM. BH Huỳnh Diên Hùng (Ulm)20 DM. BH Nguyễn Xuân Phúc (Hannheim)10DM. BH Lê Thanh Long (")20DM. BH Nguyễn Gia Trung (") 20DM. BH Nguyễn Văn Phú (Pforzheim)20DM. BH Lạc Đức Dũng (")60DM. BH Bùi Anh Tuấn (Ludwigshaven)10DM. BH Nguyễn Đức (Ludwigshaven) 20DM. BH Lê Phước Hoàn (")20DM. BH Hà Văn Hưng (Reutlingen)20DM. BH Ngô Văn Thấu (Mannheim) 20DM. Quý BH ở Mannheim : Trịnh Trương Đình - Vũ Tuấn Khanh - Hoàng Văn Đoàn - Trương Thụ Nga - Lê Bảo Phúc - Phan Văn Nam - Nguyễn Thị Mỹ Hằng - Phan Thị Thanh Mỹ - Trịnh Ngọc Tuấn - Phan Đình Du - Trần Thị Minh Nguyệt - Trịnh Văn Mến - Đào Đình Tâm - Lưu Danh Bình - Hoàng Quốc Văn - Nguyễn Xuân Thái - Trình Đức Phúc (Stuttgart) - Trần Văn Phước (") - Nguyễn Ngọc Khôi (") - Nguyễn Tấn Quang (") - Vũ Việt Hiền (") - Nguyễn Anh Minh (Neu Ulm) - Nguyễn Tấn Giang (") - Nguyễn Bằng Lộc (") - Nguyễn Thị Tường Vân (") - Phạm Thanh Duy (Frankfurt) - Nguyễn Đức Bình (Heilbronn) 379,06DM. BH Nguyễn Lương Quý (Stuttgart)1.000DM. BH Từ Lương (Berlin)1.000DM. BH Ân danh (")200DM. BH Đức Tâm (")100DM. BH Diệu Minh (")300DM. BH Diệu

Nai Tường (Helmstedt)100DM. BH Thiển Tài (Canada)60Can. BH Nguyễn Hữu Nghĩa (Weseling)200DM. BH Vạn Kim (Pháp)100FF. BH Phan Thị Ngọc Minh (")3.000FF. GBH Ngô Mỹ Châu & Goh Peng Hook (Hannover)2.000DM. Quý BH 110 DM. BH Thiên Hột (T. S.F)250DM. BH Dương Thị Hên 200DM. Chua Khánh Hòa (Pforzheim)500DM. BH Lê Nhất Hải (Maital)500DM. BH Nguyễn Trí & Nguyễn Tú (Uisingen)300DM. BH Nguyễn Thị Bảy (D. Nách)200DM. BH Rüpuk Rütteln (Henden)100 DM. BH Minh Ân Nguyễn Thị Long (Pháp)500FF. BH Tsang Pan Pin (Bielefeld)100DM. BH Phạm Văn Hưng (B)500FF. BH Vương Lý Minh Lang (Göttingen)50DM. Lion Club (Hannover)1.000DM. BH Ân danh (Sindelfingen)400DM. BH Cao Minh Dũng (Berlin)1.000DM. HHLEH Cao Văn Tân. BH Nguyễn Văn Mao (A)2.000Schilling. BH Thị Tâm Ngô Văn Phát (Lattzen)700DM. HHLEH Nguyễn Thị Càng Pd Diệu Linh. BH Huỳnh Quang Dạng 50DM.

Báo Viên Giác (Xây Chừa)

BH Dr. Phan Huy Oánh (Bonn)200DM. BH Lê Đại Trần (Frankfurt)200DM. BH Nguyễn Văn Minh (Wiesbaden)200DM. BH Bùi Văn Dân (Pháp)200DM. BH Sompheue Phiaphohdy (Garmertingen)200DM. BH Hứa Mỹ Hiền (Düsseldorf)200DM. BH Yvette Kuhl (Hamburg)200DM. BH Trương Mạnh Mai (T. S.F) 300DM. BH Nguyễn Thị Ngọc (")200FS. BH Đỗ Thuận Phát (Hannover)200DM. BH Sen Thị Hännigan (Frankfurt)200DM. BH Nguyễn Văn Tý (Haltigen) 200DM. BH Ân danh 200DM. BH Lê Trung Hiếu (Berlin)200DM. BH N. N. Cuong (Pháp)700FF. BH Phạm Thị Long (Pháp)400FF. BH Võ Hữu Trì (München) 200DM. BH Nguyễn Thị Yên (Nürnberg)200DM. BH Davant (Pháp)291,54DM. BH Nguyễn Thị Bé (Köln) 200DM. BH Lê Việt Thành (Berlin)200DM. BH Phạm Văn Móc (Langen)200DM. BH Trần Văn Minh (Hölan)220Guld. BH Lý Huỳnh Bá (Gelsenkirchen) 200DM. BH Ân danh (Reutlingen)200DM. BH Trần Minh Hữu (Hamburg)200DM. BH Phan Thị Long (Pháp)300FF. BH Thiển Lê & Giác Phó (Berlin) 200DM. BH Quảng Hiền Đào Hữu Chi (Hamburg) 200DM. BH Diệu Cao Nguyễn Thị Bé (")200DM. BH Nguyễn Đào Văn Công Tuấn (")200DM. BH Nguyễn Thị Bích Hương (B)2.000FF. BH Diệp Năng Tài (Fürth)200DM. BH Diệu Tinh Hoàng Thị Thùy (")200DM. BH Nguyễn Thị Hoa (Essen)200DM. BH Ân danh 200DM. BH Lê Thị Bích Tiên (München) 200DM. BH Nguyễn Xuân Phúc (Mannheim)200DM. BH Lê Văn Thân (Fürth)200DM. BH Phan Thị Diệu Anh (W. Dietrich)200DM. BH Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (München)200DM. BH Triều Roc Can (Wuppertal)200DM. BH Vũ Ngọc Bình (Nürnberg) 200DM. BH Dương Thị Liễu (Pháp)200DM. BH (Saarbrücken)200DM. BH Đặng Quốc Minh (M' Gladbach)200DM. BH Nguyễn Thị Hà (Berlin) 100DM. BH Nguyễn Xuân Phúc (Mannheim)200DM. BH Lê Chàng (Düsseldorf)200DM. BH Phan Thị Diệu Anh (Wiesbaden)200DM. BH Đàm - Nguyễn Văn Huệ (T. S.F)100FS. BH Bùi Hữu Chính (Brabant) 250DM. BH Bùi Hồng (Pháp)200DM. BH Vương Kim An (T. S.F)200FS. BH Diệu Thin (")200FS. BH Trần Xuân 200DM. BH Châu Lê Anh (Sweden)500Kr. BH Lý Thanh (")200DM. BH Tăng Phát Đâu (B)100DM BH Lê Huê (Ravensburg)200DM. BH Lý Sáp Múi (Wildbad)200DM. BH Ân danh (Schorndorf)200DM. BH Diệu Bình (Berlin)200DM. BH Diệu Minh (") 200DM. BH Từ Lương (")200DM. BH Tâm Bạch (") 200DM. BH Thiên Cự (")200DM. BH Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe)200DM. BH Nguyễn Văn Tra (Trois-singen)200DM. Sư Cô Trí Hạnh (T. S.F)100DM. BH Võ Văn Mai (Norden)200DM. BH Nguyễn Mạnh Thường (Norderstedt)100DM. BH Từ Thị Thu Hà (M' Gladbach)100DM. BH Đỗ Thị Bạch Yến (Hamburg)250DM. BH Hà Tú Anh (Münster)200DM. BH Trần Thị Thủy (München)200DM. BH Nguyễn Khắc Cấn (")150DM. BH Nguyễn Tấn Lê (Pforzheim)200 DM. BH Giang Lang Nga (Nürnberg)200DM. BH Phan Văn Hách (Sankt Augustin)200DM. BH Lê Thái (Krefeld)200DM. BH Nguyễn Thị Bạch Nga (Dortmund)200DM. BH Liễu Thị Hà (Braunschweig)200 DM. BH Võ Thị Minh Tiên (C)1000ckim. BH Nguyễn Thị Bảy (Krefeld)200DM. BH Ân danh (Münster)200DM. BH Khuê Cẩm Vân (Wiesbaden) 200DM. BH Châu Thành Lợi (")200DM. BH Lâm Anh (Bad Iburg)200DM. BH Thái Văn Tường (Wilhelms. haven)200DM. BH Ngô Thị Thắng (Frankfurt)200 DM. BH Nguyễn Văn Diên (Krefeld)200DM. BH Nguyễn Văn Minh (Steinfurt)100US. BH Giang Lăng Mai (Saarbrücken)200DM. BH Trần Thái Phi (Neuss)200DM. BH Đặng Văn Đình (Düsseldorf) 200DM. BH Ô Thị Bai (Baren)200DM. BH Lê Văn Mát (Pháp)200FF. BH Guyot Albert (")250FF. BH Kim (")300FF. BH Từ Thị Quê (")1.000FF. BH Nguyễn Thị Lương (B)1.000FF. BH Trần Quang Trung (Oberhausen)200DM. BH Trần Ngọc Bán (T. S.F)200DM. BH Đinh Thị Yên (Geltenkirchen)

200DM. BH Hoàng Hoa Hông (Leverkusen)200DM. BH Từ Thị Cự (Pháp)200FF. BH Phạm Hữu Châu (") 200DM. BH Lê Tô Quỳnh (B)4.000FB HHLEH Cao Kỳ Trần. BH Lê Văn Xuân Lan (Pháp)200DM. BH Hồ Tự Đức (Recklinghausen)200DM. BH Hà Thị Từ (Fürth)200DM. BH Phạm Thị Kim Thoa (Düsseldorf)200DM. BH Lê Thị Mèo (Essen)100DM.

Hội Thiện (Xây Chừa)

BH Trịnh Kim Sơn (Berlin)2.000DM/2HT. BH Ân danh (München)10.000DM. BH Văn Đình (Rotenburg)1.000DM/1HT. BH Trương Hương Két (T. S.F) 1.000DM/1HT. BH Thiên Nguyễn Lý Hùng Sơn (Stuttgart)1.000DM/1HT. BH Trần Từ Trinh (München)1.000DM/1HT. BH Peter Bambusch (Lebach)1.000DM/1HT. BH Nguyễn Thị Yên (Nürnb. berg)1.000DM/1HT. BH Nguyễn Minh Tân (Saarburg)1.000DM. BH Lê Thái Hương (Bremen)1.000DM /1HT. BH Nguyễn Thanh Hải (Berlin)1.000DM/1HT. BH Huỳnh Phú Cường (Leer)1.000DM/1HT. BH Nguyễn Văn Phong (Laatzen)1.000DM/1HT. BH Thiển Lê & Giác Phó (Berlin)2.000DM/2HT. Cô Diệu Nhứt & Giác Chánh (")2.000DM/2HT. BH Diệu Cao Nguyễn Thị Bé (Hamburg)1.000DM/1HT. BH Diệu Kim Hà Tú Anh (")1.000DM/1HT. BH Nguyễn Đào Văn Công Tuấn (")1.000DM/1HT. BH Từ Dung Đệ (")1.000DM/1HT. BH Diệu Anh Lương Thị Bạch Yến (")1.000DM/1HT. BH Diệu Tinh Hoàng Thị Thủy (Fürth)1.000DM/1HT. BH Hoàng Huy Hoàng (Hamburg)1.000DM/1HT. BH Thị Minh Văn Công Trâm Thị Văn Hồ Thy Kiều (Münster) 5.000DM/5HT. BH Võ Ngọc Huệ 1.000DM/1HT. BH Nguyễn Văn Tâm (Rassel)1.000DM/1HT. BH Trần Vĩnh Thái (Sweden)1.000DM/1HT. BH Chung Ly (Chung Văn Tý) (Saarbrücken)1.000DM/1HT. BH Ân danh (Hamburg)500DM/Đợt 1. BH Trần Phong Lưu (Saarbrücken)1.000DM/1HT. BH Lê Chàng (Düsseldorf)1.000DM/1HT. BH Lê Tân Tài (Bremen)1.000DM/1HT. BH Diệu Hải (Spaichingen) 1.000DM/1HT. BH Diệu Hạnh (Sindelfingen) 1.000DM/1HT. BH Liên Hương (Spaichingen)1.000 DM/1HT. BH Bùi Hữu Trương (Borken)1.000DM/1HT. BH Trinh Thị Diệp (Merzig)200DM/Đợt 1. BH Ân danh (Schorndorf)1.000DM/1HT. BH Ân danh (München)500DM/Đợt 2. BH Thiên Cự (Berlin)1.000DM /1HT. BH Tâm Bích (")1.000DM/1HT. BH Trịnh Kim Phương (")200DM/Đợt 1 & 2. BH Hồ Thị Hoa (")200 DM/Đợt 1 & 2. BH Trung Hiếu (")200DM/Đợt 1 & 2. BH Chung Phùng Nguyệt (")1.000DM/1HT. BH Hứa Ngọc Tai (Stadthagen)1.000DM/1HT. BH Nguyễn Văn Phương (Bresenwörde)1.000DM/1HT. BH Ân danh (Münster)1.000DM/1HT. BH Trần Văn Các (Bremen)1.000DM/1HT. BH Trương Giang (Münster)1.000DM/1HT. BH Mai Văn Tâm (Lüdenscheid-Bierbeun)1.000DM/1HT. BH Đặng Ngọc Trâm (Reutlingen)2.000DM/2HT. BH Nguyễn Hữu Hậu (Spaichingen)400DM/Đợt 1. BH Trần Hải Hoa (")1.000 DM/1HT. BH Huỳnh Thị Kiều Liên (München)1.000 DM/1HT. BH Huỳnh Tường Hoàn (Berlin)200DM/Đợt 1. BH Ngô Lãnh Yên (Pháp)3.000FF/1HT. BH Hồ Vũ Văn Nguyễn (")3.000FF/1HT. BH Đỗ Thị Giỏi (B) 1.000DM/1HT. BH Huệ Lạc (Berlin)100DM/Đợt 1. BH Nguyễn Bàn (Freiburg)1.000DM/1HT. BH Robert Sändig (Frankfurt)1.000DM/1HT. BH Trần Tú Trinh (München)1.000DM/1HT.

Hương Linh Ký Tự (Xây Chừa)

BH Nguyễn Thanh Tuy (Recklinghausen)300DM. HHBH Trần Xuân Nhuận. BH Thị Chon Ngô Ngọc Diệp (Garbsen)300DM. HHBH Nguyễn Thị Càng Pd Diệu Linh. BH Quảng Hiền Đào Hữu Chi (Hamburg)600DM. HHBH Đào Thanh Thủy & HHBH Đào Thị Minh. BH Lâm Yên Nga (Laatzen)300DM. HHBH Trần Thị Phùng. BH Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim)300DM. HHBH Đặng Tg Tho & H. Huỳnh Thị Hiền. BH Hồ Thị Dung (Norden)300DM. HHBH Trần Thị Song. BH Liễu Thị Từ (Göttingen)300DM. HHBH Trần Thị Xuân Mai. BH Võ Thị Ny (Wiesbaden)300DM. HHBH Đặng Thị Ty. BH Mai Thị Ôn (T. S.F)270FS. HHBH Hoàng Văn Mông. BH Phạm Văn Dũng (Hildesheim)600DM. HHBH Phạm Văn Bối & Nguyễn Thị Hiếc. BH Trần Hoàng Việt (Hannover)300DM. HHBH Nguyễn Văn Nhụ & Trương Thị Bông.

Mua Hậu Cho Người Quá Vãng (Xây Chừa)

BH Đặng Kỳ Dung (Quierschied)1.000DM. HHBH Trịnh Đông. BH Thiển Nguyễn Lý Hùng Sơn (Stuttgart)1.000DM. HHBH Lương Thị Giỏi. BH Đặng Thị Linh Thủy (Pforzheim)1.200DM. HHBH Đặng Tg Tho & Huỳnh Thị Hiền. GBH Trần Hồ (Sweden)3.500Kr. HHBH Trần Vũ. BH Đỗ Thị Lan 200DM/Đợt 1. HHBH Đỗ Tấn Sĩ. BH Đỗ Thị Hiền (Neunkirchen)1.000DM. HHBH Tôn Dị Hiền. BH

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa:

Cụ Bà NGUYỄN THI CANG
Pháp danh Diệu Linh

là thân mẫu và nội tổ của chúng tôi đã mệnh chung ngày 22 tháng 3 năm Kỷ Ty tại Việt Nam. Hưởng thọ 85 tuổi.

Trường Nam Thị Tâm Ngô văn Phát cùng vợ và các con tại Tây Đức. Nội tôn Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp cùng vợ và các con tại Tây Đức. Tang gia đồng khắp báo

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin thân mẫu của Đạo Hữu Thị Tâm Ngô văn Phát Hội Trưởng Hội PTVNTN tại Tây Đức và là nội tổ của Đạo Hữu Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

Cụ Bà NGUYỄN THI CANG
Pháp danh Diệu Linh
tạ thế ngày 22.3.Kỷ Ty tại Việt Nam. Hưởng thọ 85 tuổi.

Xin cầu nguyện hương linh Cụ Bà sớm cao đăng Phật quốc và thành kính chia buồn cùng GĐDH Thị Tâm Ngô văn Phát.

- Chi Bộ GHPGVN Tây Đức
- Chùa Viên Giác
- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác
- BCH Hội Phật Tử VNTN tại Tây Đức và các Chi Hội cũng như các GDPTVN tại Tây Đức
- Tòa soạn báo Viên Giác

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân mẫu của Đạo Hữu Thị Tâm Ngô văn Phát cũng là nội tổ của anh Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

Cụ Bà NGÔ VĂN NHI
Nhũ danh NGUYỄN THI CANG
Pháp danh Diệu Linh

đã thất lạc ngày 27.4.1989 tại Việt Nam, hưởng thọ 85 tuổi. Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình DH Thị Tâm Ngô văn Phát và DH Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp và thành kính cầu nguyện hương linh Cụ Bà sớm siêu sanh Lạc Quốc.

Chi Hội PTVNTN tại München & VPC
Hội Trưởng Nguyễn Thanh Liêm
GD. Nguyễn Hòa
GD. Nguyễn Hữu Huấn
GD. Tử Ngọc Phong
GD. Vũ Ngọc Long

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân mẫu của Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội PTVNTN/CHLB Đức

Cụ Bà NGÔ VĂN NHI
Nhũ danh Nguyễn Thị Cang
Pháp danh Diệu Linh

đã tạ thế ngày 27.4.1989 (nhằm ngày 22 tháng 3 năm Kỷ Ty) tại Saigon - Việt Nam hưởng thọ 85 tuổi.

Thay mặt Chi Hội PTVNTN/Saarland - Trier và VPC. Chúng tôi xin chia buồn cùng Hội Trưởng và tang quyến, xin nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm tiêu diêu miên Cực Lạc.

TM. Chi Hội PTVNTN
Saarland - Trier và VPC
Nguyễn Thanh Tâm

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ

- Linh mục Nguyễn Trung Diễm, Tuyên úy vùng Bắc Đức.
- Linh mục Rembert Panther, Chánh xứ Thánh Đường St. Agnes, Tonndorf, Hamburg.
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa Bảo Quang, Hamburg.
- Hội Người Việt Ty Nạn CS tại Hamburg.
- Chi Hội Phật Tử Hamburg.
- Công Đoàn Công Giáo Hamburg.
- Nhóm trẻ Hy Vọng Hamburg.
- Gia đình Vovinam Hamburg.
- Quý Ông Bà, thân bằng quyến thuộc, thân hữu xa gần đã điện thoại, chia buồn, thăm viếng, phụng dưỡng, giúp đỡ cùng hiệp ý dâng lời cầu nguyện trong Thánh Lễ an táng của vợ, mẹ, chi, em và nội, ngoại chúng tôi là

Bà NGUYỄN VIỆT BIỂU

Nhũ danh Maria Vũ Thị Thâm được Chúa gọi về ngày 6.4.1989, hưởng thọ 49 tuổi và tiến đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa trang Rahlstedt, Hamburg ngày 14.4.1989.

Nguyễn xin Thiên Chúa trả công bội hậu đến Quý Vị. Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều sơ sót, kính xin Quý Vị niệm tình tha thứ.

Chồng Nguyễn Việt Biếu

và các con các cháu

Anh Vũ Văn Tri (Việt Nam)
vợ và các con

Chị Vũ Thị Trâm (Việt Nam)
Chồng và các con

Em Vũ Văn Nghi (Hoa Kỳ)
vợ và các con

Em chồng Nguyễn Thị Lộc
chồng và các con.

CẢM TẠ

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ

- Thượng Tọa Thích Như Điển
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm
- Sư Cô Thích Nữ Diệu Ân
- Quý Chú và Quý Cô chùa Viên Giác, và chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ
- BCH Hội PTVNTN, các Chi Hội Phật Tử, Ban Huynh Trưởng GDPT và các GDPTVN tại Tây Đức
- Quý Cụ, quý Ông, quý Bà, Anh Chị em thuộc Chi Hội PTVNTN tại Hannover và GDPT Tâm Minh
- cùng quý Đạo Hữu và thân bằng quyến thuộc gần xa đã điện thoại giới thiệu chia buồn, phụng dưỡng cũng như đã hộ niệm, cầu nguyện cho hương linh của thân mẫu và nội tổ chúng tôi là

Cụ Bà NGUYỄN THI CANG
Pháp danh Diệu Linh
đã mệnh chung ngày 22 tháng 3 năm Kỷ Ty tại Việt Nam. Hưởng thọ 85 tuổi.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ suất, kính mong quý vị niệm tình hy thứ cho.

GD Thị Tâm Ngô văn Phát
GD Thị Chơn Ngô Ngọc Diệp

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau đớn và tiếc thương ban GIOAN-BAOTIXITA NGÔ NGOC VANG sinh ngày 24.2.1945 tại Hải Dương VN, cựu luật sư tòa án quân sự Saigon đã giả tử ban bè ra đi vĩnh viễn ngày 21.5.1989 tại Beckum CHLB/TĐ. Thành thật chia buồn cùng chi Vang và các cháu, nguyện cầu cho linh hồn anh sớm về với Chúa Kitô.

- GD Thiện Căn Phạm Hồng Sáu Lingen/Ems cùng những Gia Đình Phật Giáo và Công Giáo bạn của anh ở Bad Bentheim, Gronau, Rheine, Münster.

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động và tiếc thương em NGUYỄN VĂN BE (tự HIỂN) cùng vượt biên trên chuyến tàu 0702 đã tạ thế vào ngày 29.4.1989 tại Nordhorn CHLB/TĐ hưởng dương 37 tuổi.

Thành thật chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu cho linh hồn em mau siêu thoát về với Đức Phật A Di Đà.

- GD Phạm Hồng Sáu (Lingen/Ems)

nhớ mái Chùa xưa



LUYẾN TIẾC (Valse) Đô trưởng (C)

Ngày nào năm xưa hình bóng mái chùa , nắng tuối trên
sân dẹt vàng khóm hoa . Ngày nào ra đi liã mái ngói
xưa , với bao mắt xanh bày em đoàn ca . Phát
phối những chiều màu Áo Lam , những chiều đùa nắng
thơm với bao nụ cười thò ngày . Hôm nay xa
rỗi năm tháng qua bên lòng mang nhớ mong những khi
hợp siêng ngày xuân . Nhìn về phương xa hình bóng mái
chùa , nhớ bao em thò hồi chuông thoảng đùa .
Nhìn về phương xa lòng gửi nhớ mong , ước khi trở
về hoà chung tiếng ca ! Ngày nào năm..... ca !

Trích từ tuyển tập 99 bài ca sinh hoạt Gia Đình Phật Tử của Hàn Lệ Nhân sáng
tác và sưu tập do chùa Khánh Anh Paris xuất bản năm 1982 - Phật Lịch 2526 -